

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO LỘC BÌNH

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT
VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐÀO LỘC BÌNH

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT
VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS, TS. VŨ CÔNG GIAO

2. PGS, TS. NGUYỄN CẢNH QUÝ

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đào Lộc Bình', written in a cursive style.

Đào Lộc Bình

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	8
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	8
1.2. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	27
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI	32
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại	32
2.2. Chủ thể, nội dung, các hình thức và điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại	49
2.3. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo cho Việt Nam	68
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM	87
3.1. Thực trạng pháp luật trọng tài thương mại và những yếu tố mới ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam	87
3.2. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay và nguyên nhân	104
3.3. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại và nguyên nhân	137
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM	154
4.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam	154
4.2. Giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam	165
KẾT LUẬN	193
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	195
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	196
PHỤ LỤC	208

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu
EVIPA	Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KTTT	Kinh tế thị trường
RCEP	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand
THADS	Thi hành án dân sự
THPL	Thực hiện pháp luật
TTTM	Trọng tài thương mại
TTTT	Trung tâm trọng tài
TTV	Trọng tài viên
UNCITRAL	United Nations Commission On International Trade Law (Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc)
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VIAC	Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Biểu đồ 3.1. Quy mô các TTTT Việt Nam theo số lượng TTV	105
Biểu đồ 3.2. Số liệu cụ thể đánh giá phân cấp về trình độ của trọng tài	108
Bảng 3.1. Số lượng vụ việc trọng tài giải quyết giai đoạn 2014 - 2022	112
Biểu đồ 3.3. Số vụ tranh chấp VIAC thụ lý giai đoạn 2011 - 2022	113
Biểu đồ 3.4. Xu hướng yêu cầu Toà án hỗ trợ trong tổ tụng trọng tài	119
Biểu đồ 3.5. Số lượng yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	121
Biểu đồ 3.6. Số lượng yêu cầu thi hành án giai đoạn 2011- 2023	123

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Trọng tài có lịch sử hình thành từ rất sớm trên thế giới. Hình thức giải quyết tranh chấp này thậm chí xuất hiện trước khi có Nhà nước. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, trọng tài thương mại, với tư cách là một phương thức (hay cơ chế) giải quyết tranh chấp ngoài tòa án (phương thức giải quyết tư - phi nhà nước) và là một dạng thức trọng tài cơ bản, đã và đang góp phần quan trọng vào sự ổn định của hoạt động thương mại ở các quốc gia và trên phạm vi toàn cầu. Hiện nay, trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp được sử dụng phổ biến, nhất là ở những nước có nền kinh tế thị trường (KTTT) phát triển.

Ở Việt Nam, cùng với quá trình đổi mới đất nước từ 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN với trọng tâm là hệ thống pháp luật kinh tế, trong đó có pháp luật về trọng tài thương mại (TTTM). Luật Trọng tài thương mại (Luật TTTM) hiện hành được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010 đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá của pháp luật về TTTM của Việt Nam. Đạo luật này đã bước đầu bảo đảm sự tương thích giữa các quy định về TTTM với các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao tính khả thi của phương thức trọng tài trong thực tế hoạt động thương mại ở nước ta. Mặc dù vậy, vẫn cần có những nghiên cứu chuyên sâu về việc thực hiện pháp luật (THPL) TTTM ở Việt Nam, cụ thể vì những lý do sau:

Về mặt lý luận, THPL về TTTM là vấn đề quan trọng của quá trình THPL trong nền KTTT định hướng XHCN, vì thế cần được nghiên cứu làm rõ để bảo đảm triển khai hiệu quả trong thực tế. Tuy nhiên, hiện nay các công trình khoa học mới chủ yếu nghiên cứu các vấn đề lý luận về TTTM và pháp luật TTTM, chưa có những nghiên cứu đầy đủ, toàn diện, có hệ thống và

chuyên sâu về lý luận THPL trong lĩnh vực này. Vì vậy, nhiều vấn đề lý luận như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm THPL về TTTM vẫn chưa được làm sáng tỏ.

Về thực tiễn, Luật TTTM có hiệu lực từ ngày 01/7/2011, quá trình triển khai thực hiện đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Số lượng các trung tâm trọng tài (TTTT) được cấp phép thành lập ngày càng tăng; tổ chức và hoạt động của các TTTT từng bước được củng cố, kiện toàn đội ngũ trọng tài viên (TTV) ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là doanh nghiệp đã nhìn nhận và đánh giá tích cực vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; số lượng vụ việc tranh chấp mà các TTTT thụ lý giải quyết cũng tăng lên với tính chất ngày càng phong phú, đa dạng hơn...

Tuy nhiên, việc THPL về TTTM trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế, năng lực của các TTTT và chất lượng TTV vẫn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, số vụ tranh chấp thương mại được giải quyết bằng trọng tài mới chiếm tỷ lệ nhỏ (chỉ 11%, theo thống kê của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC), cộng đồng doanh nghiệp vẫn chưa xem trọng tài là sự lựa chọn ưu tiên khi phát sinh tranh chấp cần giải quyết. Điều này cho thấy việc THPL về TTTM ở nước ta vẫn chưa hiệu quả. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng ở nước ta, các tranh chấp kinh tế sẽ ngày càng nhiều và đa dạng hơn, đòi hỏi cần thúc đẩy những phương thức giải quyết tranh chấp nhanh gọn, hiệu quả ngoài Tòa án để ổn định và thúc đẩy hoạt động thương mại. Chính vì vậy, việc thực hiện hiệu quả pháp luật về TTTM có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế của nước ta hiện nay và trong thời gian tới.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài: ***“Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ luật học chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là phân tích làm rõ các vấn đề lý luận, đánh giá thực trạng THPL về TTTM, từ đó xây dựng các quan điểm và đề xuất những giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, đánh giá kết quả của các công trình nghiên cứu, từ đó xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, phân tích làm sáng tỏ cơ sở lý luận của đề tài nghiên cứu, bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chủ thể, nội dung, các hình thức và điều kiện bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam; kinh nghiệm THPL về TTTM ở một số nước trên thế giới mà Việt Nam có thể tham khảo.

Ba là, phân tích, đánh giá thực trạng THPL về TTTM ở Việt Nam; chỉ ra được những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó.

Bốn là, xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp cụ thể có tính khả thi nhằm bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là cơ sở lý luận và thực tiễn THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu việc THPL về TTTM ở Việt Nam dưới góc độ chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Bao gồm các vấn đề về chủ thể thực hiện, nội dung thực hiện, hình thức thực hiện và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam.

- *Về không gian*: Luận án nghiên cứu việc THPL về TTTM ở Việt Nam, việc đề cập đến kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới chỉ để tham khảo cho Việt Nam.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá thực tiễn THPL về TTTM ở Việt Nam từ năm 2011 (thời điểm Luật TTTM có hiệu lực) đến nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật; các quan điểm chỉ đạo của Đảng về hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức THPL nói chung, trong đó có THPL về TTTM nói riêng ở Việt Nam hiện nay.

Luận án chủ yếu tiếp cận dưới góc độ của chuyên ngành lý luận và lịch sử về nhà nước và pháp luật. Bên cạnh đó, nghiên cứu sinh cũng sử dụng một số lý thuyết về TTTM như là cách tiếp cận khi phân tích, đánh giá một số vấn đề cụ thể, đặc biệt là về nội dung và các phương thức THPL về TTTM.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp thống kê, phân tích tài liệu: Phương pháp này được áp dụng để phân tích cả tài liệu sơ cấp và tài liệu thứ cấp. Tài liệu sơ cấp bao gồm các văn bản pháp luật và văn kiện của Đảng có liên quan, các vụ việc, các số liệu thống kê chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như số liệu, tư liệu do tác giả tạo lập thông qua trao đổi, phỏng vấn các chuyên gia. Tài liệu thứ cấp bao gồm các bài báo, tạp chí, kết luận phân tích đã được các tác giả khác thực hiện.

Phương pháp tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng để tổng hợp các số liệu, tri thức có được từ hoạt động phân tích tài liệu. Việc tổng hợp nhằm mục đích đưa ra những luận giải, nhận xét và đề xuất của chính tác giả luận án đối với nội dung nghiên cứu.

Phương pháp luật học so sánh: Phương pháp này được áp dụng để nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài, qua đó rút ra bài học và lựa chọn những hạt nhân hợp lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh để áp dụng đối với THPL về TTTM của Việt Nam.

Phương pháp tham vấn chuyên gia: Phương pháp này được sử dụng để thu thập thông tin và ý kiến của những chuyên gia, các nhà khoa học đã và đang nghiên cứu về pháp luật TTTM. Phương pháp này được thực hiện thông qua việc tác giả luận án liên lạc trực tiếp với các chuyên gia, các nhà khoa học trong nước và liên hệ gián tiếp với các chuyên gia nước ngoài thông qua các cuộc hội thảo mà tác giả tham dự hoặc qua trao đổi bằng thư điện tử (Email).

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong các chương như sau:

- Trong Chương 1, tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh, phân tích, để đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan tới nội dung của đề tài THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay.

- Trong Chương 2, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để xây dựng các khái niệm, nghiên cứu các đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm THPL về TTTM. Bên cạnh đó, phương pháp luật học so sánh cũng được tác giả sử dụng trong chương này để nghiên cứu kinh nghiệm THPL về TTTM của một số nước trên thế giới và rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

- Trong Chương 3, tác giả chú trọng sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê và phương pháp tham vấn chuyên gia để nghiên cứu thực trạng pháp luật về TTTM ở Việt Nam, đánh giá kết quả đạt được và

những hạn chế của việc THPL về TTTM, tìm ra nguyên nhân của những kết quả, hạn chế đó.

- Trong Chương 4, tác giả sử dụng phương pháp tham vấn chuyên gia kết hợp phân tích, tổng hợp để đưa ra các quan điểm, giải pháp bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay.

5. Những đóng góp khoa học mới của luận án

Luận án là công trình khoa học chuyên khảo nghiên cứu một cách tương đối hệ thống, toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn của THPL về TTTM ở Việt Nam, luận án có những đóng góp khoa học mới sau đây:

- Luận án đã góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận của THPL về TTTM ở Việt Nam thông qua việc xác định và phân tích một cách hệ thống các vấn đề lý luận có liên quan, kế thừa, phát triển và đưa ra một số luận điểm độc lập về khái niệm, đặc điểm, vai trò, chủ thể, nội dung, các hình thức thực hiện và luận chứng về các điều kiện bảo đảm pháp luật về TTTM ở Việt Nam dựa trên thực tế trong nước và kinh nghiệm của một số quốc gia.

- Luận án đã góp phần xây dựng cơ sở thực tiễn để bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay, thông qua việc phát hiện và chỉ ra một cách rõ ràng, cụ thể những hạn chế trong THPL về lĩnh vực này; từ đó nêu ra những quan điểm khoa học có tính định hướng và đề xuất được những nhóm giải pháp có cơ sở khoa học, thực tiễn, có giá trị tham khảo trong việc bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần củng cố, làm phong phú thêm kiến thức lý luận về THPL ở Việt Nam, cụ thể là trong một lĩnh vực mới là TTTM. Thông qua luận án, cơ sở lý luận THPL về TTTM ở Việt Nam đã được làm sâu sắc hơn, đặc biệt là về những vấn đề như đặc trưng, vai trò, chủ thể, các yếu tố ảnh hưởng và điều kiện bảo đảm THPL về TTTM.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp căn cứ khoa học giúp các cơ quan nhà nước và tổ chức nghề nghiệp triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về TTTM ở Việt Nam.

Những tri thức, thông tin khoa học trong luận án cũng có giá trị tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu, giảng dạy về TTTM ở các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, đặc biệt là các cơ sở đào tạo nghiên cứu về luật, ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án được kết cấu làm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Trong những năm qua, vấn đề THPL nói chung và THPL về TTTM nói riêng đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Mặc dù hiện chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu, song đã có nhiều công trình có liên quan đến THPL về TTTM ở Việt Nam, tiêu biểu như sau:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về trọng tài thương mại và pháp luật trọng tài thương mại

- Sách Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại (2011), của Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải [50]. Nội dung của sách đề cập đến các vấn đề được điều chỉnh trong Luật TTTM năm 2010 và trong các văn bản khác như Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ước New York 1958 về công nhận, thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài. Đây là công trình nghiên cứu khá công phu, có tính hệ thống về những vấn đề pháp lý của TTTM. Trong từng nội dung cụ thể, cùng với việc phân tích các quy phạm pháp luật của Việt Nam (Pháp lệnh TTTM năm 2003 và Luật TTTM năm 2010), các tác giả đồng thời so sánh với quy định tương ứng trong các công ước quốc tế, Luật mẫu về trọng tài, pháp luật ở các quốc gia khác, kèm theo những minh họa, phân tích và bình luận các vụ việc thực tiễn. Do đó, cuốn sách có ý nghĩa tham khảo quan trọng đối với luận án cả về nội dung và phương pháp nghiên cứu.

- Sách chuyên khảo Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương thức giải quyết (2014)

của Nguyễn Ngọc Lâm [72]. Cuốn sách gồm 4 chương, trong đó Chương 4 tập trung phân tích phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng trọng tài với các nội dung: các hình thức trọng tài; thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài; thành lập Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp; tiến hành tố tụng trọng tài; công nhận và thi hành quyết định trọng tài. Nội dung của chương này có ý nghĩa tham khảo hữu ích đối với luận án, đặc biệt là trong việc làm rõ cơ sở lý luận của pháp luật và THPL về TTTM.

- Sách Pháp luật về trọng tài thương mại (2019), của Trần Minh Ngọc [79]. Sách gồm 4 chương và phần phụ lục, trong đó tác giả đã phân tích làm rõ nhiều vấn đề lý luận về TTTM, cụ thể như khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng TTTM, thẩm quyền của TTTM, quy trình tố tụng TTTM... Bên cạnh đó, sách đồng thời giới thiệu, phân tích so sánh quy định của Công ước New York, Luật Mẫu UNCITRAL và Luật trọng tài một số nước như Trung Quốc, Anh, Đức, Mỹ, Braxin, Ai Cập, Nga, Hàn Quốc... Những nội dung này của sách có ý nghĩa tham khảo quan trọng với nghiên cứu sinh trong việc xây dựng cơ sở lý luận về THPL về TTTM trong luận án.

- Sách Giáo trình pháp luật trọng tài thương mại (2021) do Đỗ Văn Đại chủ biên [97]. Cuốn sách đã khái quát một cách hệ thống, toàn diện và mang tính giáo khoa về các vấn đề cơ bản của pháp luật TTTM. Cụ thể, cuốn sách đã phân tích nội dung sau: khái niệm, đặc điểm, các hình thức trọng tài; quan hệ giữa trọng tài và Tòa án; nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; nguồn luật điều chỉnh trọng tài; Luật Mẫu; khái quát về thỏa thuận trọng tài; hiệu lực và nội dung của thỏa thuận trọng tài; pháp luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài; các tranh chấp có thể được giải quyết bằng trọng tài; các nội dung về TTV, Hội đồng Trọng tài và các bên tranh chấp; các nội dung của quá trình tố tụng trọng tài; pháp luật áp dụng giải quyết tranh chấp; các vấn đề về phán quyết trọng tài từ tạo phán quyết đến thi hành phán quyết và hủy phán quyết; việc công nhận

và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Đây là tài liệu tham khảo quan trọng được luận án kế thừa, vận dụng trong quá trình xây dựng cơ sở lý luận THPL về TTTM.

- Sách Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế (2022) của Đỗ Văn Đại. Cuốn sách này tập trung nghiên cứu về vai trò và phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế. Tác giả phân tích các vấn đề pháp lý và thực tiễn liên quan đến trọng tài trong môi trường quốc tế, so sánh với kinh nghiệm của các quốc gia khác và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của trọng tài thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập. Đây là một công trình nghiên cứu có giá trị học thuật cao, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu sắc của Việt Nam hiện nay.

- Luận án tiến sĩ Luật học “Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế” (2007) của Nguyễn Đình Thơ [84]. Luận án nghiên cứu khá toàn diện, có hệ thống về pháp luật và hoàn thiện pháp luật TTTM trong điều kiện, bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, luận án được thực hiện cách đây khá lâu (dựa trên cơ sở đánh giá các quy định của Pháp lệnh TTTM năm 2003 mà hiện đã hết hiệu lực, được thay thế bằng Luật TTTM năm 2010), và đặc biệt là đối tượng nghiên cứu của luận án đó khác với đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án mà nghiên cứu sinh đang thực hiện. Mặc dù vậy, một số vấn đề lý luận về TTTM và pháp luật TTTM trong luận án của Nguyễn Đình Thơ cũng có ý nghĩa tham khảo đối với luận án của nghiên cứu sinh.

Ngoài những công trình kể trên, còn nhiều công trình khác dưới dạng sách, bài báo khoa học về pháp luật TTTM đã được công bố ở Việt Nam, tiêu biểu như: Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam VIAC - VCCI (2010), Hỏi đáp về Luật Trọng tài thương mại; Phạm Thị Bích Hảo (2017), Điều kiện giải

quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài; Ngô Quốc Chiến (2021), Trọng tài thương mại quốc tế và vấn đề luật áp dụng,... Các công trình này đều có những đánh giá, phân tích khá sâu sắc về pháp luật TTTM và đưa ra nhiều giải pháp khả thi để hoàn thiện pháp luật về vấn đề này ở Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình đã nêu cũng chỉ tập trung nghiên cứu pháp luật TTTM và một số khía cạnh thực tiễn liên quan mà chưa đi sâu phân tích vấn đề THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến đề tài thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

a. Các công trình nghiên cứu về thực hiện pháp luật

- Trong các Giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật của Đại học Luật Hà Nội; Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (nay là Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội); Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh... đều có thiết kế 01 bài, 01 chương hoặc chuyên đề về thực hiện và áp dụng pháp luật. Nội dung trọng tâm của các chương này xoay quanh các vấn đề lý luận cơ bản sau: quan niệm (khái niệm, định nghĩa) về THPL; các hình thức và nội dung THPL;... Những kiến thức đó đóng vai trò nền tảng lý luận cho việc nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận của THPL về TTTM trong luận án.

- Sách Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật (2009), do Nguyễn Văn Mạnh chủ biên [75], trong đó các tác giả đã nêu và phân tích những điểm hạn chế trong lý luận về THPL ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó đã đề xuất những điểm cần bổ sung, hoàn thiện. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đã chỉ ra các yếu tố bảo đảm THPL trong bối cảnh hiện nay ở nước ta, dựa trên việc phân tích các quy định và thực trạng tổ chức THPL của chính quyền cả ở cấp Trung ương và địa phương. Cuốn sách này là tài liệu tham khảo có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đối với nghiên cứu sinh khi thực hiện luận án.

- Sách Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay (2009) của Nguyễn Thị Hồi [65], trong đó phân tích nhiều vấn đề lý luận về áp dụng pháp luật, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, các trường hợp cần áp dụng pháp luật, quy trình áp dụng pháp luật, quyết định áp dụng pháp luật, áp dụng pháp luật tương tự. Sách cũng bình luận, đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật trong một số lĩnh vực cụ thể ở nước ta như: hình sự, dân sự, hành chính, lao động, đất đai, thương mại... trong đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nêu ra những biện pháp cần thực hiện để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật ở nước ta. Cuốn sách cũng là tài liệu tham khảo hữu ích nghiên cứu sinh khi giải quyết những vấn đề lý luận của luận án.

- Sách Những vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay (2018) của nhiều tác giả [78]. Cuốn sách trình bày những nội dung sau: i) Những vấn đề cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; ii) Bản chất, chức năng, kiểu, hình thức và các mối quan hệ của pháp luật; iii) Quy phạm pháp luật; iv) Xây dựng pháp luật và hệ thống pháp luật; v) Quan hệ pháp luật; vi) Thực hiện và áp dụng pháp luật; vii) Hành vi pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; viii) Ý thức pháp luật; ix) Pháp chế; x) Điều chỉnh pháp luật. Trong đó, những nội dung phân tích về thực hiện và áp dụng pháp luật có ý nghĩa tham khảo đối với luận án của nghiên cứu sinh.

- Sách Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam (2019), của Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức [54]. Đây là cuốn sách nghiên cứu chuyên sâu về THPL gồm 8 chương. Trong đó, *các tác giả đã phân tích làm rõ các vấn đề lý luận sau: các khái niệm cơ bản, thuật ngữ, ý nghĩa, quy trình tổ chức, các hình thức thực hiện và tình hình thực hiện pháp luật ở Việt Nam; phân tích 3 yếu tố bảo đảm THPL gồm: chất lượng của hệ thống pháp luật thực định, trình độ ý thức pháp luật trong xã hội, các điều kiện và môi trường để thực hiện pháp luật. Đồng thời, phân tích về khái niệm, tiêu chí đánh giá hiệu quả, hiệu quả thực hiện pháp luật ở Việt Nam và các biện pháp nâng cao*

hiệu quả này. Việc có chương riêng về "Hiệu quả" cho thấy sự quan tâm của các tác giả không chỉ đến quá trình mà còn đến kết quả của việc thực hiện pháp luật. Sự tập trung này vào hiệu quả phù hợp với các xu hướng rộng hơn trong nghiên cứu pháp lý, vốn nhấn mạnh tác động thực tế của luật pháp đối với xã hội. Đây là tài liệu quan trọng làm cơ sở cho nghiên cứu sinh xây dựng lý luận THPL về TTTM ở Việt Nam.

Bên cạnh những cuốn sách đã nêu ở trên, còn có một số bài báo khoa học đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn về THPL về TTTM mà có giá trị tham khảo với luận án. Các bài viết này được công bố trên các tạp chí chuyên ngành ở Việt Nam, tiêu biểu có thể kể như sau:

- Bài viết “Mối quan hệ giữa xây dựng pháp luật và THPL: Ý nghĩa thực tiễn” (2007) của Vũ Viết Thiệu [85]. Nội dung bài viết phân tích các phương thức xây dựng pháp luật và các hình thức THPL, khẳng định mối quan hệ giữa xây dựng pháp luật và THPL là mối quan hệ tương tác mang tính biện chứng. Trên cơ sở đó, tác giả đã rút ra ý nghĩa thực tiễn của mối quan hệ này trong hoạt động xây dựng và THPL ở Việt Nam.

- Bài viết “Việc tổ chức THPL trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta” (2010) của tác giả Nguyễn Sĩ Dũng và Hoàng Minh Hiếu [42], trong đó đề cập đến những nội dung sau: i) Các yêu cầu đặt ra đối với việc tổ chức THPL (trong đó khẳng định THPL phải đạt được các mục tiêu chính sách; chi phí THPL phải hợp lý; phải bảo đảm tôn trọng quyền con người; tổ chức THPL phải phù hợp với các quy định của hệ thống pháp luật; phải bảo đảm sự công bằng, bình đẳng, nhất quán và nghiêm minh; phải công khai, minh bạch); ii) Các điều kiện bảo đảm việc tổ chức THPL có hiệu quả (trong đó khẳng định các văn bản quy phạm pháp luật phải rõ ràng, bảo đảm tính hệ thống; hiệu quả hoạt động của cơ quan tổ chức thực hiện phải được bảo đảm; phải có cơ chế giám sát việc tổ chức THPL một cách chặt chẽ; phải bảo đảm sự độc lập của cơ quan tư pháp; phải bảo đảm tính công khai và minh bạch).

- Bài viết “THPL và cơ chế THPL ở Việt Nam” (2011) của Đào Trí Úc [108], trong đó bàn về các vấn đề sau: Bản chất, vị trí và vai trò của THPL trong hệ thống pháp luật; các hình thức THPL; cơ chế THPL và những điều kiện bảo đảm hiệu quả THPL. Tác giả khẳng định rằng, bản chất của việc THPL là sự chuyển hóa các yêu cầu chung được xác định trong các nguyên tắc và quy phạm pháp luật vào trong các hành vi cụ thể của các chủ thể. Nói THPL là nói đến một kết quả tích cực của quá trình điều chỉnh pháp luật, mà điều chỉnh pháp luật thì hướng tới hai yêu cầu: thực hiện hành vi hợp pháp hoặc không thực hiện hành vi trái pháp luật. Bên cạnh đó, quá trình và thành tựu trong THPL là thước đo hiệu quả điều chỉnh pháp luật. Với những yếu tố thuộc về nội dung và hình thức của quá trình THPL cũng như các yếu tố mang tính tác nhân của quá trình đó, có thể thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của THPL trong hệ thống pháp lý.

- Bài viết “Vai trò của ý thức pháp luật đối với việc THPL” (2011) của Nguyễn Văn Năm [77], trong đó tập trung bàn về bản chất và vai trò của ý thức pháp luật trên hai phương diện: xây dựng, ban hành và THPL. Trong bài viết, tác giả cũng phân tích vai trò của các yếu tố cấu thành ý thức pháp luật (tri thức pháp luật; thái độ, tình cảm đối với pháp luật và hành vi pháp luật) đối với việc THPL.

Ngoài những công trình đã đề cập ở trên, còn những công trình nghiên cứu khác tập trung về THPL trong một số lĩnh vực cụ thể, như: Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về bầu cử Quốc hội ở Việt Nam” của Nguyễn Thị Yến, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2023; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về an ninh mạng ở Việt Nam” của Bùi Thị Long, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2022; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay” của Đào Thị Tùng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2022; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về bảo vệ trẻ em ở Việt Nam hiện

nay” của Lã Văn Bằng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2019; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Thị Trâm, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2019; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về quyền chính trị đối với phụ nữ ở Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Thị Thu Hà, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2018; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về quyền sử dụng đất ở Việt Nam” của Lê Thị Thúy Bình, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2017; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về viên chức trong trường đại học ở Việt Nam” của Nguyễn Thị Thu Hương, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, 2016; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về dân chủ ở cấp xã theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Nguyễn Hồng Chuyên, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2014; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam” của Nguyễn Huỳnh Huyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2012; Luận án tiến sĩ “Thực hiện pháp luật đối với người nghèo trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của Đỗ Xuân Lân, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2011... Theo hướng này, còn có một số bài viết công bố trên các tạp chí chuyên ngành như: THPL về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, của tác giả Trịnh Đức Thảo, Tạp chí Luật học, số 6/2015; Những vấn đề đặt ra trong thực hiện pháp luật điều ước quốc tế của tác giả Hoàng Văn Tú và Trương Hồ Hải, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 21 (325) năm 2016... Những công trình đã nêu tập trung nghiên cứu về THPL trong từng lĩnh vực cụ thể hoặc một hình thức THPL đối với một lĩnh vực đặc thù, song nội dung lý luận về THPL của những công trình này cũng có giá trị tham khảo đối với luận án của nghiên cứu sinh.

b. Các công trình nghiên cứu liên quan thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

- Sách Bình luận Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và thực tiễn xét xử (2016), của Tưởng Duy Lượng [74], gồm 36 chương và 02 Phụ lục, trong đó tác giả đã phân tích, làm rõ một số nội dung sau: 1) Thực tiễn giải quyết đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài; 2) Quy định chung về thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; 3) Thủ tục công nhận, thụ lý hồ sơ yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài; 4) Xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài; 5) Phiên họp xét kháng cáo, kháng nghị quyết định xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài; 6) Căn cứ không công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; 7) Trường hợp phán quyết của Trọng tài nước ngoài bị coi là vi phạm việc thông báo hoạt động tổ tụng trọng tài; vi phạm thành phần của trọng tài, thủ tục giải quyết tranh chấp; 8) Xác định phán quyết của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; 9) Vai trò của trọng tài và thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài...

Bên cạnh đó, trong cuốn sách này, tác giả đã bình luận một phần Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 (thuộc các chương XXXV, chương XXXVII), Luật TTTM năm 2010, đồng thời nêu những nhận định về thực tiễn THPL về TTTM ở Việt Nam kèm theo minh chứng là những vụ việc cụ thể. Đây là nguồn tài liệu có ý nghĩa thiết thực cho nội dung nghiên cứu của luận án.

- Sách Sổ tay pháp luật về trọng tài và hòa giải (2017) do Tòa án nhân dân tối cao và Ngân hàng thế giới tổ chức xây dựng và xuất bản [102], trong đó đưa ra các hướng dẫn thực tiễn thường gặp nhằm thực hiện các quy định pháp luật TTTM hiện hành. Sổ tay tập trung chủ yếu vào trọng tài, đồng thời hướng dẫn thực thi các quy định trong Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 về thủ tục

công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án. Cụ thể, Sổ tay gồm 5 chương với các nội dung sau: (i) Khuôn khổ pháp luật điều chỉnh trọng tài và hòa giải thương mại, (ii) Những khái niệm cơ bản, (iii) Vai trò của Tòa án đối với hoạt động trọng tài, (iv) Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài, (v) Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

- Sách chuyên khảo Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam, Bản án và bình luận bản án (2018) gồm 02 tập của Đỗ Văn Đại [51]. Phần I của sách phân tích những trường hợp thỏa thuận chọn trọng tài Việt Nam. Phần II phân tích những trường hợp thỏa thuận chọn trọng tài nước ngoài. Trong quyển sách này, tác giả cũng đã sưu tầm, lựa chọn hơn 200 quyết định, bản án, văn bản (gọi chung là “bản án”) của Tòa án và các chủ thể THPL về TTTM khác như: Trọng tài, Cơ quan thi hành án để công bố kèm theo những phân tích, đánh giá và bình luận của tác giả. Cuốn sách này đã cung cấp một lượng kiến thức lớn về pháp luật TTTM, có ý nghĩa tham khảo quan trọng với luận án của nghiên cứu sinh.

- Sách Những vấn đề lý luận và thực tiễn của trọng tài thương mại Việt Nam (2021) của Dương Văn Hậu [59]. Cuốn sách này đi sâu vào làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản và phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật TTTM tại Việt Nam sau hơn mười năm Luật TTTM có hiệu lực. Tác giả trình bày về khái niệm, lịch sử phát triển, các quy định pháp luật hiện hành và những vấn đề đặt ra đối với trọng tài thương mại Việt Nam trong bối cảnh mới. Đây là cuốn sách được đánh giá cao về tính học thuật và chuyên sâu. Việc kết hợp phân tích lý luận với thực tiễn áp dụng luật mang lại giá trị tham khảo lớn cho vấn đề nghiên cứu của luận án.

- Sách Trọng tài thương mại quốc tế - Những vấn đề đương đại và thực tiễn Việt Nam (2023) của Trần Việt Dũng và Ngô Quốc Chiến [43]. Công trình nghiên cứu này bao quát về nhiều chủ đề khác nhau liên quan đến TTTM quốc tế và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Các tác giả đề cập đến những vấn đề

đương đại như điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, nguồn luật áp dụng, công nhận và thi hành phán quyết trọng tài, cũng như các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế tại Việt Nam. Đây là cuốn sách này mang tính học thuật cao, cung cấp cái nhìn cập nhật về các vấn đề trọng tài thương mại quốc tế và sự liên hệ với thực tiễn Việt Nam.

Ngoài các sách nghiên cứu chuyên khảo nói trên, các tạp chí khoa học gần đây cũng đã xuất hiện các bài viết chuyên đề liên quan đến một số nội dung, khía cạnh khác nhau của việc THPL về TTTM ở Việt Nam. Cụ thể gồm các công trình sau:

- Bài viết “Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại Ad hoc ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp” (2011) của tác giả Phan Thông Anh [23], Thông qua một vụ kiện trọng tài ad hoc (Trọng tài vụ việc) đầu tiên, bài viết tìm hiểu những giới hạn, khiếm khuyết của pháp luật TTTM đối với trọng tài vụ việc (ad hoc). Tác giả đã phân tích, làm rõ các nội dung: i) quá trình thành lập Hội đồng Trọng tài vụ việc, ii) Vấn đề phát sinh trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ kiện. Trên cơ sở đó, tác giả đã nêu ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật trọng tài vụ việc ở Việt Nam.

- Bài viết “Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và thực tiễn tại Việt Nam” (2014) của tác giả Trần Thị Lan Hương [70] trong đó phân tích những lợi thế khi giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và thực tế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Việt Nam, từ đó nêu ra các giải pháp nâng cao giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài. Trong phần thực tế Việt Nam, bài viết chỉ rõ số vụ việc tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài có tăng lên nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số tranh chấp. Tác giả đã nêu ra một số nguyên nhân như: Luật TTTM năm 2010 mặc dù đáp ứng phần nào yêu cầu thực tế song sau một thời gian đi thực hiện đã bộc lộ nhiều thiếu sót, bất hợp lý; bên cạnh đó, thói quen, tập quán của cộng đồng doanh

nghiệp Việt Nam tin tưởng tòa án hơn trọng tài; bên cạnh đó tính chuyên nghiệp của một số TTV còn chưa cao, trình độ, năng lực còn hạn chế, trong khi, các tranh chấp thương mại hiện nay ngày càng phức tạp, nhất là tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

- Bài viết “Thực tiễn áp dụng một số quy định của Luật Trọng tài thương mại tại Việt Nam”(2014) của Nguyễn Thị Yến. Nội dung bài viết này tập trung phân tích một số quy định cụ thể của Luật TTTM năm 2010 dựa trên thực tiễn áp dụng. Tác giả đi sâu vào các vấn đề như tính độc lập của thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng, tiêu chuẩn của trọng tài viên, thẩm quyền của hội đồng trọng tài trong việc xem xét thẩm quyền của chính mình, và thẩm quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đây công trình này có giá trị học thuật cao khi đi sâu vào phân tích các khía cạnh cụ thể của luật và đối chiếu với thực tiễn. Việc chỉ ra những điểm cần lưu ý trong quá trình áp dụng luật có ý nghĩa quan trọng đối với những người nghiên cứu và hành nghề luật.

- Bài viết “Thực trạng sử dụng TTTM tại Việt Nam: Một số giải pháp nâng cao sức hấp dẫn của trọng tài”, của hai tác giả Nguyễn Mạnh Dũng và Nguyễn Thị Thu Trang tại *Hội thảo Sơ kết 04 năm thi hành Luật TTTM do Bộ Tư pháp tổ chức tại Hà Nội vào ngày 9/9/2015*. Nội dung bài viết đã giới thiệu tổng quan về tình hình giải quyết tranh chấp tại các TTTT Việt Nam, từ đó các tác giả đã phân tích thực trạng sử dụng TTTM tại Việt Nam với hai nhóm nội dung: (i) môi trường pháp lý trong nước và (ii) tác động quốc tế liên quan đến hoạt động trọng tài.

Ở nội dung môi trường pháp lý trong nước, các tác giả đã phân tích làm rõ 4 yếu tố: Luật TTTM và các văn bản hướng dẫn thi hành; Vai trò giám sát và hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài; Huy phán quyết trọng tài; Đội ngũ TTV, luật sư, học giả chuyên về trọng tài. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đã đề xuất một số giải pháp nâng cao sức hấp dẫn của trọng tài như sau: Tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các TTV nước ngoài và luật sư nước

ngoài trong tố tụng trọng tài; Tăng cường cơ chế quản lý và giám sát nội bộ việc xét xử tại các Tòa án thông qua báo cáo thường xuyên; Cần tổ chức tòa chuyên trách với đội ngũ thẩm phán chuyên sâu về lĩnh vực trọng tài; Tăng cường năng lực của đội ngũ TTV, đẩy mạnh đào tạo pháp luật về TTTM; Trường hợp các bên tranh chấp không phản đối thì cho phép công bố một phần phán quyết trọng tài; Tăng cường năng lực tổ chức và hoạt động của các tổ chức trọng tài; Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa Bộ Tư pháp với Tòa án; Xây dựng các chương trình hợp tác quốc tế; Bảo đảm việc tuân thủ Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài.

- Bài viết “Vai trò của tòa án đối với hoạt động của TTTM theo Luật TTTM năm 2010 và kiến nghị” (2017) của tác giả Phạm Thị Hồng Đào [49]. Tác giả phân tích, làm rõ sự cần thiết phải có sự “hỗ trợ” của Tòa án đối với hoạt động TTTM; vai trò của Tòa án đối với hoạt động của TTTM thông qua các quy định của pháp luật (thể hiện trong các nội dung: i) *Quy định về việc xác định Tòa án có thẩm quyền chỉ định, thay đổi TTV*; ii) *Quy định về áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời*; iii) *Quy định về hủy phán quyết của trọng tài*). Đồng thời, trong bài viết này, tác giả cũng đã phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về vai trò “hỗ trợ” của Tòa án đối với hoạt động của TTTM và kiến nghị sửa đổi một số điều của Luật TTTM 2010 cho phù hợp với thực tiễn.

- Bài viết “Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam thời gian qua” (2016) của tác giả Phan Hồng Nguyên [80], trong đó đánh giá tình hình giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010; chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và phân tích nguyên nhân của tồn tại, hạn chế. Trong bài viết, tác giả cũng đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của TTTM, trong đó nhấn mạnh việc triển khai có hiệu quả Luật TTTM năm 2010 gắn với việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp và chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

- Bài viết “Thi hành phán quyết trọng tài - một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện” (2017) của tác giả Hoàng Thị Thanh Hoa, trong đó phân tích những bất cập khi thực hiện quy định của Luật TTTM năm 2010 về thi hành phán quyết trọng tài như: chủ thể yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài; thủ tục tiếp nhận và thụ lý phán quyết, quyết định của Trọng tài; thời hiệu thi hành phán quyết trọng tài; thẩm quyền thi hành phán quyết, quyết định của Trọng tài; việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài; từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của Luật TTTM năm 2010.

- Bài viết “Luật Trọng tài thương mại 2010: những bất cập và kiến nghị hoàn thiện” (2018), của tác giả Dương Quỳnh Hoa [61], trong đó đánh giá khái quát những kết quả đạt được khi thực hiện Luật TTTM năm 2010; phân tích, chỉ rõ những vướng mắc, hạn chế trong một số quy định của Luật khi triển khai thực hiện trên thực tế gồm 5 nội dung: i) quy định về địa điểm trọng tài; ii) quy định về lý do hủy quyết định trọng tài; iii) quy định về thủ tục hủy quyết định trọng tài; iv) quy định về luật áp dụng giải quyết tranh chấp; v) quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của TTV trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời). Trong bài viết, tác giả cũng nêu một số kiến nghị nhằm hoàn thiện Luật TTTM.

- Bài viết “Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung” (2024) của tác giả Nguyễn Xuân Nam [76], trong đó giới thiệu khái quát về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài trên thế giới và ở Việt Nam, phân tích những ưu và nhược điểm của phương thức này trên cơ sở so sánh với các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài nhà nước khác. Tác giả cũng phân tích, đánh giá thực tiễn quá trình thi hành Luật TTTM năm 2010, tập trung vào nhóm các quy định sau: i) Quy định về thẩm quyền của TTTM với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các luật chuyên ngành; ii) Quy định về điều kiện thành lập trung tâm TTTM; iii) Quy định về việc gửi thông báo và trình tự gửi thông báo của

trọng tài; iv) Quy định về tạm đình chỉ việc xem xét giải quyết đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài; v) Quy định về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Tác giả cũng đồng thời kiến nghị các giải pháp cần sửa đổi, bổ sung đối với từng nhóm quy định này.

Bên cạnh những bài viết trên là tham luận của các tác giả đăng trên kỷ yếu của một số hội thảo khoa học về Luật TTTM như: *Hội thảo về “Công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam và Dự thảo Bộ luật Tổ tụng Dân sự (sửa đổi)”* do Bộ Tư pháp tổ chức năm 2015; *Hội thảo khoa học quốc tế “Trọng tài thương mại - Tăng thêm niềm tin cho hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài”* do VIAC và Tòa Trọng tài quốc tế (ICC) tổ chức ngày 11/5/2018; *Hội thảo “Nâng cao hiệu quả hoạt động của TTTM tại Việt Nam”* do Bộ Tư pháp tổ chức tháng 6/2018; *Chuỗi hội thảo Tổng kết Đề án TTTM: Quá trình phát triển và định hướng tương lai* do VIAC tổ chức năm 2020; *Hội thảo khoa học “Kinh nghiệm nước ngoài, quốc tế trong việc phát triển trọng tài trong bối cảnh hội nhập quốc tế”* do VIAC phối hợp cùng Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 6/12/2020; *Hội thảo về hoạt động trọng tài và hòa giải thương mại tại Việt Nam* do Bộ Tư pháp tổ chức năm 2022; *Hội thảo “Những vấn đề đương đại trong trọng tài quốc tế”* do Khoa Luật quốc tế, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 23/3/2022; *Hội thảo “Tính chung thẩm của phán quyết và các quyết định của Hội đồng trọng tài”* do VIAC phối hợp cùng Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 6/4/2023; *Hội thảo khoa học quốc gia “Hoàn thiện pháp luật về TTTM đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”* do Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng tổ chức tháng 9/2024...

Ngoài những công trình nêu trên, còn có thể kể đến các tài liệu sách, bài viết khác như: VIAC, “Công ước New York và 100 vụ tranh chấp điển hình của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam”; Đặng Hoàng Oanh (2009), Công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài đã bị hủy tại nước gốc theo

Công ước New York 1958: Những vấn đề lý luận và thực tiễn; Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải (2010), Tuyển tập các bản án, quyết định của Tòa án Việt Nam về trọng tài thương mại; Bùi Xuân Trọng (2014), Cần bổ sung thủ tục hủy quyết định của trọng tài nước ngoài; Đỗ Văn Đại (2019), Thẩm quyền của Tòa án Việt Nam khi trọng tài nước ngoài giải quyết tranh chấp tại Việt Nam; Cao Nhất Linh (2022), Phân định thẩm quyền giữa Trọng tài và Tòa án trong giải quyết tranh chấp và áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ...*Đây cũng là những tài liệu có ý nghĩa và giá trị tham khảo về mặt thực tiễn đối với luận án của nghiên cứu sinh.*

1.1.2. Các công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài

- Sách Arbitration Act 1996 (Đạo luật Trọng tài 1996), của tác giả R. Merkin, L. Flannery [112]. Cuốn sách giới thiệu Đạo luật Trọng tài năm 1996 của Vương quốc Anh - một đạo luật được lấy cảm hứng từ Luật Mẫu UNCITRAL nhưng có một số điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của Vương quốc Anh. Cuốn sách đã cập nhật và trích dẫn án lệ về TTTM của nhiều tòa án ở Anh và xứ Wales. Đây là ấn phẩm cần thiết cho các hoạt động TTTM quốc tế mà đặt vị trí ở London, trong đó phân tích hầu hết các khía cạnh của luật trọng tài quốc tế áp dụng ở Anh.

- Sách “Comparative Law of International Arbitration” (Luật trọng tài quốc tế so sánh) của J.F. Poudret, S. Besson (2007). Cuốn sách này là phiên bản cập nhật của một ấn phẩm nổi tiếng của Pháp về TTTM quốc tế. Nội dung cuốn sách giới thiệu, phân tích lịch sử tổ tụng trọng tài quốc tế từ trước đến nay từ quan điểm luật so sánh, bao gồm từng bước của thủ tục trọng tài từ khi ký kết thỏa thuận trọng tài đến thi hành phán quyết trọng tài.

- Sách “A Practical Guide to International Arbitration in London (2008)” (Hướng dẫn thực hành về trọng tài quốc tế tại Luân đôn), của tác giả H. Heilbronn [119]. Cuốn sách phân tích các vấn đề liên quan đến trọng tài với vị trí của họ ở TTTT quốc tế London. Đồng thời, cuốn sách cung cấp cái nhìn

tổng quan về hệ thống pháp luật Anh, việc thực hành pháp luật về TTTM, cũng như các khuyến nghị thực tế liên quan đến cách thức tổ tụng trọng tài theo quy định của Đạo luật trọng tài Anh năm 1996.

- Sách “Arbitrability International & Comparative Perspectives” (Trọng tài quốc tế & Quan điểm so sánh) (2009) của các tác giả Loukas A. Mistelis & Stavros L. Brekoulakis, Kluwer Law International B.V [123]. Cuốn sách phân tích khái niệm về sự vận dụng TTTM theo Công ước New York 1958 và trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới, đồng thời đánh giá các giới hạn của trọng tài đối với các loại tranh chấp thương mại cụ thể, chẳng hạn như những vấn đề liên quan đến thuế và mất khả năng thanh toán.

- Sách “Arbitration Rules-National Institutions” (Quy tắc trọng tài - thể chế quốc gia) (2010) của tác giả L. Mistelis, L. Shore [124]. Nội dung cuốn sách cung cấp một cái nhìn tổng quan về các quy tắc trọng tài của nhiều tổ chức trọng tài khác nhau trên thế giới, chẳng hạn như: TTTT quốc tế Dubai (DIAC) có trụ sở tại Dubai các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE), TTTT quốc tế Australia (ACICA) có trụ sở tại Úc, Phòng Trọng tài quốc gia và quốc tế Milan (CAM) có trụ sở tại Milan, FTCA của Serbia, Hiệp hội Trọng tài hàng hải London (LMAA) có trụ sở tại London (Anh), và Hiệp hội TTTM Nhật Bản (JCAA) có trụ sở tại Tokyo.

- Sách “International Commercial Arbitration: An Asia - Pacific Perspective” (Trọng tài thương mại quốc tế: Một viễn cảnh châu Á -Thái Bình Dương) (2011), của tác giả S. Greenberg, C. Kee, J. Weeramantry [130]. Cuốn sách là một công trình nghiên cứu công phu và cập nhật về các thủ tục TTTM quốc tế liên quan đến các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong sách, các tác giả không chỉ phân tích các quy tắc, tiêu chuẩn của TTTM quốc tế đang được áp dụng ở các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, mà còn đánh giá thực trạng và tiềm năng của hoạt động TTTM quốc tế ở khu vực địa lý quan trọng này trong những năm tới.

- Sách “Interim Measures in International Arbitration (2014)” (Các biện pháp tạm thời trong Trọng tài quốc tế), của tác giả Lawrence. W. Newman và Colin Ong [125]. Cuốn sách giới thiệu và phân tích các biện pháp tạm thời có thể được áp dụng để hỗ trợ trọng tài trước tòa án ở các quốc gia khác nhau, từ Argentina đến Việt Nam. Các chương của sách được các chuyên gia trọng tài quốc tế nổi tiếng soạn thảo trên cơ sở kinh nghiệm về hoạt động trọng tài ở từng quốc gia.

- Sách “Trọng tài quốc tế” (ấn bản lần thứ sáu) (2015) của Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC & Alan Redfern, Martin Hunter [25]. Cuốn sách đã phân tích, làm rõ 11 nội dung của TTTM dựa trên kinh nghiệm thực tế về trọng tài quốc tế được tích lũy qua nhiều năm của các tác giả. Trong lần ấn bản thứ sáu này, các tác giả đã tập hợp đầy đủ tất cả những quy tắc và hướng dẫn mới được cập nhật như: những thay đổi trong Quy tắc của UNCITRAL năm 2010, Luật Trọng tài Pháp năm 2011, Quy tắc của Tòa Trọng tài Phòng Thương mại quốc tế (ICC) năm 2012, và những thay đổi trong Quy tắc của Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp (ICDR) và Tòa Trọng tài quốc tế London (LCIA) năm 2014. Trong cuốn sách, các tác giả cũng đã phân tích sự phát triển của luật mềm như Hướng dẫn của Hiệp hội Luật sư Quốc tế (IBA) về Xung đột lợi ích và Đại diện các bên; mở rộng tham chiếu đến các nguồn quốc tế và những bước phát triển trong trọng tài đầu tư... Cuốn sách là tài liệu tham khảo quan trọng trong quá trình thực hiện luận án của nghiên cứu sinh.

- Sách “A Guide to the SIAC Arbitration Rules (Second Edition) (Hướng dẫn về quy tắc trọng tài SIAC”, xuất bản lần thứ 2) (2018) của các tác giả John Choong, Mark Mangan, Nicholas Lingard [116]. Cuốn sách này được viết bởi các học giả hàng đầu của trọng tài quốc tế, cung cấp đầy đủ, chi tiết các hướng dẫn về quy tắc của TTTT quốc tế Singapore (SIAC). Đây là tài liệu rất hữu ích cho những ai muốn nghiên cứu và tham gia trọng tài SIAC cũng như

lựa chọn SIAC là nơi giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế. Đây cũng là tư liệu quan trọng để luận án nghiên cứu pháp luật trọng tài của Singapore.

- Bài viết “An Empirical Study of Reforming Commercial Arbitration in China” (Một nghiên cứu thực nghiệm về cải cách trọng tài thương mại ở Trung Quốc) (2020) của Mimi Zou, được đăng trên Pepperdine Dispute Resolution Law Journal (Tập chí Luật Giải quyết Tranh chấp Pepperdine). Bài viết tập trung vào việc xem xét các cải cách đối với khuôn khổ pháp lý và thể chế của trọng tài thương mại ở Trung Quốc. Nghiên cứu này phân tích khuôn khổ pháp lý hiện hành của trọng tài ở Trung Quốc, phân biệt giữa trọng tài trong nước, trọng tài có yếu tố nước ngoài, trọng tài nước ngoài và trọng tài liên quan đến Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan. Nghiên cứu xác định các tổ chức trọng tài chính ở Trung Quốc xử lý các vụ việc có yếu tố nước ngoài, bao gồm Ủy ban Trọng tài Kinh tế và Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC), Ủy ban Trọng tài Bắc Kinh (BAC/BIAC), Ủy ban Trọng tài Thượng Hải (SHIAC) và Ủy ban Trọng tài Thâm Quyến (SCIA). Nghiên cứu cũng phân tích việc xây dựng Luật Trọng tài của Trung Quốc, theo đó mặc dù các nhà soạn thảo đã tham khảo Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài Thương mại Quốc tế nhưng luật của Trung Quốc vẫn có những điểm khác biệt quan trọng bao gồm việc cấm trọng tài vụ việc (ad hoc), các quy tắc khác nhau về thẩm quyền quyết định tính hợp lệ của thỏa thuận trọng tài, và yêu cầu các bên yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp đơn lên tổ chức trọng tài để chuyển cho tòa án. Đây là công trình khái quát về các vấn đề của pháp luật trọng tài thương mại Trung Quốc, là tài liệu quan trọng để tìm hiểu về kinh nghiệm của nước này.

- Bài viết “China's Modernization of International Commercial Arbitration and Transnational Legal Order” (Hiện đại hóa Trọng tài thương mại quốc tế và trật tự pháp lý xuyên quốc gia của Trung Quốc) (2024) của Weixia Gu, được đăng trên UCI Journal of International, Transnational, & Comparative Law. Bài viết nghiên cứu sự phát triển trong mối quan hệ giữa

Trung Quốc và các chuẩn mực trọng tài thương mại quốc tế (ICA), từ sự kháng cự ban đầu đến sự hòa nhập dần dần và sự nổi lên tiềm năng như một bên đóng góp vào ICA toàn cầu. Nghiên cứu này phân tích sự chuyển đổi này và những tác động của nó đối với trật tự pháp lý quốc tế.

Ngoài ra, theo hướng tiếp cận trên, còn có thể kể đến các công trình, tài liệu khác về TTTM của các tác giả nước ngoài như: Luật lệ trọng tài thương mại - kinh tế các nước và quốc tế (Law and regulations of commercial arbitration of nations and international arbitrations) do Bùi Ngọc Toàn dịch, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1993; Albert Jan Van Den Berg [112], Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp được lựa chọn (Geneva 2001) (Dịch và hiệu đính bởi VIAC năm 2008); Trọng tài quốc tế và tòa án quốc gia: Câu chuyện không hồi kết, Kluwer Law International (2001) (được dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010); Allan H. Goodman, Kỹ năng cơ bản cho TTV mới, Nxb Solomon (dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI năm 2010); Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO; những nội dung về trọng tài và ADR (phương thức giải quyết tranh chấp thay thế) trong sách The Legal Environment today (Môi trường pháp lý ngày nay) của Roger LeRoy Miller... Các công trình, bài viết đã nêu đều tập trung khai thác các khía cạnh cơ bản về trọng tài quốc tế, cũng là vấn đề liên quan đến chủ đề của luận án. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của các công trình này có giá trị tham khảo với nghiên cứu sinh khi phân tích những cách tiếp cận khác nhau về TTTM trên thế giới và ở Việt Nam.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Tổng quan các công trình nghiên cứu ở mục trên cho thấy, các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến THPL ở Việt Nam đã được tiếp cận nghiên cứu khá toàn diện. Các công trình nghiên cứu thể hiện qua nhiều loại như giáo

trình, sách chuyên khảo, luận văn, luận án, đề tài khoa học và các bài viết trên các tạp chí khoa học. Qua đó các công trình này đã góp phần hình thành hệ thống cơ sở lý luận khoa học khá hoàn chỉnh về THPL nói chung; đồng thời đã có sự đánh giá khá sâu sắc về THPL trong một số lĩnh vực cụ thể.

Tổng quan cũng cho thấy một số công trình nghiên cứu về TTTM và pháp luật TTTM có liên quan trực tiếp đến đề tài luận án. Đối với các công trình nghiên cứu nước ngoài chủ yếu đề cập đến các vấn đề lý luận về TTTM, pháp luật TTTM của các nước và thực tiễn hoạt động của các TTTT nổi tiếng trên thế giới. Đặc biệt, tổng quan các công trình nghiên cứu về TTTM ở Việt Nam từ năm 2011 đến nay cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực nghiên cứu này sau khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực. Các công trình nghiên cứu đã đi sâu vào phân tích luật pháp, thực tiễn áp dụng, các vấn đề lý luận và quốc tế liên quan đến TTTM. Sự đóng góp của các học giả, các chuyên gia và các nhà xuất bản có uy tín đã tạo ra một nguồn tài liệu phong phú và giá trị cho việc nghiên cứu và phát triển TTTM tại Việt Nam.

Tuy nhiên, hầu hết các công trình này mới tập trung nghiên cứu về các vấn đề lý luận như: khái niệm, đặc điểm vai trò và các hình thức TTTM (trọng tài thường trực và trọng tài vụ việc). Bên cạnh đó, có một số công trình bước đầu nghiên cứu việc thực hiện các quy định cụ thể của pháp luật TTTM trong nước và quốc tế, trong đó tập trung vào các nội dung cụ thể như: Tổ chức quản lý TTTT; trình tự, thủ tục tổ tụng trọng tài; áp dụng pháp luật trọng tài trong những vụ việc tranh chấp, về phán quyết trọng tài, về các vấn đề chứng cứ, chứng minh trong tổ tụng trọng tài; về công nhận, hủy phán quyết trọng tài cả về lý luận, luật thực định và thực tiễn thực thi các quy định cụ thể này... một số công trình nghiên cứu, bình luận chuyên sâu về các phán quyết trọng tài, các vụ tranh chấp cụ thể được giải quyết bằng trọng tài. Dù vậy, các công trình nghiên cứu này chỉ đề phân tích một số vấn đề, khía cạnh của pháp luật TTTM hoặc nếu có đề cập đến việc THPL về TTTM thì mới chỉ ở cấp độ bài tạp chí, bài

tham luận hội thảo, hiện chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, có hệ thống và phân tích một cách chuyên sâu về tất cả các phương diện, nội dung khía cạnh khác nhau của THPL về TTTM ở Việt Nam.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài cũng cho thấy những khoảng trống mà trong phạm vi luận án này, nghiên cứu sinh sẽ cố gắng khóa lấp, cụ thể như sau:

- Về lý luận, luận án tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề sau:

Nghiên cứu xây dựng cơ sở lý luận hoàn chỉnh của THPL về TTTM, cụ thể là: làm rõ khái niệm, đặc trưng, vai trò, chủ thể, nội dung và các điều kiện bảo đảm THPL về TTTM, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng, cuộc cách mạng 4.0 và đổi mới quản trị quốc gia ở nước ta hiện nay.

- Về thực tiễn, luận án tiếp tục nghiên cứu làm rõ:

Thực trạng khung pháp luật và THPL, làm rõ các yếu tố mới ảnh hưởng đến việc THPL, đánh giá những thành tựu, hạn chế, phân tích chỉ ra nguyên nhân, xác định các quan điểm, giải pháp để khắc phục những hạn chế, qua đó bảo đảm thực hiện hiệu quả pháp luật về TTTM ở Việt Nam trong thời gian tới.

1.2.3. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

1.2.3.1. Giả thuyết khoa học

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án đặt ra giả thuyết khoa học như sau:

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp được sử dụng phổ biến trên thế giới và ngày càng phổ biến ở Việt Nam, đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tranh chấp, bảo đảm sự công bằng trong nền KTTT định hướng XHCN; góp phần vào quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

Việt Nam đã có khung pháp luật khá toàn diện về TTTM, song việc tổ chức THPL về TTTM hiện nay vẫn còn những hạn chế. Để bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam, cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về vấn đề này, mở rộng hệ thống các TTTT, nâng cao năng lực của các TTV, tuyên truyền, phổ biến thông tin để thu hút sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đến việc sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

1.2.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu mang tính xuyên suốt của luận án là: Làm thế nào để hiện thực hoá, phát huy vai trò của pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay?

Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể cần giải đáp trong quá trình thực hiện luận án đó là:

Câu 1: THPL về TTTM là gì? THPL về TTTM có những đặc điểm, vai trò như thế nào?

Câu 2: Chủ thể nào có trách nhiệm THPL về TTTM? THPL về TTTM có những nội dung gì? Có bao nhiêu hình thức và điều kiện đảm bảo THPL về TTTM? Việt Nam cần tham khảo những kinh nghiệm gì của các quốc gia trong THPL về TTTM?

Câu 3: THPL về TTTM ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu và còn những hạn chế gì? Nguyên nhân của thành tựu, hạn chế đó là gì?

Câu 4: Cần xác định và quán triệt những quan điểm nào trong THPL về TTTM ở Việt Nam? Cần thực hiện những giải pháp gì để bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam trong thời gian tới?

Kết luận chương 1

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu cả trong và ngoài nước về TTTM, về pháp luật TTTM nói chung và pháp luật Việt Nam về TTTM nói riêng. Những công trình này đã cung cấp một lượng tri thức, thông tin lớn, cả về lý luận, pháp lý, thực tiễn liên quan đề tài nghiên cứu, vì thế có giá trị tham khảo hữu ích cho nghiên cứu sinh trong việc thực hiện luận án.

Mặc dù vậy, tổng quan tài liệu cũng cho thấy vẫn còn nhiều khoảng trống trong các nghiên cứu về đề tài luận án. Cụ thể, trong khi có nhiều nghiên cứu về pháp luật và thực tế áp dụng các quy định của pháp luật TTTM thì việc THPL về TTTM ở Việt Nam chưa được quan tâm đúng mức. Hiện mới chỉ có một số công trình nghiên cứu THPL về TTTM ở Việt Nam và hầu hết mới ở dạng các bài báo khoa học, chưa có những nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu dưới hình thức đề tài hoặc luận án tiến sĩ.

Trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đề tài, đặc biệt là nghiên cứu liên quan trực tiếp đến THPL về TTTM ở Việt Nam, ở các chương sau, luận án sẽ củng cố, bổ sung dữ liệu và phân tích để bảo đảm tính thống nhất, toàn diện, thuyết phục của các luận điểm, qua đó xây dựng một khung lý luận hoàn chỉnh của THPL về TTTM ở Việt Nam. Đồng thời, luận án cũng sẽ cập nhật, bổ sung, hoàn thiện cấu trúc và nội dung phân tích để cung cấp một bức tranh rõ ràng thực trạng THPL về TTTM ở Việt Nam. Qua đó đề xuất một hệ thống quan điểm, giải pháp toàn diện, dựa trên những cơ sở lý luận, thực tiễn xác đáng, nhằm bảo đảm thực hiện một cách hiệu quả pháp luật TTTM ở Việt Nam trong những năm tới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Để xây dựng khái niệm THPL về TTTM, trước hết cần phải làm rõ các khái niệm sau: TTTM, pháp luật về TTTM và THPL.

2.1.1.1. Khái niệm trọng tài thương mại

Trọng tài, với vai trò là một phương thức giải quyết tranh chấp tư, có một lịch sử hình thành và phát triển lâu dài trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế. Có nhiều quan điểm về khái niệm trọng tài dựa trên bản chất của phương thức giải quyết tranh chấp này.

Từ điển Chính trị văn tắt của Liên Xô (trước đây) định nghĩa: “Trọng tài là một hình thức Tòa án phân xử, trong đó sự tranh chấp được giải quyết nhờ một quan tòa (trọng tài) do các bên tranh chấp thỏa thuận với nhau bầu ra” [106, tr.399]. Theo quan niệm này thì trọng tài là một hình thức phán xử để giải quyết tương tự tòa án nhưng không thuộc nhà nước do các bên tự nguyện thỏa thuận lập ra. Còn theo Đại từ điển Kinh tế thị trường (1998) thì “Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết một cách hòa bình các vụ tranh chấp, trong đó đôi bên đương sự tự nguyện đem những sự việc, những vấn đề tranh chấp giao cho người thứ ba có tư cách công bằng, chính trực xét xử, phán quyết do người này đưa ra có hiệu lực ràng buộc với cả hai bên” [82, tr.1989].

Theo James và Nicholas, trong Sổ tay về TTTM quốc tế, thì: “Trọng tài được coi như một tiến trình tư được mở ra theo sự thỏa thuận của các bên nhằm giải quyết một tranh chấp đang tồn tại hoặc có thể sẽ phát sinh bởi một Hội đồng Trọng tài gồm một hoặc nhiều trọng tài viên” [120, tr.3], trong đó “Hội

đồng Trọng tài này là kết quả của sự lựa chọn của chính các bên tranh chấp hoặc thông qua những đại diện của họ, và chính các bên cũng sẽ là những người thiết lập nên các thủ tục mà Hội đồng Trọng tài phải áp dụng để giải quyết tranh chấp” [120, tr.3]. Có quan điểm tương tự, Okezie Chukwumerije cho rằng: “Trọng tài là một cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các bên với nhau, được thực hiện thông qua một cá nhân do các bên lựa chọn hoặc bởi việc dựa trên những thủ tục hay những tổ chức nhất định được lựa chọn bởi chính các bên” [117, tr.2].

Từ một cách thức tiếp cận khác, có tác giả cho rằng trọng tài là một thủ tục mà trong đó theo sự thỏa thuận của các bên, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi một hoặc nhiều TTV, người sẽ ra quyết định có tính ràng buộc đối với các bên tranh chấp. Cách tiếp cận này nhấn mạnh hơn việc loại trừ sự áp đặt của tòa án đối với các bên về thủ tục trọng tài, bởi vì với phương pháp trọng tài “các bên sẽ tự quyết định về thủ tục giải quyết tranh chấp, thay vì phải dựa vào Tòa án” [129, tr.4].

Chi tiết hơn, theo quan điểm của Nigel Blackaby và Martin Hunter:

“Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp rất đơn giản. Các bên trong tranh chấp thỏa thuận đưa tranh chấp của họ tới một chủ thể để giải quyết mà các bên tin tưởng sự phán xét của chủ thể đó. Mỗi bên trình bày vụ việc của mình cho người ra quyết định, một chủ thể tư còn được gọi là “trọng tài viên”, trong đó “trọng tài viên lắng nghe các bên, xem xét các tình tiết và lập luận của các bên và đưa ra quyết định. Quyết định đó là chung thẩm và ràng buộc các bên. Sở dĩ quyết định mang tính chung thẩm và ràng buộc bởi vì các bên đã tự thỏa thuận như vậy chứ không bị cưỡng chế bởi bất kỳ nhà nước nào” [115, tr.4].

Một số nhà nghiên cứu Việt Nam cũng đưa ra các định nghĩa về TTTM, trong đó có thể kể đến khái niệm sau:

“Trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp tư mà sự bắt đầu của nó dựa trên sự thỏa thuận của các bên tham gia tranh chấp nhằm giải quyết tranh chấp thương mại giữa các bên tranh chấp với nhau bởi một hội đồng trọng tài gồm một hoặc một số lẻ khác các trọng tài viên trên cơ sở trình tự thủ tục do các bên tranh chấp thỏa thuận chọn ra” [79, tr.15].

Từ những phân tích nêu trên, chúng ta có thể hiểu *trọng tài là một phương thức giải quyết các tranh chấp không thuộc về nhà nước (phi nhà nước), trong đó việc giải quyết tranh chấp dân sự theo nghĩa rộng (bao gồm dân sự, kinh doanh, thương mại) giữa các bên do một bên thứ ba là trọng tài thực hiện.*

Trọng tài có thể gồm một TTV hoặc một Hội đồng Trọng tài (từ 3 thành viên trở lên và theo số lẻ) do các bên lựa chọn. Khi giải quyết tranh chấp, TTV hoặc Hội đồng Trọng tài lắng nghe các bên trình bày vụ việc, xem xét, đánh giá các tình tiết, lập luận, chứng cứ liên quan đến vụ việc. Trên cơ sở đó, TTV hoặc Hội đồng Trọng tài đưa ra quyết định giải quyết, quyết định này gọi là phán quyết trọng tài. Phán quyết này là chung thẩm và có giá trị ràng buộc đối với các bên tranh chấp, các bên phải tự nguyện thi hành. Điều này có được là bởi các bên đã tự nguyện lựa chọn và thỏa thuận. Việc thi hành phán quyết được công nhận và hỗ trợ từ tòa án theo quy định của pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

Xét về bản chất, TTTM cũng là phương thức giải quyết các tranh chấp, nhưng giới hạn ở tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại. Từ điển Luật học định nghĩa: “Hoạt động thương mại là hoạt động do thương nhân thực hiện nhằm mục đích sinh lợi” [110, tr.369]. Như vậy, một hoạt động được gọi là hoạt động thương mại khi thỏa mãn các điều kiện sau: *Thứ nhất*, hoạt động do thương nhân thực hiện, nằm trong khuôn khổ hướng dẫn của thương nhân; *Thứ hai*, hoạt động được thực hiện phải có mục đích là nhằm sinh lợi (vì mục tiêu lợi nhuận).

Từ những phân tích nêu trên, có thể rút ra khái niệm về TTTM như sau:

Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp tư (phi nhà nước) do các bên thỏa thuận để giải quyết các mâu thuẫn, xung đột phát sinh trong hoạt động thương mại mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài. Việc giải quyết tranh chấp do trọng tài viên hoặc hội đồng trọng tài quyết định. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có giá trị ràng buộc đối với các bên tranh chấp, việc thi hành phán quyết trọng tài là tự nguyện và được hỗ trợ bởi tòa án và các cơ quan nhà nước khác theo quy định của pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

2.1.1.2. Khái niệm pháp luật trọng tài thương mại

Trong lý luận về nhà nước và pháp luật, pháp luật được hiểu là “hệ thống các quy tắc xử sự chung, do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của nhà nước, là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội vì sự tồn tại và phát triển của cả xã hội, đồng thời vì lợi ích, mục đích của giai cấp thống trị” [101]. Với tư cách là nhân tố quan trọng hàng đầu điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật luôn tác động, chi phối trực tiếp tới các quan hệ xã hội. Biểu hiện cụ thể cho sự chi phối, tác động của pháp luật trong các quan hệ xã hội phản ánh trong khuôn mẫu của các hành vi xử sự được xác định mà các chủ thể THPL phải tuân thủ, chấp hành hoặc lấy pháp luật làm cơ sở để sử dụng hoặc áp dụng pháp luật cho phù hợp với các hoạt động diễn ra trong thực tiễn.

Pháp luật TTTM là công cụ cơ bản được nhà nước sử dụng để điều chỉnh hoạt động TTTM. Các quốc gia có KTTT phát triển đều xác định mục tiêu cơ bản của pháp luật về TTTM là bảo vệ tự do kinh tế và bảo đảm lợi ích cho mọi người bằng cách thúc đẩy giải quyết nhanh chóng, kịp thời và công bằng các tranh chấp phát sinh trên thị trường. Có ba mục tiêu cơ bản mà hệ thống pháp luật của các quốc gia hướng tới, đó là thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các

chủ thể trong nền kinh tế cũng như lợi ích của cộng đồng đạt được hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tuy nhiên, thực tiễn tại các quốc gia trên thế giới cho thấy pháp luật về TTTM có mức độ hoàn thiện khác nhau, cũng như mức độ tương thích so với pháp luật trọng tài quốc tế cũng khác nhau. Mặc dù vậy, pháp luật TTTM của các nước đều điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau: Các quan hệ xã hội giữa các bên có tranh chấp khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng TTTM; Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thành lập, tổ chức hoạt động của TTTT, các hình thức trọng tài; các vấn đề về TTV, Hội đồng Trọng tài; các nguyên tắc hoạt động của trọng tài; Các mối quan hệ phát sinh trong quá trình tổ tụng trọng tài; Các mối quan hệ giữa trọng tài với Tòa án và các cơ quan nhà nước liên quan khác; Các quan hệ xã hội phát sinh khi thi hành phán quyết trọng tài, hủy bỏ phán quyết trọng tài, công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả đưa ra cách hiểu pháp luật TTTM của luận án như sau: *Pháp luật trọng tài thương mại là hệ thống các quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc thành lập, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp và góp phần bảo đảm trật tự thị trường trong nền kinh tế thị trường, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và của người tiêu dùng.*

2.1.1.3. Khái niệm thực hiện pháp luật, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Quá trình THPL được diễn ra tiếp nối với quá trình xây dựng pháp luật. Pháp luật về TTTM chỉ có thể có tác dụng điều chỉnh các quan hệ xã hội khi được thực hiện trong thực tiễn. Theo lý luận về nhà nước và pháp luật, khái niệm “THPL” được hiểu là hành vi thực tế, hợp pháp, có mục đích của các chủ

thể pháp luật nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, làm cho chúng đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật” [101, tr.396]. Nói cách khác, “THPL là một quá trình hoạt động mang tính ý thức, có chủ định của con người để làm cho các quy phạm pháp luật đi vào cuộc sống trở thành những hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật” [101, tr.155].

Tuy cách diễn đạt về THPL khác nhau nhưng các khái niệm trên đều có nội hàm tương đối giống nhau. Theo đó, THPL là hoạt động có ý thức, có mục đích của các chủ thể pháp luật nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật. *Đối với chủ thể Nhà nước*, đó là hoạt động để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với xã hội. *Đối với các cá nhân, tổ chức khác*, THPL là hoạt động sử dụng các quyền và thi hành các nghĩa vụ pháp lý theo luật định. THPL có thể mang tính tự giác, tự ý thức của chủ thể pháp luật hoặc cũng có thể do ý chí của Nhà nước buộc các chủ thể phải thực hiện. THPL “được biểu hiện ra bên ngoài bằng các hành vi hợp pháp của chủ thể pháp luật” [101, tr.155], vì thế có thể nói các hành vi của mỗi cá nhân, các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức phù hợp với quy định pháp luật đều được coi là biểu hiện của THPL.

Tóm lại, mặc dù cách diễn đạt ít nhiều khác nhau, song có sự thống nhất cơ bản trong nhận thức về nội hàm, đó là: *THPL là hoạt động có mục đích (có lý trí và ý chí) của chủ thể pháp luật nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật vì lợi ích của chính chủ thể đó và lợi ích của xã hội.*

THPL về TTTM là một dạng của THPL trong một lĩnh vực cụ thể. Đây là hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật về TTTM đi vào thực tiễn đời sống xã hội, chuyển từ nhận thức thành hành vi pháp luật thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Vì vậy, có thể đưa ra khái niệm pháp luật về TTTM như sau:

Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại là một quá trình hoạt động có ý thức, có chủ định của các chủ thể pháp luật để đưa các quy định của pháp luật về trọng tài thương mại vào thực tiễn cuộc sống, trở thành những hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật nhằm giải quyết các tranh chấp phát sinh trong nền kinh tế, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường cũng như lợi ích chung của xã hội.

2.1.2. Đặc điểm của thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Từ góc độ và phạm vi tiếp cận như trên, cho thấy THPL về TTTM có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại được tiến hành bởi nhiều chủ thể có địa vị pháp lý khác nhau

Xây dựng và tổ chức THPL về TTTM là việc thực hiện vai trò của Nhà nước trong điều tiết vĩ mô nền KTTT, là sự bảo đảm mạnh mẽ của Nhà nước trong việc tạo dựng các cơ chế giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm cho nền kinh tế vận hành hiệu quả theo các quy luật của nó và đúng với định hướng của nhà nước. Hiện tại “chức năng bảo đảm bình đẳng, công bằng, chống các hành vi kinh doanh bất hợp pháp, chống độc quyền, bảo vệ người tiêu dùng... đã trở thành một nội dung quan trọng trong hoạt động của các nhà nước hiện đại” [57, tr.377].

Khi tham gia vào quan hệ pháp luật TTTM, các chủ thể pháp luật có địa vị pháp lý không bình đẳng với nhau, trong đó chủ thể thực thi quyền lực nhà nước có quyền tổ chức THPL về TTTM và sử dụng phương pháp quyền uy, mệnh lệnh đối với các chủ thể còn lại.

Các TTTT, TTV là chủ thể THPL về TTTM trên cơ sở tuân thủ sự tổ chức thực hiện của chủ thể nhà nước, được thực hiện các quyền và phải thi hành các nghĩa vụ do pháp luật quy định. Cộng đồng doanh nghiệp và các cá nhân khác có quyền tự quyết định trong việc lựa chọn sử dụng pháp luật về

TTTM để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Tuy có địa vị pháp lý khác nhau nhưng THPL về TTTM cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể pháp luật này để đạt được mục tiêu giải quyết các tranh chấp phát sinh trong nền KTTT.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại luôn thể hiện rõ nét ý chí tự quyết định, tự định đoạt của các chủ thể, đặt trong mối tương quan với ý chí của nhà nước

Pháp luật TTTM là một trong những công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường, bảo vệ cạnh tranh lành mạnh. Về mặt lý luận, pháp luật về TTTM không xây dựng dưới góc độ quy định cách xử sự mà quy định những loại tranh chấp được giải quyết bằng TTTM. Trong THPL về TTTM, các cơ quan có thẩm quyền đại diện cho ý chí của nhà nước, vừa tự mình THPL vừa tổ chức cho các chủ thể khác THPL, tiến hành theo ý chí đơn phương, không phụ thuộc vào ý chí của chủ thể bị áp dụng để cấp phép hoạt động cho các TTTT, hỗ trợ cho hoạt động tổ tụng trọng tài, xử phạt vi phạm hành chính để xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến TTTM, thậm chí nhân danh nhà nước để hủy phán quyết trọng tài. Chủ thể Nhà nước có thẩm quyền sử dụng pháp luật làm công cụ cơ bản và sử dụng phương pháp hành chính, tổ tụng với đặc trưng là quyền uy mệnh lệnh, có tính chất bắt buộc và bảo đảm bằng cưỡng chế của Nhà nước. Cơ quan nhà nước quản lý hoạt động trọng tài có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra hoạt động của các TTTT, hay Tòa án có thể tham gia vào một số công đoạn trong tổ tụng trọng tài.

Tuy thể hiện rõ nét ý chí của chủ thể Nhà nước, nhưng kết quả và hiệu quả THPL về TTTM phụ thuộc phần lớn vào sự lựa chọn và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật trọng tài của các TTTT, TTV, các doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Trong nền KTTT, Nhà nước công nhận và bảo đảm quyền tự do kinh doanh, tự do thỏa thuận, quyền lập và tham gia hiệp hội của các cá nhân, tổ chức kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Doanh nghiệp được quyền quyết định đối với hoạt động kinh doanh của mình mà không phải chịu sự can thiệp hành chính từ cơ quan nhà nước nên càng đòi hỏi sự ý thức, tự giác cao để thực hiện hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

Mặc dù ở các quốc gia có thể có nhiều phương thức giải quyết tranh chấp khác nhau, nhưng khi các chủ thể đã lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp là trọng tài thì sự lựa chọn này phải hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện, tự quyết định, tự định đoạt của các bên tranh chấp mà không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ cơ quan nhà nước hay tổ chức trọng tài nào. Các TTTT hoạt động theo quy định của pháp luật TTMT và quy tắc tổ tụng của chính trung tâm trên cơ sở sự lựa chọn, định đoạt của các bên tranh chấp, Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc nhân danh các bên tranh chấp.

Thứ ba, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại luôn thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa trọng tài với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Về bản chất, một tranh chấp thương mại được giải quyết thành công hay không phụ thuộc vào khả năng của Hội đồng Trọng tài, mức độ hợp tác với Hội đồng Trọng tài của các bên tranh chấp cũng như sự tham gia của các chủ thể khác liên quan đến quá trình giải quyết tranh chấp, nhất là các cơ quan nhà nước có liên quan trực tiếp như: Tòa án, Cơ quan THADS... Do đó, trong quá trình THPL về TTMT, các TTTT luôn có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời và công bằng các tranh chấp. Sự phối hợp này thể hiện rõ nét từ trong quá trình thành lập, tổ chức của các TTTT cho đến hoạt động tổ tụng trọng tài và thực hiện phán quyết trọng tài. Cụ thể, mối quan hệ phối hợp này như sau:

- Phối hợp giữa các Trung tâm/tổ chức trọng tài (tổ chức tư) với các cơ quan quản lý nhà nước (tổ chức công) trong quá trình cấp phép thành lập, quá

trình tổ chức và hoạt động của các trung tâm TTTM, chẳng hạn như hoạt động báo cáo của các tổ chức trọng tài gửi các cơ quan quản lý nhà nước hay hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan này đối với các trung tâm/tổ chức trọng tài...

- Phối hợp giữa Hội đồng Trọng tài, TTTT với Tòa án trong quá trình tố tụng trọng tài, cụ thể như: việc yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời; yêu cầu hỗ trợ thu thập chứng cứ; yêu cầu công nhận phán quyết trọng tài; hủy phán quyết trọng tài...

- Phối hợp giữa Trọng tài với cơ quan THADS trong việc yêu cầu thi hành các phán quyết trọng tài.

Thứ tư, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại vừa có tính chất công khai, vừa mang tính bảo mật, đồng thời đề cao ý chí của các bên tranh chấp trong sử dụng pháp luật trọng tài

Tính công khai trong THPL về TTTM thể hiện ở các nội dung liên quan đến mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước với trọng tài. Cụ thể: công khai trong hồ sơ, quy trình, thủ tục đăng ký thành lập các TTTT; công khai thông tin về cơ cấu tổ chức, bộ máy của các tổ chức trọng tài và danh sách TTV: công khai trong hoạt động hỗ trợ của tòa án đối với trọng tài, xem xét hủy phán quyết trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp khi họ không đồng ý với phán quyết của Hội đồng trọng tài.

Tính bảo mật được bảo đảm trong toàn bộ hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Đây là đặc điểm mang tính đặc trưng của TTTM so với Tòa án. Pháp luật trọng tài của Việt Nam cũng như các nước trên thế giới đều quy định việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được tiến hành không công khai, việc công khai chỉ có thể được thực hiện nếu các bên có thỏa thuận. Để bảo đảm tính bảo mật của tranh chấp, hội đồng trọng tài và các TTV có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin về nội dung vụ tranh chấp mà họ tham gia giải quyết. Thực tiễn cho thấy, với tính bảo mật này, thông tin, danh tính của các bên, các điều khoản

về kinh doanh - thương mại, nội dung hợp đồng có chứa bí mật công nghệ hoặc bí mật kinh doanh không bị tiết lộ. Điều này cho thấy tính bảo mật là một đặc trưng riêng trong THPL về TTTM, đây chính là một ưu việt của trọng tài và là điều mà cộng đồng doanh nghiệp mong chờ, phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của họ nên quyết định lựa chọn trọng tài (vì hầu như các doanh nghiệp đều không muốn công chúng biết về các tranh chấp của mình).

Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp đề cao ý chí của các bên liên quan. Do đó, việc THPL trọng tài cũng đề cao ý chí của các bên. Điều này thể hiện trong quá trình tổ tụng trọng tài, các bên tranh chấp được lựa chọn TTV mà họ mong muốn (thường thì nguyên đơn và bị đơn mỗi bên được chọn một TTV), trọng tài cho phép các bên lựa chọn thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp. Đối với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài các bên còn được lựa chọn ngôn ngữ và luật áp dụng để giải quyết tranh chấp. Như vậy, có thể thấy, so với các phương thức giải quyết tranh chấp khác thì trọng tài có sự tôn trọng, đề cao ý chí của các bên nhất có thể thỏa mãn ý chí, mong muốn của các bên ở mức độ cao nhất, đây cũng chính là một đặc trưng mang tính đặc thù, thể hiện ưu thế của trọng tài và là điều kiện cho việc THPL trọng tài thuận lợi nhất.

Thứ năm, thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại là hoạt động vừa mang tính chất quốc gia vừa mang tính chất quốc tế

Tính chất quốc gia thể hiện ở việc pháp luật TTTM là một phần trong hệ thống pháp luật của các quốc gia. Các hoạt động THPL về TTTM như thành lập TTTT, tổ chức và hoạt động của TTTT, hoạt động tổ tụng trọng tài được quy định và thực hiện theo quy định của pháp luật quốc gia (ví dụ, ở Việt Nam là Luật TTTM năm 2010). Tính chất quốc gia còn thể hiện rõ nét trong hoạt động tổ tụng, khi trọng tài giải quyết các tranh chấp phát sinh trên lãnh thổ một quốc gia mà chủ thể tranh chấp mang quốc tịch của quốc gia đó.

Tính chất quốc tế của THPL TTTM thể hiện ở những dấu hiệu sau:

Một là, khi THPL trọng tài để giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài. Hiện nay, cả lý luận và thực tiễn hoạt động trọng tài thường đề cập đến hai yếu tố chính để xác định tính chất quốc tế của trọng tài, đó là: tính chất của tranh chấp và đặc điểm của chủ thể tham gia tranh chấp.

Về tính chất của tranh chấp: Các sách hướng dẫn về trọng tài được Tòa Trọng tài quốc tế (ICC) xuất bản đã đề cập đến những nội dung về tính chất quốc tế của một tranh chấp như sau:

“Tính quốc tế của Trọng tài không có nghĩa là buộc các bên quan hệ nhất định phải có quốc tịch khác nhau. Hợp đồng vẫn có thể mở rộng phạm vi ra khỏi biên giới quốc gia, khi, ví dụ như: một hợp đồng được ký kết giữa các chủ thể cùng quốc tịch nhưng việc thực hiện hợp đồng lại ở một nước khác, hoặc trong trường hợp, hợp đồng được ký kết giữa một nhà nước và một chi nhánh của một công ty nước ngoài kinh doanh trên lãnh thổ nước đó” [127, tr.19].

Như vậy, có thể thấy ICC đã đưa ra một cách giải thích khá rộng về tính chất “quốc tế” của quan hệ sẽ được giải quyết bằng trọng tài. Theo đó, một quan hệ được coi là có tính quốc tế nếu nó có liên quan đến bất kỳ yếu tố nước ngoài nào như: quan hệ phát sinh ở nước ngoài, thực hiện ở nước ngoài, các bên tham gia quan hệ ở các nước khác nhau, có quốc tịch khác nhau...

Về chủ thể của tranh chấp: đặc điểm này thường được xác định dựa vào hai dấu hiệu chính đó là: quốc tịch của các chủ thể hoặc trụ sở thương mại của các chủ thể hay nơi cư trú thường xuyên của họ.

Luật Mẫu UNCITRAL, quy định tại Điều 1 (3) Trọng tài là quốc tế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- *Trường hợp 1*: “Các bên tham gia thỏa thuận trọng tài, tại thời điểm ký kết thỏa thuận trọng tài đó, có trụ sở kinh doanh ở các nước khác nhau;” [17, Điều 1(3)(a)]

- *Trường hợp 2*: “Một trong những địa điểm sau đây được đặt ở ngoài quốc gia nơi các bên có trụ sở kinh doanh;

(i) Nơi tiến hành trọng tài nếu được xác định trong hoặc theo thoả thuận trọng tài;

(ii) Nơi mà phần chủ yếu của các nghĩa vụ trong quan hệ thương mại được thực hiện hoặc nơi mà nội dung tranh chấp có quan hệ mật thiết nhất” [17, Điều 1(3)(b)];

- *Trường hợp 3*: “Các bên đã thoả thuận rõ ràng vấn đề chủ yếu của thoả thuận trọng tài liên quan đến nhiều nước” [17, Điều 1(3)(c)].

Như vậy, theo quy định của Điều 1(3)(a) của Luật Mẫu UNCITRAL thì tính quốc tế của trọng tài có liên quan tới yếu tố chủ thể, trong khi đó Điều 1(3)(b)(ii) có liên quan tới tính chất quốc tế của tranh chấp.

Hai là, bản thân các phán quyết trọng tài, dù trong hay ngoài nước, đều thể hiện tính chất quốc tế. Lý do là hầu hết các quốc gia hiện đã tham gia Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành các quyết định của trọng tài nước ngoài. Điều này có nghĩa là các quyết định của trọng tài ở một quốc gia sẽ được các quốc gia thành viên của Công ước công nhận. Theo đó: “Công ước này áp dụng đối với việc công nhận và thi hành các quyết định trọng tài được ban hành tại lãnh thổ của một Quốc gia khác với Quốc gia nơi có yêu cầu công nhận và thi hành quyết định trọng tài đó, xuất phát từ các tranh chấp giữa các thể nhân hay pháp nhân” [16, Điều 1]. Và Công ước còn được áp dụng “cho những quyết định trọng tài không được coi là quyết định trong nước tại Quốc gia nơi việc công nhận và thi hành chúng được yêu cầu” [16, Điều 1].

Đây là Công ước quốc tế quan trọng với mục tiêu là bảo đảm giá trị của kết quả giải quyết tranh chấp thương mại xuyên quốc gia khi các bên không tự nguyện thi hành. Vì vậy: “Khi ký kết, phê chuẩn, hoặc gia nhập Công ước này, hoặc thông báo phạm vi áp dụng Công ước theo điều X, bất kỳ Quốc gia nào cũng có thể trên cơ sở có đi có lại tuyên bố rằng Quốc gia đó sẽ áp dụng Công

ước đối với việc công nhận và thi hành các quyết định được đưa ra tại lãnh thổ một Quốc gia thành viên khác mà thôi. Quốc gia đó còn có thể tuyên bố chỉ áp dụng Công ước cho các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp lý dù là quan hệ hợp đồng hay không. Được coi là quan hệ thương mại theo pháp luật quốc gia của Quốc gia đó” [16, Điều 1]. Công ước này có hiệu lực với Việt Nam vào ngày 12/9/1995, có nghĩa là các quyết định của TTTM Việt Nam cũng sẽ được các quốc gia thành viên của Công ước công nhận.

2.1.3. Vai trò của thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Thứ nhất, THPL về trọng tài thương mại góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về trọng tài thương mại đi vào thực tiễn cuộc sống

Từ Đại hội VI đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng, quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền KTTT từ giai đoạn đầu là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, đến nay là nền KTTT định hướng XHCN. Trong quá trình đó, xây dựng và tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT là nhiệm vụ trọng yếu được Đảng quan tâm lãnh đạo Nhà nước thực hiện. Quá trình thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về KTTT, thể chế KTTT định hướng XHCN từng bước được hoàn thiện với hệ thống pháp luật điều chỉnh tất cả các lĩnh vực, hoạt động của nền KTTT, từ thành lập các chủ thể của nền KTTT và hoạt động của nó, đến quá trình tranh chấp xảy ra giữa các chủ thể này và phương thức giải quyết cho đến khi kết thúc hoạt động của các chủ thể trong nền KTTT.

Hệ thống pháp luật tạo nên thể chế của nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam gồm Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật TTTM, Luật Phá sản... Trong hệ thống thể chế của nền KTTT định hướng XHCN, pháp luật về TTTM là bộ phận có vị trí và vai trò quan trọng của thể chế giải

quyết tranh chấp, đây là phương thức (cách thức) giải quyết tranh chấp tư (phi nhà nước) có quy trình đơn giản, thủ tục nhanh chóng, có hiệu quả cao tương thích với cơ chế vận hành của nền KTTT định hướng XHCN.

THPL về TTTM là sự cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về cơ chế giải quyết các tranh chấp trong nền KTTT định hướng XHCN nói chung và phương thức giải quyết tranh chấp bằng TTTM nói riêng. Thông qua hoạt động THPL, những quy định của pháp luật TTTM được hiện thực hoá và đi vào đời sống trở thành những hành vi cụ thể của các chủ thể. Bằng việc THPL TTTM, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về TTTM trở thành hiện thực; và những chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TTTM được phát huy vai trò đối với thực tế vận hành của nền KTTT và đời sống xã hội.

Việc THPL về TTTM góp phần giải quyết các tranh chấp phát sinh trong nền KTTT, giúp chia sẻ áp lực với các cơ quan quản lý nhà nước và Tòa án trong việc giải quyết, xử lý những tranh chấp đang phát sinh ngày càng nhiều hơn trong nền KTTT định hướng XHCN, góp phần làm cho đời sống xã hội trở nên ổn định, trật tự an ninh được bảo đảm, từ đó tạo điều kiện cho đất nước phát triển bền vững.

Thứ hai, THPL về trọng tài thương mại góp phần nâng cao ý thức pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong quá trình tổ chức THPL về TTTM, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật sẽ giúp cho các chủ thể có điều kiện nâng cao ý thức pháp luật, hiểu rõ hơn các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình trong các quan hệ pháp luật về trọng tài. Nhờ đó, họ có thêm công cụ pháp luật quan trọng và có nhiều thuận lợi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đây là cơ sở quan trọng để họ tích cực và chủ động hơn trong việc lựa chọn trọng tài là cơ chế để hòa giải, hoặc giải quyết các tranh chấp gặp phải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để đưa vào các điều khoản xử lý tranh chấp nếu xảy ra.

Trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Nhà nước xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo cơ sở pháp lý để các chủ thể trong xã hội thực hiện các quyền, đồng thời bảo vệ các quyền đó khi bị xâm phạm. Pháp luật TTTM là hệ thống các quy tắc quy định về phương thức giải quyết các tranh chấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tranh chấp trong nền KTTT định hướng XHCN. Thông qua quá trình THPL về TTTM, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các chủ thể được bảo đảm tốt hơn. Các tranh chấp phát sinh được giải quyết nhanh chóng, kịp thời, bảo mật giúp hạn chế tối đa thiệt hại của các chủ thể, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tranh chấp, qua đó góp phần bảo đảm cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể này được thực hiện ổn định và phát triển bền vững.

Thứ ba, THPL về trọng tài thương mại góp phần hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại

THPL về TTTM đưa các quy định của pháp luật về TTTM thành những hành vi hợp pháp của các chủ thể (cá nhân, doanh nghiệp) trong nền KTTT, đưa pháp luật TTTM đi vào cuộc sống bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tranh chấp. Mặt khác, THPL là dịp để xem xét, đánh giá, kiểm tra mức độ hoàn thiện của pháp luật về TTTM, qua đó xác định được các quy định pháp luật chưa phù hợp với thực tiễn của nền KTTT, những quy định còn hạn chế, mâu thuẫn hoặc chồng chéo với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật khác, những quy định còn chưa tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế. Đây là cơ sở để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhằm hoàn thiện pháp luật về TTTM.

Quá trình THPL về TTTM khi giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra trong nền kinh tế, các chủ thể kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót và hạn chế của pháp luật trên các lĩnh vực của nền kinh tế, qua đó giúp cơ quan

nhà nước có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh, sửa đổi các quy định cũ, bổ sung các quy định mới của pháp luật nhằm hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN. Thông qua quá trình THPL về TTTM, những hạn chế và thiếu sót của pháp luật TTTM sẽ bộc lộ ra. Như vậy, những hạn chế đó dễ dàng được phát hiện và được xử lý, từ đó giúp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đưa ra những phương án kịp thời nhằm loại bỏ những quy định lạc hậu không hợp lý, sửa đổi những quy định còn bất cập, bổ sung các quy định mới để pháp luật TTTM ngày càng hoàn thiện hơn.

Thứ tư, THPL về trọng tài thương mại góp phần tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc, toàn diện

Ngày nay, quá trình hội nhập và toàn cầu hóa là xu thế lớn đã, đang tác động mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho các quốc gia, dân tộc tiếp xúc, trao đổi, học tập, tiếp thu những giá trị, tinh hoa của nhau, giúp đỡ, hỗ trợ nhau để cùng phát triển. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với Việt Nam bắt đầu từ quá trình hội nhập kinh tế đến hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng.

TTTM là phương thức giải quyết tranh chấp có tính quốc tế cao, Việt Nam cũng đã tham gia Công ước New York 1958. Do đó pháp luật nước ta cũng dần tương thích với các chuẩn mực của pháp luật quốc tế. Việc THPL về TTTM góp phần tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế toàn diện và sâu rộng hơn. Các đối tác quốc tế yên tâm hơn khi đầu tư sản xuất kinh doanh tại Việt Nam, tránh được các rủi ro pháp lý khi phát sinh tranh chấp bởi có cơ chế giải quyết tranh chấp quốc tế. THPL về TTTM cho phép các chủ thể tranh chấp ở Việt Nam khi lựa chọn trọng tài nước ngoài giải quyết thì phán quyết đó vẫn được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. THPL về TTTM cũng tạo điều kiện và cơ sở pháp lý cho các tổ chức trọng tài nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Điều này làm tăng vị thế, uy tín của pháp luật TTTM và các tổ chức trọng tài nước ta, qua đó tạo môi trường pháp lý thuận lợi để đẩy mạnh hội nhập quốc tế

sâu rộng không chỉ trên lĩnh vực kinh doanh, thương mại mà còn các lĩnh vực khác được pháp luật trọng tài cho phép các bên lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Tóm lại, THPL về TTTM được thể hiện trên nhiều góc độ, có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau, đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững của nền KTTT ở Việt Nam.

2.2. CHỦ THỂ, NỘI DUNG, CÁC HÌNH THỨC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

2.2.1. Chủ thể thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Chủ thể THPL về TTTM là các cá nhân, cơ quan, tổ chức mà theo quy định của pháp luật về TTTM, có những quyền, nghĩa vụ, và trách nhiệm pháp lý cụ thể trong việc tham gia vào các quan hệ pháp luật phát sinh trong việc: lựa chọn và sử dụng phương thức trọng tài để giải quyết tranh chấp; tiến hành tổ tụng trọng tài để giải quyết tranh chấp; tổ chức, quản lý và hỗ trợ hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; thực hiện các hoạt động hỗ trợ, giám sát hoặc can thiệp theo quy định của pháp luật đối với tổ tụng trọng tài; thi hành các quyết định, phán quyết của trọng tài; quản lý nhà nước về lĩnh vực trọng tài thương mại.

Như vậy, chủ thể THPL về TTTM là tất cả các cá nhân và tổ chức mà hành vi, hoạt động của họ được pháp luật về trọng tài thương mại điều chỉnh và thông qua hành vi, hoạt động đó, các quy định của pháp luật về TTTM được đưa vào thực tiễn cuộc sống. Các chủ thể này có vị trí pháp lý khác nhau, cụ thể gồm:

Thứ nhất, chủ thể là trọng tài viên và các tổ chức trọng tài

Các tổ chức (trung tâm) trọng tài và TTV là chủ thể chủ yếu THPL về TTTM, toàn bộ hoạt động THPL đều xoay quanh chủ thể này, trong đó TTV đóng vai trò then chốt, là chủ thể quan trọng, không thể thiếu trong hoạt động THPL về TTTM.

Trọng tài viên là người (cá nhân) được các bên lựa chọn hoặc được TTTT hay Tòa án chỉ định để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật quốc gia. Một cá nhân muốn trở thành TTV cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn do pháp luật quốc gia quy định. Thông thường, các TTV phải đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chủ thể (gồm đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự), về trình độ, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm (ví dụ, Luật TTTM Việt Nam năm 2010 quy định tại khoản 1, Điều 20 như sau: Trọng tài viên phải đáp ứng hai tiêu chuẩn sau: “a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự; b) Có trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ 5 năm trở lên” [5]. Khi THPL về TTTM, TTV có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật quốc gia và Điều lệ của TTTT, trong đó phải bảo đảm các nghĩa vụ độc lập, vô tư, khách quan khi giải quyết các tranh chấp, bảo mật thông tin vụ việc tranh chấp và tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Trung tâm trọng tài là tổ chức tư (phi chính phủ, phi nhà nước) do các sáng lập viên là các cá nhân có đủ điều kiện làm TTV đăng ký với cơ quan nhà nước để được cấp phép thành lập. Sau khi có quyết định thành lập, trung tâm đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước và công bố thành lập trên các phương tiện thông tin. Theo quy định và thông lệ quốc tế cũng như pháp luật trọng tài của các nước trên thế giới thì hoạt động của TTTT không vì mục đích lợi nhuận. TTTT là tổ chức có tư cách pháp nhân. Cơ cấu tổ chức bộ máy của TTTT do pháp luật quốc gia và Điều lệ của Trung tâm quy định, thông thường gồm có Ban điều hành và Ban thư ký và các bộ phận khác tùy quy mô hoạt động của trung tâm, có danh sách TTV. Pháp luật của các nước cũng như của Việt Nam đều cho các TTTT được phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.

Là chủ thể chính trong THPL về TTTM, TTTT thể hiện vai trò xuyên suốt của mình thông qua việc tổ chức, điều phối hoạt động giải quyết tranh chấp

bằng Trọng tài quy chế và hỗ trợ TTV về các mặt hành chính, văn phòng và các trợ giúp khác trong quá trình tổ tụng trọng tài. Cùng các quyền hạn cụ thể như sau: Xây dựng điều lệ và quy tắc tổ tụng của TTTT; Xây dựng tiêu chuẩn TTV và quy trình xét chọn, lập danh sách TTV, xóa tên TTV trong danh sách TTV; Chỉ định TTV để thành lập Hội đồng trọng tài; Chỉ định TTV để thành lập Hội đồng trọng tài; bảo đảm kinh phí hoạt động trọng tài; Cung cấp dịch vụ trọng tài, hoà giải và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác; Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho TTV; cung cấp các dịch vụ hành chính, lưu trữ hồ sơ và thực hiện các nghĩa vụ với cơ quan quản lý nhà nước...

Thứ hai, chủ thể Nhà nước

THPL về TTTM là một công việc thuộc về chức năng của nhà nước trong nền KTTT. Để THPL về TTTM, ở mỗi quốc gia, Nhà nước thiết lập cơ quan để THPL về TTTM. Các cơ quan nhà nước tham gia THPL về TTTM theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quốc gia quy định. Thông thường ở các quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam các cơ quan này bao gồm:

- *Tòa án*: thực hiện chức năng hỗ trợ và giám sát đối với hoạt động trọng tài theo quy định của pháp luật, không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà trọng tài đã giải quyết. Ví dụ, ở Việt Nam, Tòa án thực hiện việc: Hỗ trợ chỉ định/thay đổi Trọng tài viên: Can thiệp khi các bên hoặc Trung tâm trọng tài không thể chỉ định/thay đổi Trọng tài viên theo quy định; Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời: Quyết định theo yêu cầu của các bên hoặc của Hội đồng trọng tài; Hỗ trợ thu thập chứng cứ khi Hội đồng trọng tài hoặc các bên không thể tự mình thu thập được; Xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài; Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo Công ước New York 1958 và pháp luật Việt Nam.

- *Cơ quan THADS*: có chức năng bảo đảm phán quyết trọng tài (trong nước) được thực thi trên thực tế nếu bên phải thi hành không tự nguyện. Ví dụ, ở Việt Nam, cơ quan THADS thuộc Bộ Tư pháp, có chức năng sau: Tiếp nhận

yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài từ bên được thi hành; Áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo Luật THADS để buộc bên phải thi hành thực hiện nghĩa vụ theo phán quyết trọng tài.

- *Cơ quan quản lý nhà nước* có chức năng quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của trọng tài ().

Ví dụ, ở Việt Nam, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về TTTM, Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về TTTM và các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về TTTM. Cơ quan nhà nước trực tiếp tham gia THPL về TTTM là các đơn vị trực thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các địa phương tiến hành các hoạt động: cấp phép, giám sát hoạt động của Trung tâm trọng tài, quản lý danh sách TTV.

Thứ ba, chủ thể ;à các bên tranh chấp (doanh nghiệp, cá nhân tham gia quan hệ thương mại)

Doanh nghiệp là chủ thể chủ yếu THPL về TTTM với vai trò là các bên tranh chấp sử dụng pháp luật TTTM qua việc lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp phát sinh giữa họ. Doanh nghiệp là tên gọi chung cho các thực thể kinh doanh, có thể là tổ chức kinh doanh hay cá nhân kinh doanh, bao gồm cả doanh nghiệp sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành, lĩnh vực do nhà nước độc quyền và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...không phân biệt sở hữu, cơ cấu tổ chức hay là lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Thỏa thuận về việc lựa chọn trọng tài (thỏa thuận trọng tài) chỉ diễn ra khi các doanh nghiệp giao kết các hợp đồng mà trong đó có điều khoản về giải quyết tranh chấp là bằng phương thức trọng tài tại một tổ chức trọng tài, trọng tài vụ việc, hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các doanh nghiệp thỏa thuận lựa chọn trọng tài là phương thức để giải quyết tranh chấp. Pháp luật TTTM của

hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, quy định các doanh nghiệp không bị hạn chế khi lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp. Chủ thể này trực tiếp tham gia THPL trọng tài từ khi tranh chấp giữa họ được trọng tài thụ lý giải quyết, quá trình tổ tụng trọng tài đến khi có phán quyết trọng tài và thực thi phán quyết trọng tài, và cả trong trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Thứ tư, chủ thể các tổ chức hiệp hội và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Các hiệp hội không phải là cá nhân, tổ chức kinh doanh nên không phải là một bên tham gia trong giải quyết tranh chấp tại trọng tài. Tuy nhiên, hiệp hội là một tổ chức được thành lập vì lợi ích chung của các thành viên, có thể phối hợp hoạt động giữa các thành viên, nên rất thuận lợi cho những hoạt động liên kết, hợp tác. Do đó, hiệp hội có vai trò rất đặc biệt trong THPL về TTTM. Các hiệp hội tham gia hỗ trợ trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa các doanh nghiệp là thành viên của hiệp hội, ví dụ như hòa giải, cũng như tham gia vào quá trình tổ tụng trọng tài với tư cách là bên có quyền và nghĩa vụ liên quan trong việc chứng minh các vấn đề mà trọng tài cần làm rõ hay cung cấp chứng cứ liên quan...

Các tổ chức, cá nhân khác tham gia THPL trọng tài với tư cách là bên thứ ba có liên quan trong quy trình tổ tụng trọng tài giải quyết tranh chấp. Các cá nhân, tổ chức (bên thứ ba) này tham gia với nhiều tư cách khác nhau như: Luật sư/Người đại diện theo ủy quyền (thay mặt hoặc hỗ trợ các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ trong tổ tụng trọng tài, tư vấn pháp luật về TTTM); bên có quyền và nghĩa vụ liên quan; bên giám định, bên (người) làm chứng. Vai trò của các chủ thể này chủ yếu giới hạn trong việc thực hiện các quy định về tổ tụng trọng tài để giải quyết tranh chấp.

Pháp luật TTTM của hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, đều xác định các hiệp hội, các tổ chức, cá nhân khác là những chủ thể tham gia THPL về TTTM.

Tóm lại, THPL về TTTM được tiến hành bởi nhiều chủ thể theo từng nội dung pháp luật và dưới tất cả các hình thức: Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Trong thực tế, sự phân định bốn hình thức THPL chỉ mang tính tương đối, điểm chung ở đây là việc THPL về TTTM luôn trên cơ sở các nguyên tắc tự nguyện, tự giác, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của các chủ thể.

2.2.2. Nội dung thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Để xác định nội dung THPL về TTTM chúng ta cần tìm hiểu và phân tích nội dung pháp luật về TTTM. Theo quy định của pháp luật TTTM của các quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam thì nội dung của pháp luật TTTM thường xoay quanh các vấn đề về thành lập, của các tổ chức trọng tài, hoạt động giải quyết tranh chấp của trọng tài (tổ tụng trọng tài), phán quyết trọng tài, mối quan hệ giữa trọng tài với Tòa án và các vấn đề liên quan. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án chủ yếu tập trung các nhóm nội dung sau:

Một là, thực hiện các quy định về thành lập, tổ chức trung tâm trọng tài thương mại và trọng tài viên

- Thực hiện các quy định về thành lập TTTT

Thực hiện quy định của pháp luật về thành lập các TTTT là việc các chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan căn cứ các quy định của pháp luật tiến hành các hoạt động đăng ký thành lập TTTT. Để thành lập các TTTT các sáng lập viên phải bảo đảm đủ các điều kiện gồm số lượng thành viên tối thiểu, các tiêu chuẩn về trình độ của sáng lập viên; đồng thời chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép thành lập. Ở hầu hết các nước, trong đó có Việt Nam, hoạt động này thông thường gồm các bước như sau: *Bước 1*, nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy phép thành lập TTTT; *Bước 2*, đăng ký hoạt động và công bố thành lập TTTT.

- Thực hiện quy định về tổ chức TTTT và TTV

Trọng tài được tổ chức theo hai mô hình: Trọng tài thường trực (có trụ sở thường trực) và Trọng tài vụ việc (không có trụ sở thường trực, chỉ giải quyết

các vụ việc theo yêu cầu và tự giải thể khi giải quyết xong). Điểm chung là tất cả các tổ chức trọng tài đều là các tổ chức xã hội - nghề nghiệp chứ không phải cơ quan nhà nước. Các tổ chức này tham gia giải quyết các tranh chấp theo sự thỏa thuận, yêu cầu của các bên. Trong hoạt động, các tổ chức trọng tài không được nhân danh quyền lực nhà nước.

Trong mô hình tổ chức trọng tài thường trực, các TTTT có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở, có thể có chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước, có Điều lệ, Quy tắc tổ tụng trọng tài, có Ban điều hành với danh sách các TTV. Trong quá trình tổ chức và hoạt động, TTTT có chức năng tổ chức, điều phối hoạt động giải quyết tranh chấp; hỗ trợ TTV về hành chính, văn phòng và các trợ giúp khác trong tổ tụng trọng tài.

TTV phải bảo đảm các tiêu chuẩn về năng lực, trình độ theo quy định của pháp luật trọng tài. TTV có các quyền và nghĩa vụ sau: Chấp nhận hoặc từ chối giải quyết tranh chấp; Độc lập trong việc giải quyết tranh chấp; Từ chối cung cấp các thông tin liên quan đến vụ tranh chấp; Được hưởng thù lao; Giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình giải quyết, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Bảo đảm giải quyết tranh chấp vô tư, nhanh chóng, kịp thời; Tuân thủ những quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

Hai là, thực hiện các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động của trọng tài

Quy định về quản lý nhà nước đối với trọng tài thương bao gồm các nội dung sau:

(i) xem xét hồ sơ đăng ký thành lập TTTT có hay không đủ điều kiện, trong thời hạn luật định, áp dụng các quy định của pháp luật ra quyết định cho phép thành lập TTTT.

(ii) thực hiện các biện pháp kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức trọng tài và TTV;

(iii) triển khai các hoạt động hỗ trợ đối với trọng tài, là đầu mối để tổ chức, thúc đẩy hợp tác quốc tế về TTTM.

Ba là, thực hiện các quy định về hoạt động giải quyết tranh chấp của trọng tài

- Thực hiện quy định về thẩm quyền của Trọng tài, điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Thông thường ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, TTTM có thẩm quyền giải quyết các vụ tranh chấp sau: “(1) Tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại giữa các bên; (2) Tranh chấp mà trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; và (3) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài” [5, Điều 2].

Điều kiện tiên quyết để trọng tài thụ lý giải quyết vụ theo đúng thẩm quyền của mình đó là phải có thỏa thuận lựa chọn trọng tài (thỏa thuận trọng tài) hợp lệ do các chủ thể đúng thẩm quyền của các bên tranh chấp ký.

- Thực hiện các quy định về nguyên tắc của tổ tụng trọng tài

Việc giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài thông thường phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau đây:

(1) Tranh chấp được giải quyết tại trọng tài nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên có thỏa thuận lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết (thỏa thuận trọng tài);

(2) Hình thức giải quyết tranh chấp bằng Hội đồng Trọng tài (trọng tài quy chế hoặc trọng tài vụ việc);

(3) Khi giải quyết tranh chấp, TTV phải độc lập, khách quan, vô tư, phải căn cứ vào pháp luật và tôn trọng thỏa thuận của các bên.

- Thực hiện các quy định về áp dụng luật để giải quyết vụ tranh chấp

Thông thường ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, pháp luật quy định đối với vụ tranh chấp giữa các bên mang quốc tịch của nước nào thì Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật của nước đó để giải quyết tranh chấp. Đối với vụ

tranh chấp có yếu tố nước ngoài thì Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn. Nếu các bên không lựa chọn được luật để giải quyết thì Hội đồng Trọng tài quyết định. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà quốc gia là thành viên có quy định khác với quy định của pháp luật về trọng tài của quốc gia thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

- Thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục tổ tụng trọng tài

THPL về trình tự, thủ tục tổ tụng trọng tài gồm những giai đoạn cơ bản sau đây: (i) Khởi kiện, tự bảo vệ, khởi kiện lại; (ii) Thành lập và hoạt động của Hội đồng Trọng tài; (iii) Phiên họp giải quyết tranh chấp và phán quyết trọng tài. Cụ thể:

(i) *Thực hiện các quy định về khi khởi kiện*, nguyên đơn thực hiện các bước theo quy định từ nộp đơn khởi kiện, các tài liệu liên quan, bản tự bảo vệ, nộp tạm ứng phí trọng tài. Việc khởi kiện phải bảo đảm thời hiệu. Bị đơn có quyền kiện lại nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

(ii) *Thực hiện các quy định về thành lập và hoạt động của Hội đồng Trọng tài thương mại*.

Hội đồng Trọng tài (Hội đồng) có thể bao gồm một hoặc nhiều TTV (chọn theo số lẻ) theo sự thỏa thuận của các bên. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về số lượng TTV thì Hội đồng bao gồm 03 người. Theo đó mỗi bên tranh chấp sẽ chọn một TTV, hai TTV sẽ thỏa thuận chọn một TTV làm chủ tịch Hội đồng. Nếu hai TTV này không thỏa thuận được người làm chủ tịch Hội đồng thì sẽ do TTTT hoặc Tòa án chỉ định.

(iii) *Thực hiện quy định về phiên họp giải quyết tranh chấp và phán quyết trọng tài*

Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp không công khai. Trường hợp có sự đồng ý của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể cho phép những người khác tham dự phiên họp.

Phán quyết trọng tài là quyết định cuối cùng của Hội đồng giải quyết toàn bộ vụ tranh chấp, có hiệu lực kể từ ngày công bố. Phán quyết trọng tài có thể được công bố ngay tại phiên họp cuối cùng hoặc sau đó (ví dụ: quy định của Việt Nam là không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng). Toàn văn Phán quyết trọng tài phải được gửi chuyển cho các bên ngay sau ngày công bố.

Bốn là, thực hiện các quy định về hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài trong hoạt động tố tụng giải quyết tranh chấp. Cụ thể gồm các nội dung sau:

- Thực hiện các quy định về hỗ trợ của tòa án đối với trọng tài trong giai đoạn tố tụng

Trong tiến trình tố tụng của trọng tài, vai trò hỗ trợ của Tòa án thực hiện ở các nội dung sau: Xem xét khiếu nại của các bên về Thỏa thuận trọng tài, thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài; Hỗ trợ trong việc chỉ định và thay đổi TTV; Xem xét yêu cầu áp dụng, thay đổi, hủy bỏ một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời; Hỗ trợ yêu cầu thu thập chứng cứ trong trường hợp Hội đồng trọng tài không thể thu thập hoặc chủ thể lưu giữ chứng cứ không giao nộp; Triệu tập người làm chứng nếu có yêu cầu.

- Thực hiện các quy định về hỗ trợ của tòa án trong vấn đề liên quan đến phán quyết trọng tài. Bao gồm: Hỗ trợ trong việc đăng ký công nhận phán quyết trọng tài đối với trọng tài vụ việc; Tòa án hỗ trợ giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại quốc gia các phán quyết, quyết định của trọng tài nước ngoài.

- Thực hiện các quy định về hủy phán quyết trọng tài

Trong trường hợp khi có một bên không đồng ý với Phán quyết thì có thể làm đơn yêu cầu Tòa án hủy Phán quyết trọng tài. Theo pháp luật của hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, Tòa án có thể ra quyết định hủy Phán quyết trọng tài nếu bên yêu cầu chứng minh được: Không có thỏa thuận trọng tài; Thỏa thuận trọng tài vô hiệu; Thành phần của Hội đồng Trọng tài, quá trình tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên; Vụ tranh chấp không

thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài; Trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp, có TTV vi phạm nghĩa vụ; Quyết định trọng tài trái với lợi ích công cộng và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia.

Năm là, thực hiện các quy định về thi hành Phán quyết trọng tài

Nếu bên phải thi hành Phán quyết trọng tài không tự nguyện thi hành, thông thường bên được thi hành có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án cấp có thẩm quyền nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành, thi hành Phán quyết trọng tài.

Trình tự, thủ tục và thời hạn thi hành Phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật trọng tài và pháp luật về THADS. Theo quy định của pháp luật về THADS của các nước và thông lệ quốc tế cũng như quy định của pháp luật Việt Nam, Phán quyết trọng tài có giá trị thi hành như đối với quyết định, phán quyết của Tòa án.

2.2.3. Các hình thức thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Hình thức THPL về TTTM là *cách thức biểu hiện ra bên ngoài của các chủ thể THPL* để đưa các quy định của pháp luật về TTTM vào thực tiễn cuộc sống. Theo lý luận về nhà nước và pháp luật, căn cứ vào tính chất của các hoạt động THPL có thể chia thành bốn hình thức THPL sau: Tuân thủ pháp luật; chấp hành pháp luật; sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Cũng từ phương diện lý luận về nhà nước và pháp luật, các hình thức THPL về TTTM thể hiện như sau:

Thứ nhất, tuân thủ pháp luật về trọng tài thương mại

Tuân thủ pháp luật về TTTM là hình thức THPL, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không thực hiện hành vi mà pháp luật TTTM cấm. Việc các chủ thể pháp luật tự kiềm chế là những xử sự thụ động, tự ghép mình vào tập thể, vào xã hội, đặt lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, tập thể lên trên lợi ích cá nhân, lợi ích bộ phận, cục bộ. Pháp luật của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, có quy định mọi tổ chức và công dân không được thực hiện những hành

vi nguy hiểm cho xã hội, không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. Đó thông thường cũng là những điều cấm trong pháp luật TTTM của các quốc gia.

Thứ hai, thi hành pháp luật về trọng tài thương mại

Thi hành (chấp hành) pháp luật TTTM là hình thức THPL trong đó các chủ thể thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình với hành động tích cực. Đây là các nghĩa vụ pháp lý mang tính đương nhiên của các TTV, các TTTT, của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; là bổn phận và trách nhiệm mà các chủ thể phải thực hiện theo quy định của pháp luật TTTM.

Hình thức thi hành pháp luật được thực hiện đối với những điều luật quy định về nguyên tắc và trách nhiệm thực hiện về TTTM. Đối với các TTTT, TTV, đó là việc chấp hành nguyên tắc giải quyết tranh chấp khách quan, trung thực, bảo mật thông tin, không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể và phải tuân theo các khuôn khổ pháp lý về TTTM. Đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ngoài việc chấp hành nguyên tắc tôn trọng quyền lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp, tôn trọng hoạt động của các TTTT, hình thức thi hành pháp luật được thực hiện đối với các điều luật quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong việc quản lý nhà nước về trọng tài.

Pháp luật TTTM của các quốc gia mang tính chất tư (luật tư), bởi đây là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện lý thuyết “bàn tay hữu hình”, nhằm tác động, can thiệp và điều tiết thị trường. Dù vậy, việc quản lý nhà nước đối với hoạt động trọng tài vẫn cần thiết (đặc biệt là đối với Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN thì vai trò quản lý của Nhà nước để giữ vững định hướng XHCN lại càng cần thiết), và cần được thực hiện một cách chủ động, tích cực để qua đó góp phần bảo đảm hoạt động trọng tài phát triển lành mạnh, đúng pháp luật.

Thứ ba, sử dụng pháp luật về trọng tài thương mại

Sử dụng pháp luật về TTTM là hình thức THPL, trong đó các chủ thể pháp luật sử dụng các quyền năng pháp lý, tức là tiến hành những hành vi mà pháp luật TTTM cho phép để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nếu các chủ thể không sử dụng quyền của mình thì pháp luật cũng không bắt buộc. Nói cách khác, việc sử dụng pháp luật về trọng tài là quyền mà không phải là nghĩa vụ của chủ thể: “Không ai có quyền ép buộc chủ thể phải thực hiện quyền của họ và việc chủ thể không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ, không hiệu quả các quyền của mình cũng không dẫn đến bất kỳ một trách nhiệm pháp lý nào” [53, tr.16].

Sử dụng pháp luật TTTM thể hiện cụ thể qua các việc như: Các chủ thể sử dụng quyền của mình để đăng ký thành lập TTTT; sử dụng quyền của mình để tổ chức và vận hành hoạt động của các tổ chức/TTTT; sử dụng quyền để thỏa thuận lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể nếu phát sinh; sử dụng quyền để khởi kiện vụ tranh chấp đến trọng tài, yêu cầu thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời; sử dụng đúng thẩm quyền của chủ thể để tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp; sử dụng quyền của chủ thể để yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Thứ tư, áp dụng pháp luật về trọng tài thương mại

Áp dụng pháp luật về TTTM là một hình thức THPL đặc biệt, theo đó, cơ quan có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật TTTM, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật để tạo ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật cụ thể trong lĩnh vực TTTM theo những thủ tục, trình tự luật định. Áp dụng pháp luật là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước, được thực hiện thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà chức trách hoặc các tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền nhằm cá biệt

hóa các quy phạm pháp luật vào các trường hợp cụ thể đối với cá nhân, tổ chức cụ thể.

Để tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật về TTTM, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các hoạt động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau: (i) Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về TTTM; (ii) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các chính sách có liên quan đến TTTM; (iii) Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về các trung tâm/tổ chức trọng tài; (iv) Cấp phép hoạt động cho các TTTT; (v) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về TTTM; (vi) Giải quyết khiếu nại đối với các quyết định xử lý vụ việc về hoạt động trọng tài; (vii) Thực hiện các yêu cầu hỗ trợ trong hoạt động tổ tụng trọng tài và thi hành phán quyết trọng tài.

Bên cạnh hoạt động áp dụng pháp luật của chủ thể nhà nước thì các TTTT, Hội đồng Trọng tài, TTV cũng là chủ thể thực hiện việc áp dụng pháp luật TTTM. Sự khác biệt trong hoạt động áp dụng pháp luật của trọng tài đó là không nhân danh quyền lực nhà nước mà nhân danh các bên tranh chấp để áp dụng pháp luật.

Các trường hợp áp dụng pháp luật TTTM được hiểu là một dạng THPL quan trọng, chỉ được thực hiện theo quy định chặt chẽ của pháp luật để tránh sai sót hoặc tùy tiện, cụ thể như sau:

Một là, áp dụng pháp luật trong trường hợp cần sử dụng các biện pháp cưỡng chế bằng những chế tài đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật về TTTM.

Hai là, áp dụng pháp luật khi các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý cụ thể không tự phát sinh nếu không có sự tác động của trọng tài. Ví dụ, các TTTT áp dụng pháp luật để thụ lý hồ sơ các vụ việc tranh chấp giữa các chủ thể có quyền và nghĩa vụ pháp lý mà họ chọn lựa trọng tài để giải quyết; Hội đồng

Trọng tài, TTV áp dụng pháp luật trong quá trình tố tụng trọng tài để giải quyết tranh chấp, ra các phán quyết.

Ba là, áp dụng pháp luật khi xảy ra tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật TTTM mà họ không tự giải quyết được. Ví dụ, việc áp dụng pháp luật của Tòa án đối với một số hoạt động trong quá trình tố tụng trọng tài, hay quyết định, bản án của Tòa án về việc hủy phán quyết trọng tài.

Bốn là, áp dụng pháp luật trong trường hợp Nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia quan hệ pháp luật TTTM, hoặc Nhà nước cần xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một số sự việc, sự kiện thực tế. Ví dụ như các hoạt động cấp phép thành lập và quản lý hoạt động của các TTTT theo quy định của pháp luật TTTM.

2.2.4. Điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

2.2.4.1. Bảo đảm về chính trị

Bảo đảm về chính trị là sự bảo đảm về định hướng chính trị của đảng cầm quyền đối với pháp luật và THPL về TTTM. Pháp luật TTTM ra đời và phát triển trong nền KTTT và THPL về TTTM là thực thi những quy định pháp luật trong thực tiễn với mục tiêu bảo vệ trật tự thị trường. Vì thế, bảo đảm về chính trị đối với THPL về TTTM thể hiện qua chủ trương, đường lối chính sách của đảng cầm quyền về xây dựng và phát triển nền kinh tế nói chung, cũng như xây dựng và hoàn thiện thể chế của nền kinh tế nói riêng.

Ví dụ, ở Việt Nam, định hướng chính trị của Đảng Cộng sản đối với pháp luật và THPL về TTTM thể hiện qua quyết tâm hình thành đồng bộ cơ chế quản lý nền KTTT định hướng XHCN, quản lý nền kinh tế bằng công cụ pháp luật “tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh”. Các quan điểm, đường lối của Đảng về những vấn đề đó được thể hiện trong các văn kiện của Đảng trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, mức độ đề cập theo từng thời kỳ có thể đậm nhạt khác nhau, nhưng luôn nhất quán kể từ những

bước đổi mới tư duy của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

2.2.4.2. Bảo đảm về con người

Bảo đảm về con người bao gồm toàn bộ các yếu tố liên quan đến con người nhằm THPL về TTTM, bao gồm con người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về TTTM cho đến con người trong các TTTT và các bên sử dụng phương thức trọng tài để giải quyết tranh chấp phát sinh, trong đó đội ngũ TTV là nhân tố quyết định đến hiệu quả THPL về TTTM.

Bảo đảm về con người trong THPL về TTTM đòi hỏi Nhà nước phải hỗ trợ nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động trọng tài cũng như đội ngũ công chức của tòa án như: thư ký, thẩm phán và các cá nhân thực hiện các công tác liên quan đến hoạt động trọng tài và thi hành phán quyết trọng tài. Đồng thời, Nhà nước phối hợp với các tổ chức/các TTTT và các cơ sở giáo dục chuyên ngành để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, ngoại ngữ, kỹ năng giải quyết tranh chấp, đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ TTV và các chủ thể khác có liên quan bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho việc THPL về TTTM đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần phối hợp tạo điều kiện hỗ trợ việc thành lập các hiệp hội trọng tài của nước mình nhằm thúc đẩy sự phát triển của hoạt động TTTM nói chung và đội ngũ TTV nói riêng; cũng như xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các Bộ quy tắc đạo đức mẫu về nghề nghiệp TTV.

2.2.4.3. Bảo đảm về pháp lý

Để THPL về TTTM thực sự hiệu quả, bên cạnh việc bảo đảm các điều kiện về chính trị và con người, việc bảo đảm về pháp lý cũng có vai trò rất quan trọng. THPL là đưa pháp luật vào cuộc sống, vì vậy, điều kiện đầu tiên cần có là một hệ thống pháp luật hoàn thiện. Chất lượng của hệ thống các văn

bản quy phạm pháp luật về TTTM là một trong những cơ sở bảo đảm cho việc THPL trong lĩnh vực chuyên ngành này đạt được hiệu quả, đồng thời cho phép dự báo được khả năng hiện thực hóa các quy định pháp luật này trong thực tiễn đời sống.

Có thể đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật về TTTM dựa vào các tiêu chí cơ bản đó là: tính toàn diện, tính đồng bộ, thống nhất, tính phù hợp và trình độ kỹ thuật pháp lý để bảo đảm tính khả thi của pháp luật trong thực tiễn.

Tính toàn diện thể hiện ở chỗ pháp luật TTTM có cấu trúc chặt chẽ, có đủ các chế định cần thiết, mỗi chế định có đủ quy phạm pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại được giải quyết bằng TTTM, bảo đảm không có khoảng trống. Tính toàn diện cũng được thể hiện qua việc ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn chi tiết cho văn bản luật TTTM để khi chúng có hiệu lực thì cũng có đủ các điều kiện để có thể được tổ chức thực hiện. Xét chung, tính toàn diện đòi hỏi bất cứ một quan hệ xã hội nào phát sinh trong lĩnh vực TTTM đều phải được điều chỉnh bởi pháp luật. Tuy nhiên, bản thân pháp luật dù hoàn thiện đến mấy cũng không thể tiên liệu được tất cả các tình huống xảy ra trong thực tiễn, vì vậy đòi hỏi pháp luật về TTTM phải có tính bao quát trên nền tảng các nguyên tắc cơ bản để có thể áp dụng cho những trường hợp chưa có quy phạm pháp luật điều chỉnh trên thực tiễn.

Tính đồng bộ, thống nhất thể hiện ở chỗ các bộ phận cấu thành hệ thống pháp luật về TTTM không được trùng lặp, chồng chéo và mâu thuẫn với nhau; đồng thời các bộ phận này phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một thể thống nhất. Pháp luật về TTTM phải được thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước, không có sự phân biệt vùng, miền, và phải phù hợp với các quy định của các văn bản pháp luật trên các lĩnh vực khác của quốc gia. Pháp luật về TTTM phải có tính ổn định tương đối, không sửa đổi liên tục, không

thay thế bất ngờ nhằm góp phần tạo sự thống nhất, ổn định cho việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Hệ thống pháp luật TTTM cũng cần phải bảo đảm tính hiện đại, đạt trình độ tiệm cận với các chuẩn mực pháp lý quốc tế, đồng thời phải phù hợp với các đặc thù riêng về kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia; ngôn ngữ pháp lý phải chính xác, thống nhất cách diễn đạt, rõ ràng, dễ hiểu, không chung chung, không quy định lại nội dung đã quy định ở văn bản quy phạm pháp luật khác.

Hệ thống pháp luật về TTTM toàn diện, đồng bộ, phù hợp, được xây dựng ở trình độ kỹ thuật pháp lý cao là cơ sở bảo đảm tính khả thi để việc THPL về TTTM được triệt để, thông suốt và hiệu quả.

2.2.4.4. Bảo đảm về văn hóa và xã hội

THPL về TTTM còn chịu sự tác động của yếu tố về văn hóa và xã hội. Trình độ nhận thức và ý thức pháp luật của các chủ thể kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá kinh doanh cũng như tập quán, quan niệm xã hội đều có tác động không nhỏ đến THPL về TTTM.

Thông thường ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam, văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân thể hiện qua các chuẩn mực tốt đẹp như: Kinh doanh đúng pháp luật, tạo được uy tín đối với khách hàng, tạo việc làm cho người lao động... Những chuẩn mực văn hóa kinh doanh tốt đẹp đó là cơ sở để doanh nghiệp tuân thủ, chấp hành pháp luật. Khi trình độ nhận thức của các chủ thể sản xuất, kinh doanh được nâng cao thì họ có khả năng sử dụng các quyền mà pháp luật về TTTM quy định, từ đó không chỉ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình mà còn góp phần bảo vệ lợi ích công cộng thông qua việc cùng tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc xây dựng môi trường văn hoá - xã hội, bồi dưỡng đạo đức kinh doanh, tạo cho các chủ thể kinh doanh và toàn xã hội có quan niệm đúng về văn hoá kinh doanh, nâng cao trình độ, nhận thức (ý thức pháp luật) của các chủ thể về

pháp luật về TTTM để cộng đồng doanh nghiệp có thông tin, hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về một phương thức giải quyết tranh chấp tiến bộ mang tính quốc tế là TTTM.

2.2.4.5. Bảo đảm về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính

Trong mọi hoạt động của các cơ quan, tổ chức, để bảo đảm thực thi pháp luật đều cần có kinh phí và cơ sở vật chất. Các yếu tố này ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả hoạt động THPL.

Yếu tố cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn lực tài chính cũng ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả THPL về TTTM, bởi nếu kinh phí, cơ sở vật chất không đủ, không phù hợp thì các chủ thể có thẩm quyền khó có thể bảo đảm tiến độ triển khai nhiệm vụ, cũng như các cơ quan nhà nước, tổ chức trọng tài, doanh nghiệp, người dân khó có thể tham gia THPL.

Để bảo đảm cho hoạt động của các tổ chức TTTT theo hướng chuyên nghiệp, nhất thiết cần quan tâm đến cơ sở vật chất của các trung tâm đó. Ở hầu hết quốc gia, trong đó có Việt Nam, hoạt động của các TTTT theo cơ chế tự chủ về tài chính, trong đó phí trọng tài là nguồn thu chính để bảo đảm kinh phí cho hoạt động. Điều này thường dẫn đến trường hợp ở các quốc gia có các TTTT không thụ lý được nhiều vụ tranh chấp cho nên nguồn thu ít hoặc không có, dẫn đến hạn chế khả năng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, cũng như khả năng bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ của TTV. Trong những trường hợp đó, Nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ, trực tiếp hoặc gián tiếp (ví dụ như thông qua chính sách thuế), với các TTTT gặp khó khăn về nguồn thu. Một số quốc gia đã thực hiện chính sách như vậy. Ví dụ, ở Trung Quốc, các Ủy ban trọng tài được Nhà nước hỗ trợ về trụ sở cũng như phương tiện làm việc trong thời gian đầu trước khi tự hoạt động. Nhiều nước ở châu Á như Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Philippines cũng hỗ trợ cho hoạt động trọng tài khá hiệu quả.

2.3. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.3.1. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở một số nước trên thế giới

2.3.1.1. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Anh

Anh là quốc gia đại diện tiêu biểu cho trường phái pháp luật Anh-Mỹ (Common Law). Trong hệ thống pháp luật của Anh, văn bản pháp luật đầu tiên liên quan đến trọng tài phải kể đến Luật Trọng tài năm 1967, nhưng vào thời điểm đạo luật này được thông qua, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đã được sử dụng khá phổ biến. Phán quyết đầu tiên của trọng tài ở Anh được đưa ra vào thời điểm năm 1610. Luật trọng tài của nước Anh sau đó được liên tiếp sửa đổi, bổ sung theo hướng trao quyền tự do hơn cho hoạt động trọng tài trong mối liên hệ với Tòa án.

Hiện nay, tại Vương quốc Anh, Đạo luật Trọng tài 1996 là văn bản pháp lý chủ đạo điều chỉnh hầu hết các hoạt động trọng tài có địa điểm tại Anh, xứ Wales và Bắc Ireland, cùng Đạo luật trọng tài (Scotland) 2010. Đạo luật này được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của Luật mẫu UNCITRAL về TTTM quốc tế nhưng đồng thời cũng giữ lại những đặc điểm riêng biệt của thông luật Anh. Vấn đề THPL về TTTM tại nước này được khái quát qua những nội dung như sau:

Thứ nhất, về thỏa thuận trọng tài

Điều 5 yêu cầu thỏa thuận trọng tài phải được lập “bằng văn bản” (in writing), nhưng khái niệm này được diễn giải rộng, bao gồm cả trao đổi thư, telex, fax, email hoặc các phương tiện ghi lại thỏa thuận khác. Tòa án có xu hướng tìm cách công nhận hiệu lực thỏa thuận nếu có bằng chứng về ý định của các bên.

Thứ hai, về địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, tại Điều 3, Luật Trọng tài năm 1996 quy định về địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

có nghĩa là địa điểm có tính pháp lý được xác định dựa trên: “i. Thỏa thuận lựa chọn của các bên trong thỏa thuận trọng tài, hoặc; ii. Lựa chọn của bất kỳ trọng tài hoặc tổ chức nào khác hoặc người được các bên ủy quyền trong vấn đề đó, hoặc; iii. Lựa chọn của Hội đồng Trọng tài nếu được các bên ủy quyền hoặc được tự xác định địa điểm giải quyết tranh chấp, trong trường hợp các bên không có bất kỳ thỏa thuận lựa chọn nào” [69, tr.76-82].

Luật Trọng tài năm 1996 của Anh không có quy định nào yêu cầu các thủ tục, trình tự các bước tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp và xem xét các chứng cứ phải thực tế diễn ra tại địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Ngoài ra, Luật Trọng tài năm 1996 của Anh cũng có một số quy định liên quan đến địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại khoản 3 - 5 Điều 52 như sau: “Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận nào khác, phán quyết trọng tài phải được lập thành văn bản và có chữ ký của tất cả các TTV - hoặc tất cả TTV đồng ý với phán quyết đó, phán quyết phải nêu rõ lý do, địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và ngày ban hành phán quyết” [121]; và tại điểm b khoản 2 Điều 100 nêu rõ: “Một phán quyết được coi như ban hành tại điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, bất kể nó đã được ban hành ở đâu, gửi đi, hoặc giao cho bất kỳ bên nào” [121].

Từ phân tích trên cho thấy, Luật của Anh nhìn nhận địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” mà không phải là địa điểm được xác định theo vị trí địa lý. Do đó, mặc dù các bên có thỏa thuận chọn địa điểm trọng tài tại nước khác nhưng theo quy định nêu trên thì các TTV vẫn có thể xét xử trực tuyến và việc này không ảnh hưởng đến việc xác định địa điểm giải quyết tranh chấp về mặt pháp lý là tại nước nào. Khi đó, phán quyết trọng tài được tuyên trực tuyến sẽ không bị xem là vi phạm tố tụng trọng tài và có thể được công nhận và cho thi hành tại Anh.

Thứ ba, về phạm vi, theo Luật Trọng tài của Anh năm 1996, một số loại tranh chấp không thể đưa ra trọng tài.

Chúng bao gồm các vụ án hình sự, ly thân, ly hôn, trong đó hạn chế các quyền của chủ đất để phát triển tài sản của họ. Thông thường, các Tòa án sẽ xác định xem tài liệu tranh chấp có thể gửi tới trọng tài, nhưng trong điều kiện nhất định Tòa án có thể quyết định. Việc xác định nội dung tranh chấp có thuộc thẩm quyền phán quyết của Trọng tài hay không có thể được các bên tranh chấp yêu cầu xem xét. Ngoài ra, trong quá trình trọng tài, “một bên có thể yêu cầu cho các tòa án, hoặc (với thỏa thuận hoặc sự cho phép của Tòa án) đến tòa án, phản đối về việc hội đồng trọng tài không có thẩm quyền. Cuối cùng, một bên có thể chống lại phán quyết của trọng tài tại tòa án hoặc chống lại việc thi hành phán quyết của trọng tài trên cơ sở là các trọng tài đã thiếu thẩm quyền với nội dung phán quyết” [126, tr.6].

Chính vì không có khung pháp lý cụ thể nào khác ngoài Đạo luật về Trọng tài năm 1996 nên việc xem xét thẩm quyền của trọng tài tại Anh phụ thuộc nhiều vào các án lệ. Trong quá khứ, các vụ tranh chấp liên quan đến vấn đề hôn nhân, gia đình thường không được đưa ra giải quyết tại trọng tài. Sở dĩ như vậy vì trong vụ *Hyman kiện Hyman* (*Hyman v Hyman*), mặc dù thỏa ước ly thân của một cặp vợ chồng có đề cập đến việc phân xử tranh chấp tại trọng tài, nhưng tòa án vẫn nêu trong phán quyết rằng “thẩm quyền của tòa án xét xử cho phép người vợ được ly hôn là quyền đương nhiên, không chỉ vì lợi ích của người vợ” [133].

Thứ tư, quy định về hủy bỏ phán quyết trọng tài theo Luật Trọng tài năm 1996

Luật Trọng tài năm 1996 quy định về căn cứ hủy bỏ phán quyết trọng tài rất nghiêm ngặt, có ba căn cứ, đó là: “Tòa án thiếu thẩm quyền xét xử thực chất theo Điều 67; có một sự bất thường nghiêm trọng ảnh hưởng đến tòa án, tố tụng hoặc phán quyết theo Điều 68; kháng cáo lên tòa án về một câu hỏi của pháp luật theo Điều 69” [121]. Tại Điều 69 cho phép các bên tự kháng cáo trước Tòa án về câu hỏi của pháp luật Anh. Thực tế, mục đích của điều này là để bảo đảm rằng các tòa án trọng tài đang áp dụng đúng luật của nước Anh và

tòa án có thể tiếp tục phát triển luật của Anh thông qua trọng tài. Điều 69 có thể được loại trừ trước khi bắt đầu hoặc trong quá trình tố tụng trọng tài.

Thứ năm, vai trò quan trọng của hệ thống tòa án Anh đối với TTTM thể hiện sự chuyên nghiệp và đáng tin cậy

Tòa án Anh thể hiện sự tôn trọng rõ ràng đối với quy trình trọng tài và ý chí của các bên, thể hiện qua việc áp dụng nghiêm ngặt Điều 9 (đình chỉ tố tụng) và diễn giải hẹp các căn cứ thách thức phán quyết. Các thẩm phán Tòa Thương mại có chuyên môn sâu và kinh nghiệm dày dặn trong việc xử lý các vụ việc thương mại phức tạp, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến trọng tài.

Tóm lại, việc THPL về TTTM ở Anh được bảo đảm bởi Đạo luật 1996 cung cấp một khuôn khổ toàn diện, rõ ràng và tương đối dễ tiếp cận; Sự ủng hộ mạnh mẽ từ Tư pháp thể hiện qua thái độ thân thiện và tôn trọng trọng tài của tòa án là một lợi thế lớn; Hệ thống thông luật và án lệ phong phú tạo sự tin cậy cao; cùng với Đội ngũ thẩm phán, luật sư, trọng tài viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm quốc tế.

2.3.1.2. Thực hiện pháp luật về trọng tài ở Pháp

Pháp là quốc gia đại diện tiêu biểu cho trường phái pháp luật Châu Âu lục địa (Civil Law), vì vậy có hệ thống pháp luật dân sự rất phát triển. Pháp không có Luật Trọng tài riêng mà vấn đề trọng tài được quy định trong Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong Bộ luật Dân sự Pháp, Chương XVI có một mục là “*Thỏa thuận trọng tài*” (gồm 3 điều từ Điều 2059 đến Điều 2061), còn trong Bộ luật Tố tụng dân sự Pháp, Quyển số IV “*Trọng tài*” (Từ Điều 1442 đến Điều 1527).

Những nội dung liên quan đến THPL về TTTM tại Pháp có thể được khái quát như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền của trọng tài

Thẩm quyền của trọng tài được quy định từ Điều 2059 đến Điều 2061 Bộ luật Dân sự Pháp. Đặc biệt, Điều 2059 quy định khẳng định: “Mọi người đều có thể giao cho trọng tài giải quyết tranh chấp đối với các quyền mà mình tùy ý

định đoạt” [52, tr.400]. Điều 2060 của Bộ luật: “Không thể giao cho trọng tài giải quyết tranh chấp đối với các vấn đề về tình trạng và năng lực hành vi của con người, vấn đề ly hôn và ly thân hoặc những tranh chấp liên quan đến chính quyền hoặc đơn vị sự nghiệp công và mọi lĩnh vực liên quan đến trật tự công nói chung. Tuy nhiên, các đơn vị sự nghiệp công hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại có thể được cho phép giải quyết tranh chấp bằng trọng tài bởi một Nghị định” [52, tr.400-401].

Thứ hai, vấn đề “phân biệt giữa giải quyết tranh chấp theo luật và giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng”

Bộ luật Tổ tụng dân sự của Pháp quy định về thẩm quyền giải quyết theo lẽ công bằng cho trọng tài như sau: “Trọng tài giải quyết tranh chấp phù hợp với quy tắc pháp luật, trừ khi các bên trao quyền cho trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng” [118, Điều 1478]. Trước khi quy định này được ban hành, tại Pháp đã có nhiều quan điểm khác nhau về sự khác biệt giữa giải quyết tranh chấp theo luật và giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng. Về vấn đề này, một số học giả Pháp đã đưa ra quan điểm cho rằng: “Giải quyết tranh chấp theo luật cũng không khác gì với giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng; bởi vì, trong giải quyết tranh chấp theo luật đã có công bằng và trong giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng cũng phải tuân thủ quy định của pháp luật” [62, tr.201-203]. Quan điểm này là hợp lý bởi trên thực tế, để giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng thì nhất thiết phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án phúc thẩm Paris của Pháp đã nêu quan điểm như sau: “Thỏa thuận cho phép trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng là một sự từ bỏ mang tính thỏa thuận đối với những hiệu lực và lợi ích của luật, các bên mất quyền yêu cầu áp dụng một cách nghiêm khắc pháp luật và từ đó trọng tài nhận được thẩm quyền sửa đổi hoặc điều tiết những hậu quả của những quy định của hợp đồng khi mà yếu tố công bằng hoặc lợi ích chung của các bên đòi hỏi” [113]. Theo quan điểm này, giải pháp được đưa ra theo lẽ công bằng được

đánh giá là ít nặng nề, phù hợp với mong muốn của các bên hơn so với giải pháp được đưa ra bởi trọng tài áp dụng theo quy định của pháp luật. Nhận thức được vấn đề đó, Pháp đã cho phép trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng theo thỏa thuận của các bên.

Thứ ba, về các vấn đề liên quan đến phán quyết trọng tài quốc tế

Tại Pháp, luật quy định không xem xét việc phán quyết trọng tài bị hủy tại nước ngoài là cơ sở để từ chối công nhận và cho thi hành. Pháp luật trọng tài của nước này phân định rõ hai trường hợp là: phán quyết trọng tài quốc tế được đưa ra ở Pháp và phán quyết trọng tài quốc tế đưa ra ở nước ngoài, từ đó xác định Tòa có thẩm quyền đối với việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài quốc tế, cụ thể là “phán quyết trọng tài chỉ được công nhận và cho thi hành bởi tòa án tư pháp nơi phán quyết được đưa ra hoặc từ tòa án tư pháp Paris khi phán quyết được đưa ra ở nước ngoài” [118, Điều 1516]. Như vậy, ở Pháp chỉ duy nhất Tòa tư pháp Paris có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Tuy nhiên, chỉ có phán quyết trọng tài quốc tế được đưa ra ở Pháp mới có thể bị yêu cầu hủy bỏ. Điều 1518 Bộ luật Tổ tụng dân sự Pháp quy định: “Phán quyết được đưa ra ở Pháp trong các vấn đề trọng tài quốc tế chỉ có thể là đối tượng của một hành động hủy bỏ” [118] nếu thuộc các trường hợp sau: “i) Hội đồng trọng tài sai thẩm quyền hoặc không đủ thẩm quyền, hoặc; ii) Hội đồng trọng tài được thành lập bất thường (cơ cấu Hội đồng trọng tài không phù hợp), hoặc; iii) Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết mà không tuân thủ nhiệm vụ được giao phó, hoặc; iv) Vi phạm thủ tục tố tụng, hoặc; v) Việc công nhận hoặc thi hành phán quyết trái với trật tự công cộng quốc tế” [118, Điều 1520]. Đối với phán quyết của trọng tài quốc tế được đưa ra ở nước ngoài thì quyết định của Tòa án về việc công nhận và cho thi hành tại Pháp vẫn có thể bị kháng cáo. Điều 1525 quy định: “Quyết định về yêu cầu công nhận hoặc thi hành phán quyết trọng tài được đưa ra ở nước ngoài có thể bị kháng cáo” [118] và

“Tòa phúc thẩm chỉ có thể từ chối công nhận hoặc cho thi hành phán quyết trọng tài trong những trường hợp quy định tại điều 1520” [118]. Một điểm đặc biệt của pháp luật Pháp (Điều 1526 Bộ luật Tổ tụng dân sự) là việc nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết không tự động làm tạm ngừng việc thi hành phán quyết đó. Bên yêu cầu hủy phải chứng minh được rằng việc thi hành ngay lập tức có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền lợi của mình thì mới có thể được tòa án chấp thuận tạm ngừng thi hành. Điều này ngăn chặn việc lạm dụng thủ tục hủy phán quyết để trì hoãn nghĩa vụ thi hành. Và quan trọng là, Tòa án Pháp không xem xét lại nội dung vụ việc khi xử lý đơn yêu cầu hủy phán quyết. Việc đánh giá chứng cứ hay áp dụng luật nội dung là thuộc thẩm quyền duy nhất của Hội đồng trọng tài.

Theo pháp luật của Pháp, việc xác định yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là quyền mà không phải nghĩa vụ của các bên, do đó các bên có thể từ bỏ quyền của mình. Tại Điều 1522 Bộ luật Tổ tụng dân sự của Pháp quy định: “Bằng một thỏa thuận đặc biệt, các bên có thể, tại bất kỳ thời điểm nào, từ bỏ một cách rõ ràng quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài”[118]. Như vậy, có thể thấy pháp luật của Pháp cho phép các bên có thể thỏa thuận về việc từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Thỏa thuận về việc từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải được thể hiện qua hợp đồng bằng văn bản giữa các bên, theo đó, các bên không được thỏa thuận từ bỏ quyền phản đối phán quyết trọng tài nói chung mà phải nêu rõ loại phản đối mà họ đồng ý từ bỏ (tức là các trường hợp/điều kiện/căn cứ cụ thể để hủy phán quyết trọng tài mà họ từ bỏ quyền yêu cầu hủy). Dù vậy, Pháp cũng vẫn cho phép kháng cáo lên Tòa án phúc thẩm đối với quyết định giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Thậm chí còn cho phép kháng cáo đối với cả quyết định không hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, cũng tại Điều 1522 quy định: “Trong trường hợp này, họ vẫn có thể kháng cáo quyết định hủy phán quyết trọng tài vì một trong những lý do được quy định tại Điều 1520” [118].

Thứ tư, sự hiệu quả của hệ thống trọng tài Pháp thể hiện rõ qua cách pháp luật được thực thi ở từng giai đoạn

Khi thực hiện quy định về thỏa thuận trọng tài, Tòa án Pháp có xu hướng diễn giải thỏa thuận trọng tài một cách rộng rãi và ủng hộ hiệu lực của nó (*interpretation in favorem arbitrandum*). Ngay cả khi thỏa thuận có thể không rõ ràng, tòa án sẽ cố gắng tìm ra ý định chung của các bên là giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Các yêu cầu về hình thức đối với thỏa thuận trọng tài quốc tế là rất linh hoạt.

Pháp luật và thực tiễn xét xử tại Pháp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập Hội đồng trọng tài cũng như hỗ trợ tích cực và hiệu quả quá trình tổ tụng giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài khi cần thiết.

Việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài là lĩnh vực mà sự ủng hộ trọng tài của Pháp thể hiện rõ nét nhất. Trong đó, thủ tục *exequatur* (cho thi hành) phán quyết trọng tài quốc tế tại Pháp thường nhanh chóng và đơn giản. Còn đối với phán quyết của trọng tài nước ngoài, Pháp là thành viên tích cực của Công ước New York 1958. Tòa án Pháp áp dụng Công ước một cách nhất quán và theo hướng có lợi cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết. Các căn cứ từ chối được diễn giải rất hẹp.

Quá trình THPL về trọng tài ở Pháp thể hiện vai trò tích cực và chuyên nghiệp của hệ thống tòa án, đặc biệt là Tòa án Tư pháp Paris và Tòa Phúc thẩm Paris. Các thẩm phán tại Paris, đặc biệt là những người làm việc tại các phòng chuyên trách về trọng tài quốc tế, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm dày dặn về lĩnh vực này. Đặc biệt là thái độ ủng hộ trọng tài là một “văn hóa trọng tài” thấm nhuần trong giới thẩm phán Pháp. Họ nhìn nhận trọng tài không phải là đối thủ cạnh tranh mà là một phương thức giải quyết tranh chấp bổ sung, cần được hỗ trợ để hoạt động hiệu quả.

Tóm lại, việc THPL về TTTM ở Pháp có hiệu quả bởi các yếu tố: Khung pháp lý rõ ràng, hiện đại cùng với hệ thống án lệ ổn định mang lại sự chắc chắn cho các bên; Thái độ ủng hộ mạnh mẽ từ tòa án đảm bảo các thỏa thuận trọng

tài được tôn trọng và phán quyết trọng tài (cả trong nước và nước ngoài) dễ dàng được thi hành; Vai trò của *juge d'appui* (thẩm phán hỗ trợ) và các quy định về can thiệp hạn chế của tòa án giúp quá trình trọng tài diễn ra thông suốt, ít bị cản trở bởi các thủ tục tố tụng song song tại tòa án; Có cơ chế (hủy phán quyết) để bảo vệ các bên khỏi những sai sót nghiêm trọng về tố tụng hoặc vi phạm các nguyên tắc cơ bản (trật tự công quốc tế và cơ sở hạ tầng phát triển với đội ngũ luật sư, trọng tài viên quốc tế đông đảo, giàu kinh nghiệm. Do đó, có thể khẳng định việc THPL về TTTM tại Pháp là một điển hình thành công về sự kết hợp hài hòa giữa một khung pháp lý hiện đại, linh hoạt với một hệ thống tư pháp chuyên nghiệp, hiệu quả và có thái độ ủng hộ mạnh mẽ đối với trọng tài.

2.3.1.3. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Trung Quốc

Trung Quốc là nước láng giềng lớn nhất của Việt Nam, có nhiều điểm tương đồng về chính trị, xã hội, văn hoá và kinh tế. Trung Quốc có quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền KTTT XHCN thành công, trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Hệ thống pháp luật Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng và đi trước nước ta trên lĩnh vực pháp luật kinh tế nói chung, pháp luật trọng tài nói riêng. Luật Trọng tài của Trung Quốc được thông qua năm 1994 và có hiệu lực từ năm 1995. Luật này có quy định rõ ràng về trọng tài trong nước và trọng tài có yếu tố nước ngoài. Chương VII của Luật Trọng tài Trung Quốc quy định những điều khoản về trọng tài có yếu tố nước ngoài, theo đó, nếu tranh chấp không thuộc phạm vi được quy định trong Chương VII, những quy định khác của Luật sẽ được áp dụng. Luật Trọng tài của nước này không dựa trên Luật Mẫu UNCITRAL mà quy định phù hợp với Công ước New York mà Trung Quốc phê chuẩn năm 1986 (có hiệu lực năm 1987) và Công ước Washington về giải quyết các tranh chấp liên quan đến đầu tư năm 1992 (có hiệu lực năm 1993).

Theo Tổ chức Trọng tài quốc tế (International Arbitration), “pháp luật về trọng tài Trung Quốc được đặc trưng bởi bốn cơ chế thực thi khác nhau liên

quan đến việc thi hành phán quyết trọng tài trong nước, thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, việc thi hành phán quyết trọng tài có yếu tố nước ngoài và các phán quyết được thực hiện tại Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan” [128]. Trong thực tế, phán quyết của Trọng tài liên quan đến nước ngoài bao gồm yếu tố nước ngoài mà phán quyết của trọng tài trong nước không có và cần xác định. Theo pháp luật Trung Quốc, việc xác định yếu tố nước ngoài được thực hiện khi xảy ra tranh chấp giữa ít nhất một bên không phải là người Trung Quốc hay quan hệ pháp lý diễn ra ở nước ngoài hoặc đối tượng tranh chấp nằm ở nước ngoài.

Những tranh chấp không được phân xử bằng trọng tài tại nước này được quy định như sau: “Các tranh chấp sau đây có thể không được phân xử bằng trọng tài: 1. Tranh chấp hôn nhân, nhận con nuôi, giám hộ, cấp dưỡng và thừa kế; 2. Tranh chấp hành chính mà pháp luật yêu cầu phải được xử lý bởi các cơ quan hành chính” [18, Điều 3]. Những tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài bao gồm giải quyết tranh chấp thương mại và tranh chấp về quyền tài sản giữa cá nhân, pháp nhân, tổ chức. Việc đệ trình lên trọng tài để giải quyết tranh chấp sẽ dựa trên sự thỏa thuận của cả hai bên và thỏa thuận trọng tài đạt được giữa họ. Nếu không có thỏa thuận trọng tài ủy ban trọng tài sẽ không thụ lý vụ việc.

Phán quyết của trọng tài sẽ có hiệu lực từ ngày ban hành quyết định. Về nguyên tắc, các bên sẽ không được kháng cáo phán quyết của trọng tài. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, phán quyết trọng tài có thể bị tòa án có thẩm quyền hủy vì những lý do sau: không có thỏa thuận trọng tài; phán quyết nằm ngoài phạm vi của thỏa thuận trọng tài hoặc thẩm quyền của TTV; bằng chứng dựa trên phán quyết là giả mạo; bên kia không có quyền thu thập bằng chứng mà điều này ảnh hưởng đến tính công bằng của trọng tài; trọng tài tham nhũng, nhận hối lộ hoặc đưa ra phán quyết bất hợp pháp.

Khác với trọng tài nước ngoài, phán quyết trọng tài trong nước có thể bị hủy bỏ sau khi xem xét các tình tiết của vụ việc và các bên có nghĩa vụ thi hành

phán quyết trọng tài. Nếu một bên không tuân thủ phán quyết, bên kia có thể nộp đơn lên tòa án có thẩm quyền để thi hành phán quyết. Trung Quốc cũng là một bên tham gia Công ước New York năm 1958, do đó, phán quyết trọng tài của các quốc gia thành viên Công ước có thể được công nhận và thi hành tại Trung Quốc và ngược lại [132].

Quá trình THPL về trọng tài ở Trung Quốc được tạo điều kiện và hỗ trợ từ Tòa án nhân dân tối cao (SPC). Đặc biệt các diễn giải Tư pháp của Tòa án nhân dân tối cao (SPC): SPC đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hướng dẫn áp dụng thống nhất Luật Trọng tài thông qua việc ban hành các diễn giải tư pháp (Judicial Interpretations) [131]. Các diễn giải này làm rõ những điểm còn mơ hồ trong luật, giải quyết các vấn đề pháp lý mới phát sinh và thường thể hiện thái độ ngày càng ủng hộ trọng tài (pro-arbitration). Một số diễn giải quan trọng liên quan đến hiệu lực thỏa thuận trọng tài, phạm vi xem xét của tòa án khi hủy phán quyết, và việc thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

Pháp luật trọng tài Trung Quốc được thực hiện bởi một mạng lưới các tổ chức trọng tài (ủy ban trọng tài) khá phát triển, cả ở cấp quốc gia và địa phương. Một số tổ chức hàng đầu bao gồm: (i) Ủy ban Trọng tài Kinh tế và Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC) là tổ chức trọng tài lâu đời, lớn nhất và có uy tín quốc tế nhất tại Trung Quốc; (ii) Trung tâm Trọng tài Quốc tế Bắc Kinh (BIAC/BAC); (iii) Trung tâm Trọng tài Quốc tế Thượng Hải (SHIAC); (iv) Tòa Trọng tài Quốc tế Thâm Quyển (SCIA); (v) Các Ủy ban Trọng tài Địa phương khác: Hầu hết các tỉnh và thành phố lớn đều có ủy ban trọng tài riêng, phục vụ nhu cầu giải quyết tranh chấp tại địa phương[131]..

Tóm lại, THPL về trọng tài của Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu là bởi các yếu tố sau:

Thứ nhất, khung pháp lý tương đối hoàn thiện và phù hợp thông lệ: Luật Trọng tài 1994 và các diễn giải của SPC đã tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc, thừa nhận các nguyên tắc trọng tài cơ bản được quốc tế công nhận.

Thứ hai, thái độ ngày càng ủng hộ trọng tài của Tòa án (Pro-arbitration stance): Đặc biệt là Tòa án nhân dân Tối cao (SPC) và các Tòa án cấp cao. SPC đã thiết lập "cơ chế báo cáo" (reporting system), theo đó các tòa án địa phương khi xem xét việc từ chối công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài hoặc hủy phán quyết trọng tài có yếu tố nước ngoài phải báo cáo lên Tòa án cấp cao hơn hoặc SPC để phê duyệt. Cơ chế này nhằm hạn chế sự can thiệp không đúng đắn và chủ nghĩa bảo hộ địa phương.

Thứ ba, sự phát triển của các tổ chức trọng tài chuyên nghiệp: Các trung tâm như CIETAC, SHIAC, SCIA, BIAC đã xây dựng được uy tín và năng lực xử lý các vụ việc phức tạp.

Thứ tư, Gia tăng nhận thức và sự chấp nhận trọng tài: Cộng đồng doanh nghiệp, luật sư và cả cơ quan nhà nước ngày càng nhận thức rõ hơn về lợi ích và quy trình của trọng tài.

2.3.1.4. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Singapore

Singapore là quốc gia có nền kinh tế - thương mại phát triển hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, là thành viên của ASEAN. Hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật trọng tài nói riêng của nước này chịu ảnh hưởng bởi hệ thống thông luật (Common Law), đạt trình độ hoàn thiện và phát triển cao trên thế giới. Singapore có hai luật điều chỉnh về TTTM, gồm Luật Trọng tài quốc tế năm 1994 (IAA) được áp dụng với TTTM quốc tế được giải quyết trên lãnh thổ nước này, và Luật Trọng tài Singapore năm 1953 (AA) áp dụng đối với trọng tài nội địa. So sánh hai luật này, có thể thấy quy định của Luật Trọng tài quốc tế năm 1994 có sự hạn chế hơn việc can thiệp của Tòa án vào quá trình trọng tài so với Luật Trọng tài năm 1953. Điểm then chốt của IAA là việc áp dụng gần như toàn bộ Luật mẫu UNCITRAL với một số sửa đổi và bổ sung phù hợp với bối cảnh Singapore. Việc THPL về TTTM giúp nước này trở thành một trong những trung tâm trọng tài thương mại quốc tế hàng đầu thế giới. Một số khía cạnh trong quy định pháp luật TTTM và quá trình THPL về TTTM sau thể hiện chuẩn mực quốc tế và ưu thế của trọng tài Singapore:

Thứ nhất, về thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Theo Luật Trọng tài của Singapore, mọi tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại có thể được giải quyết bằng trọng tài với sự đồng ý của các bên, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài được coi là trái với chính sách công. Hơn nữa, nếu đạo luật quy định rằng bất kỳ tòa án nào cũng có thẩm quyền đối với một vấn đề nhưng không đề cập đến thẩm quyền của TTV, thì điều khoản đó không tự nó tước bỏ quyền tài phán của bất kỳ tòa án nào. Sự việc đã được giải quyết bằng trọng tài. Năm 2019, Luật Trọng tài quốc tế năm 1994 của Singapore đã được sửa đổi, bổ sung trường hợp các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ cũng có thể được giải quyết tại trọng tài (phần 26B, IAA).

Ở Singapore, các vấn đề không thể giải quyết bằng trọng tài vì trái với chính sách công không được quy định cụ thể trong các luật thành văn, mà được tổng kết qua các án lệ. Theo đó, các vấn đề liên quan đến chính sách công và không thể giải quyết bằng trọng tài bao gồm: “Quyền công dân, hôn nhân, giấy phép theo luật định, phá sản hay vấn đề trách nhiệm hình sự” [73].

Thứ hai, về thỏa thuận trọng tài

Luật Trọng tài của Singapore đều yêu cầu thỏa thuận trọng tài phải được thể hiện dưới dạng văn bản và cụ thể: “Thỏa thuận trọng tài được lập bằng văn bản nếu nội dung của nó được ghi nhận bằng một hình thức nhất định, dù bản thân thỏa thuận hoặc hợp đồng đã được ký kết bằng miệng hay không, căn cứ vào một ứng xử hoặc bất kỳ cách thức nào khác”[19]. Điều 2A IAA diễn giải rộng khái niệm “thỏa thuận bằng văn bản”, bao gồm cả các hình thức điện tử, phù hợp với thực tiễn thương mại hiện đại.

Thứ ba, quy định về trọng tài khẩn cấp

Mặc dù không quy định trực tiếp trong IAA, khung pháp lý của Singapore hoàn toàn tương thích và hỗ trợ những quy tắc của các tổ chức trọng tài (như SIAC) về việc chỉ định trọng tài viên khẩn cấp để giải quyết các yêu cầu cấp bách trước khi Hội đồng trọng tài chính thức được thành lập. Phán quyết của

Trọng tài viên khẩn cấp có thể được thi hành theo điều 19B IAA sửa đổi bổ sung năm 2019.

Thứ tư, các vấn đề liên quan đến phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài quốc tế ban hành tại Singapore là cuối cùng và ràng buộc (Điều 19B IAA). Quan trọng nhất, không có quyền kháng cáo phán quyết trọng tài về nội dung vụ việc hay sai sót về mặt pháp lý. Việc thách thức phán quyết chỉ có thể thực hiện thông qua thủ tục yêu cầu hủy phán quyết (setting aside) tại Tòa Thượng thẩm.

Các căn cứ để hủy phán quyết được quy định nghiêm ngặt tại Điều 34(2) Luật mẫu (được dẫn chiếu tại Điều 24 IAA và Phụ lục thứ nhất của IAA). Các căn cứ này chủ yếu liên quan đến các vi phạm nghiêm trọng về tố tụng (ví dụ: mất năng lực của một bên, thỏa thuận trọng tài không hợp lệ, vi phạm quy tắc tố tụng cơ bản như không được tạo cơ hội trình bày vụ việc), vấn đề thẩm quyền (phán quyết vượt quá phạm vi thỏa thuận), hoặc phán quyết trái với trật tự công (public policy) của Singapore.

Thứ năm, các quy định và quá trình THPL thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ đối với trọng tài

- *Quy định về tính bảo mật (Confidentiality)*: Không giống như Luật mẫu gốc, IAA (Điều 22, 23 - được bổ sung sau này) quy định rõ về nghĩa vụ bảo mật của trọng tài viên và các bên đối với các vấn đề liên quan đến tố tụng trọng tài, trừ một số ngoại lệ nhất định. Điều này tăng cường tính hấp dẫn của Singapore đối với các bên coi trọng sự kín đáo.

- *Miễn trừ trách nhiệm*: theo điều 25 IAA quy định miễn trừ trách nhiệm cho trọng tài viên (trừ trường hợp hành động thiếu trung thực - bad faith), tạo sự an tâm cho trọng tài viên khi thực hiện nhiệm vụ.

- *Sự hỗ trợ, ủng hộ của Tòa án đối với trọng tài*

Quyền hạn hỗ trợ của Tòa án: theo điều 12A IAA trao quyền cho Tòa Thượng thẩm (High Court) ban hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời để hỗ trợ tố tụng trọng tài, ngay cả khi địa điểm trọng tài không phải ở Singapore.

Đình chỉ Tổ tụng tại Tòa án: theo điều 6 IAA quy định việc đình chỉ tổ tụng tại tòa án là bắt buộc khi có thỏa thuận trọng tài quốc tế hợp lệ, trừ các trường hợp thỏa thuận "vô hiệu, không hiệu lực hoặc không thể thực hiện được". Tòa án Singapore áp dụng tiêu chuẩn này rất cao, thể hiện rõ thái độ ủng hộ mạnh mẽ hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Xu hướng diễn giải luôn theo hướng có lợi cho trọng tài (*pro-arbitration*).

Diễn giải hẹp về “Trật tự công”: Tòa án Singapore diễn giải khái niệm "trật tự công" một cách rất hẹp, chỉ bao gồm các nguyên tắc cơ bản nhất về công lý và đạo đức của Singapore, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Việc vi phạm trật tự công hiếm khi được chấp nhận làm căn cứ hủy phán quyết. Thái độ này củng cố mạnh mẽ tính chung thẩm của phán quyết trọng tài.

Công nhận và Cho thi hành: Singapore là thành viên tích cực của Công ước New York 1958. Phần III của IAA điều chỉnh việc thi hành phán quyết trọng tài theo Công ước. Tòa án Singapore có hồ sơ ấn tượng về việc ủng hộ thi hành phán quyết nước ngoài, diễn giải các căn cứ từ chối tại Điều V Công ước một cách rất hạn chế. Thủ tục thi hành thường hiệu quả và nhanh chóng.

Thái độ ủng hộ trọng tài nhất quán: Có một sự đồng thuận rõ ràng trong giới tư pháp Singapore về việc ủng hộ và thúc đẩy trọng tài như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả. Điều này thể hiện qua các phán quyết tôn trọng thỏa thuận trọng tài, hạn chế can thiệp và thúc đẩy tính chung thẩm của phán quyết.

Án lệ chất lượng và rõ ràng: Các phán quyết của Tòa án Tối cao Singapore về trọng tài thường rất chi tiết, phân tích sâu sắc và cung cấp hướng dẫn rõ ràng, góp phần tạo nên tính chắc chắn và tiên liệu pháp lý.

Tóm lại, THPL về TTTM ở Singapore được bảo đảm bởi các yếu tố: pháp luật hiện đại, chuẩn quốc tế IAA dựa trên Luật mẫu UNCITRAL; Tư pháp chuyên nghiệp, ủng hộ trọng tài mạnh mẽ **là** yếu tố then chốt tạo niềm tin; Tính chung thẩm cao thể hiện ở quy định không có kháng cáo về nội dung hay luật, hạn chế căn cứ hủy phán quyết; các thể chế trọng tài mạnh đẳng cấp thế giới;

Sự chắc chắn pháp lý nhờ pháp luật rõ ràng và án lệ chất lượng và bảo mật được pháp điển hóa giúp tăng cường sự tin cậy.

2.3.2. Những giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Qua nghiên cứu việc thực hiện quy định pháp luật về trọng tài tại các nước Anh, Pháp, Trung Quốc và Singapore, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong việc hoàn thiện và THPL về TTTM ở Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần có khung pháp lý hiện đại, chuẩn quốc tế với những quy định tiên bộ. Có thể tham khảo một số quy định sau:

- *Quy định về cách thức luật cho phép trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng*

Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài thì nên vận dụng theo mô hình của Pháp và các nước có quy định về lẽ công bằng, theo đó chỉ cho phép trọng tài giải quyết tranh chấp theo lẽ công bằng khi các bên có thỏa thuận rõ ràng về vấn đề này. Mô hình này cũng được quy định tại khoản 3, Điều 21 Quy tắc tố tụng trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế (ICC), cũng như trong pháp luật trọng tài ở hầu hết quốc gia. Để áp dụng chính sách này, Việt Nam có thể xem xét quy định trong luật rằng, thỏa thuận giữa các bên phải được lập bằng văn bản có ghi rõ là “cho phép trọng tài giải quyết theo lẽ công bằng”. Ở đây, do việc trao cho các bên quyền thỏa thuận áp dụng lẽ công bằng nên khi không có thỏa thuận thì Hội đồng Trọng tài vẫn phải giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

- *Quy định về xác định địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài*

Hiện nay vấn đề sử dụng sự hỗ trợ của công nghệ, hay nói cách khác là thực hiện trực tuyến giải quyết tranh chấp thương mại, trở nên vô cùng cần thiết và hữu ích. Việc này có thể hiểu là các thành viên của Hội đồng Trọng tài ở các nước khác nhau không cần có cuộc gặp mặt trực tiếp mà thông qua các hình thức trực tuyến, như video call hoặc chat room. Việc giải quyết này là phù hợp theo Luật Trọng tài của Anh, cụ thể là Điều 3 của Luật này quy định địa

điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý”. Theo đó, đây là địa điểm được chỉ định bởi các bên; hoặc bởi cơ quan, chủ thể do các bên thỏa thuận; hoặc được chỉ định bởi hội đồng trọng tài do các bên trao quyền hoặc nếu không có sự trao quyền của các bên thì Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định dựa trên các yếu tố liên quan đến thỏa thuận trọng tài. Như vậy, Luật của Anh công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài được tuyên trực tuyến. Việt Nam nên tham khảo kinh nghiệm của Anh để có quy định tương tự trong pháp luật về TTTM.

- Quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Việt Nam có thể nghiên cứu xây dựng một điều luật về thẩm quyền trọng tài mang tính loại trừ tương tự như Luật Trọng tài của Singapore mà trong đó quy định: “Mọi tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại đều có thể được giải quyết bằng trọng tài nếu như các bên thỏa thuận giải quyết bằng phương thức này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Hoặc chúng ta có thể tiếp thu quy định Điều 3, Luật TTTM Trung Quốc: “Các tranh chấp sau đây có thể không được phân xử bằng trọng tài: 1. Tranh chấp hôn nhân, nhận con nuôi, giám hộ, cấp dưỡng và thừa kế; 2. Tranh chấp hành chính mà pháp luật yêu cầu phải được xử lý bởi các cơ quan hành chính [19]. Việc quy định loại trừ như trên có tính bao quát hơn, thuận lợi hơn trong bối cảnh hội nhập hiện nay, góp phần bảo đảm sự tự do lựa chọn trọng tài của các bên trong hoạt động kinh doanh.

- Quy định về trọng tài khẩn cấp như Singapore. Theo đó, TTV khẩn cấp sẽ có một địa vị pháp lý và quyền hạn giống như bất kỳ TTV nào trong Hội đồng Trọng tài thông thường khác. Quy định này được xem là một kinh nghiệm tốt cho nhiều quốc gia khác và Việt Nam cũng nên tham khảo học tập.

Thứ hai, xây dựng một môi trường văn hóa và cơ chế pháp lý thân thiện ủng hộ trọng tài đặc biệt là sự thân thiện, ủng hộ trọng tài từ phía Tòa án.

Kinh nghiệm từ cả 4 quốc gia trên cho thấy một môi trường văn hóa và cơ chế pháp lý thân thiện, ủng hộ trọng tài đóng vai trò quan trọng bảo đảm THPL

về TTTM. Để đạt được mục tiêu này Việt Nam cần tham khảo ở những khía cạnh sau:

- Xây dựng văn hóa ủng hộ trọng tài cần thay đổi tư duy và nâng cao nhận thức. Muốn vậy, bài học thành công của các nước đó là cần đẩy mạnh truyền thông và đào tạo về trọng tài; xây dựng niềm tin đối với trọng tài từ chất lượng, hiệu quả cao của các tổ chức trọng tài; thay đổi tư duy từ các bên liên quan từ các doanh nghiệp, luật sư và đặc biệt là các thẩm phán.

- Hoàn thiện cơ chế pháp lý và thể chế nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc là yếu tố then chốt. Theo đó, cần nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về TTTM hướng tới cách tiếp cận hạn chế phạm vi xem xét của tòa án khi có yêu cầu hủy phán quyết, tôn trọng phán quyết; thẩm quyền của trọng tài trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cơ chế phối hợp giữa trọng tài và tòa án. Cập nhật các quy định để phù hợp hơn với Luật Mẫu UNCITRAL sửa đổi và các thông lệ quốc tế tốt nhất.

- Nâng cao vai trò hỗ trợ của Tòa án: Tòa án nhân dân tối cao cần thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật TTTM, có các hướng dẫn và diễn giải theo hướng có lợi nhất cho hoạt động trọng tài; xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên trách có am hiểu chuyên sâu về lĩnh vực trọng tài và thúc đẩy “thái độ thân thiện với trọng tài” (pro-arbitration stance) trong hệ thống tư pháp.

Thứ ba, phát triển năng lực của Trung tâm Trọng tài và Trọng tài viên

Kinh nghiệm các quốc gia nêu trên cho thấy một yếu tố quan trọng để pháp luật về TTTM được thực hiện hiệu quả đó là cần có những tổ chức trọng tài mạnh, uy tín cao mang tầm quốc tế với đội ngũ TTV chuyên nghiệp cao. Các TTTT này là đầu tàu thúc đẩy TTTM phát triển, là tấm gương để xây dựng niềm tin đối với hoạt động trọng tài. Muốn vậy, việc thúc đẩy hợp tác quốc tế giữa các trung tâm trọng tài Việt Nam và các tổ chức trọng tài uy tín trên thế giới là yêu cầu tất yếu.

Kết luận chương 2

Chương 2 của luận án đã tập trung xây dựng cơ sở lý luận của THPL về TTTM ở Việt Nam. Cụ thể, chương này đã đề xuất các khái niệm liên quan đến đề tài như: khái niệm về TTTM; pháp luật về TTTM; THPL về TTTM. Bên cạnh đó, chương này đã phân tích đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm THPL về TTTM

Không chỉ vậy, chương này của luận án còn nghiên cứu thực tiễn THPL về TTTM của một số nước trên thế giới như: Anh, Pháp, Trung Quốc và Singapore. Từ kinh nghiệm THPL về trọng tài của những quốc gia này, nghiên cứu sinh đã đúc rút những giá trị có thể tham khảo vận dụng trong điều kiện thực tiễn Việt Nam hiện nay.

Những vấn đề lý luận được làm rõ trong chương này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, tạo nền tảng cho việc đánh giá thực trạng THPL về TTTM ở Việt Nam trong Chương 3 và là cơ sở để phân tích, luận giải, xác định các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay trong Chương 4.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VÀ NHỮNG YẾU TỐ MỚI ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

3.1.1. Thực trạng pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam

3.1.1.1. Sự phát triển và những ưu điểm của pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam

Ở Việt Nam, mầm mống của pháp luật trọng tài đã xuất hiện từ thời kỳ phong kiến. Tuy nhiên đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta cùng với chế độ thuộc địa, pháp luật trọng tài mới được ghi nhận và phát triển theo sự du nhập của pháp luật Châu Âu lục địa (Civil Law). Sau khi đất nước giành được độc lập năm 1945 đến trước Đổi mới (1986), trong điều kiện chiến tranh và xây dựng đất nước theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, phạm vi điều chỉnh của pháp luật trọng tài chủ yếu là hoạt động của trọng tài kinh tế nhà nước.

Pháp luật về TTTM chỉ thực sự được hình thành và phát triển từ sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986) - khởi động tiến trình Đổi mới đất nước, với dấu mốc là Quyết định 204/1993/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập VIAC. Theo đó, VIAC được ghi nhận “là tổ chức phi chính phủ” bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp phát sinh từ các quan hệ kinh tế quốc tế như các hợp đồng mua bán ngoại thương, các hợp đồng đầu tư, du lịch, vận tải và bảo hiểm quốc tế, chuyển giao công nghệ, tín dụng và thanh toán quốc tế.

Việt Nam gia nhập Công ước New York về công nhận và thi hành các quyết định của trọng tài nước ngoài vào năm 1995 đánh dấu sự cải thiện

đáng kể môi trường pháp lý nhằm tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong giai đoạn sơ khai, do chưa có một đạo luật về trọng tài thống nhất điều chỉnh hệ thống trọng tài trong nước và trọng tài quốc tế, và do quyết định giải quyết tranh chấp của trọng tài không được bảo đảm thi hành trong thực tế nên mô hình TTTM chưa thực sự đạt được thành tựu đáng kể trên hành trình tiếp cận những chuẩn mực của trọng tài hiện đại.

Bước vào thế kỷ XXI, Pháp lệnh Trọng tài thương mại được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành vào ngày 25/02/2003 đã đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp trong quá trình hội nhập, phát triển của pháp luật TTTM ở Việt Nam. Pháp lệnh có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở pháp lý cho hoạt động của TTTM Việt Nam tiếp cận, hội nhập với xu hướng chung của TTTM quốc tế. Pháp lệnh xác định cụ thể phạm vi thẩm quyền của TTTM bằng phương thức liệt kê các loại việc TTTM được giải quyết, xác định cơ chế hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài, quy trình tố tụng được quy định chặt chẽ, những nguyên tắc quan trọng nhất cũng như quy định về sự hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài và giá trị pháp lý của phán quyết trọng tài được xác định rõ, thể hiện sự phù hợp với thông lệ trọng tài quốc tế.

Sau 10 năm thực hiện Pháp lệnh, ngày 17/06/2010 Quốc hội thông qua Luật TTTM (có hiệu lực từ ngày 01/01/2011), đánh dấu bước đột phá trong pháp luật TTTM của Việt Nam. Luật TTTM năm 2010 đã khắc phục được sự không rõ ràng trong phân định phạm vi thẩm quyền của trọng tài đối với các tranh chấp thương mại, giới hạn các trường hợp làm thỏa thuận trọng tài vô hiệu, đồng thời quy định cách thức giải quyết khi thỏa thuận trọng tài không rõ ràng. Luật TTTM lần đầu tiên có điều khoản bảo vệ người tiêu dùng trong việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, cho phép TTV là người nước ngoài cũng như nội luật hoá các cam kết của Việt Nam trước quốc tế về dịch vụ trọng tài. Ngoài ra, Luật cũng xác định rõ ràng hơn mối quan hệ giữa Tòa án với Trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp, mở rộng thẩm quyền của

Hội đồng Trọng tài và tiếp thu nguyên tắc cấm hành vi mâu thuẫn trong tố tụng. Với những quy định này, Luật TTTM năm 2010 đã bảo đảm được sự tương thích với các văn bản pháp luật hiện hành, nâng cao tính khả thi trong thực tế và tiệm cận hơn các tiêu chuẩn quốc tế.

Cụ thể, so với Pháp lệnh TTTM năm 2003, Luật TTTM năm 2010 có những điểm mới, tiến bộ sau đây:

- *Về tình toàn diện*, Luật TTTM năm 2010 đã bao hàm đầy đủ các chế định có nội dung bảo đảm phạm vi điều chỉnh của pháp luật TTTM, gồm: thẩm quyền của TTTM, các hình thức trọng tài, tổ chức trọng tài; các nguyên tắc và điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; về thỏa thuận lựa chọn trọng tài; tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của TTV; trình tự, thủ tục tố tụng trọng tài; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong tố tụng trọng tài; thẩm quyền của Tòa án đối với hoạt động trọng tài; tổ chức và hoạt động của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thi hành phán quyết trọng tài và cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài.

Sau khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực, hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành đã được xây dựng và thông qua kịp thời, cụ thể là: Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018) của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTM về quản lý nhà nước đối với trọng tài; thủ tục đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của TTTT, Chi nhánh TTTT; thủ tục thành lập, đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài; Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTTM về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của Tòa án đối với

hoạt động trọng tài; đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc; Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- *Về tính đồng bộ, thống nhất*, Luật TTTM năm 2010 có nội dung đồng bộ với các quy định pháp luật vào thời điểm luật được ban hành, cơ bản bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành bởi quy định về phạm vi thẩm quyền của trọng tài đã dự liệu được những loại tranh chấp khác có thể sẽ được giải quyết bằng trọng tài.

- *Về tính hiện đại và tương thích với các chuẩn mực pháp luật quốc tế*: Luật TTTM năm 2010 đã tiếp thu các nguyên tắc quan trọng của Luật Mẫu về trọng tài của UNCITRAL, tạo ra một khuôn khổ pháp lý hiện đại, thuận lợi cho sự phát triển của phương thức trọng tài. Các quy định trong Luật TTTM về cơ bản đáp ứng các yêu cầu giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài tại Việt Nam và tương đồng với pháp luật và thực tiễn TTTM quốc tế. Cụ thể, Luật TTTM dựa trên sự tôn trọng quyền tự do thỏa thuận của các bên, xem đó là phương thức xuyên suốt trong quá trình tiến hành tổ tụng trọng tài, nếu có thỏa thuận hoặc thỏa thuận trái với quy định của pháp luật thì pháp luật mới tiến hành can thiệp.

- *Về những quy định mới, tiến bộ*: Luật TTTM năm 2010 có nhiều quy định mới, tiến bộ, tiêu biểu như:

Thứ nhất, về thẩm quyền của trọng tài. Theo quy định của Pháp lệnh TTTM năm 2003, chỉ có tổ chức kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh mới có quyền lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp, nhưng với quy định mới tại Điều 2 của Luật TTTM năm 2010, phạm vi thẩm quyền trọng tài đã được mở rộng. Bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào cũng có thể thỏa thuận lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp, miễn là theo quy định của Luật cho phép giải quyết bằng trọng tài tranh chấp đó.

Thứ hai, Luật quy định trình tự, thủ tục thành lập các TTTT một cách đơn giản, minh bạch để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể thực hiện. Cùng với

đó, Luật quy định về tiêu chuẩn TTV để cho phép các TTTT thu hút được các chuyên gia có trình độ chuyên môn sâu tham gia vào hoạt động TTTM.

Thứ ba, Luật đã có những quy định cụ thể, rõ ràng về vai trò của Tòa án đối với hoạt động trọng tài. Theo đó, Tòa án có vai trò hỗ trợ và giám sát, cụ thể: Hỗ trợ việc thành lập hội đồng trọng tài để giải quyết vụ việc tranh chấp, trong việc thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu thay đổi; giám sát việc giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.

Thứ tư, Luật TTTM đã mở rộng thẩm quyền cho Hội đồng trọng tài như: i) Thẩm quyền triệu tập nhân chứng; ii) Thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; iii) Thẩm quyền không chấp nhận các sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại, bản tự bảo vệ trong trường hợp có sự lạm dụng nhằm gây khó khăn cho việc ra phán quyết trọng tài. Luật TTTM mở rộng thẩm quyền cho Hội đồng trọng tài, giúp cho quá trình tố tụng đạt hiệu quả cao hơn, thể hiện như sau:

- Việc Luật trao thẩm quyền cho Hội đồng trọng tài được triệu tập nhân chứng là quy định có ý nghĩa quan trọng, giúp cho quá trình tố tụng trọng tài được tiến hành hiệu quả. Trên thực tế, việc tham gia của nhân chứng trong quá trình tiến hành tố tụng trọng tài là một nhu cầu thiết thực ngày càng gia tăng.

- Việc Luật trao thẩm quyền cho hội đồng trọng tài được áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của một trong các bên, giúp hội đồng trọng tài có thể chủ động áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với các bên tranh chấp mà không phải thêm thời gian cho việc yêu cầu tòa án hỗ trợ áp dụng.

- Việc trao thẩm quyền không chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại, bản tự bảo vệ trong trường hợp có sự lạm dụng nhằm gây khó khăn cho việc ra phán quyết trọng tài, nhằm ngăn chặn một bên thiếu thiện chí

và hợp tác, bảo đảm tố tụng trọng tài không bị trì hoãn, kéo dài vô thời hạn, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí khi giải quyết vụ việc tại trọng tài.

3.1.1.2. Những hạn chế của pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam

Mặc dù đạt nhiều thành tựu quan trọng mang tính đột phá nhưng pháp luật về TTTM vẫn còn những hạn chế sau:

Thứ nhất, quy định về thẩm quyền của trọng tài mặc dù đã được mở rộng nhưng chưa cụ thể, bởi các quy định về các tranh chấp có thể được giải quyết bằng trọng tài nằm ở các luật khác nhau, trong đó có nhiều văn bản luật ra đời sau. Trong khi đó, văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTM và Nghị định số 124/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTM) thiếu chi tiết về các loại tranh chấp được giải quyết thông qua hình thức trọng tài nên gây khó khăn khi áp dụng quy định của Luật vào thực tiễn. Về kỹ thuật lập pháp, cách thức quy định hiện nay thiếu hợp lý, bởi luật của các nước có TTTM phát triển thường quy định theo kiểu loại trừ, theo đó tất cả các tranh chấp đều có thể được lựa chọn trọng tài giải quyết nếu có thỏa thuận, trừ một số loại tranh chấp không cho phép được liệt kê cụ thể.

Thứ hai, hạn chế trong quy định liên quan TTV

Quy định về tiêu chuẩn của TTV mặc dù đã tạo thuận lợi cho việc phát triển TTV song vẫn còn khía cạnh chưa hợp lý. Cụ thể, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20: “Trong trường hợp đặc biệt, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu nêu tại điểm b khoản này, cũng có thể được chọn làm TTV” [5]. Quy định này thực tế đang gây khó khăn cho việc áp dụng khi phải luận giải về trường hợp nào là “đặc biệt”. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy có chuyên gia được các bên tin tưởng chọn nhưng lại không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định này - dẫn tới

mâu thuẫn với quyền tự do lựa chọn TTV của các bên trong tranh chấp, ảnh hưởng đến việc thành lập Hội đồng trọng tài theo đúng ý chí của các bên.

Một thiếu sót, hạn chế đáng kể của LTTTM 2010 là không có quy định rõ ràng về việc miễn trừ trách nhiệm dân sự cho TTV khi họ thực hiện xét xử một cách trung thực và trong phạm vi thẩm quyền. Sự thiếu vắng này tiềm ẩn rủi ro TTV có thể bị kiện bởi một bên không hài lòng với phán quyết hoặc quá trình tố tụng, khiến họ trở nên dè dặt hơn khi đưa ra các quyết định tố tụng hoặc phán quyết cuối cùng, đặc biệt trong các vụ việc phức tạp hoặc có tính nhạy cảm cao. Đây là điểm khác biệt lớn so với pháp luật và thông lệ của nhiều quốc gia có nền trọng tài phát triển.

Thứ ba, hạn chế trong quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Luật TTTM hiện hành quy định: “Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bên yêu cầu mà gây thiệt hại cho bên yêu cầu, bên bị áp dụng hoặc người thứ ba thì người bị thiệt hại có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự”[5, khoản 5, Điều 49]. Khoản 5, Điều 49 có sử dụng từ “khác”, như vậy biện pháp khẩn cấp tạm thời khác là biện pháp nào thì chưa có hướng dẫn rõ ràng. Do đó, chúng ta có thể hiểu theo hai nghĩa khác nhau như “*khác với yêu cầu của đương sự*” nhưng cũng có thể hiểu là “*khác so với luật quy định*”.

Khi đương sự yêu cầu áp dụng một biện pháp mà không có quy định trong luật và Hội đồng trọng tài vẫn chấp nhận áp dụng theo yêu cầu của đương sự, thực tế đã nảy sinh hai trường hợp: i) Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác so với yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, điều này là đương nhiên. Nhưng đối với trường hợp, ii) “Hội đồng Trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không có quy định trong luật nhưng vẫn trên cơ sở yêu cầu của các bên đương sự mà gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba thì Hội đồng Trọng tài có phải bồi thường không hay đương sự phải bồi thường”[74, tr.250].

Luật hiện hành cũng không quy định về việc HĐTT có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không cần thông báo trước (Ex Parte) cho bên bị áp dụng (ex parte). Trong nhiều trường hợp, việc thông báo trước có thể tạo cơ hội cho bên bị áp dụng tẩu tán tài sản hoặc tiêu hủy chứng cứ, làm mất ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc thiếu cơ chế này là một hạn chế so với thông lệ quốc tế và khả năng của Tòa án.

Thứ tư, hạn chế trong quy định tại khoản 10, Điều 71 Luật TTTM về: “Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành” [5] trong việc xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Tòa án. Như vậy, khi Tòa án ra quyết định hủy phán quyết trọng tài, các bên hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, các đương sự không có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị. Nhưng nếu trong quá trình giải quyết Hội đồng xét đơn yêu cầu có vi phạm hoặc ra quyết định sai hoặc chưa thuyết phục, không bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các bên thì các bên lại không được yêu cầu phúc thẩm và giám đốc thẩm đối với quyết định hủy phán quyết của Tòa án.

Thứ năm, Luật TTTM vẫn còn có một số quy định chưa rõ ràng, chưa tương thích với pháp luật quốc tế (Luật Mẫu), chẳng hạn như:

- Theo các quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 68, phán quyết trọng tài bị hủy nếu “chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo...”[5]; và quy định tại khoản 4, Điều 72: “Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết...”[5] thì quá trình xem xét lại chứng cứ để đánh giá chứng cứ đó là giả mạo hay không chính là xem xét lại nội dung tranh chấp. Như vậy, quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 61 và quy định tại khoản 4, Điều 72 có mâu thuẫn nhau, trong khi Luật Mẫu UNCITRAL và luật trọng tài của nhiều nước không đưa trường hợp chứng cứ

do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo làm căn cứ hủy phán quyết trọng tài.

- Theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 68, phán quyết trọng tài bị hủy nếu "...trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" [5]. Quy định này thiếu rõ ràng, dẫn tới tranh cãi làm ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động trọng tài. Mặc dù tại điểm đ, khoản 2, Điều 14 Nghị quyết 01 có giải thích "phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam" là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và THPL Việt Nam" [14], song có thể thấy hướng dẫn này giải thích còn chung chung, chưa làm rõ "các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và THPL Việt Nam" cụ thể là gì, vì vậy có thể bị lạm dụng để vô hiệu hóa kết quả của hoạt động trọng tài.

- Quy định về bảo mật chưa đầy đủ, rõ ràng. Theo Khoản 4, Điều 4 Luật TTTM hiện hành về Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài "*Việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài được tiến hành **không công khai**, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác*" Quy định này thiết lập nguyên tắc "không công khai" (privacy) cho *quá trình tố tụng trọng tài*. Điều này có nghĩa là các phiên họp giải quyết vụ tranh chấp sẽ không mở cho công chúng tham dự như phiên tòa của Tòa án

Tuy nhiên, thuật ngữ "không công khai" (non-public) chủ yếu đề cập đến việc phiên họp kín, không mở cho công chúng. Tuy nhiên, nó chưa đồng nghĩa hoàn toàn với "bảo mật" (confidentiality) theo nghĩa rộng. Luật không quy định rõ ràng liệu các tài liệu, chứng cứ, lập luận, nội dung trao đổi trong quá trình tố tụng và đặc biệt là phán quyết trọng tài có phải được giữ bí mật hay không. Đây là điểm khác biệt so với Luật của các quốc gia có pháp luật TTTM phát triển như Pháp, Singapore... và quy tắc của nhiều tổ chức trọng tài quốc tế uy tín.

Luật TTTM 2010 chưa có quy định cụ thể *chủ thể* có nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc “không công khai” hay “bảo mật”. Luật cũng chưa quy định rõ các ngoại lệ cho nghĩa vụ bảo mật (ví dụ: khi cần công khai thông tin để yêu cầu Tòa án hỗ trợ, để hủy phán quyết, để công nhận và cho thi hành phán quyết, hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước). Hơn nữa, Luật không quy định chế tài hay hậu quả pháp lý cụ thể nếu một bên hoặc chủ thể liên quan vi phạm nghĩa vụ bảo mật.

Chính vì Luật TTTM năm 2010 còn có những hạn chế nêu trên nên hiện nay Việt Nam vẫn chưa được xếp vào danh sách các quốc gia theo Luật Mẫu UNCITRAL [97].

3.1.2. Những yếu tố mới ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay

3.1.2.1. Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

Mặc dù vẫn còn những ý kiến khác nhau, song thực tế cho thấy quá trình toàn cầu hóa, diễn ra trên thế giới từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, vẫn là xu thế tất yếu của nhân loại. Quá trình này thúc đẩy sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc giữa các quốc gia trên thế giới. Việt Nam bắt đầu tham gia quá trình này từ những năm 1995 với việc bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ. Các sự kiện nổi bật tiếp theo đánh dấu sự hội nhập quốc tế của Việt Nam, đó là: trở thành thành viên của ASEAN năm 1995 và tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); trở thành thành viên sáng lập Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996; gia nhập Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) từ tháng 11/1998, và đặc biệt là việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 07/11/2006 sau hơn 10 năm kiên trì, nỗ lực đàm phán.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định hội nhập quốc tế là một định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Không chỉ vậy, Đảng chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn

quan hệ với các đối tác quan trọng đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Trọng tâm của hội nhập quốc tế là hội nhập về kinh tế, thông qua xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư quốc tế, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, khai thác hiệu quả các thỏa thuận đã được ký kết, đặc biệt là các khu vực mậu dịch tự do song phương và đa phương.

Trong thời gian qua, các quan điểm của Đảng đã được triển khai hiệu quả, hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, toàn diện. Minh chứng là hiện nay nước ta đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 đối tác là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand. Các hiệp định này thường quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Quy tắc của Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL) và Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân quốc gia khác (ICSID) mà trong đó trọng tài ICSID bao gồm cả thiết chế trọng tài, các dịch vụ trọng tài liên quan và thủ tục tổ tụng trọng tài.

Tóm lại, quá trình hội nhập quốc tế đã, đang và sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến mọi phương diện của đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đối với việc THPL về TTTM, ảnh hưởng của quá trình này thể hiện trên hai phương diện chủ yếu sau:

Tạo ra hiệu ứng tích cực cho sự phát triển: Hội nhập quốc tế sâu rộng dẫn đến quá trình hội nhập về mặt pháp lý. Pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật TTTM nói riêng được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, cũng như các quy định pháp luật quốc tế nói chung. Vì vậy, pháp luật TTTM Việt Nam sẽ từng bước hoàn thiện, tương

thích và tiệm cận với pháp luật trọng tài quốc tế, cũng như pháp luật của các quốc gia có nền trọng tài phát triển. Đây là cơ sở quan trọng tạo thuận lợi cho THPL về TTTM.

Hội nhập quốc tế sâu rộng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các nước. Số lượng hợp đồng thương mại quốc tế cũng như các hợp đồng hợp tác khác ngày càng nhiều, cùng với đó những tranh chấp, dù không mong muốn, giữa các bên cũng tất yếu phát sinh. Đây là cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của hoạt động trọng tài Việt Nam với tư cách là một phương cách giải quyết tranh chấp mang tính quốc tế. Cùng với quá trình này, sự hợp tác giữa các tổ chức trọng tài Việt Nam với các tổ chức trọng tài quốc tế, cũng như sự tham gia của TTV quốc tế vào các TTTT trong nước được thúc đẩy. Qua đó cải thiện, nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp quốc tế và từng bước nâng cao sức cạnh tranh của trọng tài Việt Nam.

Tạo ra một số khó khăn, thách thức: Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng dẫn đến hội nhập quốc tế trên lĩnh vực pháp lý, các chuẩn mực pháp lý quốc tế về trọng tài được sử dụng trong hoạt động giải quyết tranh chấp được phổ biến, đòi hỏi pháp luật trọng tài Việt Nam cũng phải cập nhật các chuẩn mực này. Thêm vào đó, việc các tổ chức trọng tài quốc tế cũng được phép hoạt động tại Việt Nam cũng tạo áp lực cạnh tranh lớn đối với trọng tài trong nước trong việc giải quyết tranh chấp quốc tế. Điều này là bởi các tổ chức trọng tài quốc tế đã hình thành lâu đời nên có uy tín và tiềm lực cạnh tranh rất cao, dẫn đến hầu hết các doanh nghiệp có giao dịch quốc tế (gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam) thường đưa vào điều khoản giải quyết tranh chấp là lựa chọn các TTTT quốc tế uy tín. Trong khi đó, các tổ chức trọng tài/TTTT Việt Nam phần lớn mới được thành lập, quy mô nhỏ, thiếu kinh nghiệm giải quyết các tranh chấp quốc tế - khiến cho trọng tài Việt Nam có thể dễ mất thị trường ngay trong nước. Đây chính là khó khăn, thách thức lớn trong THPL về TTTM ở nước ta hiện nay.

3.1.2.2. Quá trình đổi mới quản trị quốc gia

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên ghi nhận và sử dụng thuật ngữ “quản trị quốc gia”. Cụ thể, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Đảng nhấn mạnh đột phá chiến lược: “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy Nhà nước pháp quyền XHCN tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành” [46, tr.220]. Thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; Nhà nước quản lý, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết khác trên cơ sở các quy luật của thị trường. Chú trọng phát triển xã hội, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản quốc gia... Những quy định này đã nêu khái quát nội hàm của đổi mới quản trị quốc gia.

Việc Đảng ta chủ trương “đổi mới quản trị quốc gia” là phù hợp với yêu cầu khách quan của thực tiễn, tạo điều kiện đưa đất nước bước sang một giai đoạn phát triển mới. Theo đó, “đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả” là một nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Đổi mới quản trị quốc gia đòi hỏi sự tham gia của tất cả các chủ thể trong xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù vai trò của nhà nước là rất quan trọng, sự tham gia của người dân và các chủ thể khác trong xã hội cũng được xem là không thể thiếu để quản trị nhà nước tốt (hay quản trị quốc gia tốt). Quản trị nhà nước tốt đòi hỏi phải có sự tham gia của người dân một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các cơ quan đại diện hoặc các thiết chế xã hội (phi nhà nước) hợp pháp.

Trong quá trình tiến hành đổi mới quản trị quốc gia tất yếu phải đẩy mạnh cải cách, sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước. Khi đổi mới quản trị quốc gia, Nhà nước sẽ thu gọn, giảm dần vai trò của mình trong một số lĩnh vực, hoạt động mà người dân, các tổ chức ngoài nhà nước có thể đảm nhận được và đảm

nhận tốt như: hoạt động công chứng; các lĩnh vực giáo dục, y tế, thậm chí cả một số hoạt động mà trước đây vốn chỉ thuộc về Nhà nước, mang tính quyền lực nhà nước như xét xử, giải quyết các tranh chấp của Tòa án.

Trọng tài là một thiết chế có lịch sử hình thành lâu đời trên thế giới, có thể chia sẻ, giúp Nhà nước giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực kinh tế, dân sự, để các thiết chế nhà nước tập trung giải quyết các vụ việc có tính chất hình sự cũng như nhiệm vụ quản trị quốc gia. Trọng tài, với những ưu thế của mình, có thể đảm nhận tốt việc giải quyết các tranh chấp kinh tế, dân sự, giúp giảm áp lực cho các cơ quan nhà nước đang sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế. Do đó, có thể thấy, quá trình đổi mới quản trị quốc gia có ảnh hưởng tích cực theo hướng thúc đẩy trọng tài phát triển mạnh mẽ hơn, bởi hoạt động giải quyết tranh chấp của trọng tài sẽ giúp giảm áp lực xét xử của tòa án (hiện cũng đang thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế nhưng lại phải giải quyết một số lượng lớn các vụ tranh chấp) trong lĩnh vực này, từ đó tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho việc THPL về TTTM.

3.1.2.3. Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI)

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) bắt đầu diễn ra từ đầu thế kỷ XXI (được Diễn đàn kinh tế thế giới - WFE lần thứ 46 ở Davos - Klosters, Thụy Sĩ vào tháng 01/2016 chính thức xác định), với đặc điểm chính đó là sự ra đời của *nền sản xuất thông minh* dựa trên sự tích hợp và hội tụ của nhiều công nghệ, mà ba trụ cột cơ bản là công nghệ thông tin, công nghệ số và công nghệ sinh học.

Trong đó lĩnh vực công nghệ số, Cách mạng công nghiệp 4.0 tập trung chủ yếu vào phát minh, sáng tạo, phát triển 03 yếu tố cốt lõi đó là: Artificial Intelligence - AI (Trí tuệ nhân tạo), Big Data (Dữ liệu lớn) và Internet of Things (Internet kết nối vạn vật).

Trí tuệ nhân tạo (AI) được hiểu như một lĩnh vực của khoa học máy tính gắn trực tiếp với việc tự động hóa. AI chính là trí tuệ do con người lập trình tạo ra để giúp máy tính có thể tự động hóa một cách thông minh các hành vi như ở bộ não của con người (trí tuệ nhân tạo tự mình biết suy nghĩ, lập luận, phân tích, so sánh và tổng hợp rút ra các quyết định (biện pháp, cách thức, phương án, giải pháp...) giải quyết các vấn đề một cách nhanh gọn. Ngoài ra, AI còn biết giao tiếp, biết nói, biết học hỏi, thích nghi và tự bộc lộ sở thích, cảm xúc, ham muốn...

Dữ liệu lớn được hiểu là tài sản thông tin có khối lượng lớn, phong phú, đa dạng với tốc độ cao, yêu cầu phải có công nghệ mới để xử lý nhanh và hiệu quả (khám phá được các yếu tố quan trọng ẩn giấu sâu trong dữ liệu và tối ưu hóa được dữ liệu) nhằm đưa ra được các quyết định kịp thời và có hiệu quả.

Internet kết nối vạn vật (vạn vật kết nối) được hiểu là mạng lưới thiết bị kết nối mạng Internet (trong không gian mạng hay môi trường số), trong đó mỗi vật, mỗi người đều có định dạng riêng và tất cả đều có khả năng trao đổi, truyền tải thông tin, dữ liệu qua một mạng duy nhất mà không cần sự tương tác trực tiếp giữa người với người, hay người với máy tính. Vạn vật kết nối phát triển dựa trên sự hội tụ của công nghệ số (gồm công nghệ không dây, công nghệ vi cơ điện tử và Internet). Nói ngắn gọn, đó là một tập hợp các thiết bị có khả năng kết hợp với nhau, với Internet và với thế giới bên ngoài, để thực hiện một nhiệm vụ nhất định.

Như vậy, từ góc độ công nghệ số, thực chất của Cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hình thành thế giới số (thế giới ảo), vốn dĩ là sự phản ánh phức tạp và sinh động thế giới vật lý (thế giới thực) cùng với sự kết nối giữa hai thế giới đó tạo nên sự biến đổi mang tính cách mạng tác động đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Ở đây, số hóa và dữ liệu hóa, thông minh hóa với AI không chỉ tác động nâng cao hiệu quả hoạt động, mà còn làm thay đổi mô hình và phương thức sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như

phương thức hoạt động của con người trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 làm sâu sắc hơn quá trình toàn cầu hóa và cùng với toàn cầu hóa tác động, thúc đẩy sự biến đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực kinh tế và các lĩnh vực, hoạt động gắn với kinh tế.

Liên quan đến THPL về TTTM, sự tác động, ảnh hưởng của Cách mạng 4.0 và AI thể hiện ở cả hai khía cạnh đó là cơ hội (thuận lợi) và thách thức, cụ thể như sau:

Về cơ hội (những thuận lợi): Cách mạng 4.0 và AI đã thúc đẩy kinh tế với nền tảng là hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu. Cùng với xã hội số phát triển, kéo theo những tranh chấp cũng xảy ra như một tất yếu của nền kinh tế - xã hội số, đó là những tranh chấp thương mại điện tử và các tranh chấp khác trên không gian mạng. Đây là cơ hội để trọng tài gia tăng số lượng vụ việc giải quyết vì sự tiện lợi, nhanh chóng và bảo mật trong cách thức giải quyết tranh chấp. Cùng với đó, việc ứng dụng các công nghệ số, công nghệ thông minh mang trí tuệ nhân tạo giúp cho trọng tài giải quyết tranh chấp đạt hiệu năng, hiệu quả cao hơn. Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số quốc gia với ba trụ cột là Kinh tế số, Chính quyền số và Xã hội số. Các công nghệ số mang AI đang được áp dụng vào xây dựng Chính phủ số, Tòa án số, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước, hiệu quả sự hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài. Với hệ thống Internet kết nối vạn vật và dữ liệu lớn được lưu trữ, các hoạt động tố tụng trọng tài hoàn toàn có thể diễn ra trên môi trường mạng từ khâu tiếp nhận đơn khởi kiện đến thu thập, lưu trữ chứng cứ, triệu tập người làm chứng đến phiên họp giải quyết tranh chấp vẫn tiến hành khi mà các thành viên của hội đồng trọng tài có thể đang ở những nơi rất xa nhau trên thế giới, qua đó thúc đẩy mô hình TTTT số hình thành. Như vậy, những thành tựu của cuộc

Cách mạng 4.0 và AI tạo thuận lợi lớn cho việc THPL về TTTM trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Về những khó khăn, thách thức: Cách mạng 4.0 và AI cũng đặt ra những thách thức, khó khăn trong việc THPL về TTTM ở Việt Nam, cụ thể đó là:

Thứ nhất, quá trình chuyển đổi số quốc gia nói chung và chuyển đổi số trong hoạt động trọng tài nói riêng đòi hỏi một nền tảng khoa học công nghệ với cơ sở hạ tầng kỹ thuật lớn, kèm theo nguồn nhân lực có đủ năng lực vận hành và sử dụng hệ thống này, do đó cần đầu tư nguồn lực kinh tế - tài chính rất lớn, gây áp lực không nhỏ đối với Nhà nước (cho dù nền kinh tế Việt Nam đang phát triển ở mức tương đối cao). Riêng đối với các tổ chức trọng tài Việt Nam, phần lớn mới thành lập, có quy mô nhỏ, tiềm lực còn yếu nên nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước sẽ gặp khó khăn trong việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 và AI. Cùng với đó, việc gia tăng sử dụng môi trường (không gian) số, trợ lý, thư ký và TTV ảo (mang trí tuệ nhân tạo AI) để giải quyết tranh chấp của các tổ chức trọng tài quốc tế cũng đặt ra áp lực cạnh tranh lớn với các tổ chức trọng tài Việt Nam.

Thứ hai, thách thức về tính pháp lý khi sử dụng công nghệ số và AI trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, cụ thể như: giá trị của chứng cứ số; phiên họp trực tuyến; vai trò của trợ lý, thư ký ảo... đòi hỏi việc THPL về TTTM cần nhanh chóng, linh hoạt, không ngừng phát hiện những vấn đề mới phát sinh để hoàn thiện pháp luật, bảo đảm tính pháp lý của các quyết định, phán quyết của trọng tài. Điều này thậm chí đòi hỏi phải bổ sung cơ sở pháp lý cho TTV là Robot mang trí tuệ nhân tạo và TTV ảo (AI) tham gia giải quyết tranh chấp. Tất cả những yêu cầu đã nêu đang đặt ra thách thức không chỉ với các nhà làm luật, mà còn đối với đội ngũ TTV ở Việt Nam, trong việc hoàn thiện khung pháp luật và nâng cao năng lực chuyên môn, ứng dụng và sử dụng hiệu quả công nghệ số và AI để không bị thất thế trong hoạt động nghề nghiệp.

3.2. THÀNH TỰU TRONG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay

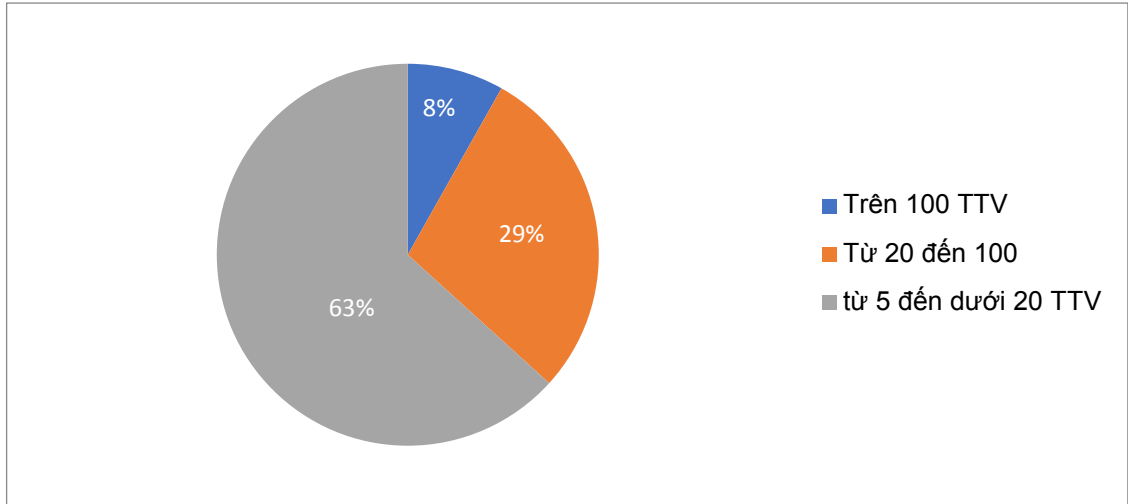
3.2.1.1. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về thành lập, tổ chức bộ máy của các trung tâm trọng tài

a. Thực hiện pháp luật về thành lập trung tâm trọng tài

Đề THPL về TTTM, trong thời gian qua Nhà nước Việt Nam đã cấp phép thành lập nhiều trung tâm TTTM trên cả nước. Nếu như trước năm 2011, toàn quốc mới chỉ có một vài TTTT (bao gồm: “Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), Trung tâm TTTM Á Châu (ACIAC), Trung tâm TTTM Thành phố Hồ Chí Minh (HCMCAC - hiện nay là TRACENT), Trung tâm TTTM Cần Thơ (CCAC), TTTT quốc tế Thái Bình Dương (PIAC), Trung tâm TTTM Hà Nội (HCAC)) thì hiện nay ở Việt Nam đã có hàng chục TTTT khác được thành lập. Tính đến 31/12/2024, Việt Nam đã có 43 TTTT đăng ký thành lập mới, nâng tổng số TTTT lên 50 trong đó bao gồm 01 văn phòng đại diện của Ủy ban TTTM Hàn Quốc. Việc có thêm nhiều TTTT mới đã phần nào đáp ứng những đòi hỏi cấp bách trong giải quyết tranh chấp về thương mại trong nước cũng như quốc tế, đồng thời góp phần đề cao việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài.

Sự chuyển biến tích cực kể trên chủ yếu là do Luật TTTM năm 2010 ra đời đã quy định thủ tục thành lập TTTT minh bạch, đơn giản hơn. Do đó, kể từ khi triển khai thực hiện Luật TTTM, số lượng hồ sơ đăng ký thành lập TTTT ngày càng nhiều. Mặc dù vậy, các TTTT thường phân bố ở các đô thị lớn của Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh [28, tr.65]. Cụ thể: Miền Bắc có 16 TTTT trong đó 13 trung tâm ở Hà Nội, Hải Phòng, Hưng yên, Quảng Ninh mỗi nơi có 1 trung tâm; Miền Trung chỉ có 2 trung tâm ở Đà Nẵng và Đắk Lắk; Miền Nam có 31 TTTT trong đó 25 trung

tâm ở thành phố Hồ Chí Minh, 3 ở Cần Thơ, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu mỗi nơi có 1 trung tâm). Phần lớn các TTTT có quy mô nhỏ (xem biểu đồ dưới đây).



Biểu đồ 3.1. Quy mô các TTTT Việt Nam theo số lượng TTV

Biểu đồ trên thể hiện quy mô các TTTT tại Việt Nam dựa trên số lượng TTV, cụ thể như sau: 63% các trung tâm có quy mô nhỏ và vừa từ 05 đến 20 TTV, 29% các trung tâm có quy mô từ trên 20 đến 100 TTV. 08% các trung tâm có quy mô trên 100 TTV. Việc các TTTT có quy mô nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ đa số phản ánh chân thực thực trạng phát triển còn tương đối sơ khai của TTTM Việt Nam.

b. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về trọng tài viên

THPL về TTV ở Việt Nam được bắt đầu từ quá trình xem xét hồ sơ đăng ký thành lập các TTTT. Theo đó, các thành viên sáng lập và TTV cần bảo đảm đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20 Luật TTTM trong hồ sơ đăng ký thành lập. Đây cũng là những tiêu chuẩn được các TTTT áp dụng để kết nạp TTV mới. Ngoài ra, các TTTT còn có thêm những tiêu chí riêng để kết nạp TTV, trong đó chú trọng vào năng lực và kinh nghiệm của TTV. Ví dụ, để có thể được kết nạp là TTV của VIAC, ứng viên phải đáp ứng các tiêu chí chung gồm độ tuổi từ 30 đến 70, tốt nghiệp đại học và đã làm việc thực tế trong ngành

8 năm trở lên... và một số tiêu chí bổ sung khác. Tuy nhiên, dù đã đáp ứng được hết các tiêu chí trên thì cũng sẽ không đương nhiên trở thành TTV của VIAC, mà phải có sự thông qua và công nhận của Ban điều hành trung tâm [95, tr.431].

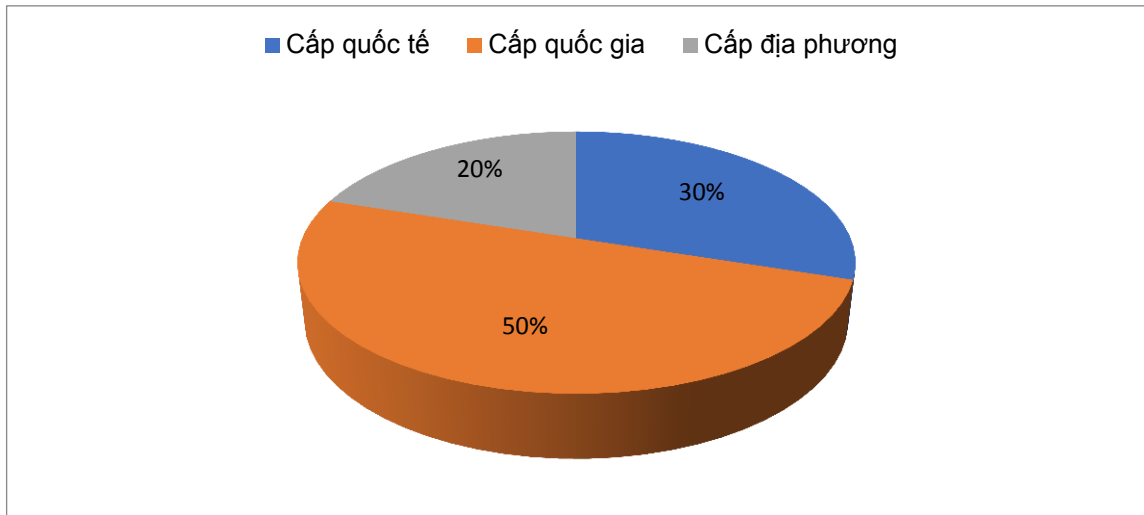
Việc đưa ra các tiêu chí, điều kiện chặt chẽ trong quá trình tuyển chọn TTV nhằm bảo đảm khả năng xử lý các vụ tranh chấp một cách hiệu quả và nhanh chóng của đội ngũ TTV, qua đó góp phần tạo nên sự uy tín của TTTT.

Trước khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực, Việt Nam chỉ có 165 người được công nhận là TTV, trong đó không có ai là người nước ngoài (do sự hạn chế của Pháp lệnh TTTM năm 2003); riêng VIAC đã có 123 TTV (chiếm gần 75% tổng số). Tuy nhiên, kể từ khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực, đội ngũ TTV Việt Nam đã có sự phát triển nhanh, mạnh mẽ về số lượng. Theo thống kê, tính đến thời điểm 31/12/2024, Việt Nam đã có khoảng 1500 TTV (trong đó số TTV của VIAC là 196 người, chiếm khoảng 13%), bao gồm nhiều TTV là người nước ngoài (riêng Trung tâm trọng tài quốc tế Thái Bình Dương (PIAC) đã có 191 TTV là người nước ngoài đang hoạt động tại Trung tâm). Có thể thấy, quy định mở rộng đối tượng cho người nước ngoài được làm TTV của các TTTT Việt Nam là một trong những bước đột phá của Luật TTTM năm 2010. Việc này không chỉ bảo đảm quyền tự do lựa chọn cơ quan tài phán của các bên tranh chấp mà còn tăng tính cạnh tranh cho hoạt động trọng tài, giúp các TTV của nước ta có điều kiện, cơ hội nâng cao trình độ trong quá trình hội nhập và thúc đẩy sự phát triển của TTTM Việt Nam.

Xét về chất lượng chuyên môn, nhìn chung đội ngũ TTV của Việt Nam hiện nay đều có trình độ chuyên môn tốt, có kỹ năng và kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực phổ biến trong hội nhập quốc tế như kinh doanh thương mại quốc tế, bảo hiểm, đầu tư nước ngoài và xuất nhập khẩu... Không chỉ vậy, nhiều TTV còn có khả năng sử dụng thành thạo ngoại

ngữ. Đây là điều kiện thuận lợi để tham gia vào việc giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và các vụ việc tranh chấp quốc tế.

Liên quan đến chất lượng, chỉ tính ở thời điểm năm 2014, tức là sau 3 năm thực hiện Luật TTTM, theo báo cáo của Bộ Tư pháp, số TTV là chuyên gia đầu ngành có học hàm giáo sư, phó giáo sư chiếm 5,68% trên tổng số TTV; số lượng TTV có trình độ tiến sỹ chiếm 26,7% trên tổng số TTV. Hầu hết các TTV đang đảm nhiệm các công việc trong các cơ quan nhà nước hoặc kiêm nhiệm các chức danh khác, như luật sư (chiếm 30,68%), luật gia, kỹ sư, chuyên gia thương mại quốc tế (chiếm 22%)[27]. Đến nay, theo khảo sát của nghiên cứu sinh dựa trên danh sách TTV được công khai của các TTTT ở Việt Nam, chỉ tính riêng 05 trung tâm trọng tài lớn nhất là Trung tâm trọng tài quốc tế Thái Bình Dương (PIAC), VIAC, Trung tâm trọng tài thương mại Phía Nam (STAC); Trung tâm trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (TRACENT) và Trung tâm trọng tài thương mại Luật gia Việt Nam (VLCAC) đã có khoảng 400 TTV có thể sử dụng ít nhất một ngoại ngữ để giải quyết tranh chấp quốc tế (chiếm 26%), có khoảng 200 TTV (chiếm 13%) là chuyên gia đầu ngành có trình độ tiến sỹ, khoảng trên 30 TTV có học hàm giáo sư, phó giáo sư (chiếm 2%), đa số (khoảng 50%) TTV có trình độ trên đại học, nhiều TTV là giảng viên các trường đại học, luật sư có kinh nghiệm, các TTV còn lại (chiếm khoảng 30%) đều có trình độ đại học theo đúng quy định về tiêu chuẩn TTV. Trên cơ sở đó, luận án phân chia đội ngũ TTV ở Việt Nam theo 3 cấp trình độ, trong đó bao gồm: TTV cấp quốc tế (cấp cao nhất, chuyên gia đầu ngành, sử dụng thành thạo ngoại ngữ có khả năng tham gia giải quyết các tranh chấp quốc tế), TTV cấp quốc gia (TTV có kinh nghiệm, trình độ trên đại học tham gia giải quyết các tranh chấp trên phạm vi cả nước), TTV cấp địa phương (thường là các TTV mới tham gia tham gia TTTT phạm vi giải quyết các tranh chấp ở một vài địa phương lân cận) thể hiện ở biểu đồ sau.



Biểu đồ 3.2. Số liệu cụ thể đánh giá phân cấp về trình độ của trọng tài

Theo biểu trên, hiện Việt Nam có khoảng 450 TTV cấp quốc tế (chiếm 30%), khoảng 850 TTV cấp quốc gia (chiếm 50%), 300 TTV cấp địa phương tỉnh/thành phố (chiếm 20%). Các TTV cấp quốc tế và quốc gia chủ yếu tập trung ở các TTTT lớn có uy tín tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

c. Thực hiện pháp luật về tổ chức các trung tâm trọng tài thương mại

Theo quy định của Luật TTMT năm 2010, cơ cấu tổ chức của các TTTT gồm có Ban Điều hành và Ban Thư ký. Ban Điều hành TTTT gồm có Chủ tịch, một hoặc các Phó Chủ tịch. Ban thư ký có Tổng thư ký do Chủ tịch TTTT phân công. Pháp luật cũng quy định, các TTTT phải có Điều lệ, trong đó nêu cụ thể về cơ cấu, bộ máy, quy mô, lĩnh vực hoạt động, bộ quy tắc tố tụng. Liên quan đến những quy định nêu trên, thống kê cho thấy kể từ năm 2016, 100% các TTMT ở Việt Nam đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc tố tụng trọng tài của tổ chức mình [94]. Đi sâu hơn, có thể thấy:

Về tuân thủ pháp luật, các TTTT đều có ý thức tuân thủ pháp luật nghiêm túc. Các chủ thể sáng lập viên, TTV không vi phạm các quy định cấm tại khoản 2, Điều 20 Luật TTMT năm 2010. Thực tế những năm qua không có TTTT nào vi phạm điều cấm dẫn đến bị thu hồi giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động.

Về chấp hành pháp luật, các chủ thể liên quan đã chủ động thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi tiến hành thủ tục đăng ký thành lập TTTT, gồm: các nghĩa vụ cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của bộ hồ sơ; nghĩa vụ công bố thông tin thành lập trên các phương tiện thông tin đại chúng; nghĩa vụ đăng ký hoạt động tại địa phương nơi có trụ sở chính.

Về sử dụng pháp luật, các TTTT và đội ngũ TTV đều có ý thức pháp luật cao, sử dụng đúng đắn các quyền mà pháp luật trọng tài quy định trong việc đăng ký thành lập, quyền trong tổ chức, xây dựng bộ máy điều hành của các TTTT, lựa chọn kết nạp TTV theo tiêu chuẩn mà quy chế trung tâm quy định.

Về áp dụng pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để cấp phép thành lập các TTTT bảo đảm đúng thời gian, đúng trình tự, thủ tục luật định, không có tình trạng chậm trễ gây khó khăn cho việc thành lập TTTT.

3.2.1.2. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với trọng tài thương mại

a. Về xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Trọng tài thương mại

Kể từ Đổi mới (1986), pháp luật Việt Nam đã có những quy định ngày càng cụ thể và đầy đủ về việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài. Đặc biệt, sau khi Luật TTMT năm 2010 có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật này. Bên cạnh đó, Chính phủ còn ban hành các Nghị định 124/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 63/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật TTMT; Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/07/quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực trọng tài. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đã thông qua Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật TTMT.

Không chỉ vậy, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân và Sở Tư pháp các địa phương cũng đã quan tâm xây dựng các đề án để định hướng phát triển hoạt động trọng tài, ví dụ như: Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ TTV, TTTT và định hướng một hoặc một số TTTT điểm có khả năng cạnh tranh quốc tế giai đoạn 2018 - 2023” do Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp cùng các Bộ ngành liên quan xây dựng; Đề án “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của TTMM đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh”... Hàng năm, Cục Hỗ trợ tư pháp đều thường xuyên phối hợp với các TTTT tiến hành Hội nghị tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động trọng tài, hòa giải cho đội ngũ TTV trên cả nước. Đồng thời, Bộ Tư pháp đã đóng vai trò là đầu mối hỗ trợ trọng tài thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế qua các dự án phát triển hoạt động hỗ trợ tư pháp, trọng tài, hòa giải với Nhật bản, Hàn Quốc...

Việc kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như nỗ lực của các cơ quan nói trên đã giúp các TTTT nhanh chóng hoàn thiện tổ chức, hoạt động ổn định, góp phần đưa quy định của Luật TTMM đi vào thực tiễn cuộc sống. Những nỗ lực nêu trên cũng giúp hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về trọng tài, qua đó góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

b. Việc tuyên truyền, triển khai thực hiện các quy định của Luật Trọng tài thương mại

Đối với các chủ thể THPL, để tạo điều kiện cho các TTTT đã được thành lập theo Pháp lệnh TTMM sớm ổn định về tổ chức và hoạt động, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đơn đốc, yêu cầu các TTTT nhanh chóng hoàn tất thủ tục sửa đổi, bổ sung điều lệ, đồng thời sửa đổi, bổ sung quy tắc tổ tụng trọng tài của tổ chức mình phù hợp với các quy định của Luật TTMM năm 2010.

Tại các địa phương, hoạt động triển khai thi hành Luật TTMM cũng đã được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương đã tích cực, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai, tổ chức tuyên truyền, phổ biến dưới nhiều hình thức về mục đích, ý nghĩa của việc ban hành Luật TTTM, về vai trò, tính hiệu quả của phương thức giải quyết bằng trọng tài, quán triệt nội dung cơ bản của Luật TTTM tới các cơ quan, ban, ngành, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp ở địa phương, bao gồm cả đội ngũ TTV, luật sư, báo cáo viên pháp luật.

c. Về thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đối với trọng tài

Kể từ khi Luật TTTM năm 2010 có hiệu lực, các cơ quan quản lý nhà nước về TTTM ở Trung ương và địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng theo hướng tạo điều kiện cho việc thành lập và hoạt động của các tổ chức trọng tài. Kết quả là, như đã đề cập ở phần trên, số lượng các TTTT đã tăng lên nhanh chóng kể từ 2011. Các trung tâm/tổ chức trọng tài được đăng ký và cấp phép thành lập đều bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định tại Điều 24, Luật TTTM năm 2010. Công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động TTTM trong thời gian qua cũng được thực hiện một cách thường xuyên, nghiêm túc. Những điều này góp phần dẫn đến kết quả là đa số TTTT và TTV có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động TTTM, không có vụ việc vi phạm nào xảy ra đến mức phải bị xử lý bằng pháp luật.

3.2.1.3. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại

Việc nhiều TTTT được thành lập và ngày càng được củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy kể từ 2011 đến nay đã giúp tăng cường hoạt động giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng trọng tài trong thực tế ở nước ta. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng nhìn nhận và đánh giá tích cực hơn về vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp bằng TTTM. Số vụ việc do các TTTT thụ lý, giải quyết ngày càng nhiều, phong phú, đa dạng hơn, trong đó bao trùm những lĩnh vực như: mua bán hàng hóa, đại lý

và trung gian, bảo hiểm thương mại, xây dựng, sở hữu trí tuệ, lao động, phân phối, đầu tư nước ngoài, tranh chấp hàng hải, tín dụng và thanh toán quốc tế... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, với sự ra đời của các quy định về chế tài bảo vệ người tiêu dùng theo pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, số vụ việc tranh chấp giữa người tiêu dùng với công ty tài chính cho vay tiêu dùng, doanh nghiệp phân phối và doanh nghiệp sản xuất hàng hóa được TTTT thụ lý, giải quyết đã tăng lên đáng kể.

Theo số liệu thống kê của Bộ Tư pháp, trong 10 năm (2012 - 2022) các TTTT Việt Nam đã tiếp nhận và giải quyết hàng chục ngàn vụ/việc tranh chấp với phí trọng tài hàng trăm tỷ đồng. Bảng dưới đây cung cấp số liệu cụ thể trong các năm từ 2014 (thời điểm có số liệu báo cáo) đến 2022.

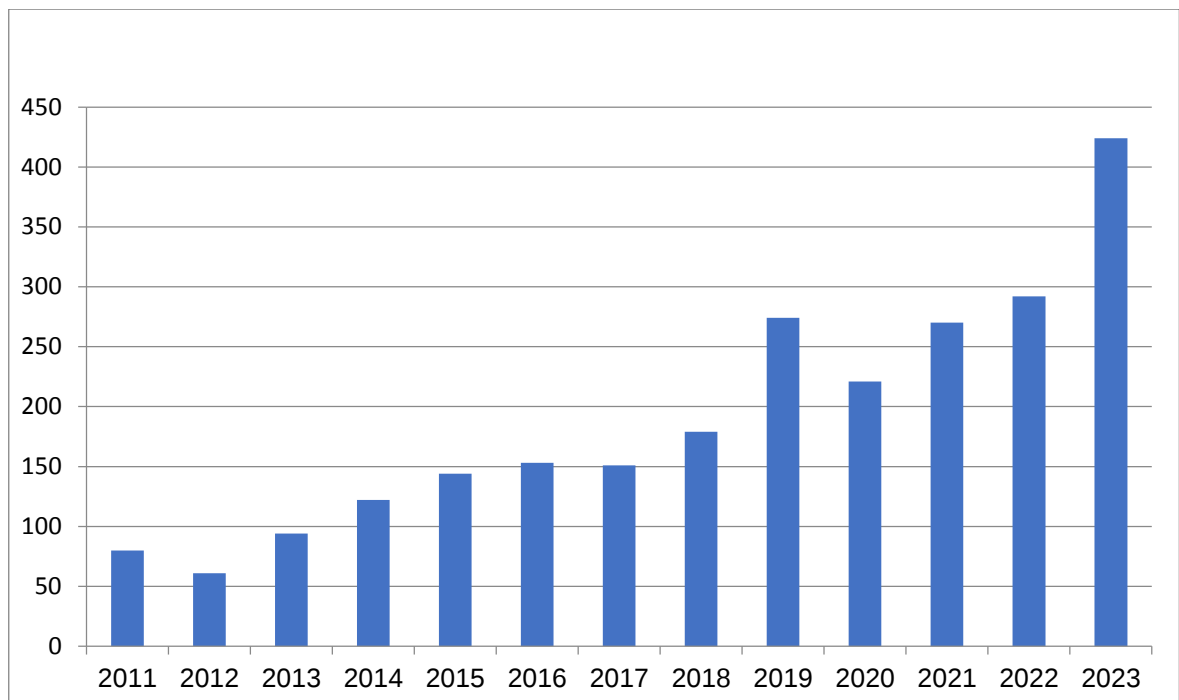
Bảng 3.1. Số lượng vụ việc trọng tài giải quyết giai đoạn 2014 - 2022

Năm	Số vụ tranh chấp tiếp nhận	Số vụ việc đã có phán quyết	Tổng phí thu
2014	722	119	883.725.652
2015	3.319	1.176	28.759.749
2016	3.019	1.213	20.408.359.050
2017	36.895	24.122	91.879.760.098
2019	16.109	12.983	101.553.492.174
2020	10.170	7.174	47.498.731.718
2021	596	448	87.485.527.235
2022	19.998	16.782	122.563.781.390

Bảng trên cho thấy, trong giai đoạn 2014 - 2017, số lượng các vụ việc tiếp nhận và hoàn thành giải quyết đều tăng, đạt mức cao nhất cho đến nay là vào năm 2017, với 36.895 vụ việc, hoàn thành giải quyết và có phán quyết hơn 65% số vụ việc. Xu hướng này vẫn tiếp tục trong giai đoạn 2019 - 2022, dù số lượng các vụ việc có những biến động qua từng năm.

Không chỉ số lượng vụ/việc trọng tài thụ lý tăng lên mà các lĩnh vực tranh chấp ngày càng đa dạng, phong phú hơn, tuy nhiên chủ yếu vẫn xuất phát từ các giao dịch mua bán hàng hóa. Bên cạnh đó, các vụ tranh chấp thuộc một số lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản, bảo hiểm, tài chính ngân hàng hay cho thuê tài sản cũng chiếm số lượng không nhỏ.

Chỉ tính riêng hoạt động giải quyết tranh chấp của một số TTTT lớn cho thấy sự gia tăng này. Theo báo cáo thống kê của VIAC giai đoạn 2011 - 2022 hoạt động giải quyết của trung tâm này được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.3. Số vụ tranh chấp VIAC thụ lý giai đoạn 2011 - 2022

Biểu đồ trên thể hiện số vụ tranh chấp mà VIAC thụ lý từ năm 2011 đến 2022. Trong giai đoạn này, số vụ tranh chấp gia tăng liên tục, đặc biệt từ năm 2014 trở đi giữ ổn định ở mức trên 100 vụ/năm, đạt đỉnh vào năm 2023 với hơn 424 vụ. Năm 2023, VIAC tiếp nhận 424 vụ tranh chấp, tăng gần 50% so với năm 2020, trong đó số vụ tranh chấp có ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm 31,45%, số vụ tranh chấp trong nước (không có yếu tố FDI) chiếm 46,12%, số vụ tranh chấp có yếu tố ngoài nước

chiếm 22,43%. Thống kê của VIAC phần nào cho thấy bước nhảy vọt của việc giải quyết tranh chấp bằng TTTM trong thời gian qua ở Việt Nam.

Về nội dung tranh chấp tại các TTTT cũng đa dạng trên nhiều lĩnh vực khác nhau và giá trị tranh chấp tỷ lệ thuận với nội dung vụ việc mà các bên tham gia.

Về chủ thể tham gia tranh chấp, đa phần khách hàng của các TTTT Việt Nam đều là các doanh nghiệp trong nước, chỉ có một số ít TTTT trọng tài hoạt động lâu năm, có kinh nghiệm và uy tín quốc tế như VIAC mới thu hút được khách hàng nước ngoài. Theo báo cáo thống kê có 67 quốc gia, khu vực có doanh nghiệp tham gia giải quyết tranh chấp tại VIAC trong đó lớn nhất là Châu Á Thái Bình Dương chiếm 71%, Châu Âu 15%, Châu Mỹ 11%, Trung Đông 3%, Châu Phi 1%,

Về chất lượng giải quyết tranh chấp, chất lượng giải quyết tranh chấp của các Hội đồng Trọng tài ngày càng được bảo đảm tốt hơn, điều này thể hiện qua tỷ lệ các quyết định/phán quyết trọng tài bị yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ rất thấp so với tổng số vụ tranh chấp được giải quyết. Ví dụ, trong năm 2022, “Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã nhận và thụ lý 44 yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, trong đó chỉ tuyên hủy 06 phán quyết” [93].

Xét chung, hiện nay, các doanh nghiệp Việt Nam đang có xu hướng giảm lựa chọn việc khởi kiện đến Tòa án để giải quyết tranh chấp, thay vào đó là sử dụng các cách thay thế khác, trong đó sự lựa chọn được dùng nhiều là TTTM. Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài không chỉ góp phần làm giảm áp lực công việc đang quá tải tại các Tòa án, mà thông qua việc chia sẻ hoạt động giải quyết tranh chấp của hệ thống Tòa án sẽ giúp nâng cao chất lượng xét xử, tinh gọn bộ máy Tòa án, giảm nhẹ cho ngân sách nhà nước.

*** Đánh giá chung**

Từ thành tựu trong THPL về giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng trọng tài, qua nghiên cứu các vụ việc trọng tài đã được giải quyết cho thấy:

- *Về tuân thủ pháp luật*, các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp không vi phạm các quy định cấm của pháp luật. Qua nghiên cứu chưa có việc mà phán quyết trọng tài bị tuyên hủy do vi phạm các quy định cấm của TTV, Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài, các TTV đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình về bảo đảm tính trung lập, vô tư, khách quan và bảo mật thông tin vụ việc. Khi có phán quyết trọng tài đa số các bên đều tự nguyện thực hiện nghĩa vụ.

- *Về chấp hành pháp luật*, đa số các chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi thực hiện các bước, trình tự thủ tục tố tụng. Đa số các bên tranh chấp thực hiện các nghĩa vụ về cung cấp thông tin, cung cấp tài liệu chứng cứ mà Hội đồng Trọng tài và Tòa án yêu cầu.

- *Về sử dụng pháp luật*, đa số các bên tham gia tranh chấp đã thực hiện đúng quyền của mình trong việc khởi kiện, quyền khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, quyền yêu cầu thu thập chứng cứ, yêu cầu giám định yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đa số Hội đồng Trọng tài thực hiện quyền hạn của mình trong việc yêu cầu các bên cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ đúng, yêu cầu giám định, yêu cầu tòa án hỗ trợ theo quy định của luật.

- *Về áp dụng pháp luật*, đa số các vụ việc tranh chấp Hội đồng Trọng tài đã áp dụng đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, thời gian, đúng trình tự, thủ tục luật định.

3.2.1.4. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài thương mại

a. Thành tựu trong thực hiện quy định về hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài trong quá trình tố tụng

Đối với hoạt động trọng tài, Tòa án đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và giám sát quá trình giải quyết tranh chấp. Trong quá trình này, Tòa án sử dụng hình thức áp dụng pháp luật là chủ yếu. Cụ thể, theo quy định của Luật

TTTM hiện hành, Tòa án thực hiện các hoạt động hỗ trợ như: chỉ định TTV (đối với trọng tài vụ việc), giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của trọng tài, hỗ trợ áp dụng các biện pháp khẩn cấp và tạm thời, hỗ trợ triệu tập nhân chứng và thu thập chứng cứ, đăng ký phán quyết trọng tài, và xem xét việc hủy phán quyết trọng tài. Những hoạt động này giúp bảo đảm tính hợp pháp và công bằng trong quá trình giải quyết tranh chấp, đồng thời tạo sự minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật. Cụ thể, khi thực thi các quy định của pháp luật về hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động tố tụng trọng tài, Tòa án đã thực hiện như sau:

Thứ nhất, Tòa án áp dụng pháp luật xem xét điều khoản thỏa thuận lựa chọn trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài.

Trước khi tiến hành giải quyết vụ tranh chấp, Hội đồng Trọng tài cần xem xét kỹ lưỡng tính hợp pháp và khả năng thực hiện của thỏa thuận trọng tài. Nếu thỏa thuận lựa chọn trọng tài (thỏa thuận trọng tài) là hợp pháp và có thể thực hiện được, Hội đồng Trọng tài sẽ tiếp tục giải quyết vụ việc theo các quy định của Luật TTTM. Tuy nhiên, nếu vụ việc không nằm trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, hoặc nếu thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực hoặc không khả thi, Hội đồng sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp và thông báo cho các bên liên quan.

Trong quá trình giải quyết, nếu Hội đồng Trọng tài có bất kỳ vi phạm nào vượt quá thẩm quyền của mình, các bên có quyền khiếu nại trực tiếp với Hội đồng. Hội đồng Trọng tài có trách nhiệm phải xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng. Nếu các bên không đồng ý với quyết định của Hội đồng, thì họ có quyền khiếu nại đến Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền luật định đối với các vấn đề liên quan đến thỏa thuận trọng tài hoặc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài.

Áp dụng quy định của pháp luật trọng tài, trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi nhận đơn khiếu nại, Chánh án Tòa án có thẩm quyền chỉ định một

Thẩm phán để xem xét và giải quyết khiếu nại. Thẩm phán phải ra quyết định trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi được chỉ định. Quyết định của Tòa sẽ có giá trị ràng buộc cuối cùng trong vụ tranh chấp. Trong thời gian Tòa đang giải quyết khiếu nại, Hội đồng Trọng tài vẫn có thể tiếp tục tiến hành giải quyết vụ việc tranh chấp nếu các bên đương sự không có yêu cầu đình chỉ.

Thứ hai, liên quan đến thỏa thuận trọng tài hoặc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài áp dụng pháp luật hỗ trợ Hội đồng Trọng tài trong việc thu thập chứng cứ.

Tòa án áp dụng pháp luật về trọng tài cùng các quy định của pháp luật liên quan để hỗ trợ Hội đồng Trọng tài trong việc thu thập chứng cứ là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, nhằm bảo đảm quyền lợi của các bên liên quan và bảo đảm tính công bằng trong việc xét xử. Mặc dù trọng tài là một phương thức giải quyết tranh chấp độc lập và không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nhưng trong một số trường hợp, Tòa án vẫn có thể hỗ trợ Hội đồng Trọng tài và TTV trong việc thu thập chứng cứ, đặc biệt khi các bên tham gia không tự nguyện giao nộp hoặc không thể thu thập được chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ việc.

Khi một bên gặp khó khăn trong việc thu thập chứng cứ, Tòa án với thẩm quyền nhân danh nhà nước có thể áp dụng pháp luật để can thiệp, giúp đỡ, chẳng hạn như yêu cầu các tổ chức hoặc cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu, hoặc thu thập các chứng cứ khác. Điều này nhằm bảo đảm rằng các bên đều có cơ hội cung cấp đầy đủ thông tin để chứng minh yêu cầu của mình. Trong quá trình xét xử của trọng tài, nếu một bên yêu cầu sự hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ mà TTV không thể thực hiện, Tòa án có thể can thiệp theo quy định của pháp luật. Thông qua việc này, Tòa án bảo đảm tính minh bạch và công bằng của quá trình tố tụng trọng tài. Việc hỗ trợ này thường chỉ diễn ra trong những trường hợp đặc biệt, khi các chứng cứ không thể thu thập được thông qua các phương thức/phương tiện thông thường của Hội đồng Trọng tài/

TTV hoặc khi có sự tranh chấp về thẩm quyền thu thập chứng cứ. Theo Luật TTTM hiện hành và các văn bản hướng dẫn, Tòa án có thể hỗ trợ trọng tài trong việc thu thập chứng cứ, nhưng sự can thiệp của Tòa án vẫn đang được tuân theo nguyên tắc không can thiệp quá sâu vào quyền tự quyết của Hội đồng Trọng tài và các bên tranh chấp.

Thứ ba, Tòa án áp dụng pháp luật hỗ trợ trọng tài trong việc triệu tập người làm chứng đến phiên họp của Hội đồng Trọng tài.

Trong không ít trường hợp, khi người làm chứng dù đã được Hội đồng Trọng tài triệu tập hợp lệ mà vẫn không tham gia phiên họp nhưng không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho quá trình xét xử vụ tranh chấp, thì Hội đồng Trọng tài gửi văn bản yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ban hành quyết định triệu tập người làm chứng tham gia phiên họp của Hội đồng trọng tài.

Thứ tư, sự hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động trọng tài khi thực hiện áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Luật TTTM hiện hành quy định: “Các bên tranh chấp có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài, Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Luật này và quy định của các luật có liên quan, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác” [5, Điều 48]. Việc yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị coi là sự bác bỏ thỏa thuận trọng tài hoặc từ bỏ quyền giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại.

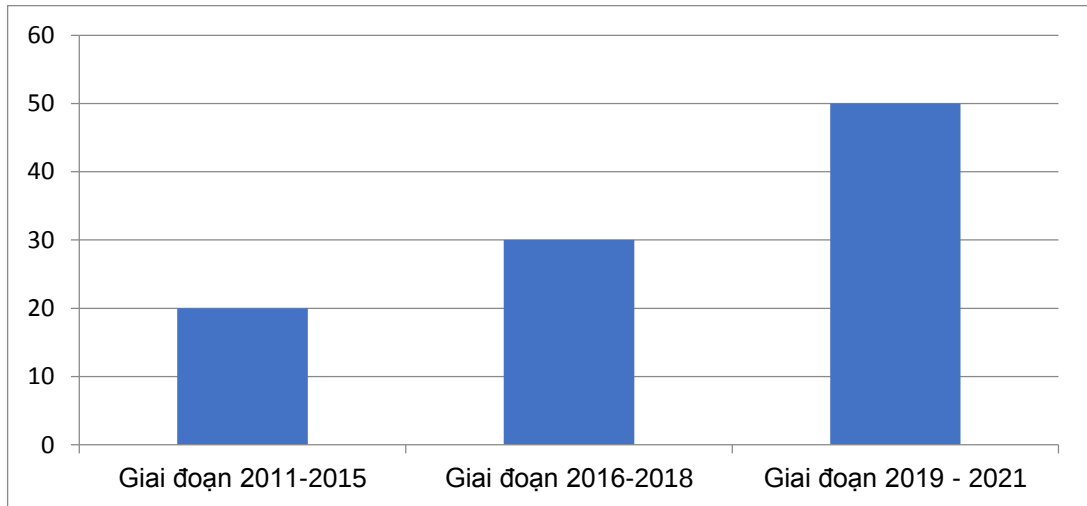
Thứ năm, Tòa án áp dụng pháp luật chỉ định TTV và thành lập Hội đồng Trọng tài vụ việc.

Trong thời gian qua, một trong những thành tựu đáng chú ý của Tòa án trong việc hỗ trợ hoạt động trọng tài đó là việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Sự hỗ trợ này đã giúp tăng cường niềm tin của các bên tranh chấp vào việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài, từ đó nâng cao hiệu quả của phương thức giải quyết này.

Thực tế, sau khi Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì tỷ lệ các vụ việc được các bên tự thỏa thuận và giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải mà không cần quyết định/phán quyết từ Hội đồng Trọng tài đã đạt đến 40% tổng số vụ/việc, đây là một tỷ lệ đáng kể.

Thống kê số lượng các đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ đối với trọng tài trong quá trình tố tụng tại Việt Nam ghi nhận trong giai đoạn 2011 - 2021, theo báo cáo của Bộ Tư pháp và VIAC, số lượng yêu cầu hỗ trợ từ tòa án tăng trưởng theo xu hướng chung của số vụ tranh chấp trọng tài:

- *Giai đoạn 2011 - 2015*: Trung bình khoảng 15 - 20 yêu cầu mỗi năm.
- *Giai đoạn 2016 - 2018*: Số lượng yêu cầu tăng lên khoảng 25 - 30 yêu cầu mỗi năm.
- *Giai đoạn 2019 - 2021*: Số yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đạt đỉnh với khoảng 35 - 50 yêu cầu mỗi năm, chủ yếu liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp và công nhận phán quyết trọng tài.



Biểu đồ 3.4. Xu hướng yêu cầu Tòa án hỗ trợ trong tố tụng trọng tài

Biểu đồ trên thể hiện sự gia tăng số lượng yêu cầu tòa án hỗ trợ, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của hệ thống tư pháp trong việc phối hợp với tố tụng trọng tài. Các yêu cầu hỗ trợ về biện pháp khẩn cấp và công nhận phán

quyết chiếm tỷ lệ lớn, phản ánh nhu cầu bảo vệ quyền lợi nhanh chóng và hiệu quả trong các tranh chấp thương mại.

Trong quá trình THPL về tố tụng trọng tài, các TTV hoặc bên tranh chấp thường yêu cầu sự hỗ trợ của Tòa án trong một số trường hợp cụ thể. Các yêu cầu này chủ yếu tập trung vào các trường hợp sau:

Một là, Tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp như tạm giữ tài sản, cấm thực hiện hành vi, hoặc bảo toàn tài sản trước khi vụ việc được giải quyết bởi trọng tài khi các bên tranh chấp có yêu cầu

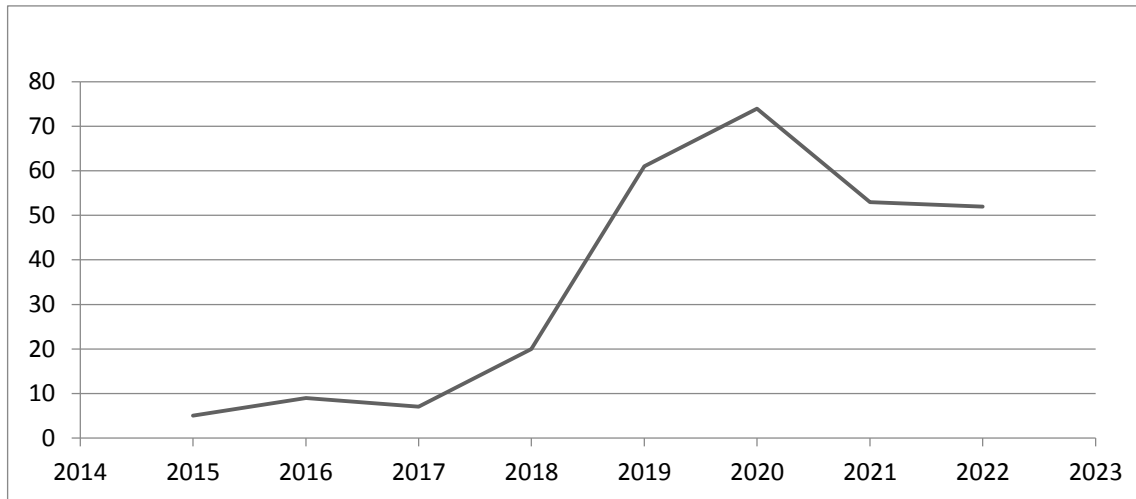
Hai là, trong trường hợp bên tranh chấp hoặc trọng tài không thể triệu tập nhân chứng hoặc thu thập chứng cứ cần thiết, Tòa án có thể can thiệp để hỗ trợ trong việc triệu tập nhân chứng hoặc yêu cầu cung cấp chứng cứ.

b. Thành tựu trong thực hiện quy định về hỗ trợ của Tòa án trong việc giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết, quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam:

Theo một nghiên cứu cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2012 - 2019, Tòa án của 55 địa phương tỉnh/thành phố ở nước ta đã nhận được 84 yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định, phán quyết của trọng tài nước ngoài, và đã giải quyết tổng số 84 quyết định của trọng tài nước ngoài (tỷ lệ 100%), trong đó, số quyết định được công nhận là 39, số không được công nhận là 33, số đình chỉ giải quyết là 12 yêu cầu. Như vậy, trung bình mỗi năm cả nước giải quyết 09 - 10 yêu cầu [48].

Về phạm vi địa bàn phát sinh các yêu cầu, việc giải quyết loại việc về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam “chủ yếu tập trung ở các Tòa án tại thành phố lớn như Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (38 việc, chiếm 45,2% tổng số việc) và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (15 việc, chiếm khoảng 17,9% tổng số việc), một nửa số Tòa án nhân dân cấp tỉnh không giải quyết bất kỳ một yêu cầu nào. Tỷ lệ các phán quyết không được công nhận chiếm khoảng 40% tổng số các phán quyết” [48].

Theo báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao: “Từ 2015 - 2022, số lượng yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của TTTM ngày càng tăng (năm 2015 có 05 việc; năm 2016 có 09 việc; năm 2017 có 07 việc; năm 2018 có 20 việc; năm 2019 có 64 việc; năm 2020 có 74 việc; năm 2021 có 53 việc; năm 2022 có 52 việc” [103].



Biểu đồ 3.5. Số lượng yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Biểu đồ trên cho thấy xu hướng phát triển của các yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam chưa ổn định. Cụ thể, giai đoạn 2011 - 2020 có sự tăng trưởng nhanh về số lượng nhưng giai đoạn 2020 - 2022 có xu hướng giảm nhẹ. Điều này cho thấy dù số lượng yêu cầu tăng, việc thi hành một số phán quyết quốc tế vẫn gặp khó khăn tại Việt Nam do sự khác biệt trong hệ thống pháp luật và việc thực thi các điều ước quốc tế.

Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy lý do Tòa án không công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài ở Việt Nam tập trung ở một số căn cứ như: “i. Các bên tham gia thỏa thuận trọng tài không có năng lực để ký thỏa thuận; ii. Cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ thi hành không được thông báo kịp thời các thông tin hoặc không thể tham gia thực hiện quyền tố tụng của mình với lý do chính

đáng; iii. Việc công nhận và cho thi hành là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” [103].

Những kết quả trên cho thấy việc áp dụng pháp luật về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài được quy định trong Luật TTTM đã được quan tâm thực hiện, mặc dù số lượng phán quyết được chấp nhận thi hành chưa nhiều nhưng các Tòa án đã áp dụng đúng quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

c. Đánh giá chung

Thành tựu trong THPL về hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài, cho thấy:

- *Về tuân thủ pháp luật*, các chủ thể THPL về hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài khi yêu cầu Tòa án hỗ trợ; Tòa án khi xem xét giải quyết hầu hết đều không vi phạm các quy định cấm của pháp luật.

- *Về chấp hành pháp luật*, đa số các chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi thực hiện các bước, trình tự thủ tục yêu cầu Tòa án hỗ trợ. Đa số các bên tranh chấp thực hiện các nghĩa vụ về cung cấp thông tin, cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Về sử dụng pháp luật*, đa số các bên tham gia tranh chấp và Hội đồng Trọng tài đã thực hiện đúng quyền yêu cầu sự hỗ trợ của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu triệu tập nhân chứng; yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Về áp dụng pháp luật, các yêu cầu hỗ trợ đã được Tòa án áp dụng giải quyết đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, thời gian, trình tự, thủ tục luật định.

3.2.1.5. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về phán quyết trọng tài

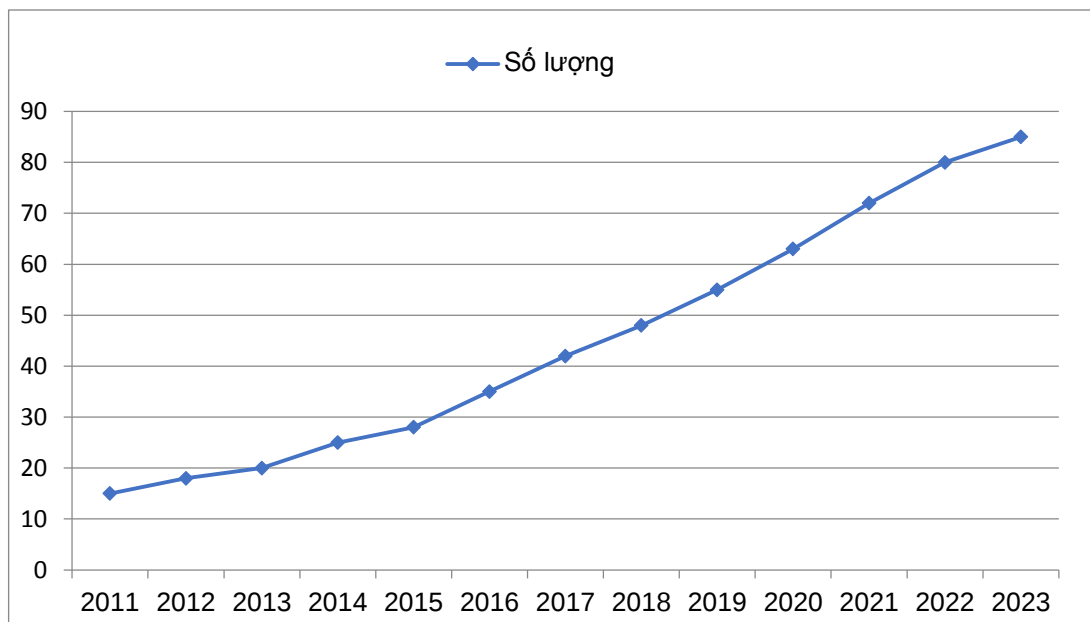
a. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về thi hành phán quyết trọng tài

Có thể khẳng định rằng, việc thi hành phán quyết trọng tài là giai đoạn quan trọng trong quá trình giải quyết tranh chấp nhằm bảo đảm phán quyết

trọng tài được thực thi trên thực tế, góp phần tăng tính hiệu quả giải quyết tranh chấp.

Việc phán quyết trọng tài được thi hành trên thực tế đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc tạo dựng uy tín và nâng cao sự tin tưởng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về tính hiệu quả của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, qua đó, góp phần thu hút, khuyến khích các bên đưa vào trong hợp đồng lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp.

Hiện nay, việc thi hành phán quyết trọng tài đã có sự thống nhất cao, được thực hiện như việc thi hành bản án của Tòa án, không có sự phân biệt giữa việc thi hành phán quyết, quyết định của TTTM với thi hành bản án, quyết định của Tòa án, điều này có tác động tích cực tới các bên được thi hành phán quyết trọng tài. Bên cạnh đó, đa số các phán quyết được các bên tự nguyện thi hành, số lượng phán quyết phải yêu cầu cơ quan THADS hỗ trợ thi hành mặc dù có tăng lên nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trên tổng số phán quyết trọng tài được ban hành hàng năm.



Biểu đồ 3.6. Số lượng yêu cầu thi hành án giai đoạn 2011- 2023

Biểu đồ trên thể hiện, trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2023, số lượng phán quyết trọng tài được yêu cầu thi hành án đã tăng từ 15 lên 85 vụ, với tốc

độ tăng trưởng trung bình khoảng 20% mỗi năm. Giai đoạn 2015 - 2023 có sự tăng trưởng mạnh hơn, đặc biệt là từ năm 2018 trở đi, phản ánh sự mở rộng và phát triển của hoạt động TTTM tại Việt Nam.

Điều này cho thấy, ngày càng nhiều doanh nghiệp lựa chọn trọng tài làm phương thức giải quyết tranh chấp thay vì Tòa án, dẫn đến số lượng yêu cầu công nhận và yêu cầu cho thi hành phán quyết gia tăng. Việc thực thi phán quyết trọng tài trở nên hiệu quả và ít bị Tòa án can thiệp, tạo sự tin cậy cho các bên tham gia tranh chấp. Hệ thống Tòa án, cơ quan THADS của Việt Nam đã có nhiều cải thiện trong việc hỗ trợ thi hành các phán quyết trọng tài, giúp tăng cường hiệu quả của phương thức giải quyết này.

Hơn nữa, theo VIAC, tỷ lệ phán quyết được/phải yêu cầu thi hành án so với tổng số vụ tranh chấp thụ lý bởi VIAC và các TTTT khác duy trì ở mức khoảng 30 - 40%. Điều này cho thấy các phán quyết trọng tài có chất lượng tốt, bảo đảm được công bằng đã được các bên tranh chấp thực hiện một cách tự nguyện mà không cần đến sự can thiệp của cơ quan THADS.

b. Thành tựu trong thực hiện pháp luật về hủy phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài là kết quả cuối cùng của quá trình giải quyết tranh chấp, xử lý toàn bộ các vấn đề mà các bên tranh chấp đã nêu ra trong đơn kiện. Phán quyết này có giá trị pháp lý chung và ràng buộc đối với các bên liên quan, kết thúc quá trình tố tụng trọng tài. Do đó, mặc dù việc các phán quyết trọng tài bị hủy một mặt có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trọng tài, nhưng mặt khác cũng góp phần nâng cao chất lượng phán quyết trọng tài.

Theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, việc hủy phán quyết trọng tài được coi là một thủ tục pháp lý do Tòa án thực hiện nhằm kiểm tra lại phán quyết đã ban hành, bảo đảm rằng phán quyết đó tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục và quyền lợi của các bên trong tranh chấp thương mại theo quy định của pháp luật. Các bên sử dụng pháp luật yêu cầu Tòa án xem xét lại phán quyết trọng tài nếu có đủ cơ sở để chứng minh rằng phán quyết đã được Hội

đồng Trọng tài ban hành trong những trường hợp có thể bị hủy theo quy định của pháp luật. Việc hủy phán quyết trọng tài yêu cầu phải thực hiện theo một quy trình và thủ tục nghiêm ngặt, bảo đảm tuân thủ đúng các quy định pháp lý hiện hành. Thực tiễn quá trình áp dụng pháp luật của Tòa án hiện nay cho thấy phán quyết trọng tài thường bị hủy bởi các lý do sau:

Một là, không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực, không thể thực hiện được.

Ví dụ 1: Quyết định số 974/2019/QĐ - PQT ngày 13/08/2019 về “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh” [105] (xem phụ lục 4).

Nội dung vụ việc: Ngày 28/12/2012, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi là Công ty B) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi là Công ty A) có ký Hợp đồng kinh tế số 206/HĐ.12 với nội dung: Công ty A nhận thi công lắp đặt thiết bị cho khu xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp, với các thiết bị có thông số kỹ thuật theo phụ lục đính kèm. Tại điều khoản về tranh chấp, hai bên thỏa thuận chọn “Trọng tài kinh tế thành phố Hồ Chí Minh” là nơi giải quyết. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Công ty B đã tạm ứng cho Công ty A bằng chuyển vào tài khoản 03 lần với tổng số tiền 4.100.000.000 đồng. Ngày 20/7/2017, Công ty B và Công ty A có ký phụ lục hợp đồng số 206-01/PLHĐ.17 để gia hạn thời gian thi công đến 29/12/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 12/6/2018, Công ty B đã khởi kiện yêu cầu TTTT thương mại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Ngày 18/05/2019, Trung tâm TTMT Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Phán quyết Trọng tài số 05/2019/PQT với nội dung: Hủy Hợp đồng số 206/HĐ.12 và phụ lục hợp đồng số 206-01/PLHĐ.17, buộc bị đơn là Công ty A phải hoàn trả số tiền đã nhận là 4.100.000.000 đồng và phải chịu toàn bộ phí trọng tài.

Không đồng ý với phán quyết, ngày 03/6/2019, Công ty A nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài.

Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Tòa nhận định thỏa thuận trọng tài giữa hai bên trong hợp đồng “...việc giải quyết tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Trọng tài kinh tế thành phố Hồ Chí Minh”, trung tâm này đã chấm dứt hoạt động từ năm 1994 (hiện nay không có tổ chức kế thừa) và các bên không có thỏa thuận lại chọn trọng tài khác, do đó thỏa thuận trọng tài là không thể thực hiện. Điều này vi phạm quy định tại khoản 5, Điều 43 Luật TTTM. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án ra quyết định hủy phán quyết trọng tài số 05/2019/PQTT.

Hai là, thành phần Hội đồng Trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc vi phạm các quy định của Luật Trọng tài thương mại;

Cũng trong vụ việc ở ví dụ 1, trước khi trọng tài mở phiên họp xét xử, ngày 02/7/2018 công ty A đã gửi văn bản phản đối thẩm quyền của Trung tâm TTTM thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1, Điều 43 Luật TTTM thì việc xem xét thỏa thuận trọng tài và thẩm quyền của trọng tài là thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài đã không mở phiên họp xem xét phản đối này. Tòa án nhận định Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng khi giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 68 Luật TTTM và điểm b, khoản 2, Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP về hủy phán quyết trọng tài. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của Công ty A, hủy phán quyết trọng tài 05/2019/PQTT của Trung tâm TTTM thành phố Hồ Chí Minh.

Ba là, vụ tranh chấp không thuộc phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài (đối với những trường hợp mà phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng, thì phần nội dung đó bị hủy);

Bốn là, các chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng Trọng tài sử dụng căn cứ vào để ra phán quyết là giả mạo; TTV nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất từ một bên tranh chấp, ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài;

Năm là, phán quyết trọng tài vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Ví dụ 2: Quyết định số 08/2019/QĐ - PQT ngày 25/07/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hà Nội về việc hủy phán quyết trọng tài số 85/16 HCM ngày 20/2/2019 của VIAC [104] (xem phụ lục 4).

Nội dung vụ việc: Công ty A (sau đây gọi là A) là Chủ đầu tư Dự án K (Khách sạn, căn hộ dịch vụ, văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ) tại địa điểm Khu đất số 6, khu đô thị C, quận C, Hà Nội. Công ty K (gọi là K) là nhà thầu xây dựng. Ngày 21/9/2007, Công ty K và Công ty A ký kết Thỏa thuận Hợp đồng ban đầu về việc: “Xây dựng K - khách sạn, căn hộ dịch vụ, văn phòng, trung tâm thương mại và căn hộ”. Tổng giá trị của hợp đồng là 721 triệu USD (chưa bao gồm thuế VAT, K chịu trách nhiệm về khoản này); Thời hạn hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày ký; Hợp đồng cũng quy định rõ nhà thầu K phải trả một khoản bồi thường thiệt hại định trước trong trường hợp dự án không hoàn thành đúng tiến độ là 0,03% giá hợp đồng trên mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng cộng không quá 5% giá trị hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, các bên đã ký thêm 07 phụ lục sửa đổi hợp đồng mang số từ 1 đến 7.

Vì có tranh chấp trong việc thanh toán nên ngày 25/10/2016 K đã khởi kiện trọng tài yêu cầu A thanh toán các khoản tiền mà K cho rằng A phải trả cho K. A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của K mà còn có yêu cầu kiện lại, buộc K bồi thường thiệt hại 2 khoản chính gồm: chi phí xây dựng bổ sung và Bồi thường thiệt hại định trước.

Ngày 20/02/2019, Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC ban hành Phán quyết trọng tài vụ kiện số 85/16 theo đó: “Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán

cho Bị đơn A số tiền: 6.060.000 USD. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán và hoàn trả cho Bị đơn A phí trọng tài số tiền: 2.449.664.525 VNĐ. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán và phải hoàn trả cho Bị đơn A phí và phí tổn luật sư của V liên quan đến vụ kiện trọng tài này...”

Không đồng ý với Phán quyết trọng tài, ngày 19/3/2019, nguyên đơn K làm đơn yêu cầu huỷ Phán quyết đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Tòa án đã thụ lý và tiến hành giải quyết. Ngày 25/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra quyết định huỷ phán quyết trọng tài. Trong quyết định, Hội đồng xét đơn đã nhận định: “...Trong vụ việc này Hội đồng Trọng tài đã có sự phân biệt đối xử không công bằng với K... Tổng hợp các nội dung nêu trên, thấy rõ Hội đồng Trọng tài đã có sự không công bằng trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp. Như vậy, Hội đồng trọng tài đã *vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*. Cụ thể, Hội đồng Trọng tài đã vi phạm Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nguyên tắc bình đẳng và Điều 4 Luật TTTM quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đã xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của K. Vì vậy, yêu cầu huỷ phán quyết nêu trên của Hội đồng Trọng tài do K khởi kiện có căn cứ chấp nhận”.

Tòa án đã áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu Hủy quyết định Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 85/16 được lập ngày 20/02/2019 của Hội đồng Trọng tài VIAC.

Số vụ tranh chấp được giải quyết thông qua trọng tài đang dần gia tăng (với khoảng gần 500 vụ trong năm 2018), nhưng vẫn chỉ chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn so với nhu cầu thực tiễn, chưa đến 1% (một phần trăm) so với tổng số các tranh chấp thương mại được Tòa án xem xét và giải quyết hàng năm. Trong khi đó, trong những năm gần đây, tranh chấp quốc tế đang có xu hướng giảm sút, ngược lại tranh chấp trong biên giới quốc gia ngày càng chiếm tỷ lệ cao (khoảng 70%) và có xu hướng gia tăng rõ rệt, đặc biệt là trong các công ty có

vốn FDI [103]. Theo Tòa án nhân dân tối cao, trong giai đoạn 2011 đến 30/6/2022, tòa án các địa phương đã thụ lý 216 vụ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trong đó đã giải quyết 200 vụ, đình chỉ 18 vụ, không chấp nhận yêu cầu 133 vụ, hủy phán quyết trọng tài 49 vụ (chiếm 24%)[96]. Ví dụ, trong năm 2015, các Tòa án đã thụ lý 07 vụ; năm 2016 là 11 vụ; năm 2017 với 14 vụ; riêng 6 tháng đầu năm 2018 thụ lý 5 vụ. Trong đó, yêu cầu khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài là 04 vụ việc, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là 26 vụ và công nhận cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là 07 vụ [103].

Số lượng phán quyết trọng tài bị Tòa án tuyên hủy có xu hướng tăng (mặc dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ), làm cho không chỉ các tổ chức/doanh nghiệp mà ngay các TTV cũng trở nên lo lắng. Tình trạng này khiến cho các TTV không an tâm khi thực hiện công việc của mình, vì chưa biết liệu phán quyết của họ có bị hủy hay không. Đây là một vấn đề cần được khắc phục, bởi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã được thiết lập nhằm xây dựng một khung khổ pháp lý để thúc đẩy sự phát triển của cách giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Tuy nhiên, hiện thực đang diễn ra theo chiều ngược lại do số lượng phán quyết trọng tài bị hủy không chỉ duy trì mà còn gia tăng so với giai đoạn trước đây. Điều này cũng cho thấy các quy định của pháp luật TTTM được áp dụng, thực hiện đầy đủ, góp phần tạo động lực thúc đẩy các TTTT phải nâng cao chất lượng xét xử, thận trọng hơn khi ra phán quyết/quyết định giải quyết tranh chấp.

**** Đánh giá chung***

Từ thành tựu trong THPL về phán quyết trọng tài cho thấy:

- *Về tuân thủ pháp luật*, các chủ thể THPL về phán quyết đa số không vi phạm các quy định cấm của pháp luật.
- *Về chấp hành pháp luật*, đa số các chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khi thực hiện phán quyết trọng tài gồm cả nghĩa vụ trả phí trọng tài và nghĩa vụ thực thi phán quyết. Điều này thể hiện qua tỷ lệ các chủ thể tự nguyện thực

hiện nghĩa vụ thi hành phán quyết cao, số vụ việc phải yêu cầu cơ quan THADS chiếm tỷ lệ tương đối ít.

- *Về sử dụng pháp luật*, đa số các bên tham gia tranh chấp và Hội đồng Trọng tài đã thực hiện đầy đủ quyền của mình trong việc thực thi phán quyết trọng tài.

- *Về áp dụng pháp luật*, cơ quan thi hành án áp dụng đúng các quy định của pháp luật để thi hành phán quyết trọng tài. Tòa án áp dụng đúng quy định pháp luật trong việc hủy phán quyết trọng tài.

3.2.2. Nguyên nhân của những thành tựu trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

3.2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, xu hướng lựa chọn trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp trở nên phổ biến trên thế giới, thúc đẩy trọng tài thương mại và việc thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại Việt Nam phát triển

Trên thế giới, đặc biệt là ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển ở Châu Âu và Châu Mỹ, các thiết chế trọng tài đã ra đời từ lâu và chiếm vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống tài phán của các quốc gia này. Các thiết chế trọng tài truyền thống, chẳng hạn như: Tòa án Trọng tài Quốc tế thuộc Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ở châu Âu, hay cụ thể là Tòa án Trọng tài (Thụy Điển) bên cạnh Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) ở Stockholm, là những ví dụ điển hình về sự phát triển mạnh mẽ của trọng tài thương mại quốc tế. Các thiết chế này không chỉ cung cấp một phương thức giải quyết tranh chấp nhanh chóng, hiệu quả mà còn bảo đảm tính trung lập và độc lập trong việc xét xử các vụ tranh chấp thương mại quốc tế. Điều này đã giúp các tổ chức trọng tài, đặc biệt là ICC, trở thành một trong những tổ chức trọng tài có uy tín và được nhiều quốc gia, doanh nghiệp lựa chọn để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế.

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức trọng tài quốc gia ở các khu vực Âu - Mỹ, trong những năm gần đây, đã có sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức này ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong hơn 40 năm qua, các nước có nền KTTT năng động trong khu vực này đã tổ chức lại các TTTT quốc gia hoặc thành lập mới các tổ chức trọng tài như Hiệp hội Trọng tài Nhật Bản (Tokyo, Osaka, Kobe,...). Các nước gần Việt Nam lần lượt thành lập TTTT như: TTTT Kuala Lumpur (1967), TTTT Quốc tế Hồng Kông (1987), TTTT bên cạnh Phòng Thương mại Thái Lan (1990); Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore (1991)...

Trên thế giới, đang diễn ra quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ và Việt Nam đang thực hiện hội nhập quốc tế sâu rộng, vì vậy, trọng tài Việt Nam cũng không thể đứng ngoài xu thế đó. Hiện nay, nước ta có khoảng nửa triệu doanh nghiệp, trong đó số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng nhanh, đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với đó, số vụ/việc mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp xảy ra ngày càng nhiều, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển các tổ chức TTMT và lực lượng TTV. Sự phát triển của trọng tài tạo ra cho các doanh nghiệp thêm một sự lựa chọn cách giải quyết hiệu quả, tiện lợi khi xảy tranh chấp. Đồng thời, quá trình này cũng đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao hơn đối với lĩnh vực hoạt động TTMT, theo đó quá trình thực hiện tố tụng của trọng tài phải đáp ứng được mong muốn của các bên tranh chấp về tiết kiệm thời gian, tăng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp, sự bảo mật thông tin vụ việc tranh chấp... Vì vậy, các tổ chức (trung tâm) trọng tài vẫn đang tiếp tục đổi mới, hoàn thiện, trình độ, năng lực của đội ngũ TTV ngày càng được nâng cao, chuyên nghiệp hơn, quá trình giải quyết các vụ tranh chấp phải tiến hành nhanh gọn trong thời gian ngắn nhất và đạt được hiệu quả cao nhất, từng bước đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao, càng phong phú, đa dạng của các chủ thể.

Thứ hai, quá trình thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại đang phục vụ ngày càng đắc lực cho việc thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam

Khi tham gia vào các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế, Việt Nam cần phải thực hiện và hoàn thiện pháp luật về kinh tế nói chung, pháp luật về TTTM nói riêng, góp phần đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Việc hội nhập với các quốc gia trên thế giới đặt ra cho Việt Nam nhiều thách thức, trong đó có việc hoàn thiện và bổ sung các quy định pháp luật về TTTM và tổ chức thực thi pháp luật phù hợp với cam kết quốc tế này.

WTO, một tổ chức quốc tế có cơ cấu chặt chẽ, yêu cầu bất kỳ quốc gia nào khi gia nhập đều phải thực hiện những nghĩa vụ nhất định, trong đó có nghĩa vụ sửa đổi pháp luật phù hợp theo các quy định của WTO. Cùng với đó là các Công ước New York 1958 và Luật Mẫu về trọng tài của UNCITRAL cũng như các chuẩn mực quốc tế về trọng tài đòi hỏi pháp luật Việt Nam phải hội nhập. Do đó, việc sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật về trọng tài thương mại sẽ giúp Việt Nam tương thích với pháp luật của các quốc gia trên thế giới, từ đó làm cho trọng tài thương mại Việt Nam ngày càng thu hút các thương nhân trong nước và quốc tế.

Thứ ba, pháp luật trọng tài thương mại được xây dựng ngày càng hoàn thiện

Luật TTTM năm 2010 ra đời với các quy định tiên bộ và tương đối hoàn thiện theo xu hướng và chuẩn mực pháp luật quốc tế, tiệm cận với chuẩn mực pháp luật của các nước có pháp luật trọng tài phát triển, đã kịp thời đáp ứng được các yêu cầu và xu hướng này. Cụ thể, các quy định về thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp nhanh gọn, đơn giản, mềm dẻo và linh hoạt. Theo đó, các bên có thể chủ động về thời gian, địa điểm tiến hành giải quyết tranh chấp, không phải qua nhiều cấp xét xử như Tòa án. Chính vì vậy, doanh nghiệp tiết kiệm được đáng kể thời gian và chi phí. Thủ tục tố tụng trọng tài so với tố tụng của Tòa án đơn giản hơn nhiều, nếu khởi kiện bằng con đường Tòa án thì các bên

phải tuân thủ các nguyên tắc tổ tụng một cách nghiêm ngặt và phức tạp hơn, thời gian giải quyết lâu hơn.

3.2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Phương thức trọng tài đã xuất hiện và phát triển từ rất sớm trên thế giới, qua nhiều thế kỷ, đây vẫn là lựa chọn hàng đầu của các thương nhân để giải quyết tranh chấp thương mại. Sự phát triển của trọng tài và thành tựu của việc THPL về TTTM tại Việt Nam có được nhờ vào nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định. Các nguyên nhân cụ thể gồm:

Một là, sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo, hỗ trợ, tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan nhà nước trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Đảng và Nhà nước ta chủ trương ghi nhận, mở rộng các hình thức giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh - thương mại và một số quan hệ dân sự khác, khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng trọng tài. Chủ trương khuyến khích sử dụng trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp giữa các bên trước hết xuất phát từ nhu cầu của các cá nhân và tổ chức muốn giải quyết vụ việc của mình một cách thuận lợi, nhanh chóng và có hiệu quả. Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với trọng tài đặt trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia lại càng được chú trọng. Bởi vì, hoạt động xét xử các vụ/việc kinh tế của Tòa án ở nước ta sẽ được giảm tải khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tăng lên.

Quá trình triển khai THPL về TTTM được các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương liên quan triển khai nghiêm túc, nhanh chóng. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về trọng tài cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân được thực hiện tích cực, đa dạng dưới nhiều hình thức bằng các phương tiện, nền tảng thông tin truyền thông cả truyền thống và hiện đại, đa phương tiện, góp phần tạo lập môi trường xã hội thuận lợi cho sự phát triển của hoạt

động trọng tài. Cùng với đó là sự ủng hộ, hỗ trợ tích cực từ phía các cơ quan nhà nước, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của Tòa án, Bộ tư pháp và cơ quan THADS tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trọng tài nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động để phát triển bền vững, tăng khả năng cạnh tranh với các tổ chức trọng tài nước ngoài.

Hai là, nhận thức và ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại được cải thiện

Chủ thể chủ yếu THPL là các cơ quan nhà nước, các TTTT, TTV, luật sư, các doanh nghiệp. Đây đều là những chủ thể có tri thức, hiểu biết tốt về pháp luật nói chung và pháp luật TTTM nói riêng. Các cán bộ, công chức của Bộ Tư pháp, có quan THADS, Tòa án đều được đào tạo chuyên ngành về pháp luật, có kiến thức và kinh nghiệm trong áp dụng pháp luật. Còn các TTV, luật sư đều là những người làm nghề luật chuyên nghiệp, có am hiểu sâu về lĩnh vực pháp luật TTTM... Còn các doanh nghiệp khi gia nhập thị trường, tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại đều phải có những kiến thức pháp luật nói chung cũng như kiến thức pháp luật về lĩnh vực mà họ hoạt động. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp còn có bộ phận pháp chế hoặc chuyên viên pháp chế là những người am hiểu pháp luật. Hơn nữa, khi xảy ra tranh chấp, đa số các cá nhân, tổ chức đều tìm luật sư để được tư vấn cách thức giải quyết. Chính vì vậy, nhận thức và ý thức pháp luật về TTTM của các chủ thể từng bước được cải thiện và nâng cao, từ đó họ đã có sự tin tưởng và lựa chọn trọng tài để giải quyết những tranh chấp xảy ra trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.

Ba là, từ những ưu thế nội tại của trọng tài, tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao của đội ngũ trọng tài viên

Khi giải quyết tranh chấp bằng TTTM các bên được giữ bí mật nội dung tranh chấp. Đây là nghĩa vụ của TTV khi giải quyết vụ việc vì một trong các lý do để các bên đương sự lựa chọn trọng tài đó là bảo đảm tính bí mật của tranh

chấp. Do vậy, các TTV không được phép tiết lộ nội dung của tranh chấp khi không được các bên đồng ý. Ngoài ra, nguyên tắc này còn được thể hiện ở việc sẽ không có người ngoài được tham dự vào phiên xét xử trọng tài nếu các đương sự không cho phép. Nguyên tắc này cũng được ghi nhận trong pháp luật và quy tắc tố tụng của nhiều nước, trong đó có Việt Nam.

Trình độ, năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ TTV ngày càng được nâng cao, bảo đảm được sự vô tư, khách quan khi giải quyết tranh chấp. Đây là một nguyên nhân quan trọng để các chủ thể tranh chấp lựa chọn TTTM để giải quyết.

Thực tế quá trình sử dụng, áp dụng pháp luật về TTTM cho thấy, khi giải quyết tranh chấp bằng TTTM các bên được quyền lựa chọn TTV cho mình. Việc lựa chọn như vậy đã giúp các bên tìm ra được những chuyên gia giỏi, giàu kinh nghiệm, am hiểu sâu sắc về các nội dung vấn đề xảy ra tranh chấp, từ đó họ giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, chính xác và phù hợp với tính chất đặc thù của từng lĩnh vực chuyên môn.

So với Tòa án, thời gian xét xử của trọng tài sẽ ngắn hơn, quyết định của trọng tài sẽ sát với thực tế hơn, hợp lý và có độ tin cậy cao hơn. Đồng thời, quyết định của các TTV sẽ không bị chi phối bởi các yếu tố chính trị, mang tính khách quan trong việc giải quyết vấn đề. Việc độc lập, khách quan, vô tư được nhấn mạnh trong quy định mẫu của UNCITRAL, Phòng Thương mại quốc tế (ICC), các quy định của Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (ICSID), Tòa Trọng tài quốc tế London (LCIA) và cũng được ghi nhận trong pháp luật trọng tài ở nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam.

Đặc biệt, tính chất độc lập của trọng tài thể hiện ở việc TTV không có lợi ích cá nhân hay lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp, đồng thời không chịu sự chi phối từ bất kỳ bên nào khi tiến hành giải quyết tranh chấp. Điều này bảo đảm rằng các quyết định của TTV là khách quan, vô tư và có giá trị pháp lý cao, tạo sự tin tưởng cho các bên khi lựa chọn phương thức trọng tài.

Sự khách quan của trọng tài được duy trì khi các TTV của Hội đồng Trọng tài thực hiện vai trò của mình như những người trung lập, xét xử dựa trên tài liệu, chứng cứ và các tình tiết của vụ việc, và đưa ra quyết định, phán quyết theo đúng quy định pháp luật. Điều này bảo đảm rằng các quyết định được đưa ra là công bằng và dựa trên những phân tích chính xác nội dung, chứng cứ của vụ việc, không bị ảnh hưởng bởi ý kiến cá nhân hoặc sự thiên vị. TTV bị coi là thiếu khách quan nếu họ có hành động hoặc phát ngôn thiên vị, thể hiện sự bất lợi cho một bên tranh chấp, hoặc nếu lợi ích cá nhân của họ gắn liền hoặc phụ thuộc vào một bên tranh chấp, dẫn đến cách xử lý vụ việc có thể trở nên cảm tính.

Khi có cơ sở chứng minh rằng TTV có vi phạm các nguyên tắc khách quan này, thì họ có thể bị thay thế. Ngay cả khi phán quyết trọng tài đã có hiệu lực, nếu có đủ bằng chứng chứng minh cho thấy TTV vi phạm các nguyên tắc khách quan, thì Tòa án có quyền xem xét tuyên hủy phán quyết trọng tài đó. Việc này nhằm bảo đảm rằng, tất cả các quyết định/phán quyết của trọng tài đều đạt được mức độ công bằng và trung lập tối đa, đáp ứng tiêu chuẩn của pháp luật, sự tin cậy và tự nguyện chấp hành từ các bên tranh chấp.

Có thể khẳng định rằng, ngày nay, TTTM đang được xem như là một phương cách giải quyết các tranh chấp có hiệu quả cao và nhanh chóng, không chỉ với Việt Nam mà còn đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc tính nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả đạt được thông qua các đặc điểm thể hiện sự ưu việt của trọng tài so với cách thức giải quyết tranh chấp khác như: cơ chế để thành lập cơ quan giải quyết tranh chấp; sự chính xác và mang tính chung thẩm trong phán quyết của trọng tài; tiến trình giải quyết bảo đảm sự bí mật, do đó không ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín cũng như tiết lộ bí mật kinh doanh của các đương sự liên quan; thủ tục, trình tự tố tụng được trọng tài xây dựng dựa trên thỏa thuận tự nguyện của các bên nên rất linh hoạt và có sự tôn trọng ở mức tối đa với quyền tự định đoạt của các đương sự... Những đặc điểm ưu việt

đó của trọng tài đã được thể hiện xuyên suốt trong quá trình THPL về TTTM ở nước ta. Phương cách này đang dần trở thành sự lựa chọn hàng đầu của cộng đồng doanh nghiệp cũng như các cá nhân, tổ chức khác khi xảy ra mâu thuẫn tranh chấp.

3.3. HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

3.3.1. Hạn chế trong thực hiện pháp luật trọng tài thương mại

Bên cạnh những kết quả, thành tựu đã đạt được nêu trên, việc THPL về TTTM còn có một số hạn chế như sau:

3.3.1.1. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về tổ chức bộ máy các trung tâm trọng tài thương mại và trọng tài viên

Hiện nay, phần lớn (60%) các TTTT ở Việt Nam đều mới thành lập, có quy mô nhỏ, chiếm đa số là các TTTT chỉ có dưới 10 TTV, do đó tổ chức bộ máy đơn giản, không đầy đủ. Với quy mô và năng lực hạn chế, việc duy trì và tiến hành các hoạt động chuyên môn còn gặp khó khăn, chưa nói đến việc hợp tác với các đối tác ngoài nước. Hiện nay, chỉ một số ít TTTT lớn như VIAC mới có các hoạt động hợp tác quốc tế về trọng tài.

Với quy mô và tổ chức các TTTT như vậy dẫn đến nguồn nhân lực phục vụ hoạt động trọng tài còn thiếu và chất lượng chưa cao. Trong khi đó nguồn nhân lực phục vụ cho trọng tài mà đội ngũ TTV là nòng cốt có vai trò quyết định đến tổ chức và hoạt động của TTTT. Tác giả đồng tình với đánh giá của nhiều nghiên cứu về vai trò của đội ngũ TTV như sau: “TTV giữ vai trò then chốt trong chất lượng xét xử của mỗi tổ chức trọng tài cũng như quyết định đến sự phát triển của thị trường trọng tài mỗi quốc gia” [79, tr.71]. Do đó, một trong những hạn chế của THPL về TTTM đó là nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của trọng tài.

Trong Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ TTV, TTTT và định hướng một hoặc một số TTTT trọng điểm có khả năng cạnh tranh quốc tế giai đoạn 2018 -

2023” của Bộ Tư pháp, đánh giá hạn chế của nhân lực trọng tài như sau: Mặc dù, số lượng TTV ngày càng tăng nhưng chất lượng TTV chưa tương xứng với sự gia tăng về số lượng. Cụ thể, trong tờ trình Dự thảo Quyết định Đề án này của Bộ Tư pháp đánh giá rằng:

Chất lượng đội ngũ TTV còn hạn chế. Một số TTV chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về thương mại quốc tế, còn yếu về kỹ năng nghề nghiệp trong việc giải quyết tranh chấp, nhất là các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế, số lượng TTV có đủ trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia tranh tụng trong các vụ tranh chấp đầu tư quốc tế còn rất ít [29].

Hiện nay, mặc dù trình độ chuyên môn và ngoại ngữ của đội ngũ TTV đã được cải thiện, số lượng TTV có trình độ chuyên môn cao và sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài, không ít phán quyết trọng tài bị hủy vì sai sót của TTV là các thành viên của Hội đồng Trọng tài. Qua nghiên cứu các quyết định hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có thể thấy một số lý do phán quyết trọng tài bị hủy do sai sót của TTV đó là:

Thứ nhất, Hội đồng Trọng tài vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, Hội đồng Trọng tài có sự không công bằng trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp.

Mặc dù số lượng các phán quyết trọng tài bị tòa hủy chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong số các phán quyết trọng tài được ban hành nhưng cũng phản ánh chất lượng của các TTV là không đồng đều, có một số TTV năng lực hạn chế dẫn đến những sai phạm đáng tiếc, hậu quả là phán quyết trọng tài bị hủy. Trong ví dụ 2 ở mục 3.2.1.5 (b) cho thấy “Hội đồng Trọng tài đã có sự phân biệt đối xử không công bằng” với một bên trong khi giải quyết tranh chấp, dẫn đến việc

Phán quyết bị Tòa án tuyên hủy vì vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Do đó, việc cải thiện chất lượng của đội ngũ TTV là rất quan trọng để bảo đảm các phán quyết/quyết định đưa ra có tính pháp lý vững chắc và hạn chế khả năng bị Tòa tuyên hủy. Điều này không chỉ tăng cường hiệu quả và uy tín của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài mà còn góp phần thúc đẩy TTTM phát triển bền vững tại Việt Nam.

3.3.1.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với trọng tài thương mại

Quá trình áp dụng pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước đối với TTTM cho thấy còn có một số hạn chế sau: Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của TTTM còn chưa được quan tâm đúng mức; việc tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong tổ chức, hoạt động của trọng tài còn chưa kịp thời, chưa hiệu quả; công tác thanh tra, kiểm tra còn chưa thực hiện thường xuyên; cơ chế phối hợp trong việc quản lý tổ chức, hoạt động của trọng tài tại các địa phương còn chưa được chặt chẽ dẫn đến hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước chưa cao.

Ngoài ra, đội ngũ công chức tư pháp TTTM từ Trung ương đến địa phương vẫn còn một số hạn chế về năng lực và tinh thần trách nhiệm chưa cao, làm cho công tác quản lý nhà nước về TTTM chưa thực sự hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tổ chức và hoạt động của TTTM chưa theo kịp sự phát triển của quá trình chuyển đổi số quốc gia. Công tác thanh tra, kiểm tra cũng chưa đủ kịp thời để phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến trọng tài từ các TTTT thương mại cũng như vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp của các TTV.

Pháp luật nhiều nước trên thế giới và Việt Nam quy định rằng trong trường hợp một bên không tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài thì bên kia có quyền yêu cầu cơ quan THADS cưỡng chế thi hành phán quyết. Cán bộ quản lý nhà nước, thẩm phán, chấp hành viên đều cho rằng, quy định pháp luật

hiện hành chưa phù hợp và rất ít phán quyết trọng tài hoặc quyết định liên quan đến trọng tài được yêu cầu thi hành là hai nguyên nhân cơ bản của việc cơ quan THADS chưa có hoạt động hỗ trợ hiệu quả và kịp thời cho trọng tài. Bên cạnh đó, phần lớn ý kiến của các nhà nghiên cứu cũng như các cán bộ quản lý nhà nước đều cho rằng, cơ quan THADS không/chưa coi trọng việc thi hành phán quyết/quyết định trọng tài hoặc quyết định liên quan đến trọng tài, vì việc này chỉ chiếm một phần không đáng kể trong khối lượng công việc rất lớn của Tòa án và cơ quan Thi hành án.

Cùng với đó, việc hỗ trợ của Bộ Tư pháp với vị trí là đầu mối, cầu nối hỗ trợ các tổ chức trọng tài trong việc hợp tác quốc tế còn hạn chế, chưa có dự án hợp tác chuyên về trọng tài giữa Việt Nam với các nước, chưa có nhiều sự kết nối, hợp tác giữa tổ chức trọng tài Việt Nam với các tổ chức trọng tài quốc tế uy tín. Cho đến nay, các dự án hợp tác được Bộ triển khai thực hiện chủ yếu là trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp với sự kết hợp giữa các nội dung như luật sư, công chứng, trọng tài và hòa giải...

3.3.1.3. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp của các trung tâm trọng tài

Quá trình THPL cho thấy: Mặc dù số lượng TTTT được thành lập khá nhiều nhưng số lượng các Trung tâm thường xuyên có vụ việc giải quyết còn ít, thậm chí có một số Trung tâm trong cả năm không ban hành một phán quyết trọng tài nào. Trong khi đó, ở những nước có hoạt động trọng tài phát triển mạnh và chuyên nghiệp cao như: Anh, Pháp, Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc) chỉ có một số ít TTTT nhưng mỗi năm các trung tâm này xử lý hàng trăm vụ việc.

Tại Việt Nam, theo thống kê khảo sát của Bộ Tư pháp cho thấy: phương thức giải quyết tranh chấp mà các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp ưu tiên sử dụng lần lượt là thương lượng (57,8%), Tòa án (46,8%), hòa giải (22,8%), và cuối cùng là trọng tài (16,8%) [28, tr.45]. Còn theo kết quả khảo sát chỉ số

năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) hàng năm của VCCI thì đa số doanh nghiệp nước ta đều lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp nếu có vấn đề pháp lý này phát sinh.

Mặc dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều nghị quyết, chủ trương nhấn mạnh khuyến khích giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại bằng trọng tài nhưng hoạt động này hiện chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra. So với các nước khác trong khu vực và trên thế giới, hoạt động của TTTM ở nước ta còn non trẻ. Đến nay, dù số lượng các Trung tâm TTTM trên toàn quốc tăng nhanh nhưng hầu hết là mới thành lập, trong đó có “thâm niên” nhất là TTTT Quốc tế Việt Nam (VIAC) được thành lập năm 1993. Do đó, năng lực tổ chức, hoạt động, đội ngũ TTV còn hạn chế, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết các vụ/việc tranh chấp, dẫn đến việc các đương sự ít khi lựa chọn các trung tâm này giải quyết mà chủ yếu lựa chọn các trung tâm lớn, lâu đời hoặc lựa chọn các TTTT nước ngoài

Hiệu quả hoạt động của các TTTT vẫn chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu giải quyết tranh chấp thương mại hiện nay của các doanh nghiệp. Có thể dễ dàng nhận thấy, phần lớn các vụ tranh chấp chỉ được giải quyết tại VIAC và một số trung tâm lớn. Các TTTT khác tiếp nhận rất ít vụ việc, thậm chí có trung tâm không có vụ việc giải quyết. Hơn thế, theo một số liệu của VIAC thì trọng tài chỉ giải quyết được 1% tổng số lượng các tranh chấp thương mại.

Đánh giá về áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp của các TTTT cho thấy: hoạt động này vẫn còn những hạn chế như áp dụng pháp luật về thẩm quyền chưa đúng, một số Hội đồng Trọng tài còn thiếu khách quan, công bằng khi giải quyết, vi phạm các nguyên tắc của tổ tụng trọng tài cũng như các nguyên tắc của pháp luật Việt Nam dẫn đến các phán quyết trọng tài bị Tòa án tuyên hủy, như các ví dụ đã phân tích ở trên (xem thêm phụ lục 4).

3.3.1.4. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động trọng tài

Thứ nhất, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hỗ trợ của Tòa án trong xác định thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

Quá trình áp dụng pháp luật cho thấy sự hạn chế của các quy định sau: khoản 1, Điều 43 Luật TTTM năm 2010 yêu cầu các Hội đồng Trọng tài phải xem xét thẩm quyền của mình trước khi xem xét nội dung tranh chấp: “Hội đồng Trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài; thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình” [5]. Nếu vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì “Hội đồng Trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp” theo quy định của Luật TTTM. Nếu “không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội đồng Trọng tài quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo ngay cho các bên biết [5].

Điều 44, Luật TTTM năm 2010 cho phép các bên có thể khiếu nại tới Tòa án nếu không đồng ý với Kết luận của Hội đồng Trọng tài. Sau khi Tòa án thụ lý và phân công thẩm phán giải quyết “trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán phải xem xét, quyết định. Quyết định của Tòa án là cuối cùng” [5].

Tuy nhiên, khi áp dụng khoản 2, Điều 68 thì việc phán quyết trọng tài bị hủy nếu “không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu”, điều này khiến cho việc xem xét thỏa thuận trọng tài có thể bị lặp lại. Đây là những vướng mắc gây trùng chéo, khó khăn cho việc áp dụng pháp luật làm cho quá trình tố tụng trọng tài gặp rủi ro, bởi ngay cả khi Tòa án đã xem xét khiếu nại về thẩm quyền thì vấn đề thẩm quyền là căn cứ để hủy phán quyết trọng tài vẫn tiếp tục bị xem xét.

Thứ hai, hạn chế trong áp dụng pháp luật về hủy phán quyết trọng tài

Thực tiễn áp dụng quy định tại Điều 68 về căn cứ hủy phán quyết trọng tài cho thấy nhiều quyết định hủy phán quyết trọng tài thường viện dẫn điểm đ,

khoản 1, nhận định phán quyết bị hủy do “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”; do Luật không quy định rõ nguyên tắc cơ bản là những nguyên tắc nào nên thực tế áp dụng các Tòa án viện dẫn nhiều luật khác nhau theo nhận định của Hội đồng xét yêu cầu hủy phán quyết, một số Hội đồng (chủ yếu là tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, xem phụ lục 4) đã viện dẫn khá thường xuyên lý do này làm căn cứ hủy phán quyết trọng tài. Ví dụ: Quyết định số 08/2019/ QĐ-PQTT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về hủy phán quyết trọng tài vì lý do trái với nguyên tắc bình đẳng được quy định tại khoản 1, Điều 3 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hay Quyết định số: 537/2023/QĐ-PQTT ngày 19/04/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về hủy Phán quyết Trọng tài vì lý do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại khoản 2, Điều 3, khoản 1, Điều 401, Bộ luật Dân sự 2015 (xem thêm phụ lục)... Điều này gây nên nhiều tranh luận trái chiều và có thể dễ bị lạm dụng để vô hiệu hóa kết quả của hoạt động trọng tài.

Thứ ba, hạn chế khi áp dụng pháp luật về cơ chế xem xét lại quyết định của Tòa án đối với quyết định hủy phán quyết của trọng tài

Khi áp dụng quy định tại khoản 10, Điều 71, Luật TTTM năm 2010, “Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành”. Nghị quyết số 01/2014 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định trong phần Biểu mẫu của tòa án trong đó, mẫu quyết định hủy phán quyết Trọng tài có nêu: “Quyết định này là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký của các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị” [14].

Công văn số 07/TANDTC - KHXX ngày 13/01/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành pháp luật TTTM, theo đó: “đối với các yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đã được Tòa án thụ lý, giải quyết theo các quy định tại các Điều 68, 69, 70 Luật TTTM thì Tòa án ra quyết định hủy hoặc

không hủy phán quyết trọng tài”. Quyết định/bản án về việc hủy hoặc không hủy phán quyết trọng tài của Tòa án là “quyết định cuối cùng, có hiệu lực thi hành và không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm”.

Đây là những quy định có mâu thuẫn nhau làm hạn chế hiệu lực thực thi phán quyết trọng tài, đồng thời tước bỏ quyền của Hội đồng Trọng tài trong trường hợp không đồng ý với bản án hủy phán quyết trọng tài của Tòa án.

Một là, quá trình áp dụng pháp luật nhìn từ thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài của Chánh án tòa án nhân dân tối cao.

Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm mọi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp, trừ trường hợp do luật định. Luật TTTM hiện hành không có quy định cụ thể nào loại trừ thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 01/2014/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: “Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị” [14]. Theo đó, Nghị quyết này chỉ loại trừ quyền khiếu nại, kháng cáo của các bên, Hội đồng Trọng tài và quyền kháng nghị của Viện kiểm sát mà không loại trừ quyền kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, áp dụng các quy định pháp luật nêu trên, quyết định hủy phán quyết Trọng tài vẫn nằm trong cơ chế có thể bị xem xét lại bởi thủ tục giám đốc thẩm.

Dù vậy, đây vẫn là quy định mâu thuẫn, có ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực thi phán quyết trọng tài, bởi ngay cả khi phán quyết trọng tài không bị tuyên hủy và có hiệu lực thi hành thì vẫn có thể bị kháng nghị.

Hai là, quá trình áp dụng pháp luật về hủy phán quyết trọng tài cho thấy: Quyết định hủy này bao gồm cả phần việc dân sự liên quan không thể xem xét

lại theo cơ chế giám đốc thẩm, bởi lẽ: Điều 415 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: “Thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động của TTTM Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về TTTM Việt Nam” [3], mà tại khoản 10, Điều 71, Luật TTTM năm 2010 quy định: “Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành” [5].

Như vậy, khi Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại các Điều 68, 69, 70, 71 của Luật TTTM thì Tòa án có quyền ra quyết định về việc hủy hay không hủy phán quyết trọng tài. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành; quyết định này không thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Cùng với đó một số căn cứ hủy phán quyết trọng tài chưa rõ thường được viện dẫn như: “vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” chưa rõ, dễ bị áp dụng chủ quan, gây tranh cãi (xem thêm phụ lục 4).

Có thể thấy, những vướng mắc trong áp dụng quy định về vai trò, sự hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài, nhất là quy định liên quan đến hủy phán quyết trọng tài đã tăng nguy cơ đối với việc thực thi phán quyết trọng tài, làm chậm quá trình thực thi phán quyết, do đó ảnh hưởng tiêu cực sự phát triển của TTTM.

3.3.1.5. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về thi hành phán quyết của trọng tài

Thứ nhất, quá trình áp dụng pháp luật gặp những vướng mắc trong việc xác định Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài.

Luật TTTM năm 2010 quy định: “Cơ quan THADS có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài là Cơ quan THADS tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Hội đồng Trọng tài ra phán quyết” [5, khoản 1, Điều 8]. Thực tế áp dụng pháp luật cho thấy quy định như vậy là không hợp lý, không tạo điều kiện thuận lợi cho các bên tranh chấp vì trong nhiều trường hợp Hội đồng Trọng tài ra phán quyết thì người phải thi hành phán quyết lại không có địa chỉ cư trú, tài

sản tại nơi ra phán quyết nên cơ quan THADS phải ủy thác thi hành án, dẫn đến tốn kém thời gian, lãng phí cho cơ quan THADS và bên phải thi hành.

Thứ hai, quá trình áp dụng pháp luật gặp những vướng mắc trong Luật TTTM năm 2010 về tổ chức thi hành án với quy định của Luật THADS năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Khoản 5, Điều 61 Luật TTTM năm 2010 quy định: “Phán quyết trọng tài là chung thẩm và có hiệu lực từ ngày ban hành”. Và tại Điều 67 Luật TTTM quy định phán quyết trọng tài được thi hành theo quy định của pháp luật về THADS.

Tuy nhiên, trên thực tế việc ban hành các phán quyết của trọng tài không ít trường hợp không rõ ràng, không thể thi hành được thì cũng không có quy định cho phép cơ quan THADS được quyền yêu cầu giải thích, đính chính hoặc kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền kháng nghị để giải quyết dẫn đến vụ việc bị tồn đọng, phức tạp, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan THADS.

Mặt khác, thực tế khi áp dụng pháp luật để thi hành phán quyết trọng tài đã phát sinh vấn đề đó là pháp luật THADS hiện hành không có quy định về trình tự, thủ tục riêng đối với việc thi hành phán quyết của Trọng tài (mà vẫn áp dụng thủ tục, trình tự chung như đối với thi hành Bản án, Quyết định của Tòa án). Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giải quyết tranh chấp của trọng tài, bởi vì quá trình thi hành án có thể bị kéo dài như đối với các bản án/quyết định về dân sự, kinh tế của Tòa án. Như vậy, ưu thế của trọng tài so với phương thức giải quyết tranh chấp khác bị suy giảm.

Thực tế, theo Bộ Tư pháp, trong Báo cáo sơ kết 04 năm thi hành Luật TTTM năm 2010, số lượng phán quyết trọng tài được thi hành mới đạt “60% trong tổng số đơn yêu cầu cơ quan THADS thi hành” [27], đến nay tình hình cơ bản vẫn chưa có sự chuyển biến rõ rệt. Số vụ/việc phán quyết trọng tài được thi hành chưa cao do còn gặp khó khăn trong việc xác minh tài sản của người phải thi hành tại các địa phương khác nhau, đặc biệt khi các cá nhân, tổ chức là người nước ngoài; bên cạnh đó, một số phán quyết trọng tài tuyên nội dung

không cụ thể, rõ ràng cũng gây vướng mắc trong quá trình thi hành án; hiện tượng bên phải thi hành lợi dụng yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Tòa án để có thời gian tẩu tán tài sản hiện vẫn khá phổ biến, khiến cho số vụ thi hành phán quyết trọng tài vẫn còn tương đối khiêm tốn.

3.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

3.3.2.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, pháp luật trọng tài thương mại hiện hành vẫn còn những hạn chế

Pháp luật về TTTM Việt Nam qua quá trình triển khai thực hiện trong những năm qua cho thấy vẫn còn những hạn chế, vướng mắc, không hoàn toàn phù hợp với thực tiễn giải quyết tranh chấp của trọng tài. Những hạn chế, vướng mắc pháp lý này không những không tạo điều kiện thuận lợi cho TTTM phát triển mà một số quy định còn là nhân tố cản trở sự phát triển của hoạt động trọng tài. Luật TTTM năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành trải qua hơn 10 năm áp dụng đã bộc lộ những tồn tại, bất cập dẫn đến hạn chế trong việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Những hạn chế, bất cập này đã được phân tích ở mục 3.1.1.2

Thứ hai, tâm lý xã hội và ý thức pháp luật của các chủ thể tranh chấp trong THPL về trọng tài thương mại

Có thể khẳng định tâm lý là yếu tố có tác dụng không nhỏ tới việc thực hiện các hành vi pháp lý của các cá nhân, tổ chức. Trong lĩnh vực TTTM cũng vậy, vấn đề tâm lý chủ thể có ảnh hưởng lớn đến việc lựa chọn trọng tài và hiệu quả giải quyết tranh chấp của trọng tài. Trong điều kiện ở nước ta khi vấn đề giải quyết tranh chấp bằng TTTM trên thực tế vẫn chưa được xã hội quan tâm, chú trọng thì vấn đề tâm lý lại càng có ảnh hưởng lớn. Thông thường, khi ký kết hợp đồng, trong tâm lý xã hội chung đó, các chủ thể chỉ chú trọng tới các điều, khoản quy định về giá, số lượng, phẩm chất hàng hóa, số ngày giao hàng, cách thức thanh toán hơn là các điều, khoản về phương cách giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Chính tâm lý như vậy, cùng với sự thiếu hiểu biết đầy đủ về pháp

luật cũng góp phần không nhỏ dẫn đến các nguyên nhân tạo ra những lỗ hổng, sai sót không đáng có khi thỏa thuận, giao kết hợp đồng.

Có nhiều trường hợp, trong hợp đồng, doanh nghiệp viết điều khoản là “nếu có tranh chấp sẽ nhờ công an hoặc Tòa án giải quyết”, điều này có nghĩa rằng trọng tài thương mại vẫn còn là một khái niệm khá xa lạ với họ. Ngược lại, đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) hoặc doanh nghiệp quốc tế, khi ký hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam thì đa số họ lựa chọn trọng tài mà không chọn tòa án hay phương thức khác. Không chỉ lựa chọn trọng tài Việt Nam mà họ còn có thể chọn trọng tài của bất kỳ nước nào, trong khi đó, nhiều doanh nghiệp Việt Nam chưa am hiểu và ý thức được vấn đề này nên không chú ý trong khi đàm phán dẫn đến việc đa số buộc phải theo đối tác đưa vào điều khoản giải quyết tranh chấp trong hợp đồng lựa chọn trọng tài nước ngoài để giải quyết. Như vậy, đối tượng chịu thiệt thòi, bất lợi trong vấn đề này chính là các doanh nghiệp cũng như các tổ chức, pháp nhân trọng tài trong nước.

Thứ ba, hạn chế nội tại của phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đó là chi phí trọng tài thường cao hơn so với án phí của Tòa án. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc chưa có nhiều chủ thể lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp, dẫn đến việc THPL về TTTM ở nước ta còn gặp khó khăn,

Khảo sát biểu phí của các TTTT so với án phí của Tòa án theo quy định thì: Tổng phí trọng tài (Phí hành chính + Thù lao trọng tài viên) được tính gộp theo biểu phí của trung tâm trọng tài, dựa trên giá trị vụ tranh chấp. Tỷ lệ phần trăm phí trọng tài trên giá trị tranh chấp thường cao hơn tỷ lệ án phí Tòa án ở các mức giá trị tranh chấp thấp và trung bình, nhưng có thể thấp hơn ở các mức giá trị tranh chấp rất lớn. Mà ở Việt Nam, phần lớn các vụ tranh chấp ở mức giá trị thấp và trung bình, khi so sánh chi phí các chủ thể thường ưu tiên lựa chọn Tòa án hơn là trọng tài. Do đó, số lượng vụ việc tranh chấp mà các bên lựa chọn giải quyết bằng trọng tài còn hạn chế.

3.3.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nhận thức của người quản lý doanh nghiệp về trọng tài và pháp luật trọng tài còn hạn chế

Mặc dù nhận thức về pháp luật trọng tài của các chủ thể này đã có sự cải thiện nhưng vẫn chưa thay đổi hẳn nhận thức trở thành ý thức và sự tin tưởng cao đối với trọng tài. Điều này thể hiện:

Một là, khi ký kết hợp đồng thương mại, trong hợp đồng có điều khoản giải quyết tranh chấp, các đại diện của doanh nghiệp Việt Nam thường có xu hướng lựa chọn cơ quan giải quyết là Tòa án, bởi họ quan niệm quyết định của Tòa án có giá trị pháp lý cao hơn so với phán quyết của trọng tài, chưa nhận thức được những ưu điểm của giải quyết tranh chấp bằng trọng tài so với phương thức Tòa án. Ngoài ra khi phán quyết trọng tài bị hủy thì các bên phải giải quyết bằng Tòa án, điều này đi ngược lại ý chí quyền tự định đoạt của các bên thể hiện trong thỏa thuận trọng tài. Thực trạng này dẫn đến sự e ngại của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam khi lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Hai là, các quản lý của doanh nghiệp chưa có sự nhận thức pháp lý đúng đắn về cách thức giao kết điều khoản trọng tài, dẫn đến thỏa thuận về trọng tài bị vô hiệu hoặc không được áp dụng trong thực tế, tranh chấp không có cơ quan nào phán quyết hoặc phán quyết trọng tài không có giá trị; những sai sót phổ biến, đó là:

(i) Người ký thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền. Ví dụ, trường hợp Phó giám đốc của doanh nghiệp được Giám đốc (người đại diện theo pháp luật) của doanh nghiệp ủy quyền ký kết hợp đồng. Khi có tranh chấp trong thực hiện hợp đồng, mặc dù không có giấy ủy quyền mới của Giám đốc doanh nghiệp nhưng Phó giám đốc vẫn ký văn bản với đối tác đồng ý đưa tranh chấp ra giải quyết tại VIAC. Thỏa thuận trọng tài này bị vô hiệu do Phó giám đốc ký không đúng thẩm quyền. Như vậy, trong trường hợp này, Phó giám đốc chỉ được ủy

quyền để ký kết hợp đồng thì sau khi ký xong hợp đồng, việc uỷ quyền này hết giá trị. Phó giám đốc muốn ký thỏa thuận trọng tài cần có sự uỷ quyền mới.

(ii) Quy định của thỏa thuận trọng tài về tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp không rõ. Chẳng hạn, thỏa thuận trọng tài quy định chung chung theo dạng: “mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết bằng trọng tài” hoặc “mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết bằng trọng tài Việt Nam” hoặc “mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam” hoặc “tranh chấp được giải quyết bằng TTTM quốc tế”. Do thỏa thuận trọng tài này chưa xác định chính xác một tổ chức trọng tài cụ thể có thẩm quyền nên bị vô hiệu.

Ngoài ra, thỏa thuận trọng tài quy định theo dạng tùy nghi như “tranh chấp phát sinh giải quyết tại VIAC hoặc TTTT quốc tế Thượng Hải”; “tranh chấp phát sinh giải quyết tại VIAC hoặc Tòa án Hà Nội”... Thỏa thuận trọng tài này chưa xác định chính xác, cụ thể tổ chức trọng tài nên cũng không có giá trị.

Ba là, thỏa thuận trọng tài xác định một tổ chức trọng tài giải quyết tranh chấp nhưng lại lựa chọn quy tắc tổ tụng của một TTTT khác. Ví dụ như, tranh chấp phát sinh giải quyết tại VIAC nhưng lại theo quy tắc tổ tụng của Ủy ban Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL). Nếu thỏa thuận trọng tài theo dạng này được ký kết thì sẽ không thực hiện được trên thực tế và có thể dẫn đến tình trạng cả VIAC và Tòa án đều không thụ lý giải quyết vụ việc. Điển hình như các ví dụ sau: Vào năm 2018, VIAC từ chối giải quyết tranh chấp mua bán hàng hóa giữa công ty Đài Loan và chi nhánh A có trụ sở tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Lý do được đưa ra là điều khoản về cơ quan giải quyết tranh chấp trong bản hợp đồng được ghi rất chung chung “nếu có tranh chấp sẽ nhờ trọng tài Việt Nam giải quyết”. Do mất thời gian để nhờ trọng tài phân xử, cuối cùng vụ việc được đưa ra tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết nhưng bị đình chỉ vì quá thời hạn khởi kiện [95].

Thứ hai, năng lực của các Trung tâm trọng tài vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn

Trong Tờ trình Dự thảo Nghị quyết phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ TTV, Trung tâm trọng tài và định hướng một số TTTT điểm có khả năng cạnh tranh quốc tế giai đoạn 2018 - 2020”, Bộ Tư pháp đã có đánh giá, nhận xét sát thực tế về các tổ chức trọng tài ở Việt Nam như sau: “Một số TTTT còn thiếu thôn, nghèo nàn về cơ sở vật chất; công tác quản trị, điều hành Trung tâm còn lỏng lẻo, thiếu tính chuyên nghiệp”. Mặc dù số lượng TTTT được thành lập nhiều “nhưng số Trung tâm thường xuyên có vụ việc chiếm rất ít, thậm chí có Trung tâm đến nay chưa ban hành một phán quyết trọng tài nào” [29]. Cùng với đó, “khả năng tham gia các vụ việc giải quyết tranh chấp quốc tế trong khu vực cũng như trên thế giới của các Trung tâm còn hạn chế” [29].

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, những tranh chấp trong lĩnh vực thương mại ngày càng gia tăng về số lượng, tính chất phức tạp ngày càng tăng cả về mức độ, nội dung tranh chấp, và không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia mà còn mở rộng trên phạm vi quốc tế. Chính những nhược điểm, hạn chế này làm cho các doanh nghiệp còn lo lắng, chưa tin tưởng và chưa mạnh dạn lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp cho mình.

Thứ ba, hạn chế về chất lượng của Trọng tài viên

Hoạt động của các TTTT là tự chủ về tài chính, lấy thu bù chi, nguồn thu của các TTTT chủ yếu từ chi phí giải quyết tranh chấp (phí trọng tài). Trong khi đó, các TTTT không thụ lý được nhiều vụ tranh chấp cho nên nguồn thu không nhiều hoặc không có, làm hạn chế khả năng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác tuyên truyền của các TTTT. Bên cạnh đó, một số TTTT không có trụ sở ổn định, nên các TTV không được thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo thêm kỹ năng nghiệp vụ tố tụng trọng tài,... Đối với chất lượng của TTV hiện nay còn nhiều hạn chế, đó là:

Một là, sự chênh lệch về kiến thức chuyên môn và kỹ năng tố tụng trọng tài của một số TTV.

Trong một số nghiên cứu luận giải về vấn đề: Lý do các doanh nghiệp Việt Nam chưa “mặn mà” với việc lựa chọn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, cho thấy sự chênh lệch trong con số: “72,6% ý kiến cho rằng các TTV hiện nay thiếu kỹ năng giải quyết tranh chấp, 65% cho rằng thiếu số lượng TTV, 51,1% cho rằng TTV thiếu kinh nghiệm nghề nghiệp, 44,7% cho rằng thiếu trình độ chuyên môn và đặc biệt có đến 44,3% cho rằng các TTV hiện nay thiếu kiến thức pháp luật” [23]. Hiện nay, mặc dù điều này đã được cải thiện nhưng sự chênh lệch này vẫn còn đáng kể. Giải quyết tranh chấp thương mại hiện nay là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi TTV phải có những kiến thức tương đối chuyên sâu và kỹ năng giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một bộ phận TTV thiếu và yếu kỹ năng dẫn đến những phán quyết không bảo đảm yêu cầu pháp lý, không chính xác hoặc không thể thực hiện được.

Hai là, kỹ năng xây dựng (kỹ năng viết/soạn thảo) phán quyết của TTV vẫn còn hạn chế.

Trong phán quyết của trọng tài, một số vẫn còn thiếu chặt chẽ từ các lập luận, nhận định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp, về thỏa thuận trọng tài, về hành vi vi phạm của các bên, lập luận để chấp nhận hoặc bác các yêu cầu của các bên chưa bảo đảm tính thuyết phục và tính pháp lý, dẫn đến ra các phán quyết tuyên xử không chính xác; không rõ ràng, không chặt chẽ, không chuyên nghiệp và không đủ sức thuyết phục các bên. Cho đến khi quyết định trọng tài có hiệu lực thi hành thì cơ quan thi hành án cũng không thể thi hành được trong thực tế.

Kết luận chương 3

Ở chương 3, Luận án tập trung phân tích, làm rõ thực trạng pháp luật TTTM và các yếu tố mới ảnh hưởng đến THPL về TTTM; thực trạng THPL về TTTM ở Việt Nam, với các nội dung THPL: về thành lập, tổ chức bộ máy của các TTTT; về hoạt động giải quyết tranh chấp bằng tổ tụng trọng tài; về hỗ trợ của tòa án đối với hoạt động tổ tụng trọng tài; về thi hành phán quyết trọng tài.

Qua nghiên cứu thực trạng pháp luật trọng tài thương mại và những yếu tố mới ảnh hưởng đến THPL cho thấy, pháp luật TTTM hiện hành đã đạt được những thành tựu mang tính đột phá với các quy định tiên bộ, tiệm cận và tương thích với pháp luật trọng tài quốc tế. Việc THPL TTTM hiện chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố mới như: hội nhập quốc tế sâu rộng; cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; quá trình đổi mới quản trị quốc gia.

Thực tiễn cho thấy, việc THPL về TTTM ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng với nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc THPL về TTTM ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế như: đội ngũ TTV còn hạn chế về năng lực và tính chuyên nghiệp; cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế trong việc hỗ trợ trọng tài thực hiện hợp tác và hội nhập quốc tế; tỷ lệ lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp còn thấp so với các hình thức giải quyết khác, số lượng trung tâm TTTM được thành lập tăng nhưng chất lượng và số lượng vụ việc giải quyết chưa tăng tương ứng; sự hỗ trợ của Tòa án đối với trọng tài còn hạn chế, việc thường xuyên sử dụng một số căn cứ hủy phán quyết còn tranh cãi gây khó khăn cho trọng tài; còn những quy định khi áp dụng gây khó khăn cho việc thi hành phán quyết trọng tài; TTTM Việt Nam vẫn còn có khoảng cách nhất định so với các nước có nền trọng tài phát triển trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu và hạn chế trong THPL về TTTM do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Việc phân tích, làm rõ nguyên nhân của thực trạng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng, vì đây là cơ sở để xây dựng các quan điểm và đưa ra giải pháp bảo đảm THPL về TTTM ở nước ta.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

4.1.1. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại phải quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng

Nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển của pháp luật về TTTM với đặc điểm mang tính quốc tế cao, nên luôn là một lĩnh vực có vai trò quan trọng trong quá trình hội nhập. Ngay từ rất sớm, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc mở rộng quan hệ quốc tế, nhằm đưa sự nghiệp phát triển đất nước hòa cùng với trào lưu phát triển chung của thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thư gửi Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc (12/1946) đã long trọng tuyên bố: “Việt Nam sẵn sàng thực hiện chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” [64, tr.470]. Đồng thời, Người khẳng định rằng:

“Việt Nam dành sự tiếp cận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình, sẵn sàng mở rộng các các cảng, sân bay và đường xá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên Hợp Quốc” [64, tr.470].

Tiếp nối tư tưởng của Người, trong giai đoạn đổi mới, phát triển của đất nước, Đảng cũng chỉ rõ: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế là vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh, đồng thời góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ XHCN trên thế giới” [44, tr.4].

Trong thời gian qua, Đảng đã luôn quan tâm, khuyến khích tạo điều kiện cho sự phát triển của TTTM. Các chủ trương, quan điểm của Đảng được thể hiện rõ nét trong các Nghị quyết quan trọng, từ Nghị quyết chuyên đề về xây dựng pháp luật đến Nghị quyết Đại hội toàn quốc. Cụ thể các quan điểm này thể hiện trong các Văn kiện sau:

- Nghị quyết số 49 - NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020” đã đề ra nhiệm vụ “Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết tranh chấp đó” [45].

- Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã khẳng định “hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự” [46, tr.201] là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

- Nghị quyết số 27/NQ-TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về “tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới” xác định việc “tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực... trọng tài...; xây dựng đội ngũ hành nghề... trọng tài đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội” [47] là một trong những nhiệm vụ để phục vụ xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Thực tiễn cho thấy sự phát triển của thể chế trọng tài đã và đang hỗ trợ tích cực cho cải cách tư pháp.

Thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta đã xây dựng hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, với số lượng lớn luật được ban hành có chất lượng ngày càng cao. Quá trình này góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN; thể chế KTTT định hướng XHCN; các thể chế liên quan đến quyền con người, quyền công dân, các

lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại... đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thể chế pháp lý về Trọng tài được triển khai cụ thể, ngày 02/10/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1268/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức TTTM, hoà giải thương mại; trong đó tại Mục III.1 có đặt ra nhiệm vụ là phải “nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng”, hướng tới “hoàn thiện phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng TTTM” [15].

Như vậy, THPL về TTTM phải theo xu hướng mở rộng các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại và một số các quan hệ dân sự khác, khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng trọng tài. Đây là một chủ trương rất quan trọng làm cơ sở cho việc xây dựng các quy định pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp như thương lượng, hòa giải và trọng tài. Triển khai đường lối của Đảng, Nhà nước ta đang không ngừng hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết các tranh chấp quốc tế mà trong đó trọng tài là một phương thức phổ biến đang được thế giới sử dụng.

Khi các bên sử dụng biện pháp giải quyết tranh chấp bằng TTTM sẽ góp phần giảm áp lực cho hoạt động xét xử của Tòa án. Cùng với sự phát triển kinh tế thì các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại ngày càng gia tăng về quy mô, số lượng và phức tạp hơn về tính chất, lĩnh vực, điều đó gây ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng của Tòa án, như làm giảm chất lượng xét xử, gây áp lực cao đối với các thẩm phán, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của các doanh nghiệp và sự an toàn pháp lý trong hoạt động kinh doanh, thương mại.

Quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới quản trị quốc gia, Nhà nước ta đã đặt mục tiêu xây dựng Chính phủ liêm chính, kiến tạo, phát triển, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp; hoàn thiện thể chế pháp luật, tiếp

tục minh bạch hóa hệ thống pháp luật, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm tính sẵn có và hiệu quả của các phương thức giải quyết tranh chấp (gồm cả Tòa án và Trọng tài) để nhà đầu tư có thể an tâm rằng mình có được các phán quyết công bằng cho các tranh chấp của họ, bảo đảm quyền được tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, bảo đảm hiệu lực thi hành của các bản án và phán quyết trọng tài.

THPL là việc tuân thủ, chấp hành, sử dụng và áp dụng các quy định của pháp luật để bảo đảm trật tự xã hội và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cá nhân, công dân, tổ chức, pháp nhân. Quan điểm đường lối của Đảng chính là tập hợp các nguyên tắc, mục tiêu và phương pháp hướng dẫn cho các hoạt động của Nhà nước trong việc thực thi chính sách và quản trị quốc gia. Như vậy, việc THPL về TTTM phải bảo đảm: (i) quán triệt quan điểm, đường lối chính sách của Đảng; (ii) dựa trên Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật; (iii) Các chủ thể THPL phải thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ theo các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4.1.2. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại phải bảo đảm đúng quy định pháp luật

Việc THPL về TTTM là rất quan trọng và phải tuân theo các quy định của pháp luật về TTTM và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp bằng cách sử dụng bên thứ ba hoặc nhóm người thứ ba không liên quan đến vụ/việc tranh chấp. Tuy nhiên, việc thực hiện các hoạt động, quy trình tổ tụng trọng tài phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự luật định để bảo đảm tính công bằng và hợp pháp. Các chủ thể tham gia cần phải tuân theo những quy tắc cơ bản mà pháp luật TTTM phải tuân thủ đó là:

(i) *Sự đồng thuận*: các bên tham gia vào giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phải đồng thuận về việc thực hiện giải quyết tranh chấp trọng tài;

(ii) *Lựa chọn trọng tài*: các bên phải lựa chọn trọng tài hoặc tổ trọng tài dựa trên quy định trong hợp đồng hoặc theo pháp luật;

(iii) *Tính công bằng và không thiên vị*: quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phải bảo đảm khách quan;

(iv) *Bảo đảm tính riêng tư*: quá trình trọng tài thường được tiến hành riêng tư trừ trường hợp có quy định khác;

(v) *Tự nguyện tham gia*: việc tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là tự nguyện và không thể ép buộc;

(vi). *Có hiệu lực pháp lý*: quyết định của TTTM có hiệu lực pháp lý và có thể được thực thi như một quyết định của các bên.

Tóm lại, THPL về TTTM là lĩnh vực đòi hỏi sự am hiểu, tôn trọng, tuân thủ các quy định pháp luật và các nguyên tắc công bằng, để bảo đảm tính hợp pháp và tin cậy của quá trình giải quyết tranh chấp. Việc THPL về TTTM phải được tiến hành trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật hiện hành; có sự đồng bộ với những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trong những năm gần đây để cụ thể hóa, hướng dẫn thi hành những quy định này, nhằm bảo đảm Hiến pháp, pháp luật có thể đi vào đời sống. Chỉ có như thế mới tạo ra được cơ chế THPL đồng bộ, hiệu quả, không mâu thuẫn, chồng chéo. Khi thực hiện đúng pháp luật về trọng tài sẽ cho phép việc giải quyết tranh chấp đạt hiệu quả cao, góp phần nhanh chóng ổn định và phát triển các mối quan hệ kinh tế, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên đương sự, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển lành mạnh, hợp pháp.

Thực hiện đúng pháp luật về TTTM sẽ góp phần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN; là một điều kiện cần thiết để bảo đảm cho pháp luật được tôn trọng tuân thủ nghiêm minh, xây dựng và thực thi một chế độ tư pháp thật sự dân chủ, minh bạch. Quá trình thực thi pháp luật rõ ràng, ổn định và có tính dự báo sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể trong xã hội hiểu biết pháp luật một cách dễ dàng, chính xác, góp phần duy trì và bảo vệ pháp chế trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội.

Thực hiện hiệu quả pháp luật về TTTM đòi hỏi các chủ thể phải nắm vững quy định của pháp luật TTTM và các quy định pháp luật khác (bao gồm cả quy

định về hình thức và quy định về nội dung) liên quan đến hoạt động này, không những là quy định trong nước mà còn cả những quy định của pháp luật nước khác và pháp luật quốc tế về kinh doanh thương mại. Đây là điều kiện tiên quyết để giảm thiểu tối đa những hành vi vi phạm pháp luật về TTTM, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế. Thực tiễn chỉ ra rằng, có nhiều mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh do các bên không hiểu rõ quy định pháp luật và không thực hiện đúng pháp luật nên tự gánh chịu thiệt hại.

Đối với các doanh nghiệp, chủ thể quan trọng trong THPL về TTTM, mặc dù họ không cần phải hiểu biết thật sâu sắc như các luật gia, nhưng ít nhất cũng phải biết được những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình. Khi thực hiện hoạt động cần tìm hiểu kỹ càng đối tác để bảo đảm sự thành công của hợp đồng. Khi soạn thảo và ký kết hợp đồng cần phải quy định càng chặt chẽ, rõ ràng, chính xác càng tốt. Một trong những biện pháp hạn chế rủi ro và cũng để bảo vệ quyền lợi của mình khi xảy ra tranh chấp là lồng ghép các điều khoản “phòng ngừa” trong hợp đồng.

4.1.3. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại phải nhanh chóng, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, bảo đảm sự ổn định của hoạt động sản xuất, kinh doanh

Hiện nay, THPL về TTTM ở Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, thực tế các vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại phát sinh rất nhiều nhưng số lượng các vụ tranh chấp đưa ra trọng tài giải quyết còn thấp. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do THPL về TTTM ở nước ta chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Việc THPL về TTTM muốn có hiệu quả thì phải thật sự phù hợp với truyền thống văn hóa, thói quen kinh doanh của người Việt Nam. Người Việt Nam có truyền thống văn hóa luôn coi trọng tinh thần tập thể, đoàn kết tương thân tương ái; có thói quen kinh doanh được hình thành từ nền kinh tế nông nghiệp nhỏ lẻ, thủ công mang tính tự cung tự cấp. Cho nên, khi xảy ra

tranh chấp, đa số các bên muốn giải quyết nhanh chóng, ổn thỏa để giữ gìn mối quan hệ và uy tín trên thương trường.

Theo thông lệ và pháp luật quốc tế đều cho thấy: TTTM là phương thức giải quyết tranh chấp dựa trên sự thỏa thuận, các bên có quyền tự do trong việc lựa chọn hình thức trọng tài, TTTT để giải quyết tranh chấp cho họ, do đó, để giới doanh nhân có thể tin tưởng lựa chọn thì TTTM cũng như việc THPL phải phù hợp với truyền thống, thói quen kinh doanh của họ. Cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài rất đề cao việc tôn trọng ý chí của các bên đương sự. Các bên có quyền lựa chọn TTV, chọn thủ tục trọng tài nhằm giải quyết có hiệu quả nhất tranh chấp mà có thể hạn chế được tổn thất về mặt thời gian cũng như tài chính. Việc giải quyết tranh chấp có thể được tiến hành bởi một TTV hay Hội đồng Trọng tài tùy thuộc vào sự thỏa thuận của các bên.

Khi đã lựa chọn TTTM làm phương thức giải quyết tranh chấp, thì quyết định cuối cùng của Hội đồng Trọng tài giải quyết toàn bộ vụ tranh chấp và chấm dứt tố tụng (phán quyết trọng tài) là chung thẩm, có hiệu lực kể từ ngày ban hành và không thể bị kháng cáo, kháng nghị. Mặc dù tổ chức/TTTT là thiết chế phi chính phủ, song khâu thực thi phán quyết trọng tài lại có tính chất cưỡng chế Nhà nước (các bên có quyền yêu cầu cơ quan THADS thực thi phán quyết trọng tài). Việc THPL về TTTM với tốc độ nhanh chóng và kịp thời rất quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên một cách có hiệu quả. Pháp luật TTTM thường được sử dụng để giải quyết các tranh chấp thương mại một cách nhanh chóng và linh hoạt hơn so với việc đưa ra một phương án thông thường. Điều này có nghĩa là quy trình trọng tài thường được thiết kế để bảo đảm tính công bằng, hiệu quả và tiết kiệm thời gian. Bởi tố tụng Trọng tài chỉ xét xử một lần và phán quyết chỉ trong một số trường hợp đặc biệt Tòa án mới xem lại quyết định của Trọng tài. Đối với các tranh chấp thương mại thì sự nhanh gọn của hình thức giải quyết này là một trong những ưu thế mà các bên lựa chọn.

Ngày nay, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, Việt Nam cũng không thể đứng ngoài hay tự tách mình khỏi xu thế này. Hiện nay, nước ta có khoảng nửa triệu doanh nghiệp, số doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng gia tăng, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại trong nước phát triển và tham gia tích cực vào hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Nhưng cũng từ đó, số vụ việc tranh chấp mâu thuẫn trong hoạt động này ngày càng nhiều hơn, cần phải có những cách thức giải quyết nhanh gọn và hiệu quả, mà trọng tài là sự lựa chọn phổ biến. Nền kinh tế hội nhập và phát triển cũng đặt ra những đòi hỏi cao hơn đối với hoạt động trọng tài, theo đó, quá trình tổ tụng trọng tài phải đáp ứng được yêu cầu của các bên tranh chấp về thời gian, hiệu quả giải quyết tranh chấp, đồng thời phải bảo đảm sự ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Vì vậy, các thiết chế trọng tài phải hoàn thiện, TTV phải nâng cao trình độ, năng lực, quá trình giải quyết tranh chấp phải nhanh gọn, hiệu quả mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng đa dạng của các chủ thể. Việc giải quyết bằng TTTM thể hiện tính chất mềm dẻo, đơn giản và linh hoạt về mặt tổ tụng. Các bên có thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp, không trải qua nhiều cấp xét xử như ở Tòa án, cho nên hạn chế tốn kém về thời gian và tiền bạc cho các chủ thể tranh chấp.

4.1.4. Thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại phải phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay

Trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với nhiều tổ chức, quốc gia trên thế giới. Vì vậy, việc THPL nói chung, pháp luật về TTTM nói riêng ở nước ta phải phù hợp với các chuẩn mực của luật pháp và tập quán quốc tế.

Năm 2018, Việt Nam đã trúng cử làm thành viên Ủy ban Liên Hợp Quốc về thương mại quốc tế (UNCITRAL) nhiệm kỳ 2019 - 2025 tại cuộc bỏ phiếu trong khuôn khổ Khóa họp 73 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Việc trở thành thành viên của Ủy ban Liên Hợp Quốc về thương mại quốc tế tạo cơ hội cho Việt Nam trong việc tăng cường tham khảo, có điều kiện tham gia sâu hơn vào quá trình thảo luận, xem xét các vấn đề mà các quốc gia, doanh nghiệp, cá nhân đặt ra trong các vấn đề thương mại quốc tế, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện khuôn khổ pháp luật trong nước theo hướng phù hợp với chuẩn mực chung, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, góp phần giải quyết các tranh chấp phát sinh theo chuẩn mực quốc tế.

Để bảo đảm tính phù hợp của quá trình THPL về TTTM với các chuẩn mực pháp luật và tập quán quốc tế, Việt Nam nên tham vấn các TTTT và các doanh nghiệp, từ đó giúp nâng cao năng lực pháp lý nói chung, không chỉ của các thiết chế nhà nước mà cả các thiết chế phi nhà nước như trọng tài và cộng đồng doanh nghiệp...). Với sự tín nhiệm lần này của Liên Hợp Quốc và việc Việt Nam trở thành thành viên UNCITRAL, đánh dấu bước tiến tiếp theo trong việc chủ động, tích cực hội nhập pháp lý đa phương, chủ động tham gia xây dựng, định hình pháp luật ở cấp độ quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia.

THPL về TTTM phải đáp ứng được nhu cầu của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, đáp ứng nhu cầu của việc hội nhập kinh tế trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với các Điều ước, các Hiệp ước, Hiệp định mà Việt Nam đã tham gia và ký kết.

Trong lộ trình hội nhập, Việt Nam đang nỗ lực thiết lập một khuôn khổ pháp lý có tính tương thích, gắn kết để điều chỉnh các quan hệ quốc tế nhằm giảm thiểu những bất đồng, khác biệt giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Cùng với việc gia nhập và ký kết các Điều ước quốc tế, hiện nay Việt Nam đã xây dựng được một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật khá toàn diện và đầy đủ làm cơ sở pháp lý cho quá trình hội nhập, như: Bộ luật Dân sự năm

2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Thương mại năm 2005, Luật TTTM năm 2010... Tuy nhiên, xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan hay khách quan trong thực tế cho thấy, các quy định pháp luật của Việt Nam vẫn còn những hạn chế, khoảng cách nhất định so với quốc tế, gây khó khăn cho các chủ thể khi tham gia các hoạt động thương mại quốc tế, đặc biệt là hệ thống các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay là chủ động, tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn. Việc hội nhập với các nước trên thế giới đặt ra cho chúng ta nhiều thách thức, trong đó việc hoàn thiện pháp luật TTTM và thực thi pháp luật phải phù hợp với điều kiện cam kết. Việc THPL về TTTM cần phải điều chỉnh và phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế cũng như phải thể hiện sự hài hòa với quá trình hội nhập quốc tế mà Việt Nam đang tham gia ngày càng sâu rộng. Điều này chắc chắn sẽ giúp pháp luật TTTM ở Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia vào các hoạt động thương mại quốc tế. Cùng với đó là việc ký kết và gia nhập các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như: CPTPP; EVFTA; EVIPA; RCEP... mà các hiệp định này đều có quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Quy tắc của Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên Hợp Quốc (UNCITRAL), Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các quốc gia và công dân quốc gia khác (ICSID)... Điều này đặt ra những yêu cầu mới đối với pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật trọng tài nói riêng. Theo tác giả, pháp luật về TTTM cần bảo đảm những yêu cầu sau:

Thứ nhất, pháp luật trọng tài Việt Nam phải có sự tương thích cao với pháp luật trọng tài quốc tế;

Thứ hai, pháp luật TTTM Việt Nam trong mối tương quan với pháp luật trọng tài của các nước trong khu vực và trên thế giới cần đạt mức độ tương

đương về trình độ, kỹ thuật lập pháp cũng như nội dung quy phạm pháp luật trọng tài;

Thứ ba, pháp luật TTTM và hệ thống pháp luật có liên quan đến trọng tài cần tạo điều kiện, môi trường pháp lý thuận lợi nhằm tăng sức cạnh tranh quốc tế, để trọng tài Việt Nam trở thành địa chỉ tin cậy cho doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác nước ngoài lựa chọn là nơi hòa giải, giải quyết các tranh chấp phát sinh (nếu có) trong hợp đồng thương mại quốc tế.

Như vậy, THPL về TTTM tại Việt Nam phải phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế. Việc bảo đảm các nguyên tắc và hoạt động trong các hiệp định của WTO và các FTA thế hệ mới sẽ giúp cho việc THPL được dễ dàng hơn bởi sự thông thoáng, phát huy được ưu thế của TTTM, góp phần bảo đảm cho trọng tài Việt Nam có sức hút hơn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Quán triệt quan điểm này, trong thời gian tới, nước ta cần sớm xem xét sửa đổi, bổ sung Luật TTTM hiện hành theo đầy đủ các tiêu chuẩn của Luật Mẫu về TTTM quốc tế của UNCITRAL (Luật Mẫu). Bởi vì, Luật Mẫu được coi là tiêu chuẩn quốc tế chung về TTTM, trong đó đã liệt kê xác định 83 quốc gia trên thế giới áp dụng Luật Mẫu này [97], tuy nhiên Việt Nam vẫn chưa có tên trong danh sách. Việc được liệt kê vào danh sách quốc gia Luật Mẫu giúp tăng tính hấp dẫn của hoạt động trọng tài của các quốc gia, tạo môi trường pháp lý, môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn hơn, thúc đẩy trọng tài và các dịch vụ hỗ trợ pháp lý phát triển. Đồng thời, cần tham khảo và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới sẽ giúp chúng ta xây dựng các quy phạm pháp luật về trọng tài phù hợp với thực tiễn và trình độ phát triển nền KTTT định hướng XHCN, vừa phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tạo điều kiện cho tất cả các tổ chức trọng tài ở nước ta nâng cao uy tín và nhanh chóng vươn lên ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại

Để bảo đảm pháp luật TTTM được thực hiện hiệu quả trên thực tế đòi hỏi cần sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn hạn chế, bất cập, trong đó tập trung hoàn thiện các vấn đề chủ yếu sau:

- Hoàn thiện quy định về thẩm quyền của trọng tài

Thực tiễn áp dụng pháp luật giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cho thấy phạm vi thẩm quyền của trọng tài đã rộng hơn khái niệm “thương mại” theo quy định của luật hiện hành. Do đó, Việt Nam cần xem xét sửa đổi, bổ sung quy định trọng tài không chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp chủ yếu trong hoạt động thương mại mà còn có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự; tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tranh chấp về sở hữu trí tuệ (bảo đảm phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật Sở hữu trí tuệ...); tranh chấp hợp đồng xây dựng; tranh chấp thương mại điện tử và các tranh chấp khác, thậm chí cả tranh chấp trong hoạt động y tế giữa người bệnh với cơ sở khám chữa bệnh mà các bên lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết. Cụ thể, nên sửa quy định tại Điều 2, Luật TTTM năm 2010 theo hướng loại trừ, cụ thể như sau: “*Mọi tranh chấp phát sinh đều có thể được giải quyết bằng trọng tài nếu các bên có thỏa thuận, ngoại trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”.

Từ việc sửa đổi quy định về thẩm quyền của trọng tài, khi hoàn thiện pháp luật TTTM nên xem xét đổi tên “Luật Trọng tài thương mại” thành “Luật Trọng tài” để bảo đảm sự thống nhất với thẩm quyền được mở rộng và tạo thuận lợi cho sự phát triển của trọng tài Việt Nam.

- Hoàn thiện quy định pháp luật về địa điểm tiến hành trọng tài

Trong những năm gần đây, cả thế giới bước vào thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0, mọi hoạt động của con người có thể được thông qua sự hỗ trợ của

công nghệ số và thực hiện trực tuyến trên môi trường mạng internet. Cho nên, việc thực hiện giải quyết tranh chấp thương mại thông qua hoạt động này càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Thực tiễn THPL cho thấy đã xảy ra tình huống: Các thành viên của Hội đồng Trọng tài không cần phải có cuộc gặp mặt trực tiếp với các bên tranh chấp mà chỉ cần ở các địa điểm khác nhau (trong và ngoài nước) họp thông qua các nền tảng phần mềm họp trực tuyến. Vậy, phiên họp trực tuyến đó có phù hợp với thỏa thuận về địa điểm của trọng tài hay không nếu như các bên thỏa thuận địa điểm giải quyết tranh chấp tại Việt Nam, nhưng các TTV lại được chọn từ những nước khác nhau.

Ở nước ta, Luật TTTM hiện không xác định địa điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” mà là “địa điểm về mặt địa lý”. Cho nên sẽ xảy ra rủi ro khi mà phán quyết trọng tài xét xử trực tuyến bị từ chối công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc bị hủy vì vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài. Chính vì thế, pháp luật Việt Nam muốn ủng hộ hoạt động trọng tài trực tuyến thì cần phải sửa đổi quy định tại khoản 8, Điều 3, Luật TTTM năm 2010. Theo đó, Việt Nam nên nghiên cứu tiếp thu, vận dụng quy định trong pháp luật của Anh và một số nước nhìn nhận việc xác định yếu tố địa điểm trọng tài là “*địa điểm về mặt pháp lý*”. Việc thay đổi là tương đối phù hợp vì không chỉ góp phần thúc đẩy hoạt động trọng tài trực tuyến mà còn giúp pháp luật của nước ta không bị mất quyền áp dụng trong các giao dịch quốc tế. Điều này cũng tạo thuận lợi cho Hội đồng Trọng tài trong tiến trình tố tụng giải quyết các tranh chấp quốc tế. Bởi vì, khi cho phép hai bên tranh chấp thỏa thuận chọn trọng tài là TTTT của một quốc gia khác nhưng thỏa thuận địa điểm trọng tài về mặt pháp lý là tại Việt Nam. Trong khi đó, thực tế địa điểm về mặt địa lý của phiên họp giải quyết tranh chấp lại diễn ra tại nước ngoài thì Luật của Việt Nam không thể được áp dụng vì theo quy định hiện hành thì Luật TTTM chỉ áp dụng đối với tổ chức và hoạt động của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam. Do đó, khi thay đổi khái niệm địa điểm trọng tài là “địa điểm về mặt pháp lý” thì dù Hội

đồng Trọng tài xét xử thực tế tại nước ngoài, nhưng địa điểm trọng tài vẫn là tại Việt Nam. Khi đó, Luật của Việt Nam vẫn có thể được áp dụng.

- *Hoàn thiện quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*

Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại khoản 5, Điều 49 Luật TTTM năm 2010. Có hai quan điểm về “*biện pháp khẩn cấp khác*”, như đã nêu tại Chương 3, có thể là “*khác với yêu cầu của đương sự*”, nhưng cũng có thể hiểu là “*khác so với quy định*”. Theo quan điểm của nghiên cứu sinh, để vấn đề này được hoàn thiện hơn, thì khoản 5, Điều 49 Luật TTTM cần được hiểu và quy định cụ thể là “*khác với yêu cầu của đương sự*”. Nếu việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng Trọng tài không khác với yêu cầu của đương sự nhưng lại khác với quy định của luật thì các đương sự phải bồi thường thiệt hại. Việc lý giải này xuất phát từ thực tiễn TTTM quốc tế. Hầu hết ở các nước có nền trọng tài phát triển đều “không có quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Hội đồng Trọng tài khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng, trừ trường hợp vì lý do tham nhũng” [61]. Việc áp dụng bồi thường thiệt hại không đúng mà gây thiệt hại, thì chính người yêu cầu áp dụng phải bồi thường chứ không phải Hội đồng Trọng tài, vì Hội đồng Trọng tài là người được các bên trao cho thẩm quyền xét xử tranh chấp, mang lại công lý cho các bên, chỉ áp dụng biện pháp khẩn cấp theo yêu cầu của các bên. Đương nhiên là, nếu Hội đồng trọng tài thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời đúng với quy định pháp luật nhưng khác với yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại thì Hội đồng trọng tài cũng cần được miễn trừ trách nhiệm.

Chính vì thế, luật cũng cần bổ sung quy định cho Hội đồng Trọng tài có một sự độc lập nhất định, Nếu việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp này dẫn đến nguy cơ bị khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại thì TTV có thể sẽ hạn chế trong việc ra quyết định áp dụng. Mặt khác, việc quy trách nhiệm cho các bên trong trường hợp này nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của người yêu cầu, hạn chế việc lợi dụng quyền yêu cầu áp dụng để gây

thiệt hại cho phía bên kia. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định cho phép Hội đồng trọng tài được quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà không cần phải thông báo trước cho bên bị áp dụng nhằm tránh việc tẩu tán tài sản hoặc xóa bỏ chứng cứ.

Cùng với đó, các nhà lập pháp Việt Nam cũng cần nghiên cứu bổ sung quy định về trọng tài khẩn cấp. Bởi vì, mặc dù Luật TTTM năm 2010 đã có quy định trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập, các bên tranh chấp vẫn có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ của Tòa án hiện nay còn chậm chạp, kém linh hoạt và thường không phản ứng kịp thời với diễn biến vụ việc. Do đó, nhằm bảo đảm lợi ích của các bên tranh chấp để biện pháp khẩn cấp tạm thời được áp dụng kịp thời, linh hoạt, mở rộng quyền lựa chọn của các bên tranh chấp trong tổ tụng trọng tài, Luật TTTM cần thiết phải bổ sung thêm các quy định về TTV khẩn cấp; Đồng thời, Luật cần bảo đảm cơ chế thi hành các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của TTV khẩn cấp. Quy định này giúp pháp luật TTTM của Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện quy định pháp luật về hủy phán quyết trọng tài

Hoàn thiện quy định về điều kiện hủy phán quyết trọng tài, theo đó khi sửa đổi Luật TTTM cần bổ sung, cụ thể hóa rõ ràng hơn và hạn chế các quy định về điều kiện hủy phán quyết trọng tài, đặc biệt là làm rõ khái niệm “*các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*” theo hướng quy định cụ thể phạm vi các nguyên tắc này trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự để tránh sự vận dụng một cách chủ quan của Tòa án khi xem xét căn cứ để hủy phán quyết trọng tài. Hoặc có thể tiếp thu cách thức của các nước trên thế giới, đó là sửa căn cứ hủy phán quyết này thành “trái với chính sách công hoặc lợi ích công cộng của Việt Nam”. Nội hàm các khái niệm này đã được các ngành luật khác của nước ta làm rõ.

Cần xây dựng bổ sung cơ chế xét lại quyết định của Tòa án về hủy phán quyết của TTTM. Khi giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, Tòa án sẽ ra

một quyết định, hoặc hủy, hoặc không hủy phán quyết trọng tài. Tuy nhiên, vấn đề ở đây là liệu tất cả quyết định hủy phán quyết của Tòa đều chính xác (?); và thực tiễn vẫn có vụ hủy phán quyết xong thì được xem xét giám đốc thẩm, có vụ lại không được, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào nhận định, đánh giá của Tòa án.

Về vấn đề này, theo quy định tại khoản 10, Điều 71 Luật TTTM, quyết định của Tòa án về việc hủy hoặc không hủy phán quyết trọng tài là quyết định có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nhưng vẫn có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của khoản 2, Điều 17 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, không thể hiểu quy định của khoản 10, Điều 71 Luật TTTM theo hướng không áp dụng thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với quyết định của Tòa án. Do đó, quyết định của Tòa án trong trường hợp này vẫn cần thiết phải được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm nếu có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên cũng như tính đúng đắn của phán quyết và uy tín của Hội đồng Trọng tài.

Mặt khác cần nghiên cứu tiếp thu quy định việc “từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” đã được nhiều quốc gia cho phép. Theo đó, Việt Nam cần bổ sung thêm một khoản vào quy định tại Điều 65 Luật TTTM cho phép các bên từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, việc từ bỏ này phải được lập bằng văn bản thể hiện rõ ý chí là “các bên đồng ý từ bỏ quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” và các bên thiết lập thoả thuận từ bỏ đó “ở mọi thời điểm” với “mọi trường hợp (căn cứ) yêu cầu hủy phán quyết trọng tài”.

- Hoàn thiện quy định về bảo mật trọng tài

Để khắc phục những hạn chế trong quy định về bảo mật và tăng cường tính hấp dẫn, tin cậy của trọng tài Việt Nam, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước, khi sửa đổi, bổ sung Luật TTTM năm 2010 cần hoàn thiện quy định này theo hướng sau:

Thứ nhất, xác định rõ phạm vi, chủ thể của nghĩa vụ bảo mật

Theo đó, Luật cần định nghĩa rõ ràng và mở rộng khái niệm từ “không công khai” (privacy of hearings) thành “bảo mật” (confidentiality). Quy định cụ thể những thông tin, tài liệu nào phải được bảo mật: bao gồm cả sự tồn tại của vụ kiện trọng tài, các tài liệu do các bên nộp, chứng cứ, biên bản phiên họp, nội dung thảo luận, và đặc biệt là phán quyết trọng tài.

Luật cần quy định cụ thể, liệt kê rõ ràng các chủ thể phải tuân thủ nghĩa vụ bảo mật, ví dụ: các bên tranh chấp, TTV, nhân viên của TTTT, luật sư đại diện, người làm chứng, chuyên gia, phiên dịch viên, và các bên thứ ba khác tham gia vào quá trình tố tụng.

Thứ hai, quy định cụ thể các trường hợp ngoại lệ

Luật quy định cụ thể các trường hợp ngoại lệ phổ biến và cần thiết mà thông tin mật có thể được tiết lộ, như: Khi có sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các bên; Khi pháp luật có quy định bắt buộc phải tiết lộ; Để bảo vệ hoặc thực thi quyền lợi hợp pháp của một bên trong một vụ kiện khác; Khi Tòa án có yêu cầu hợp pháp trong quá trình hỗ trợ tố tụng trọng tài; Tiết lộ cho cố vấn pháp lý, chuyên gia tư vấn (những người này cũng phải chịu nghĩa vụ bảo mật); Xem xét cơ chế cho phép công bố phán quyết trọng tài (sau khi đã ẩn danh hoặc được các bên đồng ý) nhằm mục đích phát triển án lệ trọng tài và nghiên cứu pháp lý.

Thứ ba, bổ sung quy định về hậu quả pháp lý khi vi phạm

Khi sửa đổi Luật TTTM cần nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm (ví dụ: bồi thường thiệt hại) hoặc các chế tài khác khi một bên hoặc chủ thể liên quan vi phạm nghĩa vụ bảo mật đã được luật hóa hoặc thỏa thuận. Điều này sẽ tăng tính răn đe và đảm bảo nguyên tắc bảo mật được tôn trọng trên thực tế.

4.2.2. Nâng cao ý thức pháp luật của chủ thể thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Ý thức pháp luật (nhận thức, tri thức pháp luật; thái độ, tình cảm đối với pháp luật và hành vi hợp pháp) có ảnh hưởng rất lớn tới việc THPL của các chủ

thể. Trong lĩnh vực TTTM, vấn đề ý thức chủ thể (tri thức, tâm lý, niềm tin) có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả giải quyết tranh chấp, đặc biệt là ở nước ta khi vấn đề giải quyết tranh chấp bằng TTTM trên thực tế chưa được chú trọng. Khi ký kết hợp đồng, các chủ thể thường chú trọng tới các điều khoản về giá cả, chất lượng hàng hóa, thời gian giao hàng, phương thức thanh toán hơn các điều khoản về giải quyết tranh chấp. Chính tâm lý đó, cộng thêm sự thiếu hiểu biết về pháp luật đã tạo ra những sai sót không đáng có cho các chủ thể trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong nhiều hợp đồng, doanh nghiệp viết là “nếu có tranh chấp sẽ nhờ công an hoặc Tòa án giải quyết”, chứng tỏ TTTM còn là một khái niệm mơ hồ với họ. Tuy nhiên, với các doanh nghiệp nước ngoài, khi ký hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam thì gần như họ không chọn tòa án mà chọn trọng tài. Họ có thể chọn trọng tài của bất kỳ nước nào, còn doanh nghiệp Việt Nam chưa coi trọng vấn đề này nên không chú ý khi đàm phán nhiều hợp đồng, dẫn đến việc chúng ta buộc phải lựa chọn trọng tài nước ngoài để giải quyết tranh chấp. Như vậy, doanh nghiệp cũng như TTTT trong nước chính là đối tượng thiệt thòi, bất lợi hơn.

Pháp luật trọng tài cần phải được phổ biến và tuyên truyền sâu rộng tới cộng đồng doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức liên quan. Để các chủ thể này, đặc biệt là doanh nghiệp hiểu biết đầy đủ, tin tưởng và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, bản thân các tổ chức trọng tài cần có những hoạt động để quảng bá hình ảnh của mình, giới thiệu về ưu điểm, hiệu quả của phương thức này so với phương thức giải quyết khác.

Các TTTT tham gia phối hợp với nhiều cơ quan, tổ chức viết bài xuất bản những ấn phẩm về giải quyết tranh chấp, như phối hợp với Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Bộ Công thương... xây dựng các tài liệu về pháp luật TTTM Việt Nam và quốc tế, các công ước và tập quán thương mại quốc tế trên các lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, vận tải quốc tế... giúp doanh nghiệp có thêm thông tin khi tham gia hoạt động kinh doanh. Các TTTT cần tham gia và phối hợp tổ chức nhiều hội thảo, tọa

đàm về cơ chế giải quyết tranh chấp. Bên cạnh đó, cùng với nước ngoài triển khai các dự án tăng cường việc sử dụng TTTM. Các dự án này thường là các khóa học được tổ chức ở nhiều tỉnh thành trong cả nước với đối tượng tuyên truyền là: doanh nghiệp, các hiệp hội ngành nghề, luật sư, các TTV, các nhà báo... nhằm cung cấp những hiểu biết cơ bản về hợp đồng thương mại, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và kỹ năng soạn thảo điều khoản trọng tài trong hợp đồng. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần tạo điều kiện, hỗ trợ các hoạt động quảng bá trên của TTTT, giúp các TTTT mở rộng hình ảnh của mình tới doanh nghiệp.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật TTTM cho các doanh nghiệp trong thời gian tới cần đáp ứng những yêu cầu sau:

Một là, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần được tổ chức có phương pháp, kế hoạch và sự hỗ trợ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật sẽ nâng cao ý thức của những người tổ chức tuyên truyền; đội ngũ tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải là những người có ý thức pháp luật cao, tham gia tích cực các hoạt động công tác nhằm hỗ trợ cho các nhà đầu tư để doanh nghiệp hiểu rõ và áp dụng đúng quy định của pháp luật.

Hai là, đội ngũ tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải bảo đảm là những người/chuyên gia có am hiểu sâu sắc pháp luật về TTTM, có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tiễn phong phú như TTV, thẩm phán, luật sư, chuyên gia kinh tế, giảng viên luật...Đội ngũ này phải bảo đảm về số lượng và chất lượng.

Ba là, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TTTM cần phải được đầu tư kinh phí đầy đủ, đúng mức và ổn định; có như vậy hoạt động này mới được diễn ra theo đúng kế hoạch, không bị gián đoạn.

Bốn là, hoạt động giảng dạy pháp luật về TTTM phải luôn có tính giáo dục rộng khắp, lan tỏa từ trường học đến doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp, chuyên viên pháp chế doanh nghiệp. Trong các trường đại học, vấn đề nâng

cao ý thức pháp luật cho sinh viên cần được hình thành từ khi ngồi trên ghế nhà trường, tạo sự đam mê môn học này cho các sinh viên luật để đội ngũ này sau khi ra trường làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp vận dụng để tư vấn áp dụng nếu vị trí công việc phải giải quyết những mâu thuẫn tranh chấp. Đây cũng là nền móng cho sự phát triển ý thức pháp luật.

Năm là, các cơ quan Nhà nước trong phạm vi trách nhiệm của mình cần có những chương trình, kế hoạch hay đề án hành động cụ thể để hỗ trợ các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ TTTM bằng mọi hình thức như: tổ chức hội thảo, tọa đàm, quảng bá trên báo, đài, trang thông tin điện tử về những ưu việt của phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng TTTM, lợi ích của các doanh nghiệp khi sử dụng các dịch vụ này.

Sáu là, phải thường xuyên đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến kịp thời những nội dung pháp luật về TTTM trong các doanh nghiệp. Ví dụ: như tuyên truyền, phổ biến kịp thời những nội dung mà thực tế đòi hỏi bằng những phương thức được đông đảo các doanh nghiệp ưa chuộng như: qua mạng thông tin điện tử, kết nối mạng điện thoại di động, chủ động tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm của các nước khác. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật TTTM còn có thể áp dụng các hình thức như là sân khấu hóa, hay đưa nội dung này vào các chương trình truyền hình, điện ảnh... đặc biệt cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, đưa thông tin về pháp luật trọng tài lên không gian mạng (các ứng dụng mạng xã hội) để bảo đảm tính mới, hấp dẫn và dễ tiếp cận.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, nếu muốn THPL về TTTM đạt hiệu quả cao, trước hết cần phải định hướng thay đổi nhận thức pháp luật của các doanh nghiệp ở nước ta. Cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng TTTM cần có sự hỗ trợ từ nhiều phía. Khi chủ thể là các doanh nghiệp ý thức được những lợi thế, tính ưu việt của việc giải quyết tranh chấp bằng TTTM thì trọng tài mới có cơ hội chuyển mình phát triển để tăng hiệu quả giải quyết tranh chấp, từ đó nâng cao vị thế, uy tín của các tổ chức trọng tài ở Việt Nam.

Về công tác tuyên truyền của các cơ quan nhà nước, hoạt động của TTTM góp phần giảm gánh nặng cho hoạt động tố tụng của Tòa án, tuy nhiên, hoạt động này sẽ khó phát triển nếu không có sự hỗ trợ và giám sát của các cơ quan thi hành án và cơ quan Tòa án. Cho nên, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật TTTM của các cơ quan này, cần thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, Tòa án nhân dân tối cao với vị trí là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, cần quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn các Tòa án các cấp về công tác hỗ trợ trọng tài theo quy định của Luật TTTM năm 2010 và các văn bản có liên quan, đặc biệt là những nội dung như: hủy phán quyết trọng tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, chỉ định TTV tham gia giải quyết tranh chấp, xây dựng cơ chế tăng cường giám sát của Quốc hội trong việc THPL về TTTM. Cần tăng cường tổng kết, đánh giá việc giải quyết các tranh chấp theo Luật TTTM, phối hợp với Bộ Tư pháp, các TTTT để nâng cao hiệu quả hoạt động này.

Thứ hai, đối với Cơ quan THADS cần tích cực trong việc tổ chức thi hành phán quyết trọng tài trên thực tế ngay khi có đơn yêu cầu. Cần chủ động trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành các phán quyết của trọng tài khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình, thực hiện đúng tinh thần của quy chế phối hợp liên ngành.

Thứ ba, để thống nhất nhận thức chung về trọng tài cũng như thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao sức hấp dẫn của trọng tài, cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa Bộ Tư pháp (và cơ quan THADS) với Tòa án. Việc tổ chức hội thảo liên ngành giữa các cơ quan nói trên có liên quan đến thực tiễn thi hành Luật TTTM là hết sức cần thiết. Trước mắt, cần tôn trọng tính độc lập của tổ chức trọng tài, tập huấn, phổ biến và nâng cao kiến thức cho thẩm phán về Luật TTTM và Nghị quyết số 01/2014/NQ - HĐTP, đưa ra những chính sách rõ ràng khuyến khích sự phát triển của trọng tài, nhằm tạo ra môi trường pháp lý thân thiện với trọng tài.

Khi tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần có tổ chức, phương pháp, kế hoạch và sự hỗ trợ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hiệu quả của công tác này nhằm mục đích nâng cao ý thức của những người làm công tác tổ chức tuyên truyền; đội ngũ tuyên truyền, phổ biến pháp luật phải là những người có ý thức cao, tham gia các hoạt động và công tác hỗ trợ cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, cá nhân tổ chức liên quan hiểu rõ và áp dụng đúng các quy định của pháp luật TTTM.

4.2.3. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Tổ chức, bộ máy THPL trọng tài đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển cách thức giải quyết tranh chấp thương mại, tạo ra sự linh hoạt và hiệu quả. Tuy nhiên, để bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao của hệ thống tổ chức trọng tài cũng như hiệu quả THPL trọng tài, việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy THPL về TTTM là rất cần thiết.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

Thứ nhất, cần kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan quản lý nhà nước về TTTM theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về nhiệm vụ, chức năng, tổ chức không phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, kế thừa những thành quả, kinh nghiệm đã đạt được, phù hợp với cơ chế “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”, đáp ứng yêu cầu của tiến trình đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Thứ hai, đổi mới mô hình, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước thực sự đáp ứng yêu cầu mới về xây dựng và THPL, nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, cần bảo đảm cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước đối với việc THPL về TTTM.

Thứ ba, cần phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan thật sự rõ ràng, hợp lý, phân cấp giữa Trung ương và địa phương, tính đến các điều kiện bảo đảm, có sự giám sát của Trung ương. Tính dân chủ, công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và cơ chế giám sát, phản biện xã hội phải đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hoạt động của bộ máy theo hướng hiệu lực, hiệu quả.

- Đối với các Trung tâm trọng tài

So sánh với các nước trên thế giới như Anh, Pháp, Trung Quốc, Singapore... thì hệ thống các trung tâm TTTM Việt Nam vẫn còn thiếu và yếu so với nhu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của đất nước. Trong những năm qua, mặc dù số lượng TTTT được thành lập tương đối nhiều nhưng cơ sở vật chất của nhiều tổ chức trọng tài chưa đáp ứng được nhu cầu giải quyết tranh chấp của người dân, doanh nghiệp; công tác quản trị, điều hành... của một số trung tâm còn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa hiệu quả. Đây là một hạn chế rất lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức trọng tài. Với xu hướng hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay, các tranh chấp thương mại được dự đoán sẽ gia tăng về số lượng, phức tạp về mức độ, nội dung tranh chấp và phạm vi tranh chấp không chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia mà còn mở rộng trên phạm vi quốc tế. Chính những nhược điểm này làm cho các doanh nghiệp còn thận trọng và chưa mạnh dạn lựa chọn trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp cho mình. Đồng thời, các tổ chức trọng tài quốc tế luôn nỗ lực cập nhật, hiện đại hóa và hoàn thiện các quy tắc trọng tài.

Vì vậy, các TTTT Việt Nam nên tham khảo cách thức của các TTTT quốc tế tiến hành cải cách cơ cấu tổ chức, hiện đại hóa cơ chế quản trị vụ việc và nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự. Để hoàn thiện bộ máy của các trung tâm TTTM cần:

Thứ nhất, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, quản trị của các TTTT, bảo đảm tính hiệu quả, chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của TTTT; tăng

cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động TTTM nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp ngày càng tăng và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ hai, về đội ngũ sáng lập viên

Trong các TTTT, đội ngũ sáng lập viên được xem là bộ phận đầu não của các trung tâm này. Do vậy, để hoàn thiện tổ chức bộ máy thì cần phải có những tiêu chí nhất định nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ sáng lập viên. Luật TTTM hiện hành chưa phân định tiêu chuẩn đối với sáng lập viên mà chỉ yêu cầu các tiêu chuẩn cơ bản như tiêu chuẩn của TTV. Cho nên, trong thời gian tới, Luật TTTM cần bổ sung quy định rõ hơn hoặc có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này theo hướng: Ít nhất một trong các sáng lập viên hoặc đa số sáng lập viên phải có điều kiện về kinh nghiệm, thực tiễn trong hoạt động trọng tài. Bởi vì chỉ có những người thực sự am hiểu về lĩnh vực này mới có thể bảo đảm chất lượng đóng góp vào sự phát triển của TTTM và THPL về TTTM tại Việt Nam.

Thứ ba, về nhân sự của trung tâm TTTM

Thư ký, Ban thư ký tại các TTTT, những người tham gia đáng kể vào tiến trình tổ tụng trọng tài. Thành viên Ban thư ký là những người đầu tiên tiếp xúc với các bên tranh chấp, hỗ trợ đắc lực cho Hội đồng Trọng tài trong việc giải quyết các vụ tranh chấp. Nhiều trường hợp, các thông báo, văn bản của TTTT gửi đến cho các bên được Ban thư ký, thư ký thực hiện trên cơ sở được ủy quyền của Chủ tịch trung tâm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài. Tuy nhiên, Luật TTTM hiện hành cũng chưa có quy định về Thư ký, Ban Thư ký của TTTT hoặc Thư ký của Hội đồng Trọng tài. Chưa có quy định phân biệt rõ Thư ký, Ban Thư ký của Trung tâm với Thư ký của Hội đồng Trọng tài, Thư ký của phiên họp giải quyết tranh chấp và ngay cả điều kiện, tiêu chuẩn của các chức danh này.

Trong thực tiễn giải quyết tranh chấp trên thế giới, vị trí của Thư ký Hội đồng Trọng tài được đánh giá là “*Trọng tài viên thứ tư*”. Nhiều tổ chức trọng

tài đã có hướng dẫn riêng về vị trí Thư ký của Hội đồng Trọng tài, ví dụ: Hướng dẫn của Hội đồng TTTM Quốc tế trẻ (Young ICCA) về thư ký trọng tài. Hướng dẫn cho các bên và Hội đồng Trọng tài tiến hành Trọng tài theo Quy tắc Trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế (ICC) cũng có hướng dẫn riêng về thư ký hành chính, TTTT Quốc tế Hồng Kông (HKIAC) cũng ban hành Hướng dẫn về việc sử dụng Thư ký của Hội đồng Trọng tài... Như vậy, Luật TTTM cần bổ sung quy định về Thư ký của Hội đồng Trọng tài như các tổ chức Trọng tài quốc tế đã thực hiện.

4.2.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của các trung tâm trọng tài

Thứ nhất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực của đội ngũ trọng tài viên, đẩy mạnh đào tạo pháp luật trọng tài

Đội ngũ TTV cần được nâng cao năng lực bằng việc được đào tạo trang bị hệ thống tri thức pháp lý sâu sắc cũng như kỹ năng cần thiết để có thể đưa ra được những phán quyết đúng, được các bên chấp nhận. Để đạt được điều đó thì khả năng phân tích, đánh giá vụ việc để viết phán quyết trọng tài cũng cần được quan tâm chú trọng để nâng cao chất lượng phán quyết. Khi nghiên cứu, khảo sát các phán quyết/quyết định trọng tài cho thấy còn thiếu chặt chẽ; từ lập luận nhận định về thẩm quyền, về thỏa thuận trọng tài, về hành vi vi phạm của các bên, lý luận chấp nhận hoặc bác các yêu cầu của các bên chưa bảo đảm tính lý luận và pháp lý, dẫn đến ban hành các phán quyết tuyên xử không chính xác; không rõ ràng, không chặt chẽ, không chuyên nghiệp và không đủ sức thuyết phục các bên. Cho đến khi quyết định trọng tài có hiệu lực thi hành thì cơ quan THADS cũng không thể thực hiện được trong thực tế. Cho nên cần nghiên cứu thực hiện các vấn đề sau:

Một là, cần xúc tiến thành lập một Hiệp hội Trọng tài quốc gia là tổ chức tập hợp TTV của tất cả TTTT ở Việt Nam. Hiệp hội trọng tài sẽ đóng vai trò quan trọng mang tính quyết định trong việc xây dựng nên các quy tắc đạo đức

nghề nghiệp của TTV, quy tắc về tránh xung đột lợi ích để bảo đảm tính độc lập và khách quan của TTV, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tổ tụng trọng tài cũng như chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn tổ tụng trọng tài trong nước và quốc tế. Hiệp hội này được xem là đầu mối kết hợp giữa các tổ chức đào tạo như Học viện Tư pháp, các trường đào tạo luật và các TTTT để nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ TTV đáp ứng các tiêu chuẩn, chuẩn mực trọng tài quốc tế.

Hai là, đối với các TTV cần có những khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên hàng năm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và các kỹ năng xét xử giải quyết tranh chấp. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, cần nâng cao trình độ ngoại ngữ để có thể học tập, tiếp thu những kinh nghiệm, kỹ năng tổ tụng từ các TTTT quốc tế cho TTV. Cùng với đó, cũng cần chú trọng đào tạo chuyên sâu về tri thức và kỹ năng giải quyết các tranh chấp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại quốc tế để TTV có đủ khả năng xử lý khi gặp phải các vụ tranh chấp trong các lĩnh vực chuyên môn sâu này.

Nhà nước cần tạo điều kiện, hỗ trợ cho các tổ chức trọng tài cử TTV được đi học tập, bồi dưỡng kiến thức về TTTM ở nước ngoài, đặc biệt là các nước có hoạt động TTTM phát triển. Hiện nay có nhiều khóa học tập đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn kỹ năng và kiến thức cho các TTV, luật sư và chuyên gia về trọng tài của các tổ chức quốc tế hàng đầu...

Ba là, khuyến khích các TTV tích cực tham gia vào những tổ chức quốc tế như: Nhóm làm việc số II về Trọng tài và Hòa giải của Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hiệp quốc (UNCITRAL) để tiếp cận với sự phát triển mới nhất của pháp luật trọng tài và hòa giải quốc tế, tham gia vào Ủy ban quốc gia của Phòng thương mại Quốc tế (ICC) để có quyền cử TTV trong các vụ việc thuộc thẩm quyền tài phán của Tòa trọng tài ICC.

Bốn là, tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các TTV và luật sư nước ngoài vào các trung tâm TTTM tại Việt Nam. Bởi trong xu thế quốc tế

hóa hiện nay, các TTTT cần tích cực, chủ động liên hệ, hợp tác với các TTV nước ngoài, mời họ tham gia, đưa vào danh sách TTV của trung tâm. Các trung tâm TTTM cần quảng bá, thể hiện hình ảnh của mình thông qua việc tích cực tham gia các hội thảo, tọa đàm, diễn đàn chuyên môn trọng tài quốc tế, cũng như các lĩnh vực quốc tế khác liên quan. Việc này không những giúp trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và các ứng xử pháp lý mà còn tạo nên sự gắn kết giữa các quốc gia mà thông qua đó tạo điều kiện cho TTV và luật sư nước ta học hỏi kinh nghiệm, kỹ năng và cách ứng xử từ các đồng nghiệp nước ngoài. Bộ Tư pháp cần có những chính sách cụ thể để khuyến khích sự tham gia của các TTV và luật sư nước ngoài như quy định chính thức cho phép họ tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tại trọng tài.

Năm là, chú trọng xây dựng nguồn nhân lực trẻ trong lĩnh vực TTTM

Muốn cho lĩnh vực TTTM ở nước ta tiếp tục phát triển, cần có đội ngũ hành nghề trẻ có niềm say mê, yêu thích nghiên cứu, học tập và tham gia hoạt động trong lĩnh vực pháp lý này, vì đây chính là lực lượng kế cận để THPL về TTTM trong tương lai. Trên thế giới, các quốc gia có nền TTTM phát triển, đều có các tổ chức xây dựng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực TTTM. Có thể kể đến như: “Diễn đàn Trọng tài trẻ của Phòng Thương mại quốc tế (ICC YAF)” với hơn 10.000 thành viên trên khắp thế giới, “Hội đồng TTTM quốc tế trẻ (Young ICCA)”, “Nhóm thành viên trẻ Viện Trọng tài Luân Đôn (CIArb Young Members Group)”... Do đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ cho lĩnh vực TTTM ở Việt Nam là rất cần thiết. Những tổ chức dành cho những người hành nghề trẻ sẽ hoạt động theo cơ chế có sự kết nối, hướng dẫn từ các TTV kỳ cựu.

Hiện nay, ngoài trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh đã có môn học pháp luật về TTTM, còn lại hầu hết các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam vẫn chưa đưa học phần về TTTM hoặc các phương thức giải quyết tranh chấp

ngoài Tòa án (ADR) như là một học phần độc lập riêng, mà lồng ghép chung với một số học phần khác như: Luật Kinh tế, Luật Thương mại... Vì vậy, các cơ sở đào tạo luật trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu học phần về TTTM thành một môn học độc lập để sinh viên có thể nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này. Chỉ cần được đào tạo bài bản, biết, hiểu về TTTM thì các nguồn nhân lực trẻ mới có thể hành nghề và thúc đẩy lĩnh vực này phát triển.

Sáu là, đối với các luật sư hành nghề trong lĩnh vực TTTM. Các luật sư tham gia không những với vai trò là TTV mà còn là thành viên cố vấn pháp lý tư vấn cho các bên tranh chấp trong hoạt động tố tụng trọng tài, tư vấn cho các bên soạn thảo, áp dụng thỏa thuận trọng tài. Đây chính là điều kiện tiên quyết để đưa ra giải quyết tranh chấp tại trọng tài.

Trên thế giới, điển hình là Viện Trọng tài Luân Đôn (Chartered Institute of Arbitrators - CIArb) đã đưa ra những nguyên tắc thể kỷ cho hoạt động của mình, trong đó có tiêu chí thứ 3 là có các chuyên gia pháp lý hành nghề độc lập với chuyên môn lĩnh vực Trọng tài quốc tế. Trên cơ sở đó, muốn phát triển và thúc đẩy TTTM của Việt Nam hội nhập quốc tế, đòi hỏi cần có nguồn luật sư chuyên môn hóa trong lĩnh vực này. Các tổ chức hành nghề luật sư, các luật sư, tùy theo điều kiện của mình có thể tìm hiểu, nghiên cứu và chọn hành nghề trong lĩnh vực này khi thấy rõ tiềm năng của mảng dịch vụ pháp lý này. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, các cơ quan quản lý về hoạt động của luật sư cũng cần chú trọng tạo điều kiện, thúc đẩy cho các luật sư tham gia vào lĩnh vực này; tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao số lượng, chất lượng của luật sư hoạt động trong lĩnh vực TTTM.

Ngoài ra, hoạt động đào tạo về luật sư cũng cần hướng tới trang bị cho các luật sư tương lai những tri thức và kỹ năng về hoạt động của TTTM. Chương trình đào tạo nghề cho luật sư cần có các học phần, chuyên đề chuyên sâu về TTTM. Học viện Tư pháp cũng đã đưa chuyên đề TTTM vào đào tạo, xây dựng giáo trình *Kỹ năng tư vấn pháp luật và tham gia giải quyết tranh chấp*

ngoài Tòa án của Luật sư, trong đó có chuyên đề kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp tại trọng tài. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy sự quan tâm của các cơ sở giáo dục trong việc định hướng cho các luật sư trong tương lai.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động của các TTTT thương mại.

Để hoạt động của TTTM có hiệu quả, cần phải có sự hỗ trợ của Chính phủ và các cơ quan nhà nước liên quan. Sự hỗ trợ đó có thể là tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hỗ trợ nhân lực, cung cấp thông tin, hỗ trợ chuyển đổi số. Nhà nước không nên can thiệp sâu vào hoạt động của TTTM và thực hiện vai trò quản lý của mình thông qua hệ thống quy định của pháp luật, cũng như các tác động khác khi tham gia các Công ước, Điều ước quốc tế, đào tạo, hỗ trợ kinh phí và cơ sở vật chất. Nhằm bảo đảm, không ngừng nâng cao năng lực và uy tín, các TTTM cần quan tâm đến chất lượng dịch vụ của mình, cần mở rộng nhiều hơn các loại hình tư vấn, có quy tắc tổ tụng chặt chẽ, linh hoạt để nâng cao vai trò, vị trí của mình trong hoạt động tổ tụng.

Khuyến khích các TTTT công bố một phần hoặc toàn bộ các phán quyết trọng tài để tạo ra một nguồn tài liệu tham khảo có giá trị thực tiễn cho hoạt động trọng tài. Thực tiễn tại nước ta hiện nay, chưa có nhiều Trung tâm TTTM cho phép công bố một phần hoặc toàn bộ phán quyết của mình hoặc quy định ở bộ quy tắc trung tâm mình có thể công bố một phần phán quyết nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định. Trên thế giới có một số trung tâm quy định về vấn đề này như TTTT quốc tế Hồng Kông với Quy tắc trọng tài năm 2013 hay quy định vấn đề công bố phán quyết ở Điều 42.5 hay quy định về bảo mật tại Điều 39 của Quy tắc trọng tài của TTTT quốc tế Singapore. Ngoài ra, cũng nên công bố các quyết định của tòa án về hủy các phán quyết, đây cũng là một nguồn tham khảo cho các TTV có cơ hội được tiếp cận, nghiên cứu, vận dụng và rút kinh nghiệm cho bản thân, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp.

Các TTTT cần nâng cao yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng tuyển dụng, cũng như chú trọng về xây dựng đội ngũ TTV chất lượng, đủ khả năng cạnh

tranh với các trọng tài quốc tế khác. Hơn nữa, các TTTT nên chủ động thu hút nguồn nhân lực là các đội ngũ TTV quốc tế, các chuyên gia nước ngoài hoặc chuyên gia trong nước giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, thành thạo về ngoại ngữ, có kinh nghiệm giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài để nâng cao chất lượng TTMT Việt Nam, cũng như thu hút các doanh nghiệp lựa chọn trọng tài Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Đồng thời, các trung tâm cần đầu tư thêm kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với mục đích đáp ứng nhu cầu giải quyết tranh chấp ngày càng tăng trong quá trình hội nhập quốc tế.

Hiện nay, các TTTT hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, trong đó, phí trọng tài là nguồn thu chủ yếu của các trung tâm này. Tuy nhiên, đối với nhiều trung tâm, do số lượng vụ việc thụ lý còn rất thấp nên nguồn thu không có nhiều, dẫn đến không đủ/không có kinh phí cho việc đầu tư cơ sở, vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Để nâng cao năng lực hoạt động của các TTTT, cần thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tăng cường hợp tác với các tổ chức trọng tài quốc tế

Các TTTT Việt Nam cần hợp tác, liên kết với TTTT các nước trên thế giới và phối hợp đoàn luật sư các tỉnh. Các TTTT nên có các chương trình xúc tiến, thậm chí tự tiếp thị, và chủ động học hỏi cách thức, phương pháp làm việc của trọng tài các nước, thay vì chờ đợi một cách thụ động. Phối hợp với các cơ quan nhà nước khác như cơ quan Tòa án, cơ quan Thi hành án trong hợp tác quốc tế nhằm bảo đảm phán quyết của mình cũng như của trọng tài nước ngoài được thi hành thuận lợi, đúng quy định của pháp luật.

Hai là, mở rộng các dịch vụ tư vấn pháp lý và quảng bá hình ảnh của các TTTT

Để quảng bá, nâng cao hình ảnh của trọng tài cho xã hội, các cơ quan trọng tài cần xây dựng hình ảnh tin cậy, thân thiện để doanh nghiệp và người dân luôn nhớ tới hoạt động của mình bằng việc: mở rộng danh sách TTV nhất

là các chuyên gia uy tín, am hiểu pháp luật và trình độ cao. Cần chú trọng nâng cao tính chuyên nghiệp, cung cấp thêm nhiều dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp để tư vấn. Các dịch vụ tư vấn của TTTT đưa ra nên vận dụng trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của đội ngũ TTV trong tất cả các lĩnh vực kinh doanh, thương mại, giúp doanh nghiệp tránh những rủi ro pháp lý khi ký kết hợp đồng, nhất là trong điều kiện trình độ hiểu biết pháp luật và tập quán kinh doanh ở nước ta còn hạn chế. Dịch vụ tư vấn này mặt khác giúp cho các TTV tiếp cận được với những vấn đề thực tế trong kinh doanh của doanh nghiệp, lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của họ để có hướng đáp ứng kịp thời và đầy đủ.

Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về trung tâm TTTM. Các TTTT cần có sự chủ động giới thiệu hình ảnh, khả năng của mình tới khách hàng, giới thiệu các nội dung chuyên môn như quy tắc tổ tụng của trung tâm, danh sách TTV kèm theo những hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp, tạo sự hiểu biết nhất định cũng như hứng thú của doanh nghiệp với trọng tài.

Ba là, thành lập TTTT trực tuyến và ứng dụng trợ lý ảo mang trí tuệ nhân tạo (AI)

Cùng với sự hình thành và phát triển của Internet, Cách mạng công nghệ 4.0 và trí tuệ nhân tạo (AI), hoạt động thương mại điện tử ngày càng phát triển và ứng dụng rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới, với những ưu điểm của mình, thương mại điện tử đang dần chứng tỏ đây là phương thức giao dịch mới đầy năng động và có hiệu quả. Về quản lý hoạt động thương mại điện tử, hiện nay mới chỉ có cơ quan chứng thực điện tử mà chưa có cơ quan nào đứng ra giải quyết tranh chấp thương mại điện tử và các tranh chấp phát sinh trên môi trường số. Tại nhiều quốc gia trên thế giới nhất là ở những nước phát triển, các tranh chấp thương mại nói chung cũng như các tranh chấp trên môi trường số có thể được đệ trình lên Trọng tài thông qua mạng Internet. Các bên có thể gửi hồ sơ, bổ sung nội dung vụ kiện thông qua mạng Internet. Các phiên họp giải quyết tranh chấp cũng được giải quyết trực tuyến trên môi trường số mà không

cần Hội đồng Trọng tài và các bên phải đến cùng một địa điểm. Như vậy, các thủ tục hành chính trong hoạt động TTTM sẽ được đơn giản hóa và thực hiện nhanh chóng, tạo thuận lợi cho các bên tranh chấp, giúp họ không phải mất quá nhiều thời gian cho việc di chuyển.

Các TTTT, Hội đồng Trọng tài và TTV cần tích cực ứng dụng các phần mềm trợ lý ảo mang trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ các hoạt động giải quyết tranh chấp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết tranh chấp.

4.2.5. Nâng cao vai trò của Tòa án, cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài

Qua nghiên cứu có thể thấy được vai trò quan trọng của các cơ quan này trong việc giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài. Cần xây dựng và ban hành văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng các quy định của Luật TTTM và Bộ luật Tổ tụng dân sự (có thể là một thông tư liên tịch), trong đó quy định cụ thể việc hỗ trợ của cơ quan Tòa án và cơ quan thi hành án đối với hoạt động của trọng tài, nêu rõ trách nhiệm phối hợp, trách nhiệm nếu từ chối giải quyết yêu cầu của Hội đồng Trọng tài hay các bên tranh chấp. Chỉ có thế, mới làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án có cách hiểu đúng và toàn diện về các quy định của pháp luật trọng tài trong việc hỗ trợ hoạt động cho trọng tài. Từ đó, làm cho hoạt động hỗ trợ của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với quá trình tố tụng trọng tài mang tính tích cực và đạt hiệu quả cao hơn.

Đối với các cơ quan nhà nước, cần có các chính sách, giải pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước tích cực sử dụng dịch vụ trọng tài trong giải quyết tranh chấp. Tuyên truyền sâu rộng và đa dạng nhằm giúp cho các doanh nghiệp nhận biết được lợi ích, hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, góp phần san sẻ gánh nặng đối với tòa án và nâng cao cơ hội học hỏi kinh nghiệm cho trọng tài của Việt Nam.

Đối với Bộ Tư pháp, kiến nghị xem xét việc sửa đổi, bổ sung Luật TTTM hiện hành. Luật này đã phát huy được vai trò trong việc quản lý và thúc đẩy

hoạt động trọng tài. Tuy nhiên, qua hơn 14 năm thi hành, Luật TTTM đã bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc gây lúng túng cho các cơ quan trong việc THPL, cho nên cần phải kịp thời sửa đổi để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TTTM, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

Nhà nước cần có chính sách quy hoạch và phát triển có định hướng hoạt động trọng tài cùng các thiết chế của nó. Hiện nay, các TTTT hoạt động chưa nhiều, chất lượng của các trung tâm chưa được cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của trọng tài. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có chính sách đối với tổ chức trọng tài trọng điểm để nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp của các Trung tâm này, bồi dưỡng tập huấn kỹ năng cho các TTV, thanh tra, kiểm tra kịp thời, giúp các TTTT tuân thủ pháp luật, phát triển bền vững; Có chính sách đẩy mạnh việc đào tạo trọng tài tại các trường Đại học và cơ sở đào tạo; Có cơ chế giảm/miễn thuế cho các TTTT, các TTV tham gia giải quyết vụ tranh chấp (đặc biệt đối với TTV người nước ngoài cần có cơ chế miễn visa cho họ khi đến Việt Nam làm việc).

Đối với Tòa án, Tòa án cần tăng cường quản lý và giám sát việc xét xử tại các tòa án địa phương và cần yêu cầu báo cáo thường xuyên, liên tục nhằm tăng cường quản lý, giám sát công tác hỗ trợ của Tòa án đối với việc giải quyết tranh chấp bằng TTTM. Như vậy, Tòa án nhân dân tối cao có thể dễ dàng nắm bắt được những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xét xử tại địa phương.

Trong thực tiễn hiện nay, các yêu cầu về trọng tài thường được giải quyết tại một số tỉnh, thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh... Trong khi đó, nhiều Tòa án địa phương lại rất ít khi giải quyết các vụ việc liên quan đến TTTM do đó còn gặp nhiều khó khăn trong việc THPL về TTTM. Như vậy, Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao có thể tổ chức và hướng dẫn việc bồi dưỡng, đào tạo một đội ngũ thẩm phán, thư ký có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực trọng tài. Từ đó, bảo đảm chất lượng xét xử, tạo tiền đề cho việc sử dụng án lệ như một nguồn của pháp luật theo quy định.

Đối với Cơ quan Thi hành án, cần tích cực trong việc thi hành các phán quyết trọng tài trên thực tế khi có đơn yêu cầu thi hành án. Các cơ quan này cần chủ động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhấn mạnh trách nhiệm trong việc thi hành các phán quyết của trọng tài trên địa bàn của mình, thực hiện đúng quy chế phối hợp liên ngành trong công tác THADS, Quy chế này đã có quy định khá chi tiết nội dung phối hợp giữa các đơn vị trong việc thực thi các văn bản pháp luật về THADS. Cần tổ chức và nghiên cứu phương án sử dụng biên chế cho ngành THADS theo hướng chủ động, linh hoạt trong việc luân chuyển cán bộ. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành viên cũng rất quan trọng. Theo đó, cần xây dựng và lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thi hành án, bảo đảm chấp hành viên khi bổ nhiệm đều được đào tạo nghề.

Để thống nhất nhận thức chung về trọng tài, cũng như thực hiện giải pháp nâng cao sức hấp dẫn của trọng tài, cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa Bộ Tư pháp, Tòa án, Cơ quan THADS và các TTTT lương mại về việc THPL về TTTM.

4.2.6. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

TTTM đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại quốc tế cũng như các tranh chấp khác. Tuy nhiên, cũng như bất kỳ lĩnh vực nào khác, có thể xảy ra vi phạm pháp luật trong quá trình trọng tài. Vi phạm pháp luật trong trọng tài có thể bao gồm việc không tuân thủ các quy định và quy trình trọng tài, ảnh hưởng đến sự độc lập và công bằng của quá trình trọng tài, hoặc không tuân thủ các quyết định trọng tài. Trong quá trình THPL về TTTM có thể xảy ra những hành vi vi phạm pháp luật phổ biến như:

- i) Vi phạm quy trình: đây là việc không tuân thủ các quy trình và quy định được đặt ra bởi các tổ chức/TTTT, quy định của pháp luật trong nước hoặc

pháp luật quốc tế, dẫn đến việc thiếu công bằng hoặc độc lập trong quá trình trọng tài. ii) Một số vi phạm pháp luật có thể liên quan đến việc tiến hành can thiệp không đúng đắn vào sự độc lập, khách quan và công bằng của TTV, chẳng hạn như gây áp lực hoặc thậm chí là đe dọa tấn công TTV để họ buộc phải đưa ra quyết định thuận lợi cho một bên. iii) Các bên tranh chấp không tôn trọng thỏa thuận trọng tài, cố ý cản trở, không thực hiện thủ tục trọng tài hoặc cố ý không thực hiện các phán quyết/quyết định của trọng tài...

Các trường hợp vi phạm pháp luật liên quan đến TTTM gây ảnh hưởng đến tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của quá trình này. Trong trường hợp này, việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm luật liên quan đến TTTM là cần thiết để bảo vệ sự tôn trọng của hệ thống tài chính quan trọng và bảo đảm sự điều hành các quy tắc và nguyên tắc quốc tế liên quan đến TTTM.

Hoàn thiện cơ chế xử lý vi phạm pháp luật về TTTM là một yêu cầu quan trọng để bảo đảm tính chắc chắn, công bằng, độc lập và hiệu quả của quá trình. TTTM đóng vai trò quan trọng trong giải quyết tranh chấp thương mại trong nước và quốc tế, nhưng phải bảo đảm rằng quá trình này diễn ra theo cách chính xác và có tính minh bạch, cần phải tập trung vào việc xử lý vi phạm pháp luật trong việc THPL về TTTM. Trong thời gian tới cần bảo đảm những vấn đề sau:

Thứ nhất, pháp luật cần phải quy định rõ ràng. Để xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong THPL về TTTM cần phải có hệ thống pháp luật hoàn thiện. Những quy định này bao gồm các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên nghiệp cho các trọng tài, các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia, quy trình xử lý khi có vi phạm. Quy định cụ thể hơn về các hành vi vi phạm và chế tài tương ứng đối với các bên, TTV (ví dụ: chế tài đối với việc lạm dụng quyền yêu cầu thay đổi TTV, cản trở tố tụng; cơ chế xử lý kỷ luật TTV hiệu quả hơn) và các chủ thể khác liên quan.

Thứ hai, phát huy vai trò của cơ quan quản lý nhà nước trong việc phát hiện, xử lý vi phạm. Mặc dù, TTTT là tổ chức phi chính phủ nhưng các trung

tâm này vẫn luôn đặt dưới sự quản lý và hỗ trợ của Nhà nước. Nhà nước là chủ thể quản lý đối với mọi mặt của đời sống xã hội. Để quản lý các trung tâm TTTM, Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của các trung tâm TTTM. Ngoài ra, việc quản lý Nhà nước đối với TTTM còn được thực hiện thông qua hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cấp giấy, thay đổi, bổ sung hay thu hồi giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động của các TTTT và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các vi phạm. Như vậy, các cơ quan này sẽ bảo đảm tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn, thực hiện biện pháp kỷ luật nếu có vi phạm. Các vi phạm của trung tâm TTTM, TTV trong quá trình hoạt động bị xử lý hành chính hoặc các hình thức khác, tùy mức độ vi phạm theo quy định của pháp luật.

4.2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện pháp luật về trọng tài thương mại

Quá trình toàn cầu hóa, sự phát triển của các hoạt động kinh doanh thương mại và sự giao lưu hợp tác thương mại giữa các quốc gia là xu thế phát triển tất yếu. Vì vậy, trong thời gian tới các tranh chấp kinh doanh thương mại có yếu tố nước ngoài sẽ ngày càng gia tăng lẫn về số lượng và mức độ phức tạp. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc THPL về TTTM là một phần quan trọng trong việc xây dựng và duy trì một môi trường kinh doanh ổn định và công bằng. Ngày nay, TTTM là một phương pháp giải quyết tranh chấp phổ biến trong lĩnh vực thương mại quốc tế, nơi các bên thường không muốn các vấn đề pháp lý của họ công khai trước truyền thông. Vì vậy, họ đồng ý giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài, nơi có một bên độc lập và không có thiên vị được lựa chọn để đưa ra phán quyết về tranh chấp. Cho nên, trong thời gian tới cần tăng cường các chương trình hợp tác quốc tế trong THPL về TTTM thông qua những nội dung như sau:

Một là, hợp tác giữa quốc gia và tổ chức quốc tế

Hợp tác giữa quốc gia và tổ chức quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra môi trường pháp lý ổn định và thân thiện, thu hút việc giải quyết tranh

chấp bằng TTTM. Cần bảo đảm tuân thủ Công ước New York 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài. Việc bảo đảm tuân thủ Công ước này được coi như là một giải pháp cải thiện môi trường đầu tư. Nếu không công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài theo cam kết tại Công ước New York 1958 có thể dẫn tới nhiều hậu quả, như bị khởi kiện ra Tòa án Nhân quyền quốc tế. Thậm chí, phán quyết của TTTM tại một số nước bị từ chối công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bởi lý do không hợp lý, cũng có thể dẫn đến phán quyết trọng tài tại nước ta bị từ chối công nhận và cho thi hành tại quốc gia đó. Ngoài ra, cần tuân thủ Luật Mẫu của UNCITRAL và Phòng thương Mại quốc tế (International Chamber of Commerce, ICC). Đây là những tổ chức đã đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hướng dẫn, tiêu chuẩn và quy trình giúp tạo ra sự thống nhất và đáng tin cậy trong việc THPL về TTTM.

Hợp tác quốc tế trong việc THPL về TTTM cần có sự tham gia tích cực của các quốc gia. Các quốc gia có thể thiết lập các cơ chế hợp tác song phương hoặc đa phương để trao đổi thông tin, kinh nghiệm và tạo ra các tiêu chuẩn chung về thực thi pháp luật về tài nguyên quan trọng. Điều này có thể đặt nền tảng cho việc tạo ra môi trường hợp tác tích cực và xây dựng sự tin tưởng giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

Hai là, hợp tác quốc tế về hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chia sẻ thông tin, kỹ năng và kinh nghiệm

Việc hỗ trợ đào tạo cho các chuyên gia, luật sư và các doanh nghiệp là rất cần thiết để nâng cao chất lượng trong việc THPL về TTTM. Các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo và chia sẻ kinh nghiệm giữa các chuyên gia có thể giúp cải thiện sự hiểu biết về các quy trình trọng tài, từ việc lập phương án tranh chấp đến việc thực hiện phán quyết. Điều này cũng góp phần xây dựng một đội ngũ chuyên gia, TTV đa dạng và có trình độ cao trong lĩnh vực này.

Chia sẻ thông tin, kỹ năng và kinh nghiệm giữa các quốc gia và tổ chức quốc tế có thể giúp họ học hỏi và áp dụng những kỹ năng, phương pháp tốt

nhất trong việc THPL về TTTM. Hội nghị, hội thảo và các nền tảng trao đổi khác nhau có thể tạo cơ hội cho các chuyên gia và quan chức từ các quốc gia khác nhau chia sẻ những bài học quý từ việc thực hiện luật về tài chính. Các TTTT nên tích cực tham gia hoặc tổ chức hội thảo với sự tham gia của các nhà luật học, các nhà kinh tế học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tích cực thiết lập quan hệ hợp tác, trao đổi thông tin với các TTTT trong và ngoài nước. Tổ chức các chuyến thăm quan học tập cho các TTV đến các TTTT uy tín trên thế giới... đồng thời cũng mời các chuyên gia, các luật sư nổi tiếng trên thế giới tư vấn, hỗ trợ cho các TTTT trong quá trình hoạt động, đặc biệt là trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

Ba là, hợp tác về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông

Sự phát triển của công nghệ thông tin, truyền thông và chuyển đổi số đã mở ra cơ hội mới để tăng cường việc thực hiện các quy định của pháp luật về TTTM. Việc ứng dụng và sử dụng nền tảng trực tuyến để quản lý hồ sơ, tài liệu, thực hiện quy trình và tạo sự tương tác giữa các bên có thể giúp làm cho quá trình thực thi trở nên hiệu quả hơn và tiết kiệm thời gian.

Bốn là, hợp tác bảo đảm tính thực thi của các phán quyết trọng tài

Bảo đảm tính thực thi của các phán quyết/quyết định của trọng tài có vai trò rất quan trọng để các bên củng cố niềm tin với trọng tài, khuyến khích sự lựa chọn trọng tài và thúc đẩy sự phát triển của phương thức trọng tài. Các quốc gia cần chắc chắn rằng họ có cơ chế thích hợp để hợp tác thực hiện các quyết định/phán quyết quan trọng một cách nhanh chóng và hiệu quả trong phạm vi quốc gia mình, cũng như hỗ trợ thực thi phán quyết của các tổ chức trọng tài nước mình ở quốc gia khác. Việt Nam là thành viên của Công ước New York, do đó việc tăng cường hợp tác với các quốc gia khác trong việc bảo đảm công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài là yêu cầu tất yếu khách quan. Việc hợp tác quốc tế tốt sẽ góp phần nâng cao vị thế và uy tín của các tổ chức trọng tài Việt Nam.

Kết luận chương 4

Ở Chương 4, luận án đã nghiên cứu, làm rõ các quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay, cụ thể như sau:

Từ lý luận và thực tiễn cho thấy THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay cần quán triệt 04 quan điểm sau: i) THPL về TTTM phải quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng về pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật về TTTM; ii) THPL về TTTM phải bảo đảm đúng quy định pháp luật; iii) THPL về TTTM phải nhanh chóng, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, đồng thời bảo đảm sự ổn định của hoạt động sản xuất, kinh doanh; iv) THPL về TTTM phải phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. Đây là các quan điểm mang tính chỉ đạo xuyên suốt, có mối quan hệ chặt chẽ, tạo ra hiệu quả trong tổ chức thực hiện; yêu cầu các chủ thể phải quán triệt và tuân thủ đầy đủ trong THPL về TTTM.

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế trong THPL về TTTM ở Việt Nam thời gian qua, luận án đã xây dựng và đề xuất 07 giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay, bao gồm: Hoàn thiện pháp luật về TTTM; Nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật về TTTM; Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy THPL về TTTM; Tăng cường hợp tác quốc tế trong THPL về TTTM; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của các TTTT; Nâng cao vai trò của Tòa án, cơ quan Thi hành án và cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm trong THPL về TTTM. Đây là những giải pháp cơ bản, có tính khả thi, vừa mang tính thời sự, vừa lâu dài, đòi hỏi phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hệ thống và đặt trong tính chỉnh thể chung của THPL nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra.

KẾT LUẬN

THPL về TTTM là việc đưa những quy định của pháp luật về TTTM đi vào thực tiễn đời sống, trở thành những hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật TTTM, từ đó nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các tranh chấp phát sinh trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. THPL về TTTM thời gian qua, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy, nghiên cứu THPL về TTTM cần phải được tiến hành đồng bộ, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn để đề xuất những giải pháp phù hợp, có tính khả thi nhằm phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và hết sức cần thiết.

Nghiên cứu đề tài “THPL về TTTM ở Việt Nam hiện nay”, luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn sau: Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã được công bố, đánh giá lại những giá trị của các công trình nghiên cứu này, trên cơ sở đó luận án rút ra những giá trị có thể tham khảo, kế thừa và phát triển, đồng thời xác định những vấn đề, nội dung chưa được nghiên cứu để nghiên cứu, giải quyết trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở lý luận về THPL nói chung, luận án đã tập trung nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận của THPL về TTTM ở Việt Nam như: Phân tích, xây dựng các khái niệm liên quan như khái niệm TTTM; pháp luật TTTM; THPL về TTTM. Phân tích chỉ rõ các đặc điểm mang tính đặc thù và vai trò THPL về TTTM. Xác định và phân tích nội dung, hình thức và các điều kiện bảo đảm THPL về TTTM. Nghiên cứu việc THPL về TTTM ở một số nước trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo, vận dụng trong việc THPL về TTTM ở Việt Nam.

Luận án đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật TTTM và các yếu tố mới ảnh hưởng đến THPL về TTTM. Từ đó đánh giá thực trạng

THPL về TTTM với 05 nội dung trọng tâm: THPL về thành lập, tổ chức TTTT và TTV; THPL về quản lý nhà nước đối với trọng tài; THPL về giải quyết tranh chấp qua tổ tụng trọng tài; THPL về sự hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động trọng tài; THPL về thi hành phán quyết trọng tài. Qua phân tích, đánh giá thực trạng luận án chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của thực trạng trong việc THPL về TTTM ở Việt Nam trong thời gian qua. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nhất là việc chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong THPL về TTTM, luận án xây dựng 04 quan điểm và 07 giải pháp nhằm bảo đảm THPL về TTTM ở Việt Nam thời gian tới. Các quan điểm này là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt, mang tính định hướng đòi hỏi các chủ thể THPL phải quán triệt và tuân thủ trong THPL về TTTM. Hệ thống giải pháp luận án xây dựng, đề xuất được bắt nguồn từ yêu cầu thực tiễn THPL về TTTM trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, đòi hỏi phải được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, tích cực mới bảo đảm chất lượng, hiệu quả THPL về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Đào Lộc Bình (2021), “Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam trước yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học mở Hà Nội*, (Số 80).
2. Đào Lộc Bình (2024), “Hoàn thiện pháp luật trọng tài trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*, Số 09 (81).
3. Đào Lộc Bình (2024), “Pháp luật về trọng tài thương mại ở Trung Quốc và Singapore - Một số khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghệ Luật, Học viện Tư pháp*, Số tháng 10/2024.
4. Đào Lộc Bình (2024), “Những giá trị tham khảo cho Việt Nam từ kinh nghiệm THPL trọng tài ở Pháp và Anh”, *Tạp chí Quản lý nhà nước, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội*, Số 346 (11/2024).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật

1. Công ước New York (1958), *Về công nhận và thi hành các quyết định của trọng tài nước ngoài*.
2. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Hà Nội.
3. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*, Hà Nội.
4. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại năm 2005*, Hà Nội.
5. Quốc hội (2010), *Luật Trọng tài thương mại năm 2010*, Hà Nội.
6. Quốc hội (2014), *Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)*, Hà Nội.
7. Quốc hội (2017), *Luật Quản lý ngoại thương năm 2017*, Hà Nội.
8. Quốc hội (2019), *Luật Chứng khoán năm 2019*, Hà Nội.
9. Quốc hội (2019), *Luật Sở hữu trí tuệ (hợp nhất) năm 2019*, Hà Nội.
10. Quốc hội (2020), *Luật Đầu tư năm 2020*, Hà Nội.
11. Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*, Hà Nội.
12. Quốc hội (2023), *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Hà Nội.
13. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2003), *Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003*, Hà Nội.
14. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Nghị quyết số 01/2014/NQ - HĐTP ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại”*, Hà Nội.
15. Chính phủ (2019), *Quyết định số 1268/QĐ-TTg ngày 02/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài thương mại, hoà giải thương mại*, Hà Nội.
16. Liên Hợp Quốc (1958), *Công ước về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958)*.

17. Ủy ban của Liên Hợp Quốc về Luật thương mại quốc tế (1985), *Luật Mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế* - Luật Mẫu UNCITRAL (Luật Mẫu) ban hành năm 1985 (sửa đổi năm 2006).
18. Luật Trọng tài Trung Quốc năm 1994 (bản dịch của Dự án Luật Trọng tài thương mại).
19. Luật Trọng tài Singapore 1953 và Luật Trọng tài Quốc tế Singapore năm 1994 (bản dịch của Dự án Luật Trọng tài thương mại).

B. Tài liệu tiếng Việt

20. Albert Jan Van Den Berg (2010), *Trọng tài quốc tế và tòa án quốc gia: Câu chuyện không hồi kết*, Kluwer Law International (2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC và VCCI.
21. Allan H. Goodman (2010), *Kỹ năng cơ bản cho Trọng tài viên mới*, Nxb Solomon, Dịch và hiệu đính bởi VIAC và VCCI.
22. Nguyễn Thị Lan Anh (2018), *Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
23. Phan Thông Anh (2009), *Tại sao các doanh nghiệp Việt Nam không “mặn mà” với việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng trọng tài*, Website Xây dựng pháp luật của Liên đoàn Công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI) tại trang https://vibonline.com.vn/bao_cao/tai-sao-cac-doanh-nghiep-viet-nam-khong-man-ma-voi-viec-giai-quyet-tranh-chap-hop-dong-thuong-mai-bang-trong-tai, [truy cập ngày 07/8/2024].
24. Phan Thông Anh (2011), “Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại Ad hoc ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*.
25. Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC & Alan Redfern, Martin Hunter (2015), *Trọng tài quốc tế (ấn bản lần thứ sáu)*, Nxb Thanh niên.

26. Nguyễn Bá Bình (2010), “Bản giới thiệu nhượng quyền thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (02).
27. Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo số 74/BC - BTP ngày 08/04/2016 của Bộ Tư pháp về sơ kết 04 năm thi hành Luật trọng tài thương mại năm 2010*, Hà Nội.
28. Bộ Tư pháp (2017), *Tài liệu lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp và kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại: trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng qua các vụ việc giải quyết tranh chấp cụ thể, những nội dung cần chú ý trong quá trình giải quyết kinh doanh*, Thái Nguyên.
29. Bộ Tư pháp (2018), *Tài liệu Hội thảo Nâng cao hiệu quả hoạt động trọng tài thương mại Việt Nam, ngày 07/06/2018*, Hà Nội.
30. Bộ Tư pháp (2014), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2014*, Hà Nội.
31. Bộ Tư pháp (2015), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2015*, Hà Nội.
32. Bộ Tư pháp (2016), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2016*, Hà Nội.
33. Bộ Tư pháp (2017), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2017*, Hà Nội.
34. Bộ Tư pháp (2019), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2019*, Hà Nội.
35. Bộ Tư pháp (2020), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2020*, Hà Nội.
36. Bộ Tư pháp (2021), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2021*, Hà Nội.
37. Bộ Tư pháp (2022), *Số liệu thống kê về tổ chức và hoạt động trọng tài năm 2022*, Hà Nội.

38. Mai Ca (2018), *Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp thấp*, tại trang <https://congthuong.vn/ty-le-doanh-nghiep-su-dung-trong-tai-thuong-mai-de-giai-quyet-tranh-chap-thap-107451.html&link=autochanger>, [truy cập ngày 16/08/2024].
39. Bùi Ngọc Cường (2008), *Giáo trình Luật thương mại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
40. Ngô Quốc Chiến, Nguyễn Hoàng Anh (2021), “Trọng tài thương mại quốc tế và vấn đề luật áp dụng”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (01).
41. Nguyễn Mạnh Dũng, Nguyễn Thị Thu Trang (2019), *Thực trạng sử dụng trọng tài thương mại tại Việt Nam một số giải pháp nâng cao sự hấp dẫn của trọng tài*, tại trang <https://dzungsrt.com>, [truy cập ngày 02/08/2023].
42. Nguyễn Sĩ Dũng, Hoàng Minh Hiếu (2010), “Việc tổ chức THPL trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 13(174).
43. Trần Việt Dũng, Ngô Quốc Chiến (2023), *Trọng tài thương mại quốc tế - Những vấn đề đương đại và thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 07/NQ-TU của Bộ chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến 2020*, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27/NQ-TW về tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới*. Hà Nội.

48. Dương Thị Bích Đào (2021), *Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài và kinh nghiệm khi Việt Nam gia nhập, thực thi Công ước Liên Hợp Quốc*, tại trang <https://danchuphapluat.vn/>, [truy cập ngày 29/10/2023].
49. Phạm Thị Hồng Đào (2017), *Vai trò của Tòa án đối với hoạt động của trọng tài thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và kiến nghị*, tại trang <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2154>, [truy cập ngày 02/10/2024].
50. Đỗ Văn Đại, Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đỗ Văn Đại (2018), *Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam, Bản án và bình luận bản án* (Sách chuyên khảo), Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
52. Đại sứ Quán Pháp tại Việt Nam (2018) *Bản dịch Bộ luật dân sự Pháp*.
53. Đỗ Văn Đại (2022), *Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Hồng Đức.
54. Nguyễn Minh Đoan (2009), *Thực hiện và áp dụng pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Nguyễn Minh Đoan (2013), *Thực hiện pháp luật và văn hóa pháp lý trong đời sống xã hội*, Sách tham khảo, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
56. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật và ở Việt Nam*, Sách tham khảo, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
57. Vũ Công Giao, Trịnh Quốc Toàn (2017), *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Lý Luận chính trị, Hà Nội.
58. Xuân Hà (2019), *Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng bằng phương thức trọng tài, hòa giải*, tại trang <https://www.tapchitoaan.vn>, [truy cập ngày 10/08/2023].

59. Dương Văn Hậu (2021), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của trọng tài thương mại Việt Nam*, Nxb. Tư pháp.
60. Hoàng Thị Thanh Hoa (2017), *Thi hành phán quyết trọng tài - một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, tại trang <https://moj.gov.vn/qt>, [truy cập ngày 29/10/2023].
61. Dương Quỳnh Hoa (2018), “Luật Trọng tài thương mại năm 2010: những bất cập và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (20).
62. Nguyễn Thị Hoa (2018), “*Les procédures de règlement des litiges en matière de construction appliquant les contrats-types FIDIC*”, Thèse de doctorat en droit soutenue le 21 décembre 2018 à l’Université Panthéon-Assas Paris II, publié dans la Bibliothèque Cujas, pp. 201-203. (Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng theo tiêu chuẩn FIDIC, Luận án tiến sĩ bảo vệ ngày 21/12/2018 tại Đại học Panthéon-Assas Paris II).
63. Nguyễn Thị Hoa (2021), “Hoàn thiện pháp luật về Trọng tài ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (12), tr.436.
64. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Hồi (2009), *Áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, tài liệu tham khảo, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
66. Hội Luật gia Việt Nam (2009), *Giới thiệu tóm tắt Luật trọng tài của một số nước trên thế giới*, Hà Nội.
67. Hội luật gia Việt Nam (2022), *Dự thảo Báo cáo rà soát Luật Trọng tài thương mại*, tại trang <https://bttp.moj.gov.vn/qt/Pages/trong-tai-tm.aspx>, [truy cập ngày 02/5/2024].
68. Hội Luật gia Việt Nam (2024), *Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại*, Hà Nội.

69. Tào Thị Huệ (2022), “Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo pháp luật một số nước và khuyến nghị đối với Việt Nam”, *Tạp chí nghề Luật*, (3), tr.76-82.
70. Trần Thị Lan Hương (2014), “Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và thực tiễn tại Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (4).
71. Lê Cương Kiên (2020), “Phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng trọng tài thương mại trong hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1.
72. Nguyễn Ngọc Lâm (2014) *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế, nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương thức giải quyết*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
73. Đinh Công Tuấn và Doãn Nhật Linh (2022), “Pháp luật về trọng tài thương mại ở Singapore và một số khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí điện tử kiểm sát*.
74. Tưởng Duy Lượng (2016), *Bình luận Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và thực tiễn xét xử*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
75. Nguyễn Văn Mạnh (2009), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
76. Nguyễn Xuân Nam (2024), “Đánh giá Luật Trọng tài thương mại năm 2010 qua thực tiễn thi hành và một số giải pháp sửa đổi, bổ sung”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, Kỳ 1, (402).
77. Nguyễn Văn Năm (2011), “Vai trò của ý thức pháp luật đối với việc thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Luật học*, (3).
78. Nhiều tác giả (2018), *Những vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
79. Trần Minh Ngọc (2019), *Pháp luật về trọng tài thương mại*, Nxb Lao động, Hà Nội

80. Phan Hồng Nguyên (2016), *Giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài ở Việt Nam thời gian qua*, tại trang <https://danchuphapluat.vn/giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai-bang-phuong-thuc-trong-tai-o-viet-nam-thoi-gian-qua>, [truy cập ngày 20/8/2023].
81. Phan Gia Quý (2018), *Sự hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động trọng tài thương mại*, tại trang <https://www.tapchitoaan.vn>, [truy cập ngày 15/10/2024].
82. Nguyễn Hữu Quỳnh (1992), *Đại từ điển kinh tế thị trường*, Viện Nghiên cứu và phổ biến tri thức quốc gia, Hà Nội.
83. Trịnh Đức Thảo (2015), “THPL về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước - một số vấn đề lí luận và thực tiễn”, *Tạp chí Luật học*, (6).
84. Nguyễn Đình Thơ (2007), *Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
85. Vũ Viết Thiệu (2007), “Mối quan hệ giữa xây dựng pháp luật và THPL: Ý nghĩa thực tiễn”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (9), tr.107.
86. Nguyễn Thị Thu Trang (2021), *Một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp quốc tế tại Việt Nam*, tại trang <https://phaply.net.vn/>, [truy cập ngày 29/10/2023].
87. Nguyễn Thị Tình (2015), *Pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
88. Bùi Ngọc Toàn, dịch (1993), *Luật lệ trọng tài thương mại - kinh tế các nước và quốc tế - Law and regulations of commercial arbitration of nations and international arbitrations*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

89. Hoàng Văn Tú, Trương Hồ Hải (2016), “Những vấn đề đặt ra trong THPL điều ước quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (21), tr.325.
90. Bùi Xuân Trọng (2014), “Cần bổ sung thủ tục hủy quyết định của trọng tài nước ngoài”, *Tạp chí Luật sư*, (8).
91. Trung tâm thương mại quốc tế UNCTAD/WTO (2008), *Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp được lựa chọn* (Geneva 2001) Dịch và Hiệu đính bởi VIAC.
92. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC (2018), Tài liệu Hội thảo *Quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoạt động hòa giải thương mại*, ngày 17/01.
93. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC (2020), *Báo cáo hoạt động Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2019*.
94. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC (2020), Tài liệu Hội thảo *Tổng kết Đề án trọng tài thương mại: Quá trình phát triển và định hướng tương lai*, Thành phố Hồ Chí Minh.
95. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC (2022), *Báo cáo thường niên các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022*.
96. Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam - VIAC (2023), Tài liệu Hội thảo *Tính chung thẩm của phán quyết và các quyết định của Hội đồng Trọng tài*, Hà Nội.
97. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình pháp luật Trọng tài thương mại*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
98. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình pháp luật về thương mại và hàng hóa dịch vụ (Tái bản lần 1, có sửa đổi và bổ sung)*, Nxb.. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
99. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Những vấn đề đương đại trong trọng tài quốc tế*”, Thành phố Hồ Chí Minh 23/3/2022.

100. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật thương mại tập 2*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
101. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (Tái bản lần thứ năm)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
102. Tòa án nhân dân tối cao và Ngân hàng thế giới (2017) *Sổ tay pháp luật về trọng tài và hòa giải*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
103. Tòa án nhân dân tối cao (2022), *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
104. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (2019), *Quyết định số 08/2019/QĐ - PQT ngày 25/07/2019 của Tòa án nhân Thành phố Hà Nội về việc hủy phán quyết trọng tài*, Hà Nội.
105. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2019), *Quyết định số 974/2019/QĐ - PQT ngày 13/08/2019 về “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh”*, Thành phố Hồ Chí Minh.
106. *Từ điển Chính trị văn tắt* (1988), Nxb Tiến Bộ Matxcova và Nxb Sự Thật, In tại Liên Xô.
107. Đào Trí Úc (2011), “THPL và cơ chế THPL ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, Viện Nhà nước và Pháp luật, số 7(279).
108. Viện Ngôn ngữ học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
109. Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển Bách Khoa - Nxb Tư pháp, Hà Nội.
110. Kiều Anh Vũ (2021), “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trọng tài cho sự phát triển trọng tài thương mại tại Việt Nam”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, (7).
111. Nguyễn Thị Yến (2015), “Thực tiễn áp dụng một số quy định của Luật Trọng tài thương mại tại Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 5.

C. Tài liệu nước ngoài

112. *Arbitration Act 1996* (Luật Trọng tài Anh năm 1996), Website:
<https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1996/23/contents>
113. C.A Paris (1996), *Rev. Arb.* 1997, P. 380, Note. É. Loquin.
114. J.-F. Poudret, S. Besson (2007), *Comparative Law of International Arbitration*.
115. Julien Burda (2013), “*La renonciation au recours en annulation dans le nouveau droit français de l’arbitrage*”, *RTD. Com.* 2013, p. 653.
116. John Choong, Mark Mangan, Nicholas Lingard (2018), *A Guide to the SIAC Arbitration Rules (Second Edition)*, *Hướng dẫn về quy tắc trọng tài SIAC* (phiên bản thứ 2), Nxb Oxford University Press 2018.
117. Okezie Chukwumerije (1994), *Choice of law in international commercial arbitration*, *Quorum Books westport, connecticut law*, tr.2.
118. Code de procédure civile (Bộ luật Tố tụng dân sự của Pháp),
https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte_lc/LEGITEXT000006070716?init=true&nomCode=3W3LkQ%3D%3D&page=1&query=Code+de+proc%C3%A9dure+civile&searchField=ALL&tab_selection=code,, truy cập 30/8/2024
119. H. Heilbron (2008), *A Practical Guide to International Arbitration in London*.
120. Markhuleatt - James and Nicholas Gouldv (1996), *International commercial arbitration: A hand book*, LLP London - New York - HongKong, tr.3.
121. R. Merkin, L. Flannery (2014), *Arbitration Act 1996*.
122. Alan Redfern và Martin Hunter, (1991), *Law and Practice of International Commercial Arbitration* [Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế], tái bản lần thứ 2, Nxb Sweet & Maxwell, London.

123. Loukas A. Mistelis & Stavros L. Brekoulakis (2009), *Arbitrability International & Comparative Perspectives*, Kluwer Law International B.V.
124. Mistelis, L. Shore (2010), *Arbitration Rules-National Institutions*.
125. Lawrence. W. Newman và Colin. Ong (2014), *Interim Measures in International Arbitration*.
126. IBA Arbitration Committee (2012), *Arbitration Guide England and Wales*, Allen and Overy, London, p.6.
127. ICC publication No.301 (1977), *The international solution to international business disputes-ICC arbitration*, copyright ICC.
128. International Arbitration (2016), *Chinese Arbitration Framework*, tại trang www.international-arbitration-attorney.com/, [truy cập ngày 14/07/2023].
129. Wipo arbitration and mediation center (2004), *Arbitration rules*, tại trang <http://www.arbiter.wipo>, [truy cập ngày 01/07/2023].
130. S.Greenberg, C.Kee, J.Weeramantry (2011) *International Commercial Arbitration: An Asia - Pacific Perspective*.
131. Weixia Gu (2024), *China's Modernization of International Commercial Arbitration and Transnational Legal Order*, UCI Journal of International, Transnational, & Comparative Law, 9(1), ngày 10/7/2024.
132. Mimi Zou (2020), *An Empirical Study of Reforming Commercial Arbitration in China*, Pepperdine Dispute Resolution Law Journal Volume 20 Issue 3, Acticle 3, ngày 19/10/2020.
133. Vụ án *Hyman kiện Hyman (Hyman v Hyman)* Case Law (án lệ), <https://vlex.co.uk/vid/hyman-v-hyman-793800909>

PHỤ LỤC**Phụ lục 1**

TT	Trung tâm trọng tài	TTV	Ghi chú
1	Trung tâm trọng tài quốc tế Thái Bình Dương (PIAC)	272	Giấy phép số 01/TP-GP ngày 28/8/2006 của Bộ Tư pháp (81/81 TTV người Việt Nam sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ, 191 TTV người nước ngoài)
2	Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC)	196	Quyết định số 204/TTg ngày 28/4/1993 của Thủ tướng Chính phủ, 158/196 TTV người Việt Nam sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ (61 TTV có trình độ TS trở lên 03 GS, 11 PGS)
3	Trung tâm trọng tài thương mại Phía Nam (STAC)	155	Giấy phép thành lập số 17/BTP/GP ngày 05/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (19/155) TTV có trình độ tiến sĩ trở lên có 3 PGS)
4	Trung tâm trọng tài thương mại Thành phố Hồ Chí Minh (TRACENT)	128	Giấy phép số 2404/GP-UB ngày 08/10/1997, Quyết định số 2107/QĐ-UB ngày 04/06/2003 của UBND TP. Hồ Chí Minh (128 TTV đều sử dụng ít nhất 1 ngoại ngữ)
5	Trung tâm trọng tài thương mại Luật gia Việt Nam (VLCAC)	97	Giấy phép số 12/BTP/GP ngày 14/3/2016 của Bộ Tư pháp (11/97 TTV có trình độ tiến sĩ trở lên gồm 1 GS, 3 PGS)
6	Trung tâm trọng tài thương nhân Việt Nam (VTA)	59	Giấy phép thành lập số 20/BTP/GP ngày 11/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (5 TS, 13 TTV nước ngoài)

TT	Trung tâm trọng tài	TTV	Ghi chú
7	Trung tâm trọng tài Quốc tế Hà Nội (HIAC)	59	Quyết định số 2258/QĐ-BTP ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
8	Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Việt-Trung (VCITAC)	57	Quyết định số 636/QĐ-BTP ngày 26/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
9	Trung tâm trọng tài thương mại Thịnh Trí (TTCAC)	42	Quyết định số 848/QĐ-BTP ngày 10/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
10	Trung tâm trọng tài thương mại Á Châu (ACIAC)	37	Thành lập năm 1994
11	Trung tâm trọng tài HTA (HTA)	36	Quyết định số 1140/QĐ-BTP ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
12	Trung tâm trọng tài Thương mại Đông Dương (ITAC)	35	Thành lập năm 2015
13	Trung tâm trọng tài thương mại Quốc tế BIGBOSS (BBIAC)	25	Thành lập năm 2023, 25/25 TTV Việt Nam sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ
14	Trung tâm trọng tài Giải Quyết Tranh Chấp Việt Nam (MATA ARBITRATION)	25	Quyết định số 122 /QĐ-BTP ngày 29/ 01/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
15	Trung tâm trọng tài quốc tế MIAC (MIAC)	24	Theo Quyết định số 2234/QĐ-BTP ngày 3/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
16	Trung tâm trọng tài quốc tế Đông Bắc Á (NAIAC)	23	Quyết định số: 374 /QĐ-BTP ngày 18/ 3/2024
17	Trung tâm trọng tài Mê Kông (MAC)	21	Quyết định số 1515/QĐ-BTP ngày 01/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (có 06 TS và 1 PGS)

TT	Trung tâm trọng tài	TTV	Ghi chú
18	Trung tâm trọng tài Kinh Tế Việt Nam (VEAC)	20	Quyết định số 1086/QĐ-BTP ngày 01/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
19	Trung tâm trọng tài thương mại Toàn Cầu (GCAC)	19	Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 12/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
20	Trung tâm trọng tài thương mại và đầu tư Việt Nam (VTIAC)	18	Quyết định số 262/QĐ-BTP ngày 25/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
21	Trung tâm trọng tài thương mại Tài chính Ngân hàng Việt Nam (VIFIBAR)	12	Thành lập năm 2012
22	Trung tâm trọng tài thương mại Cần Thơ (CCAC)	11	Quyết định số 268/TCCB ngày 30/01/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ
23	Trung tâm trọng tài quốc tế Bình Dương (BIAC)	11	Quyết định số 2069/QĐ-BTP và Giấy phép số 28/BTP/GP ngày 06/10/2020 của Bộ Tư pháp
24	Trung tâm trọng tài tài chính Việt (VFA)	10	Thành lập năm 2016
25	Trung tâm trọng tài Liên đoàn Doanh nghiệp Việt Nam (VNEAC)	10	Quyết định số 206 /QĐ-BTP ngày 21/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
26	Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Chiến Thắng (VCAC)	07	Quyết định số 1215/QĐ-BTP ngày 24/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
27	Trung tâm trọng tài thương mại Quốc tế Atlantic (AICAC)	06	Quyết định số 1348/QĐ-BTP ngày 24/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
28	Trung tâm trọng tài quốc tế vùng duyên hải (CIAC)	06	Quyết định số 157/QĐ-BTP ngày 28/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Trung tâm trọng tài	TTV	Ghi chú
29	Trung tâm trọng tài thương mại Miền Trung (MCAC)	06	Quyết định số 1085/QĐ-BTP ngày 01/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
30	Trung tâm trọng tài thương mại Gia Định (GDAC)	06	
31	Trung tâm trọng tài thương mại Tài chính (FCCA)	06	
32	Trung tâm trọng tài thương mại Hà Thành (HTCAC)	05	Quyết định số 1149/QĐ-BTP ngày 28/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
33	Trung tâm trọng tài thương mại Nam Việt (NVCAC)	05	Giấy phép số 07/BTP/GP ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
34	Trung tâm trọng tài thương mại Công Lý Việt Nam (VIETJAC)	05	Thành lập năm 2015
35	Trung tâm trọng tài thương mại Cao Nguyên (HARCEN)	05	Giấy phép thành lập số 19/BTP/GP ngày 27/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
36	Trung tâm trọng tài Cửu Long (CLAC)	05	Quyết định số 1038/QĐ-BTP ngày 21/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
37	Trung tâm trọng tài thương mại Việt Nam Thịnh Vượng (VNPAC)	05	Quyết định số 2302/QĐ-BTP ngày 25/12/2018
38	Trung tâm trọng tài thương mại Miền Nam (CACS)	05	Quyết định số 2300/QĐ-BTP ngày 18/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
39	Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Bà Rịa-Vũng Tàu (VTA)	05	Quyết định số 2330/QĐ-BTP ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
40	Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế Valuinco (VALUINCO ICAC)	05	Quyết định số 525/QĐ-BTP ngày 05/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

TT	Trung tâm trọng tài	TTV	Ghi chú
41	Trung tâm trọng tài thương mại D2 (D2AC)	05	Quyết định số 138/QĐ-BTP ngày 27/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
42	Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế APEC VN	05	Quyết định số 1967/QĐ-BTP ngày 06/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
43	Trung tâm trọng tài giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương (PACC)	05	Giấy phép thành lập số 41/BTP/GP ngày 21/11/2022 của Bộ Tư pháp
44	Trung tâm trọng tài thương mại Doanh Nhân Việt Nam (VNEAC)	05	Quyết định số 117 /QĐ-BTP ngày 07/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
45	Trung tâm trọng tài Tài chính TDF	05	Quyết định số 3110 /QĐ-BTP ngày 29/12/2023
46	Trung tâm trọng tài thương mại Đông Nam Á (SEAAC)	05	
47	Trung tâm trọng tài thương mại Liên Minh (ACAC)	05	
48	<i>Trung tâm trọng tài thương mại Sài Gòn (SCAC)</i>	05	
49	Trung tâm trọng tài thương mại Thủ đô (CAC)	05	
50	Văn phòng đại diện của Ủy ban trọng tài thương mại Hàn Quốc (Văn phòng đại diện của KCAB tại Hà Nội)		

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ Tư pháp và các Trung tâm trọng tài

Phụ lục 2

Năm	Số lượng yêu cầu thi hành án	Năm	Số lượng yêu cầu thi hành án
2011	15	2018	48
2012	18	2019	55
2013	20	2020	63
2014	25	2021	72
2015	28	2022	80
2016	35	2023	85 (ước tính)
2017	42		

Số liệu phán quyết trọng tài được yêu cầu thi hành án (2011 - 2023):

Nguồn: Bộ Tư pháp

Phụ lục 3
TÓM TẮT ÁN LỆ
VỤ ÁN HYMAN KIỆN HYMAN (HYMAN V HYMAN)

Vụ án này diễn ra vào năm 1929 và đã tạo ra một tác động quan trọng đối với quyền hạn của tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp hôn nhân, đặc biệt là liên quan đến việc giải quyết các tranh chấp tài sản và quyền lợi của vợ chồng trong bối cảnh ly hôn. Thông tin cụ thể về vụ án Hyman v Hyman như sau:

Tên vụ án: Hyman v Hyman (1929)

Thẩm quyền: Tòa án phúc thẩm Anh

Hội đồng xét xử: Ngài Churton, Ngài Tuck, Ngài Dunedin, Ngài Shaw, Ngài Buckmaster, Ngài Atkin

Ngày phán quyết: 30/4/1929

Số vụ án: [1929] 2 KB 410

Nội dung: Vụ án này liên quan đến một thỏa thuận ly thân mà vợ chồng Hyman đã ký kết, trong đó có đề cập đến việc giải quyết tranh chấp thông qua trọng tài. Tuy nhiên, tòa án đã quyết định rằng thẩm quyền của tòa án trong các vụ ly hôn là không thể thay thế, và quyết định về việc ly hôn và các vấn đề liên quan đến quyền lợi tài sản phải do tòa án xử lý, chứ không phải trọng tài.

Nguồn: <https://vlex.co.uk/vid/hyman-v-hyman-793800909>

Phụ lục 4
GIỚI THIỆU
MỘT SỐ QUYẾT ĐỊNH HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

1. Quyết định số 08/2019/QĐ - PQT ngày 25/07/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.
2. Quyết định số 974/2019/QĐ - PQT ngày 13/08/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài
3. Quyết định số 04/2020/QĐ - PQT ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.
4. Quyết định số 06/2020/QĐ - PQT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.
5. Quyết định số 537/2023/QĐ-PQT ngày 19/04/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số: 08/2019/QĐ-PQTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán chủ tọa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Bà Ngô Tuyết Bằng

Căn cứ vào Điều 71 của Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo và Bản sao Phán quyết Trọng tài số 85/16 HCM ngày 20/2/2019 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (đã được chứng thực hợp lệ).

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đề ngày 19/3/2019 (Tòa án nhận được ngày 25/3/2019) của Công ty K là Nguyên đơn trong Phán quyết trọng tài vụ kiện số 85/16 HCM của Hội đồng Trọng tài lập ngày 20/02/2019 tại Hà Nội giải quyết tranh chấp về xây dựng, giữa:

Bên yêu cầu: Công ty K

Địa chỉ: 1459, O- d, A-s, C-d, Hàn Quốc

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Park Heung J*** - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành công ty

Người đại diện theo ủy quyền: ***Ông Nguyễn Duy L, ông Doãn Nhật M, ông Nguyễn Hữu V*** (Giấy ủy quyền ngày 19/3/2019)

Luật sư Đỗ Mạnh T - Công ty Luật TNHH LV, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bên yêu cầu.

Bên liên quan: Công ty TNHH MTV K (Nay là Công ty TNHH MTV A)

Địa chỉ: Tòa nhà K, E6 Khu đô thị mới C, MT, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ***Ông Park Albert L*** - Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Ông Lim Eun K - Tổng giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Nguyễn Ngọc M, bà Đặng Vũ Minh H** (Giấy ủy quyền ngày 17/5/2019)

Các luật sư Hoàng Văn D và Trần Anh H - Công ty Luật TNHH B và Cộng sự, **luật sư Đặng Việt A** - Công ty Luật TNHH Tư vấn Đ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bên liên quan.

NỘI DUNG NHƯ SAU

Công ty TNHH MTV K (Nay là Công ty TNHH MTV A - Gọi là A) là Chủ đầu tư Dự án K (Khách sạn, căn hộ dịch vụ, văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ) tại địa điểm Khu đất số 6, khu đô thị C, quận C, Hà Nội. Công ty K (gọi là K) là nhà thầu xây dựng. Ngày 21/9/2007, Công ty K và Công ty A ký kết Thỏa thuận Hợp đồng ban đầu về việc: “*Xây dựng K - khách sạn, căn hộ dịch vụ, văn phòng, trung tâm thương mại và căn hộ*”. Tổng giá của hợp đồng là 721 triệu USD (Chưa bao gồm thuế GTGT, K chịu trách nhiệm về khoản này); Thời hạn hợp đồng là 36 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng ban đầu; Hợp đồng cũng quy định rõ nhà thầu K phải trả một khoản bồi thường thiệt hại định trước trong trường hợp dự án không hoàn thành đúng tiến độ là 0,03% giá hợp đồng trên mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng cộng không quá 5% giá hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, các bên đã ký thêm 07 phụ lục sửa đổi hợp đồng mang số từ 1 đến 7.

Vì có tranh chấp trong việc thanh toán nên ngày 25/10/2016 K đã khởi kiện yêu cầu A thanh toán các khoản tiền mà K cho rằng A phải trả cho K bao gồm các chi phí xây dựng theo các yêu cầu thanh toán tạm thời (IPC) từ số 33 đến số 38, tổng cộng là 67.578.364 USD và tiền phí chậm trả theo Điều 11.4 của Hợp đồng xây dựng trên số tiền gốc cho đến thời hạn thanh toán của mỗi hoá đơn.

A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của K mà còn có yêu cầu kiện lại, buộc K bồi thường thiệt hại 2 khoản chính gồm:

- + Chi phí xây dựng bổ sung với số tiền: 13.383.700 USD.
- + Bồi thường thiệt hại định trước theo Điều 13 của Hợp đồng xây dựng do việc chậm trễ hoàn thành dự án trong giai đoạn từ ngày 20/4/2011 đến ngày 27/7/2017 với số tiền là 16.140.616 USD.

Quyết định trọng tài vụ kiện số 85/16 HCM ngày 20/02/2019 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam xét xử vụ kiện số 85/16 HCM giữa:

Các bên tranh chấp:

Nguyên đơn: Công ty K

Địa chỉ: 1459, O- d, A-s, C-d, Hàn Quốc

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Lee Sung H** - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành công ty do Tòa án chỉ định.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV K (Nay là Công ty TNHH MTV A)

Địa chỉ: Tòa nhà K, E6, Khu đô thị mới C, MT, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Lee Hyo J** - Chức vụ: Chủ tịch Công ty

Hội đồng Trọng tài căn cứ vào các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam, quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC đã phán quyết:

“a. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán cho Bị đơn V số tiền: 6.060.000 USD

b. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán và hoàn trả cho Bị đơn V phí trọng tài số tiền: 2.449.664.525 VNĐ

c. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán và phải hoàn trả cho Bị đơn V phí và phí tổn luật sư của V liên quan đến vụ kiện trọng tài này, bao gồm các khoản tiền sau:

(i) 370.300.841,53VND và

(ii) 188.637,44USD và

(iii) 495.669.550.108 KRW và

(iv) 7.075,52 SGD

d. Nguyên đơn K có trách nhiệm thanh toán và phải thanh toán cho Bị đơn V tiền lãi đơn trên các khoản tiền tại các đoạn 476 (a), 476 (b) và 476 (c) trên đây, phát sinh ở mức 10% một năm (theo Điều 357 của Bộ luật dân sự Việt Nam ban hành năm 2015) từ ngày của Phán quyết chung thẩm này cho đến ngày thanh toán.

e. Bị đơn V có trách nhiệm thanh toán và phải thanh toán cho Nguyên đơn K số tiền 4.996.141USD.

f. Bị đơn V có trách nhiệm thanh toán và phải thanh toán cho Nguyên đơn K tiền lãi đơn trên khoản tiền tại đoạn 476(e) trên đây, phát sinh ở mức 10% một năm

(theo Điều 357 của Bộ luật dân sự Việt Nam ban hành năm 2015) từ ngày của Phán quyết chung thẩm này cho đến ngày thanh toán.

Phán quyết chung thẩm này là cuối cùng và ràng buộc các bên.”

Không đồng ý với Phán quyết vụ tranh chấp nêu trên, ngày 19/3/2019 Nguyên đơn K làm đơn yêu cầu huỷ Phán quyết với các lý do sau:

- + Hội đồng trọng tài không tôn trọng và bảo vệ quyền dân sự của K, không tuân theo qui định của pháp luật khi xác định việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện của K đối với khoản tiền theo các IPC số 33 đến 38.
- + Hội đồng trọng tài không tuân theo các qui định của pháp luật khi áp dụng không thống nhất các qui định pháp luật trong việc xác định thời hiệu áp dụng đối với các yêu cầu kiện lại của A về chi phí xây dựng bổ sung và thường thiệt hại định trước.
- + Hội đồng trọng tài không khách quan và không tuân theo các qui định của pháp luật khi sử dụng chi phí xây dựng ước tính để quyết định số tiền bồi thường theo yêu cầu kiện lại của A mà không xác định chi phí thực tế để hoàn thiện khách sạn.
- + Hội đồng trọng tài đã không xem xét một cách quan yếu của K về phí chậm trả.

Bên liên quan A cho rằng:

- + Về thủ tục tố tụng: Khi nộp đơn yêu cầu huỷ Phán quyết trọng tài, K chưa hoàn thành nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình và các lập luận mới của K tại văn bản ngày 14/6/2019 không nên xem xét nhằm đảm bảo quá trình tố tụng diễn ra đúng thủ tục và công bằng cho các bên.
- + Về yêu cầu huỷ Phán quyết trọng tài của K thuộc về nội dung vụ tranh chấp đã được Hội đồng trọng tài xét xử.

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam gửi văn bản phản hồi có nội dung:

Các lập luận của K tại Đơn yêu cầu huỷ phán quyết Trọng tài là không có cơ sở và đều thuộc vấn đề nội dung tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết. Về thời hiệu: Nguyên đơn K không giải thích được đúng đắn tại sao vấn đề thời hiệu lại vi phạm lợi ích của mình, lợi ích của Nhà nước và lợi ích của bên thứ ba; Về vấn đề thanh toán, nghiệm thu, bồi thường và các vấn đề khác: Bị đơn V yêu cầu bồi thường 12 triệu USD cho chi phí thiết bị nhưng Nguyên đơn đã từ chối và xác nhận tại Phiên họp rằng chi phí thiết bị là 6 triệu USD, do đó số tiền 6 triệu USD là không hề tranh cãi đối với giá trị tranh chấp. Hội đồng trọng tài chỉ có thẩm

quyền đối với tranh chấp, không có thẩm quyền với các vấn đề không tranh chấp. Nguyên đơn không chứng minh được Phán quyết Trọng tài được ban hành trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và không chứng minh được quyền lợi của mình bị xâm phạm. K cũng không chứng minh được Hội đồng Trọng tài không vô tư, khách quan trong quá trình giải quyết tranh chấp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết do K yêu cầu.

Tại phiên họp: Các bên giữ nguyên quan điểm của mình. Bên yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài không tuân thủ pháp luật Việt Nam, không vô tư, khách quan khi giải quyết tranh chấp. Bên liên quan cho rằng các lý do của Bên yêu cầu đưa ra để hủy phán quyết không hợp lý và không có căn cứ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bên yêu cầu trình bày luận cứ có nội dung chính:

Hội đồng trọng tài vi phạm nghiêm trọng tổ tụng trọng tài: Không tiến hành các biện pháp xác minh làm rõ yêu cầu kiện lại của A nhưng vẫn quyết định trách nhiệm thanh toán cho K; Không tạo điều kiện cho K và A thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ liên quan đến yêu cầu khởi kiện.

Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Cụ thể là nguyên tắc tôn trọng bảo vệ dân sự; Nguyên tắc bình đẳng; Nguyên tắc khách quan vô tư và tuân theo quy định của pháp luật; Nguyên tắc bình đẳng, tạo điều kiện cho các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết tại trọng tài. Đề nghị hủy phán quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bên liên quan trình bày luận cứ có nội dung chính:

Tài liệu, chứng cứ của K đưa ra không hợp pháp. Ngày 25/3/2019 nhận được Phán quyết Trọng tài nhưng đến ngày 14/6/2019 mới có văn bản đưa ra các ý kiến cung cấp thêm một số tài liệu (tức 3 tháng 20 ngày). Theo quy định tại Điều 69 Luật trọng tài thương mại thì thời hạn 30 ngày để các bên đưa ra căn cứ đề nghị hủy phán quyết, do vậy không có căn cứ để xem xét yêu cầu hủy phán quyết vì Bên yêu cầu đã mất quyền đưa ra yêu cầu.

Trang 6 của văn bản trình bày do Luật sư của Bên yêu cầu cho rằng Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc bình đẳng, quan điểm này cơ được Bên yêu cầu thừa

nhận hay không? Bên yêu cầu cho rằng thời hiệu khởi kiện liên quan đến nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền A còn nợ phải trả K đã bị Hội đồng trọng tài xâm phạm thuộc nội dung, không vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Phán quyết trọng tài đã dành 41 trang tương đương 1/3 Phán quyết (từ trang 53 đến trang 94) để nhận định về vấn đề thời hiệu đã thể hiện sự công minh của Hội đồng trọng tài gồm 3 thành viên rất có năng lực đã xem xét, đánh giá về vấn đề thời hiệu khách quan, vô tư. Đề nghị bác yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết đơn có nội dung chính:

Tòa án thụ lý việc kinh doanh thương mại đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, Trung tâm trọng tài, các bên đương sự theo qui định tại khoản 1 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại. Tại phiên họp xét đơn, Hội đồng xét đơn đã thực hiện đúng qui định tại khoản 3 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại.

- Đại diện của bên yêu cầu, bên liên quan đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật Trọng tài thương mại.

Về nội dung: Hội đồng trọng tài đã vi phạm Điều 5 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 3 Bộ luật dân sự 2015) qui định về nguyên tắc bình đẳng và Điều 4 Luật Luật Trọng tài thương mại qui định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Trong vụ việc này Hội đồng trọng tài đã có sự phân biệt đối xử không công bằng với K. Đề xuất: Hủy phán quyết trọng tài.

XÉT THẤY

1. Về thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 20/02/2019, Hội đồng Trọng tài gồm 3 Trọng tài viên thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ban hành Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 85/16. Ngày 22/2/2019 VIAC gửi Phán quyết nêu trên cho các bên. Ngày 25/02/2019 K nhận được Phán quyết. Ngày 19/3/2019 K lập đơn yêu cầu hủy phán quyết và đến ngày 25/3/2019 K trực tiếp nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết tại Tòa án. Đối chiếu Lịch năm 2019 thì tháng 2 có 28 ngày, ngày 22/02/2019 khi VIAC gửi Phán quyết cho các bên là ngày thứ 6 nên ngày thứ hai tuần kế tiếp K

mới nhận được phán quyết là phù hợp, do vậy Đơn yêu cầu của K đã nộp trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

Về thẩm quyền giải quyết: Tại “Thỏa thuận hợp đồng về việc xây dựng K” lập và ký ngày 30/9/2009 dựa trên hợp đồng được lập vào ngày 21/9/2007 đã được K và A thỏa thuận ở Điều 19, mục 19.2 “Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận thông qua thương lượng, tranh chấp đó sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam...” Do vậy, Hội đồng trọng tài thụ lý vụ tranh chấp là đúng thẩm quyền và phù hợp Điều 5 của Luật Trọng tài thương mại qui định về điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Bên yêu cầu đề nghị hủy phán quyết trọng tài vì cho rằng:

+ Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Hội đồng trọng tài không tuân theo quy định của pháp luật khi xác định việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện liên quan đến các yêu cầu của K cho các khoản tồn đọng theo yêu cầu thanh toán; Không áp dụng thống nhất pháp luật trong việc xác định thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu kiện lại của A về các chi phí xây dựng bổ sung và thiệt hại định trước; Sử dụng chi phí xây dựng ước tính để quyết định số tiền yêu cầu theo yêu cầu kiện lại của A mà không xác định chi phí thực tế để hoàn thiện khách sạn.

Hội đồng xét đơn thấy rằng:

Công trình tòa nhà K - Đối tượng của hợp đồng xây dựng đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Thành phần nghiệm thu bao gồm: A (Chủ đầu tư), Viện Khoa học C (Đơn vị Tư vấn giám sát), Công ty quản lý toà nhà, Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng (Cơ quan có thẩm quyền). Khi công trình được nghiệm thu, K đã đệ trình lên A tất cả các yêu cầu thanh toán tạm thời (IPC) từ số 33 đến số 38 và đã được A chấp thuận. Tức là A phải có nghĩa vụ thanh toán cho K toàn bộ số tiền theo các IPC đã được phê duyệt chấp nhận, hơn nữa các IPC đều đã quá hạn thanh toán nhưng trên thực tế A mới chỉ thanh toán một phần của IPC số 33. Như vậy phải xác định đây là một khoản nợ của A đối với K theo Hợp đồng xây dựng các bên đã ký kết. Hội đồng trọng tài bác yêu cầu của K đối với các khoản nợ của A từ IPC số 34 đến số 38 và chỉ chấp nhận IPC số 33 là không phù hợp. Mặc dù đây là phần nội dung của vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài

đã giải quyết nhưng đã chứng minh việc Hội đồng Trọng tài có khách quan hay không khi giải quyết vụ tranh chấp.

Tiếp theo: Đối với yêu cầu kiện lại của A về khoản chi phí xây dựng bổ sung và thiệt hại định trước, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 9 của Hợp đồng xây dựng qui định về Điều kiện và tiến độ xây dựng: “ *mục 9.2.1. Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công trình trong thời hạn 43 tháng kể từ ngày khởi công* ”.

Điều 13 qui định về Thiệt hại định trước do chậm trễ: “ *mục 13.1. Nếu nhà thầu không hoàn thành công trình đến thời hạn hoàn thành theo tiến độ thời gian xây dựng hoặc đến ngày hoàn thành thì nhà thầu phải thanh toán cho Chủ đầu tư số tiền tương ứng là tiền bồi thường thiệt hại định trước ...*”.

Đối chiếu với qui định nêu trên thì trong trường hợp K không hoàn thành công trình khi đến ngày hoàn thành K mới vi phạm mục 9.2.1 và lúc này K mới phải bồi thường thiệt hại định trước do chậm trễ nhưng Hội đồng trọng tài chấp nhận yêu cầu kiện lại của A về chi phí xây dựng bổ sung là không phù hợp với bản chất vụ việc và sự thoả thuận của các bên trong hợp đồng mà yêu cầu khởi kiện của K đối với các IPC đã được A phê duyệt lại không được Hội đồng trọng tài chấp nhận là không hợp lý. Trong vụ việc này Hội đồng trọng tài đã có sự phân biệt đối xử không công bằng với K.

Tổng hợp các nội dung nêu trên, thấy rõ Hội đồng trọng tài đã có sự không công bằng trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp. Như vậy, Hội đồng trọng tài đã vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Cụ thể Hội đồng trọng tài đã vi phạm Điều 5 Bộ luật dân sự 2005 (tương ứng Điều 3 Bộ luật dân sự 2015) qui định về nguyên tắc bình đẳng và Điều 4 Luật Trọng tài thương mại qui định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đã xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của K. Vì vậy, yêu cầu hủy phán quyết nêu trên của Hội đồng trọng tài do K khởi kiện có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên

- Áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu Hủy quyết định Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 85/16 được lập ngày 20/02/2019 của Hội đồng Trọng tài Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam về giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng xây dựng, giữa:

Nguyên đơn: Công ty K

Địa chỉ: 1459, O- d, A-s, C-d, Hàn Quốc

Bị đơn: Công ty TNHH MTV K (Nay là Công ty TNHH MTV A)

Địa chỉ: Tòa nhà K, E6, Khu đô thị mới C, MT, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Về lệ phí: Công ty K chịu 500.000 đồng lệ phí kinh doanh thương mại đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0017357 ngày 02/5/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định. Các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo; Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Các bên;
- Hội đồng trọng tài;
- Cục thi hành án dân sự Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Số: **974/2019/QĐ-PQTT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Thảo
2. Ông Lê Công Toại

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Hồng Long- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 và ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 75/2019/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2019 về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Quyết định mở phiên họp số 3250/2019/QĐ-MPH ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Người yêu cầu: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Lô 051, Khu nhà V, Quốc lộ A, phường H, quận T, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp:

- Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1981

Địa chỉ liên hệ: 445 C, phường P, quận T, Thành phố H.

- Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1956

Địa chỉ: 12H N, phường K, Quận A, Thành phố H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH X.

Địa chỉ: 247-249 T, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 247-249 T, phường T, Thành phố B, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan: Luật sư La Văn T – Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Tại phiên họp các đại diện hợp pháp của đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có mặt.

Nội dung vụ việc:

Ngày 28/12/2012, Công ty TNHH X (sau đây gọi là Công ty T) và Công ty TNHH C (sau đây gọi là Công ty N) có ký Hợp đồng kinh tế số 206/HĐ.12 với nội dung: Công ty TNHH C nhận thi công lắp đặt thiết bị cho khu xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp T 1 và 2 công suất 1.500m³/ngày đêm và thiết bị cho phòng thí nghiệm, các thiết bị do Công ty TNHH C cung cấp với thông số kỹ thuật theo phụ lục đính kèm. Tổng giá trị hợp đồng là 6.157.000.000 đồng (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng). Trong đó: Giá trị hợp đồng cho khu xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp T1 và 2 là: 4.867.000.000 đồng; Giá trị thiết bị cho phòng thí nghiệm là 1.290.000.000 đồng. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã tạm ứng cho Công ty N bằng chuyển vào tài khoản của Công ty N 03 lần với tổng số tiền 4.100.000.000 đồng. Do công trình thiếu vốn nên việc thi công lắp đặt chậm tiến độ, các vật tư thiết bị của Công ty N giao chưa thể lắp đặt được nên hai bên có biên bản làm việc để có biện pháp bảo dưỡng thiết bị máy móc. Ngày 27/9/2015, Công ty T làm việc với Công ty N về việc Công ty N đưa vật tư thiết bị đi bảo dưỡng. Theo thỏa thuận giữa các bên, Công ty N phải tập kết toàn bộ thiết bị tại công trường trước ngày 15/9/2016. Tuy nhiên Công ty N không thực hiện việc tập kết thiết bị đúng cam kết mặc dù Công ty T có văn bản đôn đốc. Ngày 20/7/2017, Công ty T và Công ty N có ký phụ lục hợp đồng số 206-01/PLHĐ.17 để gia hạn thời gian thi công đến 29/12/2017. Đến hết thời hạn gia hạn thi công mà Công ty N vẫn không giao được thiết bị để thực hiện việc thi công.

Ngày 12/6/2018, Công ty T đã khởi kiện yêu cầu Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H đề nghị giải quyết: Hủy bỏ hợp đồng số 206/HĐ.12 ngày 28/12/2012 và phụ lục hợp đồng số 206-01/PLHĐ.17 ngày 20/7/2017; Buộc Công ty TNHH C hoàn trả số tiền đã nhận là 4.100.000.000 đồng. Buộc Công ty TNHH C phải trả số tiền vi phạm hành chính về thuế mà Công ty TNHH X phải gánh chịu do việc phát hành hóa đơn GTGT không hợp pháp.

Ngày 18/5/2019, Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H đã ban hành Phán quyết Trọng tài số 05/2019/PQTT có nội dung như sau:

Điều 1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Công ty TNHH X, về việc:

- Hủy bỏ Hợp đồng số 206/HĐ.12 ngày 28/12/2012 và Phụ lục hợp đồng số 206-01/PLHĐ.17 ngày 20/7/2017.

- Buộc Bị đơn (Công ty TNHH C) hoàn trả số tiền đã nhận là 4.100.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ một trăm triệu đồng) cho Công ty TNHH X.

Điều 2. Phí trọng tài là 186.450.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), Công ty TNHH C phải chịu phí trọng tài là 186.450.000 đồng. Do Công ty TNHH X đã nộp toàn bộ phí trọng tài cho Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H nên Công ty TNHH C phải hoàn trả cho Công ty TNHH X phí trọng tài là 186.450.000 đồng.

Không đồng ý với Phán quyết của Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H, ngày 03/6/2019, Công ty TNHH C đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu xem xét hủy toàn bộ nội dung Phán quyết

Trọng tài số 05/2019/PQTT ngày 18/5/2019 của Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H với lý do cụ thể:

- Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do các bên chưa tiến hành thương lượng giải quyết tranh chấp (thủ tục bắt buộc theo thỏa thuận giữa các bên trước khi khởi kiện).

- Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do các bên không thỏa thuận lại tổ chức trọng tài để chọn Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H trước khi khởi kiện bởi vì tổ chức trọng tài mà các bên lựa chọn theo Hợp đồng đã bị giải thể mà không có tổ chức kế thừa nhưng Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H vẫn coi thỏa thuận này là thỏa thuận có thể thực hiện được để thụ lý giải quyết.

- Hội đồng trọng tài đã vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng khi không xem xét phản đối thẩm quyền của bị đơn.

- Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét đơn chấp nhận yêu cầu của Công ty N về việc hủy phán quyết trọng tài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/5/2019 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 05/2019/PQ-TT ngày 18/5/2019 (sau đây gọi tắt là Phán quyết trọng tài). Ngày 03/6/2019, Công ty TNHH C nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét thấy : Căn cứ Điều 6 Hợp đồng “.....việc giải quyết tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Trọng tài kinh tế thành phố H”. Tuy nhiên, Trọng

tài kinh tế Thành phố H là tổ chức trọng tài trực thuộc Trọng tài kinh tế Nhà nước đã chấm dứt hoạt động từ năm 1994 mà không có tổ chức kế thừa. Căn cứ Khoản 5 Điều 43 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP quy định: “Các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài cụ thể *nhưng Trung tâm trọng tài này đã chấm dứt hoạt động mà không có tổ chức trọng tài kế thừa, và các bên không thỏa thuận được việc lựa chọn Trung tâm trọng tài khác để giải quyết tranh chấp*” được xem là “*Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được*”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 43 Luật Trọng tài thương mại năm 2010: “Trường hợp các bên đã có thỏa thuận trọng tài nhưng không chỉ rõ hình thức trọng tài hoặc *không thể xác định được tổ chức trọng tài cụ thể*, thì khi có tranh chấp, các bên phải thỏa thuận lại về hình thức trọng tài hoặc *tổ chức trọng tài cụ thể để giải quyết tranh chấp*. Nếu không thỏa thuận được thì việc lựa chọn hình thức, tổ chức trọng tài để giải quyết tranh chấp được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn”. Theo đó, Công ty T và Công ty N phải có nghĩa vụ thỏa thuận lại tổ chức trọng tài giải quyết Vụ tranh chấp, nếu không thỏa thuận được thì Nguyên đơn mới có quyền chọn tổ chức trọng tài giải quyết Vụ tranh chấp khi khởi kiện. Tuy nhiên theo hồ sơ thể hiện cũng như tại phiên họp hôm nay các bên xác nhận cũng chưa thỏa thuận lại tổ chức trọng tài.

[2.2.] Bên cạnh đó, ngày 02/07/2018, Công ty N gửi Văn bản phản đối thẩm quyền giải quyết của Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H. Căn cứ Khoản 1 Điều 43 Luật Trọng tài thương mại 2010, thẩm quyền xem xét Thỏa thuận trọng tài và thẩm quyền Trọng tài là của Hội đồng trọng tài nhưng Hội đồng trọng tài đã không mở phiên họp để xem xét việc phản đối này. Trong suốt quá trình giải quyết vụ việc tại Trọng tài, phía Công ty N cũng đã nhiều lần phản đối thẩm quyền trọng tài nhưng cũng không được giải quyết.

[2.3.] Vì vậy, Hội đồng trọng tài đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ tranh chấp, căn cứ Điều 68 Luật Trọng tài thương mại và điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, hủy phán quyết trọng tài.

[2.4.] Từ những nhận định nói trên, chấp nhận yêu cầu của Công ty N, hủy Phán quyết trọng tài số 05/2019/PQ-TT ngày 18/5/2019 của Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H.

[2.5.] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp đề nghị hội đồng xét đơn chấp nhận yêu cầu của Công ty N về việc hủy phán quyết trọng tài. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[2.6.] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty TNHH C không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH C. Hủy Phán quyết Trọng tài số 05/2019/PQ-TT ngày 18/5/2019 của Trung tâm Trọng tài thương mại Thành phố H.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 13 tháng 8 năm 2019. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- Trung tâm trọng tài H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên họp

Nguyễn Thị Thùy Dung

Số: 04/2020/QĐ-PQTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Ông Lê Thanh Bình

Căn cứ vào Điều 71 của Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo và Bản sao Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (đã được chứng thực hợp lệ).

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đề ngày 13/01/2020 (Tòa án nhận được ngày 15/01/2020) của bên yêu cầu là Công ty B là nguyên đơn trong Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam với bị đơn là Công ty NC.

Các bên tham gia phiên họp xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài gồm có:

Bên yêu cầu: Công ty B

Địa chỉ: Phòng A tầng B, đường C, phường D, quận E, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông HQV – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông QQĐ. Địa chỉ: ngõ F phố G, phường H, quận I, thành phố Hà Nội; có mặt

2. Ông KĐV. HKTT: đường K, phường L, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt

3. Bà CTĐ. HKTT: Tập thể N, phường O, quận P, thành phố Hà Nội. Nơi ở: Khu đô thị mới P, phường N1, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt

4. Bà THL. HKTT: ngõ C, phường C, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nơi ở: Ngõ B, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt

Bên liên quan: Công ty NC

Địa chỉ: Tiểu khu M Thị trấn I, huyện L, tỉnh S

Người đại diện theo pháp luật: Ông RN– Tổng Giám đốc; có mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông HMĐ. HKTT: thôn H, xã D, huyện A, thành phố Hà Nội; có mặt

2. Bà HMN. HKTT: Tổ A phường D, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt

3. Bà T. HKTT: Số A ngõ M phường K, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty NC:

- Luật sư P- Công ty Luật TV- Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt
- Luật sư T- Đoàn Luật sư thành phố H - Luật sư Cộng tác viên của Trung tâm T; có mặt

NỘI DUNG NHƯ SAU

Ngày 15/7/2017 bên yêu cầu và bên liên quan ký kết Thỏa thuận khung hợp đồng về việc mua, bán cổ phần trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ của bên liên quan. Theo Thỏa thuận, bên yêu cầu đặt mua 49.875.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng của bên liên quan với giá giao dịch 14.300 đồng/cổ phần. Tổng giá trị giao dịch là 713.212.500.000 đồng.

Thực hiện Thỏa thuận, bên yêu cầu đã hoàn thành nghĩa vụ đặt cọc 61.000.000.000 đồng để đảm bảo quyền được mua số cổ phần do bên liên quan chào bán. Bên liên quan tiến hành các thủ tục xin ý kiến của Tổng Công ty S và Bộ X về giao dịch phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của bên liên quan.

Ngày 23/11/2017 Bộ X có văn bản số 2830/BXD-QLDN gửi Tổng Công ty S với nội dung chấp thuận chủ trương để Tổng Công ty S chỉ đạo người đại diện phần vốn tại Công ty NC biểu quyết thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ từ 951,25 tỷ đồng lên 1.450 tỷ đồng của Công ty NC bằng hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ, giá chào bán không thấp hơn 14.850 đồng/cổ phần.

Ngày 03/01/2018, bên yêu cầu và bên liên quan ký kết Phụ lục số 01 của Thỏa thuận khung, trong đó gia hạn hiệu lực của Thỏa thuận khung hợp đồng đến hết ngày 31/3/2018.

Hai bên tiếp tục đàm phán, thương thảo về việc điều chỉnh giá mua cổ phần và phương thức thanh toán. Ngày 26/4/2018, các bên tiến hành họp và lập biên bản thương thảo hợp đồng mua bán cổ phần phát hành riêng lẻ của bên liên quan, theo đó bên yêu cầu đồng ý điều chỉnh giá mua cổ phần thành 14.850 đồng/cổ phần. Sau đó hai bên tiếp tục đàm phán xây dựng Dự thảo hợp đồng mua bán cổ phần phát hành riêng lẻ cho bên yêu cầu. Ngày 24/5/2018, các bên đã nhất trí thông qua Dự thảo hợp đồng mua bán cổ phần và ký tắt, chờ bên liên quan chuẩn bị các điều kiện nội bộ để các bên chính thức ký hợp đồng mua bán cổ phần.

Bên liên quan tiếp tục thực hiện thủ tục xin ý kiến Tổng Công ty S và Bộ X phê duyệt phương án phát hành cổ phần riêng lẻ của bên liên quan cho bên yêu cầu với mức giá điều chỉnh là 14.850 đồng/cổ phần.

Ngày 18/6/2018, Bộ X đã ban hành Văn bản số 22/BXD-QLDN trong đó yêu cầu rà soát, xây dựng và báo cáo lại về phương án tăng vốn điều lệ của bên liên quan, làm rõ việc lựa chọn hình thức chào bán cổ phần đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả để trình Bộ xem xét, cho ý kiến.

Sau một thời gian dài thương lượng, đàm phán, các bên đã không ký kết được hợp đồng mua bán cổ phần. Bị đơn nêu lý do là do Bộ X chưa có văn bản thông qua Phương án phát hành tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành riêng lẻ vốn điều lệ của bên liên quan cho bên yêu cầu, do vậy, các bên chưa đủ điều kiện để ký kết hợp đồng mua bán cổ phần theo quy định của Thỏa thuận.

Ngày 21/3/2019, bên yêu cầu gửi cho bên liên quan Văn bản số 73/19/TB-BPC, theo đó bên yêu cầu yêu cầu bên liên quan hoàn trả cho bên yêu cầu khoản đặt cọc 61 tỷ đồng và bồi hoàn khoản phạt bằng khoản đặt cọc.

Ngày 26/4/2019, bên yêu cầu và bên liên quan đã ký kết biên bản họp với nội dung: (i) Thống nhất chấm dứt giao dịch mua, bán cổ phần trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ của bên liên quan theo Thỏa thuận; (ii) Bên liên quan đồng ý hoàn trả cho bên yêu cầu khoản đặt cọc 61.000.000.000 đồng; và (iii) Bên liên quan xác định thuộc trường hợp bất khả kháng theo Thỏa thuận nên không đồng ý trả khoản phạt cọc.

Thực hiện thỏa thuận tại Biên bản, ngày 03/5/2019, bên liên quan đã trả lại cho bên yêu cầu khoản đặt cọc 61.000.000.000 đồng.

Bên yêu cầu cho rằng bên liên quan đã vi phạm Thỏa thuận và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên có nghĩa vụ bồi hoàn khoản phạt cọc và lãi chậm thanh toán. Do các bên không thỏa thuận được về vấn đề này, ngày 22/7/2019, bên yêu cầu đã khởi kiện bên liên quan tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam VIAC.

Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019, Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam đã phán quyết:

“Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tổng phí trọng tài trong vụ tranh chấp là: 1.231.774.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi một triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng Việt Nam). Nguyên đơn phải chịu toàn bộ phí trọng tài nêu trên.

Phán quyết Trọng tài này được lập thành 03 bản tại Hà Nội, Việt Nam. Phán quyết Trọng tài này là chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực từ ngày lập, tức ngày 18 tháng 12 năm 2019.”

Không đồng ý với Phán quyết nêu trên, ngày 13/01/2020 **Công ty B** có Đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài gửi Tòa án với lý do:

-Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động chào bán cổ phần riêng lẻ;

-Thủ tục tố tụng trọng tài trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12

-Phán quyết Trọng tài trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

Tại phiên họp xét đơn:

Bên yêu cầu vẫn giữ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vì những lý do sau: Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam không có thẩm quyền trong việc giải quyết tranh chấp liên quan chào bán cổ phần riêng lẻ. Trọng tài thương mại nói chung không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phát sinh từ việc chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần chưa phải là công ty đại chúng. Thủ tục tố tụng trọng tài trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại. Hội đồng Trọng tài đã không giải thích Phán quyết Trọng tài sau khi Công ty B gửi đơn yêu cầu giải thích Phán quyết Trọng tài. Phán quyết của Hội đồng Trọng tài vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Hội đồng Trọng tài đã không đánh giá toàn bộ các tài liệu chứng cứ mà Công ty B đã nộp cho Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài không thu thập các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Công ty B. Thu thập chứng cứ là thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài, nên Hội đồng Trọng tài có nghĩa vụ phải thực hiện.

Bên liên quan không đồng ý hủy Phán quyết Trọng tài và cho rằng lý do đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài của Bên yêu cầu không hợp lý. Thỏa thuận trọng tài giữa hai công ty phù hợp với Luật Trọng tài thương mại. Việc có đưa chứng cứ vào Phán quyết trọng tài hay không thuộc về đánh giá chuyên môn và thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Việc Công ty B cho rằng Hội đồng Trọng tài không vô tư, khách quan khi đánh giá chứng cứ, lý do này không phải là cơ sở để hủy Phán quyết Trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại. Về vấn đề thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng Trọng tài đã yêu cầu Công ty B nêu rõ các văn bản cần thu thập tại Bộ X, nhưng Công ty B không đưa ra được. Việc cung cấp chứng cứ là quyền và nghĩa vụ của các bên. Trách nhiệm cung cấp chứng cứ thuộc về các bên. Còn việc Hội đồng Trọng tài có thu thập chứng cứ hay không thuộc về quyền của Hội đồng Trọng tài. Về báo cáo tài chính, Công ty B đưa ra yêu cầu đột xuất này tại phiên họp, Công ty NC thấy rằng chứng cứ này không liên quan đến vụ việc. Khi ra Phán quyết Trọng tài, Hội đồng Trọng tài đã căn cứ các quy định của pháp luật rất cụ thể và dẫn chiếu pháp luật rất nhiều lần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên liên quan:

Luật sư P cho rằng Thỏa thuận khung hợp đồng giữa hai công ty đã ghi rõ: Thẩm quyền thuộc về Hội đồng Trọng tài và áp dụng pháp luật Việt Nam, nên ý kiến của Công ty B cho rằng Hội đồng Trọng tài vi phạm tố tụng là không đúng.

Luật sư T đề nghị Hội đồng xét đơn xem xét Công ty B có mất quyền phản đối hay không. Trong trường hợp Công ty B đã mất quyền phản đối theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 01/2014 thì đề nghị Tòa bác yêu cầu của Công ty B. Trong suốt quá trình tố tụng, Công ty B đã không hề phản đối về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Các nội dung của Công ty B đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài không chính xác, không bám sát các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại. Công ty B hiểu không đầy đủ nội hàm và tính chất của các căn cứ luật định. Theo Sở tay Thẩm phán, nếu có vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài thì phải là vi phạm nghiêm trọng mới được hủy phán quyết trọng tài. Việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ thuộc về nội dung của Phán quyết trọng tài, Công ty B phát hiện các vi phạm của thủ tục tố tụng trọng tài nhưng vẫn tiếp tục để Hội đồng Trọng tài giải quyết, nên mất quyền phản đối. Các căn cứ đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty B không chứng minh được vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Công ty B không chứng minh được việc hủy phán quyết trọng tài thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại. Đề nghị Hội đồng xét đơn bác đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bên yêu cầu vì không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết:

+ Về thủ tục: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý hồ sơ và thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, VIAC, Bên yêu cầu và Bên liên quan đúng quy định của pháp luật, giải quyết vụ việc đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm g khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại. Tại phiên họp Hội đồng xét đơn yêu cầu đã thực hiện đúng quy định tại Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại. Tại phiên họp, Bên yêu cầu, Bên liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Trọng tài thương mại và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xét nội dung đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 của Công ty B: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận thấy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 đã phù hợp với quy định của pháp luật, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam do các bên có thỏa thuận trọng tài khi xảy ra tranh chấp, thỏa thuận này có hiệu lực. Tại phiên họp các đương sự đều có mặt để Hội đồng Trọng tài giải quyết, nên mất quyền phản đối. Hội đồng Trọng tài có quyền thu thập chứng cứ nếu thấy cần thiết, chứ không phải là nghĩa vụ của Hội đồng Trọng tài. Việc Công ty B cho rằng Hội đồng Trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là chưa đầy đủ và đây thuộc nội dung của Phán quyết Trọng tài. Phán quyết Trọng tài đã căn cứ vào thỏa thuận các bên trong hợp đồng, nên không có cơ sở hủy Phán quyết Trọng tài. Đề nghị Hội đồng xét đơn bác yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 của Công ty B. Công ty B phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu.

XÉT THẤY

1. Về thủ tục tố tụng:

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/12/2019 Công ty B nhận được Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam; Ngày 15/01/2020 Công ty B nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy phán quyết. Như vậy đơn khởi kiện được nộp trong thời hạn 30 ngày đúng quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

Ngày 26/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý việc kinh doanh thương mại số 02/2020/KTST về việc “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” đối với Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam giữa Công ty B và Công ty

NC, cùng ngày Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra Thông báo thụ lý yêu cầu hủy phán quyết trọng tài số 115/TBTL-TT và tổng đạt cho các bên liên quan.

2. Xét yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty B

Tranh chấp giữa Công ty B với Công ty NC phát sinh từ hoạt động đầu tư - mua, bán cổ phần riêng lẻ, đều nhằm mục đích lợi nhuận. Cả hai công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân. Xét Thỏa thuận khung hợp đồng ngày 15/7/2017 giữa Công ty B với Công ty NC do những người đại diện hợp pháp của hai công ty tham gia ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, theo Nguyên tắc của VIAC. Thỏa thuận trọng tài được lập bằng văn bản, có hình thức, nội dung phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, ngày 30/10/2019 Công ty B đã gửi văn bản đề nghị số 147/2019-PVC-CV ngày 28/10/2019 đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam và Hội đồng Trọng tài đề nghị thu thập những tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mua bán cổ phần riêng lẻ giữa Công ty B với Công ty NC mà Bộ X đang lưu giữ là những văn bản của Công ty NC và của Tổng Công ty S xin phép Bộ X thực hiện việc mua bán cổ phần theo cam kết tại Thỏa thuận khung hợp đồng nhằm chứng minh Công ty NC và Tổng Công ty S đã thực hiện các công việc xin phép Bộ X có đúng trình tự hay không. Vì những văn bản này của Công ty NC và Tổng Công ty S đưa ra Hội đồng Trọng tài không biết đã được gửi cho Bộ X hay chưa, và Bộ X đã trả lời cho Công ty NC và Tổng Công ty S như thế nào. Vì Công ty B thông qua Công ty Luật V đã đề nghị Bộ X cung cấp những tài liệu, chứng cứ nêu trên nhưng chưa được đáp ứng.

Nhưng Hội đồng trọng tài không thu thập những tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của Công ty B với lý do Công ty B không nêu rõ cụ thể những tài liệu, chứng cứ nào là chưa thỏa đáng. Hội đồng Trọng tài cũng không thu thập báo cáo tài chính của Công ty NC để xem xét việc Công ty NC có sử dụng hay không sử dụng số tiền 61 tỷ đồng mà Công ty B đã đặt cọc, mà những chứng cứ này có thể làm thay đổi bản chất sự việc, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty B, nên đã vi phạm khoản 2 Điều 46 Luật Trọng tài Thương mại: *“Theo yêu cầu của một hoặc các bên, Hội đồng trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp”* và khoản 2 Điều 19 Quy tắc Tổ tụng trọng tài *“Hội đồng Trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến vụ tranh chấp theo yêu cầu của một bên hoặc của các bên”*.

Từ việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn tới phán quyết của Hội đồng trọng tài chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan nên đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại quy định: *“Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật”*; *“Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình”*.

Xét Thỏa thuận khung hợp đồng ngày 15/7/2017 giữa Công ty B với Công ty NC, hai bên không có thỏa thuận Phán quyết Trọng tài không cần nêu những căn cứ để ra quyết định, nhưng Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam mới chỉ diễn giải và lập luận mà không viện dẫn bất kỳ một căn cứ nào, một điều luật nào, hay một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, rồi quyết định không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty B và buộc Công ty B phải chịu phí trọng tài là không tôn trọng sự thỏa thuận của Công ty B với Công ty NC, nên đã vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 61 Luật Trọng tài thương mại quy định về nội dung, hình thức và hiệu lực của Phán quyết Trọng tài: *“Căn cứ để ra phán quyết, trừ khi các bên có thỏa thuận không cần nêu căn cứ trong phán quyết”*.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét đơn thấy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam giữa Công ty B và Công ty NC trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, nên chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty B.

Về lệ phí: Công ty B phải chịu 500.000 đồng lệ phí về việc yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên

- Áp dụng Điều 414; Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 46; điểm đ khoản 1 Điều 61; điểm đ khoản 2 Điều 68; Điều 69; Điều 71; Điều 72 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty B:

Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 36/19 được lập ngày 18/12/2019 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

2. Về lệ phí:

Công ty B phải chịu 500.000 đồng lệ phí về việc yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài, được trừ vào 500.000 đồng lệ phí (đã nộp) theo biên lai số 0013981 ngày 25/02/2020 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày ký, các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Các bên;
- Hội đồng trọng tài;
- Cục thi hành án dân sự Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thái Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Số: 06/2020/QĐ-PQTT

Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc yêu cầu Hủy phán quyết trọng tài

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét đơn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hải Hà và ông Nguyễn Văn Dương

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 11 năm 2020 và ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố mở phiên họp giải quyết việc kinh doanh thương mại số 20/2020/TLST-KDTM ngày 18/9/2020 về việc Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Quyết định mở phiên họp số 131/2020/QĐST-KDTM ngày 02/10/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên họp số 145/2020/QĐST-KDTM ngày 16/11/2020, Thông báo về việc thay đổi lịch phiên họp số 2903/TB-TA ngày 30/11/2020 giữa:

- *Người yêu cầu:* Công ty TNHH Giày TP (viết tắt là Công ty TP); địa chỉ trụ sở: Thôn B, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; là bị đơn trong Phán quyết trọng tài;

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: Bà Đỗ Thị T, địa chỉ: Thôn 6, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền không đề ngày) và ông Đỗ Văn Q, địa chỉ: Số 18/233 NĐC, phường CD, quận LC, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 19/10/2020); đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ nghệ F (viết tắt là Công ty F); địa chỉ trụ sở: Thôn Bắc, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; là nguyên đơn trong Phán quyết trọng tài.

Người đại diện hợp pháp của người liên quan: Ông Lee YJ; chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

Người phiên dịch của ông Lee Youn Jin: Ông Vũ Sơn T, nơi cư trú: CHCC Packexim 2, ngách 6, ngõ 15 ADV, phường PT, quận TH, thành phố Hà Nội; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty F: Ông Nguyễn Thanh T - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hải Phòng, có mặt.

Căn cứ vào Điều 71 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo gồm:

- + Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 22/7/2020 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP;
- + Hợp đồng chuyển nhượng Dự án số FJ201607011 ký ngày 20/6/2017 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH JMV;
- + Các tài liệu, chứng cứ khác có liên quan,

Sau khi xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty TNHH Giày TP đối với Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 22/7/2020 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP liên quan đến tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng Dự án số FJ201607011 ký ngày 20/6/2017 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH JMV.

NỘI DUNG VIỆC YÊU CẦU

HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI:

Nội dung Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 22/7/2020 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP đã quyết định: Bị đơn (Công ty Giày TP) phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn (Công ty Kỹ nghệ F) tổng số tiền 27.147.313.639 đồng; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn phải thanh toán 3.230.339.709,15 đồng chi phí thuê luật sư.

Theo đơn yêu cầu đề ngày 20/8/2020 của người yêu cầu là Công ty TNHH Giày TP và những người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 22/7/2020, Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã ra Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP (viết tắt là Phán quyết trọng tài) liên quan đến tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng Dự án số FJ201607011 ký ngày 20/6/2017 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH JMV (viết tắt là Hợp đồng).

Công ty TNHH Giày TP là Công ty TNHH MTV được thay đổi tên doanh nghiệp từ Công ty TNHH JMV do việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của chủ sở hữu từ tổ chức JM Co., Ltd quốc tịch Hàn Quốc sang chủ sở hữu là tổ chức John's Group Limited quốc tịch Hồng Kong - Trung Quốc vào ngày 23/3/2020. Do việc thay đổi chủ sở hữu, thay đổi đại diện theo pháp luật, bộ máy nhân sự cấp quản lý và đổi tên doanh nghiệp nên việc khởi kiện của Công ty TNHH Kỹ nghệ F đối với Công ty TNHH JMV là một sự bất ngờ và khó khăn cho Công ty trong việc tiếp nhận các thông tin và xử lý thông tin liên quan đến các hoạt động doanh nghiệp của chủ sở hữu trước đây. Trong khi đang thảo luận giữa 2 chủ sở hữu cũ và mới để xác định trách nhiệm và tư cách để tham gia vụ kiện vì các thông báo và Giấy triệu tập của VIAC đều gửi cho Công ty Giày TP và Công ty JMV thì Hội đồng

trọng tài đã triệu tập để tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp. Trước khi Hội đồng trọng tài mở phiên họp và tuyên bố phiên họp cuối cùng vào ngày 27/6/2020 thì cũng vẫn chưa chính thức xác định rõ được bị đơn là ai nên Công ty không có đủ các thông tin, sự chuẩn bị để tham gia vụ kiện của Công ty Kỹ nghệ F. Ngày 25/7/2020, Công ty Giày TP nhận được Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 đề ngày 22/7/2020 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP liên quan đến tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng chuyển nhượng Dự án số FJ201607011 được ký ngày 20/6/2017. Sau khi xem xét lại toàn bộ sự việc, tài liệu, hồ sơ vụ tranh chấp, những nhận thức pháp luật trước đây của chủ sở hữu trước và sau khi chuyển nhượng vốn đều cho rằng, đối với việc chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì không phải kê khai, nộp thuế GTGT cũng như đối chiếu các quy định của pháp luật; Công ty thấy rằng Phán quyết trọng tài không khách quan, không công bằng; vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài theo thỏa thuận của các bên; phán quyết có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nên buộc phải hủy bỏ. Các cơ sở để hủy phán quyết trọng tài:

Thứ nhất, theo Hợp đồng chuyển nhượng Dự án “Sản xuất, gia công giày và các phụ kiện ngành giày” số FJ201607011 được ký kết giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH JMV ngày 20/6/2017 thì tại Điều 2 của Hợp đồng thể hiện: “2.2 Giá trị chuyển nhượng: 143.191.249.647 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ, một trăm chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Giá này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%”. Theo chủ sở hữu vốn góp của Công ty JMV và người đại diện của Công ty trước khi chuyển nhượng phần vốn góp và đổi tên thành Công ty TNHH Giày TP như hiện nay thì giữa hai bên đã thảo luận về vấn đề việc chuyển nhượng dự án có phải kê khai nộp thuế GTGT hay không? Nếu không phải kê khai nộp thuế GTGT 10% thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không phải trả cho bên chuyển nhượng (Công ty Kỹ nghệ F) số tiền thuế này tương ứng với khoản tiền 13.099.164.500 đồng mà theo thỏa thuận trong Hợp đồng sẽ phải trả lần cuối (nếu việc chuyển nhượng phải chịu thuế GTGT). Tuy nhiên, phía Công ty JMV sau khi đối chiếu các quy định pháp luật về thuế GTGT thì thấy rằng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và Công văn số 5210/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 08/12/2015 gửi đến Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì trường hợp của Công ty JMV nhận chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì sẽ không phải kê khai, nộp thuế GTGT. Công ty Kỹ nghệ F cũng đã kê khai khấu trừ thuế GTGT cho các khoản đầu tư vào dự án và ngày 21/9/2017 đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH JMV cũng không ghi thuế GTGT mà chỉ ghi tổng số tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng (số tiền này đã bao gồm cả 10% thuế GTGT). Do đó, phía Công ty JMV xác định việc chuyển nhượng dự án đầu tư sẽ không phải nộp thuế GTGT 10% nên số tiền thỏa thuận trả lần cuối liên quan

đến khoản tiền thuế GTGT là 13.099.164.500 đồng sẽ không phải trả cho Công ty Kỹ nghệ F. Việc Công ty Kỹ nghệ F xuất hóa đơn mà không trừ đi khoản thuế GTGT 10% là đúng với quy định của pháp luật vì khoản tiền thuế mà bên nhận chuyển nhượng phải nộp là nộp cho Nhà nước mà phía chuyển nhượng chỉ là đơn vị nộp thay chứ không phải là khoản tiền mà bên chuyển nhượng được thụ hưởng. Công ty Giày TP đồng quan điểm với Công ty trước đây.

Phán quyết trọng tài không xem xét đến nội dung thỏa thuận về giá chuyển nhượng bao gồm cả thuế GTGT 10%, trong khi thuế GTGT theo quy định là không phải nộp nhưng vẫn phán quyết cho Công ty Kỹ nghệ F được thụ hưởng là không đúng quy định của pháp luật, không đúng thẩm quyền của Hội đồng trọng tài quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 vì khoản thuế GTGT đương nhiên phải nộp vào Ngân sách Nhà nước mà không phụ thuộc vào phán quyết trọng tài. Ngoài ra, Phán quyết trọng tài đã không xem xét nội dung Hợp đồng thể hiện giá trị chuyển nhượng là 143.191.249.647 đồng đã bao gồm thuế GTGT 10% nhưng Hội đồng trọng tài đã phán quyết buộc Công ty Giày TP phải trả cho Công ty Kỹ nghệ F thụ hưởng số tiền 13.099.164.500 đồng tương ứng với khoản tiền thuế GTGT 10%, tính lãi suất chậm trả và tính khoản phí dịch vụ thuê luật sư trong khi thỏa thuận hợp đồng không quy định là không khách quan và công bằng. Việc Phán quyết trọng tài không xem xét đến quy định khi chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì sẽ không phải kê khai, nộp thuế GTGT nhưng vẫn buộc Công ty Giày TP phải trả khoản tiền 13.099.164.500 đồng (tương ứng 10% thuế GTGT) là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014.

Thứ hai, thủ tục trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với quy định của Luật Trọng tài Thương mại theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại và điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014; bởi: Theo khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng thì “Địa điểm trọng tài là thành phố Hải Phòng”. Tuy nhiên, ngày 29/05/2020, Hội đồng trọng tài lại Quyết định và phát hành Giấy triệu tập số 575/VIAC yêu cầu các bên trong tranh chấp có mặt tại “Trụ sở Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam - Tầng 6, Tòa nhà VCCI, 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam” là khác với thỏa thuận trọng tài của hai bên nên việc triệu tập phiên họp này là không hợp lệ và không có giá trị. Đến ngày 15/6/2020, Hội đồng trọng tài lại có văn bản số 628/VIAC về việc Thông báo hoãn và Giấy triệu tập, theo đó Hội đồng trọng tài quyết định hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp đã được ấn định vào ngày 20/6/2020 tại trụ sở VIAC và tổ chức phiên họp vào ngày 27/6/2020 tại địa điểm Khách sạn Imperial Boat - Số 48 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng

Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Như vậy, có thể thấy Hội đồng trọng tài có ý sửa chữa về địa điểm theo đúng thỏa thuận về địa điểm trọng tài của các bên. Việc điều chỉnh địa điểm trọng tài để phù hợp với thỏa thuận trọng tài của các bên theo Hợp đồng thì phải được xem là quyết định ấn định Phiên họp giải quyết tranh chấp lần đầu và Giấy triệu tập đến tham gia Phiên họp giải quyết tranh chấp phải được xem là Giấy triệu tập lần đầu chứ không thể áp dụng theo quy định của việc hoãn phiên họp vì đây là địa điểm các đương sự được triệu tập đến lần đầu. Theo khoản 2 Điều 54 Luật Trọng tài thương mại thì “Giấy triệu tập tham dự phiên họp phải được gửi cho các bên chậm nhất 30 ngày trước ngày mở phiên họp”. Theo khoản 2 Điều 25 Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC thì “Giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ các bên có thỏa thuận khác”. Như vậy, Giấy triệu tập số 628/VIAC ngày 15/6/2020 mặc dù đã đúng thỏa thuận về địa điểm trọng tài nhưng không bảo đảm về thời hạn của Giấy triệu tập vì tính từ ngày ký văn bản đến ngày tổ chức phiên họp mới chỉ có 12 ngày.

Do đó, có đủ căn cứ để hủy phán quyết trọng tài theo các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại và các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014.

Theo văn bản trình bày ý kiến, quan điểm trình bày tại phiên họp của Công ty TNHH Kỹ nghệ F và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty thể hiện: Công ty Kỹ nghệ F không đồng ý với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty Giày TP, vì những lý do sau:

- Về thời hiệu yêu cầu hủy phán quyết trọng tài: Theo Điều 69 Luật Trọng tài thương mại thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài thì một trong các bên có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Theo đó, trong đơn yêu cầu Công ty TP đã thừa nhận việc nhận được Phán quyết trọng tài vào ngày 25/7/2020 nhưng đến ngày 25/8/2020 Công ty Giày TP mới nộp đơn yêu cầu tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thì thời hiệu yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đã hết, đã quá hạn 01 ngày nên Công ty Giày TP đã hết quyền yêu cầu.

- Về nội dung vụ tranh chấp: Theo khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại quy định: “4. Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết” và theo hướng dẫn cụ thể tại khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 quy định: “2. Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà cần kiểm tra phán quyết trọng tài có thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại hay không”. Theo đó, Tòa án khi xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài sẽ không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết; trong khi đó, lý do thứ nhất Công ty Giày TP đưa ra hoàn toàn thuộc nội dung vụ tranh chấp nên đề nghị

Tòa án bác bỏ toàn bộ những lý do mà Công ty Giày TP đưa ra liên quan đến nội dung vụ tranh chấp.

Mặt khác, đối với Hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên được ký kết ngày 20/6/2017, sau khi ký kết hợp đồng, các bên không có bất kỳ ý kiến tranh chấp hay phản đối nào về giá trị chuyển nhượng dự án cũng như các nội dung khác đã được thỏa thuận trong Hợp đồng. Hai bên đã công nhận giá trị chuyển nhượng dự án được thỏa thuận trong Hợp đồng là hơn 143 tỷ đồng và không có bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào cho Hợp đồng hay có thỏa thuận khác cho rằng tiền thanh toán lần thứ ba là tiền thuế Giá trị gia tăng. Khi tiến hành kiểm toán kết thúc năm tài chính 2019, vào ngày 01/4/2020 và ngày 15/4/2020, Công ty JMV (nay là Công ty Giày TP) đã có văn bản xác nhận số dư nợ gửi Công ty F nhằm mục đích kiểm toán thể hiện, dư nợ mà Công ty Giày TP còn nợ Công ty F là khoảng 21,5 tỷ đồng. Vì vậy, Hợp đồng không có bất kỳ tranh chấp nào về các nội dung đã được thỏa thuận trong Hợp đồng, nếu có tranh chấp thì thời hiệu khởi kiện của Công ty JMV (nay là Công ty Giày TP) cũng đã hết.

- Về tổ tụng trọng tài:

+ Về tư cách tham gia tổ tụng trọng tài: Mặc dù bị đơn thay đổi tên doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên mã số doanh nghiệp nên Công ty Giày TP hiện tại sau khi chuyển đổi chủ sở hữu và Công ty JMV trước đây là cùng một doanh nghiệp.

+ Về việc kế thừa nghĩa vụ của Công ty Giày TP đối với Hợp đồng chuyển nhượng: Theo Điều 5 Luật Trọng tài thương mại thì khi nhận chuyển nhượng vốn góp từ Công ty JMV và chuyển tên doanh nghiệp thành Công ty Giày TP thì Công ty Giày TP là tổ chức nhận chuyển giao, tiếp nhận, kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty JMV trước đây nên thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với Công ty TP. Đồng thời, khi nhận chuyển nhượng vốn góp từ Công ty JMV, Công ty Giày TP buộc phải biết các nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính của Công ty JMV được ghi nhận trong Báo cáo tài chính và thông qua việc kiểm toán của Công ty. Thêm nữa, khi chuyển nhượng vốn góp thì Công ty TP bắt buộc phải thực hiện các trình tự, thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 về hướng dẫn đăng ký thuế. Do đó, việc bị đơn cho rằng bị bất ngờ về trách nhiệm trong tranh chấp hợp đồng thuộc chủ sở hữu mới hay cũ là không hoàn toàn đúng sự thật và không có cơ sở. Mặt khác, bị đơn không có bất cứ ý kiến phản đối nào trong thời hạn quy định theo Văn thư số 459/VIAC của Trung tâm trọng tài về việc yêu cầu bị đơn nêu ý kiến về tư cách pháp lý của mình.

+ Về thời hạn gửi Giấy triệu tập: Theo Điều 54 Luật Trọng tài thương mại thì do các bên không có thỏa thuận khác về thời hạn gửi giấy triệu tập phiên họp

nên quy định theo Điều 25 của Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam để làm cơ sở xác định thời hạn gửi Giấy triệu tập. Theo đó, Giấy triệu tập tham dự phiên họp được gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp và trường hợp hoãn phiên họp hoặc Hội đồng trọng tài quyết định mở phiên họp tiếp theo thì thời hạn gửi giấy triệu tập do Hội đồng trọng tài quyết định. Như vậy, trường hợp hoãn phiên họp, Hội đồng trọng tài có quyền ấn định thời hạn gửi giấy triệu tập họp cho các bên nên lý do hủy phán quyết trọng tài do thời hạn gửi giấy triệu tập chưa đủ 15 ngày trước ngày mở phiên họp mà Công ty Giày TP đưa ra là không phù hợp, không có căn cứ.

+ Về thời hạn hoãn phiên họp: Theo Điều 57 Luật Trọng tài thương mại thì thời hạn hoãn phiên họp do Hội đồng trọng tài quyết định, do đó, Hội đồng trọng tài có quyền quyết định thời hạn hoãn phiên họp cũng như thời gian mở lại phiên họp giải quyết tranh chấp. Ngoài ra, bị đơn đã nhận được đầy đủ, hợp lệ các Thông báo, Giấy triệu tập, các tài liệu văn bản về vụ tranh chấp nhưng không có bất kỳ phản đối nào trong thời hạn quy định nên mất quyền phản đối về vấn đề này.

+ Về việc bên yêu cầu mất quyền phản đối: Công ty Giày TP đã hoàn toàn mất quyền phản đối tại Tòa án và Trọng tài đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan tới tố tụng trọng tài; theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và Điều 38 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Bởi lẽ, trong suốt quá trình tố tụng, Hội đồng trọng tài đã thông báo, gửi hợp lệ, đầy đủ các tài liệu, hồ sơ vụ tranh chấp theo quy định nhưng bị đơn đã không có bất kỳ phản đối nào đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC. Trong đơn yêu cầu cũng thể hiện Công ty Giày TP đã nhận được các văn bản do Trung tâm trọng tài gửi. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng cho đến khi Phán quyết trọng tài có hiệu lực ngày 22/7/2020, Công ty Giày TP không có bất kỳ ý kiến nào, không có bất kỳ phản đối nào liên quan đến vấn đề tố tụng trọng tài. Do đó, thời hạn phản đối đã hết nên công ty Giày TP hoàn toàn mất quyền phản đối tại Trọng tài và Tòa án đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến tố tụng trọng tài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

Người yêu cầu đề nghị hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 giữa Công ty TNHH kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam với lý do:

Thứ nhất, Hội đồng Trọng tài (viết tắt là HĐTT) giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của trọng tài quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại (TTTM) và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao vì khoản tiền thuế VAT (nếu phải nộp) thì đương nhiên phải nộp vào ngân sách nhà nước mà không phụ thuộc vào phán quyết của trọng tài, Điều này trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Kiểm sát viên xét thấy: tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 20/6/2017, thể hiện giá trị chuyển nhượng là 143.191.249.467 đồng (giá này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Tuy nhiên, tại hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT/VAT) số 0000108 ngày 21/9/2017 do Công ty TNHH Kỹ nghệ F lập đã ghi giá trị thanh toán là 143.191.249.467 đồng (dòng thuế VAT gạch bỏ). Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT: *“Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã”*. Như vậy, việc Công ty TNHH F chuyển nhượng dự án cho Công ty TNHH JMV (từ ngày 23/3/2020 chuyển đổi thành Công ty TNHH TP) không phải nộp thuế VAT thì thỏa thuận của các bên tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng dự án ngày 20/6/2017 là thỏa thuận trái quy định của pháp luật (khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính). Quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng các bên đương sự không thực hiện việc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng, không ký kết bất cứ một phụ lục hợp đồng nào khác (Tại mục 9.2 Điều 9 của Hợp đồng chuyển nhượng dự án 20/6/2017 các bên đã thống nhất thỏa thuận: *Các sửa đổi và bổ sung của Hợp đồng chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và được ký bởi đại diện... của cả hai bên và được công chứng...*). Do đó, việc HĐTT chấp nhận nội dung thỏa thuận trái pháp luật tại Hợp đồng chuyển nhượng dự án buộc Công ty TP phải trả cho Công Ty F trên 13 tỷ tiền thuế VAT là không đúng, trái với nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 11 Luật Thương mại: *“1. Các bên có quyền tự do thỏa thuận không trái với các quy định của pháp luật, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ các quyền đó.”*

Thứ hai, Công ty TP cho rằng thủ tục trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật TTTM theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật TTTM và điểm b khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao số 01/2014/NQ-HĐTP bởi lẽ: Ban đầu, HĐTT xác định địa điểm Trọng tài không đúng quy định của thỏa thuận giữa các bên (các bên thỏa thuận địa điểm trọng tài tại Hải Phòng nhưng theo Giấy triệu tập phiên họp đề ngày 29/5/2020, HĐTT lại thông báo địa điểm trọng tài tại Hà Nội). Đến ngày 15/6/2020, HĐTT có Văn bản số 628 thông báo hoãn và giấy triệu tập, theo đó HĐTT hoãn phiên họp ngày 20/6/2020 và ấn định lại vào 27/6/2020 tại Hải Phòng. Như vậy, HĐTT đã sửa chữa những sai lầm về địa điểm để trả lại theo đúng thỏa thuận về địa điểm trọng tài giữa hai bên. Việc này phải được xem là quyết định ấn định phiên họp giải quyết tranh chấp lần đầu và Giấy triệu tập đến tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp lần này phải được xác định là lần đầu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC thì giấy

triệu tập phải được gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp” do vậy, việc triệu tập theo văn bản ngày 15/6/2020 đến ngày 27/6/2020 mở phiên họp là chưa đủ 15 ngày theo quy định trên. Do đó, xác định có vi phạm về thủ tục trọng tài. Do đó, theo điểm b khoản 2 Điều 68 Luật TTTM, đề nghị Tòa án hủy phán quyết trọng tài.

Kiểm sát viên xét thấy ý kiến này của người yêu cầu một phần có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Tại mục 8.2 Điều 8 Hợp đồng chuyển nhượng dự án các bên đã có thỏa thuận: “Địa điểm trọng tài là Thành phố Hải Phòng”. Tuy nhiên HĐTT đã ra ban hành và gửi tới các đương sự Giấy triệu tập số 575 ngày 29/5/2020 về tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp số 02/20 vào 8h45 phút ngày 20/6/2020 tại địa điểm: Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (Tầng 6 Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội). Giấy triệu tập này đảm bảo quy định về thời hạn theo quy định của Điều 54 Luật TTTM và khoản 2 Điều 25 Quy tắc trọng tài của VIAC (15 ngày trước ngày mở phiên họp), tuy nhiên không đúng về địa điểm trọng tài, vi phạm quy định tại Điều 11 LTTM, Điều 22 Quy tắc tổ tụng trọng tài. Tại Điều 11 Luật TTTM quy định về đại điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài: *Các bên có quyền thỏa thuận địa điểm trọng tài giải quyết tranh chấp; Trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định....* Tại Điều 22 Quy tắc tổ tụng trọng tài quy định: *Địa điểm trọng tài do các bên thỏa thuận...* Đến ngày 15/6/2020, HĐTT có Văn bản số 628 thông báo và giấy triệu tập, theo đó HĐTT hoãn phiên họp ngày 20/6/2020 và ấn định lại vào 27/6/2020 tại Hải Phòng. Thông báo hoãn phiên họp không nêu lý do theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (thực chất là để khắc phục sai phạm về địa điểm trọng tài). Việc Trung tâm trọng tài tự sửa sai, triệu tập lại theo văn bản 628 ngày 15/6/2020 đến ngày 27/6/2020 mở phiên họp là chưa đủ 15 ngày theo quy định trên. Như vậy, có căn cứ xác định phán quyết trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản quy định tại Điều 11 Luật thương mại; thủ tục tổ tụng trọng tài có phần không phù hợp với thỏa thuận của các bên, trái với quy định tại Điều 11 Luật Trọng tài Thương mại, Điều 22 và khoản 1 Điều 26 Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng áp dụng Điều 68, Điều 71 Luật Trọng tài thương mại: Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Giày TP về việc hủy phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP do phán quyết trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 11 Luật Thương mại. Về lệ phí giải quyết yêu cầu Hủy phán quyết trọng tài: Công ty TNHH TP phải nộp 500.000 đồng, theo quy định khoản 3 Điều 39 Nghị quyết 326, Danh mục lệ phí Tòa án (Mục B Phần 2 mục 2 điểm a).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc kinh doanh thương mại được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng xét đơn nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Theo khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 414 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và điểm g khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại thì việc xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi Hội đồng trọng tài đã tuyên phán quyết trọng tài. Theo đó, phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP được tuyên tại Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hạn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài: Ngày 22/7/2020, Hội đồng trọng tài đã ra Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20; Công ty Giày TP vắng mặt tại phiên họp giải quyết tranh chấp. Theo đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty TP có ghi ngày 25/7/2020 Công ty nhận được Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 22/7/2020. Nhưng theo trình bày của Công ty Giày TP trong quá trình giải quyết yêu cầu và theo kết quả Tòa án tra cứu định vị bưu gửi thể hiện đến ngày 27/7/2020, Công ty mới nhận được Phán quyết trọng tài. Ngày 25/8/2020, Công ty Giày TP có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Căn cứ theo khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài thương mại thì đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty Giày TP vẫn còn trong thời hạn luật định nên được xem xét.

- Về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài:

[3] Đối với khiếu nại về địa điểm giải quyết tranh chấp: Theo khoản 1 Điều 11 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Các bên có quyền thỏa thuận địa điểm giải quyết tranh chấp; trường hợp không có thỏa thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định...” và theo khoản 1 Điều 22 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài Quốc tế quy định: “Địa điểm trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định địa điểm trọng tài mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp”. Theo hợp đồng, các bên đều thống nhất lựa chọn địa điểm trọng tài là thành phố Hải Phòng.

[4] Ngày 29/5/2020, Hội đồng trọng tài quyết định và phát hành Giấy triệu tập số 575/VIAC ấn định địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp là tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (tầng 6, tòa nhà VCCI, 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội) là không đúng với thỏa thuận của các bên, vi phạm nguyên tắc trọng tài. Tuy nhiên, đến ngày 15/6/2020, Hội đồng trọng tài đã có Thông báo hoãn và Giấy triệu tập số 628/VIAC ấn định địa điểm tổ chức phiên họp tại thành phố Hải Phòng là đã phù hợp với thỏa thuận của các bên. Đây là địa điểm ra Phán quyết trọng tài nên phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, mặc dù địa điểm

trọng tài ban đầu do Hội đồng trọng tài ấn định đã vi phạm quy định pháp luật và quy tắc trọng tài của Trung tâm nhưng đã được Hội đồng trọng tài khắc phục, thay đổi cho phù hợp với thỏa thuận trọng tài và các quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này của Công ty Giày TP.

[5] Đối với khiếu nại về thời gian tổng đạt Giấy triệu tập: Theo khoản 2 Điều 54 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác hoặc quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài không có quy định khác, giấy triệu tập tham dự phiên họp phải được gửi cho các bên chậm nhất 30 ngày trước ngày mở phiên họp”, đồng thời theo khoản 2 Điều 25 Quy tắc Trọng tài của Trung tâm trọng tài Quốc tế thì giấy triệu tập tham dự phiên họp giải quyết vụ tranh chấp được Trung tâm gửi cho các bên chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên họp, trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Theo đó, do các bên không có thỏa thuận về thời hạn gửi Giấy triệu tập nên thời hạn được thực hiện theo quy tắc trọng tài của Trung tâm là 15 ngày. Theo Giấy triệu tập số 575/VAIC ngày 29/5/2020 đã ấn định thời gian tổ chức phiên họp vào ngày 20/6/2020 là đảm bảo thời hạn gửi cho các bên. Tuy nhiên, phiên họp vào ngày 20/6/2020 không được diễn ra theo Thông báo hoãn và Giấy triệu tập số 628/VIAC ngày 15/6/2020, theo khoản 2 Điều 25 Quy tắc Trọng tài của Trung tâm trọng tài Quốc tế có quy định trường hợp hoãn phiên họp hoặc Hội đồng Trọng tài quyết định mở phiên họp tiếp theo, thời hạn gửi giấy triệu tập do Hội đồng trọng tài quyết định, trừ khi các bên có thỏa thuận khác; do các bên không có thỏa thuận về thời hạn gửi Giấy triệu tập nên Hội đồng trọng tài ấn định thời gian mở lại phiên họp (12 ngày kể từ ngày ra Thông báo) là không vi phạm quy tắc trọng tài nên không chấp nhận yêu cầu này của Công ty Giày TP.

[6] Đối với khiếu nại về việc hoãn phiên họp: Theo Thông báo hoãn và Giấy triệu tập số 628/VIAC ngày 15/6/2020 thể hiện lý do hoãn phiên họp là theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài và căn cứ vào Điều 25, Điều 26 Quy tắc tố tụng trọng tài. Căn cứ theo Điều 26 Quy tắc tố tụng trọng tài thì Hội đồng trọng tài có thể xem xét hoãn phiên họp khi một hoặc các bên có yêu cầu khi có lý do chính đáng hoặc do trường hợp có trở ngại khách quan. Theo các tài liệu do các bên cung cấp, không có tài liệu thể hiện lý do hoãn phiên họp theo đề nghị của các bên hay do trở ngại khách quan. Do đó, việc hoãn phiên họp của Hội đồng trọng tài là chưa đảm bảo thực hiện đúng Quy tắc tố tụng trọng tài. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, Công ty Giày TP không đưa ra yêu cầu về việc xem xét lý do hoãn phiên họp nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này của Công ty.

[7] Mặt khác, theo Điều 13 Luật Trọng tài thương mại, Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, Điều 38 Quy tắc tố tụng trọng tài đã quy định trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án, thời hạn thực hiện việc phản đối phải thực hiện trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết vụ tranh chấp là phiên họp cuối cùng. Tại các tài liệu

cung cấp cho Tòa án đã thể hiện Công ty Giày TP đã nhận được các văn bản, Giấy triệu tập, Thông báo hoãn; tuy nhiên, Công ty Giày TP không có bất kỳ ý kiến gì gửi cho Hội đồng trọng tài trước thời điểm Hội đồng trọng tài tuyên bố phiên họp giải quyết tranh chấp là phiên họp cuối cùng. Do đó, Công ty Giày TP đã mất quyền phản đối đối với các vi phạm tại quá trình tố tụng trọng tài. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài do thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại.

[8] Về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Đối với việc xác định Công ty Giày TP phải trả cho Công ty Kỹ nghệ F tiền thuế GTGT là một trong những nội dung giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài. Mặt khác, việc giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài đều dựa trên cơ sở Hợp đồng giữa hai bên và các quy định của pháp luật. Toàn bộ các điều khoản của Hợp đồng đều dựa trên nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận của các bên nhưng các bên đang có tranh chấp về điều khoản của hợp đồng về giá chuyển nhượng bao gồm cả thuế GTGT 10%, đây là trường hợp phát sinh khi bên chuyển nhượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, việc giải quyết, xem xét quyết định liên quan đến nội dung này phải xem xét đến nội dung tranh chấp nên không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Mặt khác, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại hướng dẫn về việc áp dụng việc hủy phán quyết trọng tài vì lý do phán quyết trọng tài vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam có hướng dẫn: “Tòa án chỉ hủy phán quyết trọng tài sau khi đã chỉ ra được rằng phán quyết trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà Hội đồng trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành phán quyết trọng tài và phán quyết trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba”. Theo đó, do các bên đang có tranh chấp về thuế GTGT trong khi Hợp đồng không quy định cụ thể trường hợp nếu bên chuyển nhượng không phải nộp thuế GTGT sẽ được giải quyết như thế nào nên đây không phải là nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Theo khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại và khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP thì khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của Công ty Giày TP.

[9] Từ những phân tích trên, đồng thời căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại thì Hội đồng xét đơn yêu cầu của Công ty TNHH Giày TP thấy không có căn cứ để hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 25/7/2020 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC).

[10] Về lệ phí giải quyết yêu cầu: Công ty TNHH Giày TP là người có đơn yêu cầu xem xét hủy phán quyết trọng tài nên phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 414, Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 7, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại; căn cứ Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Điều 39 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 02/20 ngày 22/7/2020 giữa Công ty TNHH Kỹ nghệ F và Công ty TNHH Giày TP của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam.

2. Về lệ phí: Công ty TNHH Giày TP phải chịu 500.000 đồng lệ phí yêu cầu Tòa án xem xét lại phán quyết của Hội đồng trọng tài.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên quyết định (Các đương sự, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị).

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng
- THADS TP Hải Phòng;
- Hội đồng trọng tài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Thị Thu Hà

Số: 537/2023/QĐ-PQTT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Kim Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Trần Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 206/KDTMST ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 670/2023/QĐ-MPH ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp số 2658/2023/QĐST-KDTM ngày 09/03/2023;

Căn cứ vào Điều 71 của Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu gồm: Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 66/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập ngày 15/11/2022, Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 0049/2021/HĐTV-PECC3 ngày 11/03/2021;

Sau khi xem xét đơn yêu cầu và nội dung trình bày của người đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H về yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 66/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập ngày 15/11/2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là phán quyết trọng tài) giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 0049/2021/HĐTV-PECC3 ngày 11/03/2021 (gọi tắt là hợp đồng), giữa :

- **Người yêu cầu:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H; Địa chỉ: 299B11 Khu Biệt thự G, đường N, phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy P là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/11/2022)

(Là bị đơn trong phán quyết)

- **Người liên quan:** Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đ, Địa chỉ: 32 N, Phường S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc Đ, ông Nguyễn Nam T, bà Nguyễn Thị U, bà Phạm Trần Bảo K là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền số 551/GUQ-TVĐ3 ngày 03/3/2023).

(Là nguyên đơn trong phán quyết)

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG YÊU CẦU VÀ CĂN CỨ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI:

Nội dung tranh chấp và yêu cầu:

Ngày 11/3/2021, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đ (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H (gọi tắt là bị đơn) ký hợp đồng dịch vụ tư vấn số 0049/2021/HĐTV-PECC3 ("Hợp đồng"), để nguyên đơn thực hiện công tác lập phương án đầu nối và tính toán trao lưu công suất phục vụ hồ sơ bổ sung vào quy hoạch điện lực cho dự án nhà máy điện mặt trời W ("dự án").

Nguyên đơn cho rằng đã thực hiện xong phần công việc của mình nên yêu cầu bị đơn thanh toán đợt 1 và 2 tương ứng với số tiền là 220.000.000 đồng và 198.000.000 đồng như đã quy định HĐ nhưng không được bị đơn thực hiện, nên khởi kiện đến VIAC để yêu cầu giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện thanh toán tổng số tiền là 418.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng: Theo Điều 7.1 Hợp đồng quy định "Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết và Tư vấn nhận được thanh toán đợt 1 từ Khách hàng theo như quy định tại Điều 5.2.1, Điều 5 Hợp đồng này". Do bị đơn chưa thực hiện thanh toán đợt 1 nên Hợp đồng vẫn chưa có hiệu lực. Vì vậy bị đơn phản đối việc nguyên đơn căn cứ Hợp đồng về thỏa thuận giải quyết tại trọng tài để khởi kiện bị đơn ra trọng tài và không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nội dung phán quyết trọng tài:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau: a) Tiền dịch vụ tư vấn còn thiếu là 418.000.000 đồng; b) Phí trọng tài là 40.576.000 đồng.

Ngoài ra phán quyết còn tuyên về nghĩa vụ thi hành phán quyết trọng tài của các đương sự.

Nội dung yêu cầu và căn cứ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bị đơn - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H tại phiên họp:

Phán quyết trọng tài trái với nguyên tắc cơ bản như sau:

- Phán quyết áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự về hiệu lực hợp đồng mà không căn cứ vào thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng;

- Phán quyết chấp nhận chứng cứ của nguyên đơn là "phiếu gửi của Saigonpost" trong đó chỉ thể hiện các thông tin địa chỉ người gửi, địa chỉ người nhận, trọng lượng, thời gian, họ tên nhân viên phát, chữ ký người nhận để làm

cơ sở khẳng định thay cho bên nguyên đơn là trong bưu kiện có đầy đủ các sản phẩm tư vấn, từ đó kết luận nguyên đơn đã hoàn thành sản phẩm theo hợp đồng là vô lý, mang tính áp đặt.

Từ những cơ sở trên, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H căn cứ quy định tại điểm d. đ khoản 2, khoản 3 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại đề yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài.

XÉT THẤY:

Sau khi xem xét đơn, các tài liệu kèm theo và nghe ý kiến của những người được triệu tập, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài thương mại thì đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H trong thời hạn luật định.

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 31; điểm a khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm g khoản 2 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại thì yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H

[4] Bộ luật Dân sự 2015 quy định như sau:

Tại khoản 2 Điều 3 quy định về Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự: *"2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng."*

Tại khoản 1 Điều 401 quy định về Hiệu lực của hợp đồng: *"1. Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác."*

[5] Điều 7.1 Hợp đồng quy định *"Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được hai bên ký kết và Tư vấn nhận được thanh toán đợt 1 từ Khách hàng theo như quy định tại Điều 5.2.1, Điều 5 Hợp đồng này"*

[6] Phán quyết trọng tài (tại mục 48, mục 55 và mục 56) xác định hợp đồng không vi phạm hình thức, không trái đạo đức xã hội, không bị yêu cầu tuyên bố vô hiệu nên phát sinh hiệu lực tại thời điểm giao kết là chưa xem xét đầy đủ thỏa thuận của các bên tại Điều 7.1 Hợp đồng, do vậy nhận định trong phán quyết trọng tài về thời điểm phát sinh hiệu lực của hợp đồng là trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, thuộc một trong các trường hợp bị hủy theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại. Vì vậy, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H là có cơ sở. Những khiếu nại khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H thuộc về nội dung vụ tranh chấp nên hội đồng xét đơn không xem xét.

[7] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng H. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 66/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập ngày 15/11/2022.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành. Các bên, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TT Trọng tài VIAC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngô Thanh Nhân

